

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG THÙY VÂN

GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ
CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG THÙY VÂN

**GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ
CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC

Mã số: 9310201

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



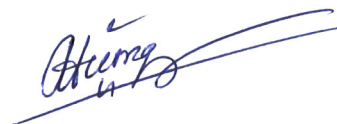
PGS, TS. TRỊNH THỊ XUYỀN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS, TS. PHẠM QUỐC THÀNH



2. TS. BÙI VIỆT HƯƠNG



HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN



Đặng Thùy Vân

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
NỘI DUNG.....	9
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	9
1.1. Nghiên cứu về kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị của các tác giả nước ngoài.....	9
1.2. Nghiên cứu về kỹ trị và tinh hoa kỹ trị của các tác giả Việt Nam	29
1.3. Kết quả của các nghiên cứu và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu	35
Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ.....	40
2.1. Một số vấn đề lý luận về kỹ trị	40
2.2. Một số vấn đề cơ bản về giới tinh hoa và tinh hoa kỹ trị	47
2.3. Đời sống chính trị và giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị	64
Chương 3: GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ NHẬT BẢN, SINGAPORE, TRUNG QUỐC	74
3.1. Giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị Nhật Bản	74
3.2. Giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị của Singapore.....	100
3.3. Giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị Trung Quốc	126
Chương 4: MỘT SỐ NHẬN XÉT, TRIỂN VỌNG, THÁCH THỨC CỦA GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ Ở NHẬT BẢN, SINGAPORE, TRUNG QUỐC VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM.....	153
4.1. Một số nhận xét về giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc.....	153
4.2. Bối cảnh mới và sự phát triển của giới tinh hoa kỹ trị	160
4.3. Triển vọng và thách thức của giới tinh hoa kỹ trị ở Nhật bản, Singapore và Trung Quốc.....	168
4.4. Một số gợi mở cho Việt Nam	177
KẾT LUẬN	190
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	193
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	194
PHỤ LỤC	201

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Những biến động sâu sắc của thế giới đương đại đang đặt ra thách thức căn bản đối với các mô hình tổ chức và thực thi quyền lực chính trị truyền thống. Toàn cầu hóa, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là sự phát triển bùng nổ của trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, công nghệ lượng tử, các công nghệ mới... đang tạo ra những thay đổi mang tính thời đại, cùng với sự gia tăng của các rủi ro toàn cầu như khủng hoảng tài chính, đại dịch, biến đổi khí hậu, an ninh mạng, chủ nghĩa dân túy,... không chỉ làm gia tăng mức độ phức tạp của quản trị quốc gia, mà còn bộc lộ những hạn chế ngày càng rõ nét của các cơ chế ra quyết định mang tính chính trị - đại diện thuần túy. Trong bối cảnh đó, yêu cầu về các quyết sách dựa trên tri thức chuyên môn, bằng chứng khoa học và dữ liệu thực chứng ngày càng trở nên cấp thiết, kéo theo sự quan tâm trở lại đối với kỹ trị và vai trò của giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị hiện đại.

Về mặt lý luận, kỹ trị không chỉ là một phương thức quản lý, mà còn là một dạng thức quyền lực đặc thù, trong đó tri thức chuyên môn và năng lực kỹ thuật trở thành nguồn lực quan trọng của tính chính danh và hiệu quả chính trị. Giới tinh hoa kỹ trị, với tư cách là những chủ thể nắm giữ tri thức chuyên sâu, kỹ năng quản trị hiện đại và khả năng hoạch định chính sách dựa trên cơ sở khoa học, ngày càng có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình ra quyết định và vận hành bộ máy nhà nước ở nhiều quốc gia. Tuy nhiên, sự gia tăng ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị cũng đặt ra những vấn đề lý luận và thực tiễn gây tranh luận: liệu kỹ trị có thể khắc phục những khiếm khuyết của chính trị dân chủ truyền thống hay chỉ tạo ra một hình thức “tập trung quyền lực dựa trên chuyên môn”? mối quan hệ giữa hiệu quả kỹ trị và tính chính danh dân chủ được giải quyết như thế nào? đâu là giới hạn chính trị - xã hội của quyền lực kỹ trị? ...

Trong thực tiễn, Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc là ba trường hợp tiêu biểu cho những cách thức khác nhau trong việc hình thành, vận hành và phát huy vai trò của giới tinh hoa kỹ trị. Dù có sự khác biệt sâu sắc về thể chế chính trị, quy

mô quốc gia và bối cảnh lịch sử, cả ba quốc gia này đều đạt được những thành tựu phát triển nổi bật, gắn liền với vai trò quan trọng của giới tinh hoa kỹ trị trong quản lý nhà nước và hoạch định chính sách. Ở Nhật Bản, giới tinh hoa kỹ trị giữ vị trí trung tâm trong bộ máy hành chính và chính sách kinh tế thời kỳ hậu chiến, góp phần tạo nên “kỳ tích phát triển”. Singapore thường được xem là hình mẫu điển hình của một mô hình kỹ trị được điều hòa trong khuôn khổ dân chủ, nơi hiệu quả quản trị được đặt lên hàng đầu. Trung Quốc, thông qua quá trình cải cách và mở cửa, đã xây dựng một tầng lớp lãnh đạo kỹ trị có nền tảng khoa học - công nghệ, giữ vai trò then chốt trong quản lý và thúc đẩy phát triển quốc gia.

Tuy nhiên, chính những trường hợp thành công này cũng cho thấy kỹ trị không phải là một giải pháp không có giới hạn. Sự gia tăng quyền lực của giới tinh hoa kỹ trị đi kèm với những thách thức đáng kể như nguy cơ xa rời người dân, hạn chế về trách nhiệm giải trình, căng thẳng giữa tính hiệu quả và tính dân chủ, cũng như khả năng hình thành các cấu trúc quyền lực khép kín dựa trên liên minh giữa kỹ trị và chính trị. Trong bối cảnh chuyển đổi số, AI hóa quản trị và sự phức tạp hóa của rủi ro toàn cầu, những thách thức này không những không giảm đi mà còn có xu hướng gia tăng, đòi hỏi phải được phân tích một cách nghiêm túc và hệ thống.

Việt Nam đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi sang kinh tế tri thức, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh quốc phòng nhằm trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Để đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên mới đòi hỏi nhận diện đúng để phát huy vai trò, ảnh hưởng và xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ có chuyên môn khoa học kỹ thuật, có năng lực quản trị phục vụ đất nước. Tuy nhiên, các nghiên cứu liên quan đến kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị ở Việt Nam hiện nay còn mang tính phân tán, chủ yếu tiếp cận dưới góc độ quản lý và mô tả hiện tượng, trong khi còn thiếu vắng những phân tích lý luận có chiều sâu về bản chất quyền lực kỹ trị, cơ chế vận hành cũng như các giới hạn chính trị – xã hội của nó. Từ đó dẫn đến nhận thức chưa rõ về vai trò, ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị của đất nước nên việc tuyển chọn, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức có những lúng túng, vướng mắc nhất định. Do đó, việc nghiên cứu ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị ở Nhật Bản, Singapore

và Trung Quốc không chỉ góp phần bổ sung và làm phong phú tri thức khoa học về kỹ trị trong đời sống chính trị hiện đại, mà còn cung cấp những gợi mở có cơ sở lý luận và thực tiễn cho Việt Nam trong việc tiếp cận và vận dụng yếu tố kỹ trị một cách thận trọng, hiệu quả, phù hợp với điều kiện chính trị – xã hội cụ thể trong tiến trình đổi mới quản trị nhà nước và phát triển đất nước.

Xuất phát từ những vấn đề lý luận và thực tiễn nêu trên, tác giả lựa chọn đề tài “*Giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị của một số quốc gia trên thế giới*” làm luận án tiến sĩ ngành Chính trị học.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về giới tinh hoa kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị của Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc, đánh giá triển vọng và thách thức của giới tinh hoa kỹ trị trong bối cảnh thế giới đương đại, qua đó rút ra một số gợi mở cho Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu, luận án thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Một là, tổng quan, hệ thống hóa và đánh giá có phê phán các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến kỹ trị, giới tinh hoa kỹ trị, giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị của các quốc gia; làm rõ các hướng tiếp cận chủ yếu, kết quả đạt được và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Hai là, làm rõ cơ sở lý luận về kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị hiện đại, bao gồm khái niệm, đặc trưng, cơ chế hình thành, vận hành và ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị.

Ba là, phân tích thực tiễn vai trò và ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc; chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt trong các bối cảnh thể chế khác nhau.

Bốn là, đánh giá triển vọng và thách thức của giới tinh hoa kỹ trị ở Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc trong bối cảnh mới; trên cơ sở đó, rút ra một số gợi mở và giá trị tham khảo cho Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị của Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận án nghiên cứu các vấn đề lý luận về kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị; phân tích vai trò và ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị; làm rõ các cơ hội, thách thức và xu hướng vận động của giới tinh hoa kỹ trị trong bối cảnh mới.

Về không gian, luận án nghiên cứu giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị tại Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc, ba quốc gia tiêu biểu với những mô hình và cách thức vận hành khác nhau của kỹ trị.

Về thời gian, luận án tập trung vào giai đoạn từ đầu thế kỷ XXI đến nay.

Về cấp độ tiếp cận, luận án tiếp cận vấn đề ở bình diện chính trị - quyền lực, không đi sâu phân tích kỹ thuật quản lý, điều hành vi mô hay đánh giá hiệu quả chính sách cụ thể.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích – tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu để xử lý các vấn đề lý luận và thực tiễn có tính chất hệ thống. Trước hết, phương pháp phân tích – tổng hợp được áp dụng nhằm làm rõ các khái niệm cơ bản đối chiếu các trường phái lý thuyết có liên quan. Ngoài ra, phương pháp này còn được sử dụng để nghiên cứu các yếu tố cấu thành của quá trình dân chủ hóa, và phân tích tác động qua lại giữa tiến trình dân chủ hóa với sự biến đổi của thể chế chính trị, cơ cấu quyền lực và sự vận động của giới tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị các quốc gia được khảo sát. Thông qua đó, đề tài có thể tái hiện một cách khái quát nhưng sâu sắc bức tranh về sự tương tác giữa bối cảnh kinh tế,

chính trị, văn hóa – xã hội với quá trình hình thành, phát triển và vận hành của giới tinh hoa kỹ trị trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể.

Phương pháp logic – lịch sử: Phương pháp này được sử dụng nhằm truy nguyên và làm rõ quá trình hình thành, phát triển của giới tinh hoa kỹ trị tại ba quốc gia tiêu biểu là Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc. Trên cơ sở khảo sát từng giai đoạn lịch sử cụ thể – từ thời kỳ hình thành nhà nước hiện đại, giai đoạn công nghiệp hóa – hiện đại hóa, đến các thời kỳ cải cách thể chế, chuyển đổi mô hình quản trị – luận án phân tích mối liên hệ giữa điều kiện lịch sử và quá trình thiết lập, vận hành quyền lực của giới kỹ trị trong đời sống chính trị. Việc tái dựng tiến trình phát triển của giới kỹ trị không chỉ giúp làm rõ các đặc trưng của từng mô hình, mà còn cung cấp căn cứ để so sánh và khái quát những quy luật chung, cũng như nhận diện các yếu tố đặc thù mang tính bản địa.

Phương pháp nghiên cứu trường hợp: Được sử dụng để phân tích chi tiết về đặc điểm và ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị của Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc. Quá trình phân tích này đặt giới tinh hoa kỹ trị trong sự chi phối bởi đặc thù quốc gia ở các khía cạnh: thể chế chính trị, bối cảnh lịch sử, mục tiêu quốc gia,... những yếu tố này đã góp phần tạo nên những nét riêng biệt và mức độ, phạm vi ảnh hưởng riêng có của giới tinh hoa kỹ trị ở từng quốc gia được khảo sát.

Phương pháp nghiên cứu so sánh: Được sử dụng để làm rõ những điểm tương đồng và dị biệt trong mô hình tinh hoa kỹ trị tại Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc. Thông qua đối chiếu về cơ chế tuyển chọn, vai trò chính trị, mức độ ảnh hưởng đến hoạch định chính sách và phương thức kiểm soát quyền lực của giới kỹ trị tại ba quốc gia, luận án phân tích chiều sâu thể chế và bối cảnh chính trị – xã hội đặc thù của mỗi nước.

Phương pháp phân tích tài liệu (nghiên cứu tư liệu thứ cấp): Được sử dụng nhằm tổng hợp, xử lý và phân tích các nguồn tài liệu liên quan đến đề tài như: các công trình khoa học trong và ngoài nước, các báo cáo, các bài viết học thuật và thống kê chính thức từ các tổ chức quốc tế, tài liệu từ các cơ quan lập pháp, hành pháp của ba quốc gia khảo sát. Việc khai thác, xử lý tài liệu một cách hệ thống

không chỉ bảo đảm tính xác thực, khoa học cho luận án, mà còn giúp nhận diện được các khuynh hướng nghiên cứu, khoảng trống học thuật và các vấn đề lý luận – thực tiễn cần tiếp tục làm rõ.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

- Luận án trình bày một cách hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị, từ đó khái quát những đặc điểm chung nhất và phân tích những ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị.

- Luận án vận dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu chính trị học so sánh, phân tích thể chế và phân tích trường hợp điển hình để nghiên cứu giới tinh hoa kỹ trị ở Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc, qua đó hình thành một cách tiếp cận có chiều sâu để khảo sát một hiện tượng chính trị mang tính phức hợp và biến động như giới tinh hoa kỹ trị.

- Luận án phân tích bối cảnh và các yếu tố tác động, dự báo xu hướng vận động của giới tinh hoa kỹ trị và gợi mở đối với Việt Nam trong phát triển đội ngũ cán bộ kỹ trị hiện nay.

6. Ý nghĩa khoa học của luận án

6.1. Về lý luận

Thứ nhất, luận án là một trong số ít công trình trong nước tiếp cận giới tinh hoa kỹ trị như một hiện tượng quyền lực chính trị - thể chế, thay vì chỉ xem kỹ trị như một phương thức quản lý kỹ thuật hay một tập hợp chuyên gia hành chính. Trên cơ sở đó, luận án không chỉ hệ thống hóa khái niệm, đặc điểm và cơ chế vận hành của giới tinh hoa kỹ trị, mà còn đặt hiện tượng này trong mối quan hệ cấu trúc với quyền lực chính trị, tính chính danh và kiểm soát quyền lực, qua đó mở rộng phạm vi tiếp cận lý luận so với các nghiên cứu hiện có ở Việt Nam vốn còn thiên về mô tả hoặc tiếp cận chuẩn tắc.

Thứ hai, luận án làm sâu sắc và cụ thể hóa tranh luận lý luận về mối quan hệ giữa kỹ trị và dân chủ trong bối cảnh chính trị hiện đại. Khác với nhiều nghiên cứu trong nước thường nhấn mạnh vai trò tích cực của kỹ trị đối với hiệu quả quản trị, luận án chỉ ra tính hai mặt và những căng thẳng nội tại giữa hiệu quả quản trị dựa trên chuyên môn với nguyên tắc đại diện, trách nhiệm giải trình và sự tham gia

chính trị của công dân. Qua đó, luận án góp phần bổ sung góc nhìn phản biện vào hệ thống lý luận về kỹ trị trong khoa học chính trị Việt Nam.

Thứ ba, luận án xây dựng và vận dụng khung phân tích đa chiều để nghiên cứu giới tinh hoa kỹ trị, kết hợp đồng thời bốn nhóm yếu tố: (i) cấu trúc và cơ chế thể chế, (ii) truyền thống và văn hóa chính trị, (iii) trình độ phát triển kinh tế - xã hội và (iv) động lực cải cách nội sinh của hệ thống chính trị. Khung phân tích này cho phép vượt qua cách tiếp cận đơn tuyến (chỉ thể chế hoặc chỉ văn hóa), đồng thời tạo cơ sở cho việc so sánh liên quốc gia một cách có hệ thống.

6.2. Về thực tiễn

Thứ nhất, luận án cung cấp một nghiên cứu so sánh có hệ thống về giới tinh hoa kỹ trị tại Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc – ba trường hợp tiêu biểu nhưng khác biệt sâu sắc về mô hình thể chế chính trị. So với các công trình trong nước thường nghiên cứu từng quốc gia riêng lẻ hoặc tiếp cận ở mức độ khái quát, luận án chỉ ra rõ những mô hình vận hành khác nhau của giới tinh hoa kỹ trị, cũng như các điều kiện thể chế quyết định mức độ ảnh hưởng và giới hạn quyền lực của họ trong từng bối cảnh quốc gia.

Thứ hai, luận án làm rõ các xu hướng vận động mới của giới tinh hoa kỹ trị trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và gia tăng rủi ro phi truyền thống, đặc biệt là sự thay đổi trong cơ chế tuyển chọn, sử dụng, kiểm soát và trách nhiệm giải trình của giới kỹ trị. Qua đó, luận án chỉ ra rằng giới tinh hoa kỹ trị không chỉ là “động lực cải cách”, mà đồng thời cũng đối mặt với những thách thức mang tính cấu trúc và chính trị, như nguy cơ khép kín quyền lực, suy giảm tính chính danh và áp lực từ dư luận xã hội và chủ nghĩa dân túy.

Thứ ba, trên cơ sở phân tích so sánh, luận án cung cấp những gợi mở có giá trị tham khảo cho Việt Nam trong việc nhận diện vai trò, điều kiện phát huy và giới hạn của giới tinh hoa kỹ trị trong quá trình cải cách và hiện đại hóa quản trị nhà nước. Các gợi mở này được xây dựng trên nền tảng phân tích khoa học và phản biện, tránh cách tiếp cận sao chép mô hình, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu hài hòa giữa nâng cao hiệu quả quản trị với bảo đảm tính chính danh và kiểm soát quyền lực.

Thứ tư, kết quả nghiên cứu của luận án có giá trị sử dụng trực tiếp trong nghiên cứu và giảng dạy các chuyên ngành Chính trị học, Quản lý nhà nước và các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn liên quan, đồng thời góp phần bổ sung nguồn tài liệu tham khảo chuyên sâu về kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị – một chủ đề còn tương đối mới và chưa được nghiên cứu một cách hệ thống trong khoa học chính trị Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được chia làm 4 chương, 13 tiết.

NỘI DUNG

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Kỹ trị (technocracy) và giới tinh hoa kỹ trị (technocratic elites) là những khái niệm đã thu hút sự quan tâm của giới học thuật từ đầu thế kỷ XX, đặc biệt trong bối cảnh các nhà nước hiện đại ngày càng đề cao vai trò của tri thức, chuyên môn và quản trị hiệu quả.

1. 1. NGHIÊN CỨU VỀ KỸ TRỊ VÀ GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ CỦA CÁC TÁC GIẢ NƯỚC NGOÀI

1.1.1. Nghiên cứu về kỹ trị

Từ đầu những năm 1980 đến nay, chế độ kỹ trị đóng vai trò quan trọng trong các nỗ lực giải quyết thách thức chính trị. Đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề này dưới những cách tiếp cận khác nhau. Cần phải kể đến một số công trình tiêu biểu như:

Patrick M. Wood (2016) trong *Technocracy Rising: The Trojan Horse of Global Transformation* [83] (Sự trỗi dậy của chủ nghĩa kỹ trị: Con ngựa thành Troy của sự chuyển đổi toàn cầu) với chi tiết tỉ mỉ và nhiều nghiên cứu nguyên bản, Patrick M. Wood sử dụng *Technocracy Rising* để kết nối các điểm của toàn cầu hóa hiện đại theo cách hoàn toàn mới so với trước đây để người đọc có thể hiểu rõ ràng về toàn cầu hóa dưới góc nhìn của Kỹ trị;

William Henry Smyth (1921) trong *Technocracy, First, Second and Third Series: Social Universals* [77] (Chế độ kỹ trị, Phần 1, Phần 2 và Phần 3: Xã hội phổ quát) đã khẳng định các kỹ sư và nhân viên kỹ thuật giữ một vị trí chiến lược đặc biệt trong toàn bộ cơ cấu công nghiệp của xã hội hiện đại;

Victor N. Shaw (2020) *From Autocracy to Democracy to Technocracy: An Evolution of Human Polity* [73] (Từ chế độ Chuyên chế đến chế độ Dân chủ đến chế độ Kỹ trị: Sự tiến hóa của chính thể loài người) đã khám phá các loại hình chính thể mà con người đã trải qua với bản chất, bối cảnh và sự tiến hóa của nó từ chuyên chế đến dân chủ và đến kỹ trị;

Anders Esmark (2020) trong *The New Technocracy* [44] (Chế độ kỹ trị mới) đã đề cập một cách toàn diện và sâu sắc về chế độ kỹ trị, góp phần khắc phục những hạn chế trong sự hiểu biết về chế độ kỹ trị. Cuốn sách đề cập đến lịch sử và logic của sự hình thành chế độ kỹ trị nói chung thông qua các cuộc cách mạng cũng như tìm ra câu trả lời cho câu hỏi "ai là nhà kỹ trị?" khi xác định các nhà kỹ trị bên trong và bên ngoài hệ thống chính trị, xác định bản chất và mức độ ảnh hưởng chính trị của các nhà kỹ trị trong hệ thống chính trị. Anders Esmark cũng đã đưa ra lập luận và mô hình tổng thể cho sự tương tác giữa chế độ kỹ trị, chế độ hành chính và nền dân chủ. Đặt kỹ trị trong bối cảnh mới, khi kỹ trị phát triển trong xã hội hậu công nghiệp với những thay đổi trong lý tính và thực hành của chế độ kỹ trị do sự gia tăng rủi ro của xã hội, tác giả quay trở lại mối quan tâm của chế độ kỹ trị về định lượng, đo lường và kiến thức khoa học khách quan trong xã hội hậu công nghiệp. Mặc dù có sự tiếp nối lịch sử với chế độ kỹ trị trước đó, chế độ kỹ trị mới vẫn phản ánh những thay đổi quan trọng trong sự tương tác giữa công nghệ và kiến thức trong bối cảnh mới. Đặc biệt, cuốn sách đề cập đến vấn đề về mối quan hệ giữa chế độ kỹ trị và chủ nghĩa dân túy, trong đó, chế độ kỹ trị như một lời giải thích cho thách thức dân túy mới.

Mối quan hệ giữa kỹ trị và dân chủ là nội dung được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và đưa ra các kịch bản cho việc dung hòa mối quan hệ này, có thể kể đến các công trình:

Daniele Caramani, Eri Bertsou (2020), *The Technocratic Challenge to Democracy* [32] (Thách thức của chủ nghĩa kỹ trị đối với nền dân chủ) trình bày nghiên cứu toàn diện đầu tiên về chế độ kỹ trị hiện đang thách thức nền dân chủ đại diện như thế nào và đặt câu hỏi chính trị kỹ trị làm suy yếu tính hợp pháp của dân chủ ra sao? Thách thức của nó đối với các thể chế dân chủ mạnh đến mức nào? Cuốn sách đưa ra một lý thuyết và khái niệm vững chắc về chính trị kỹ trị và thách thức kỹ trị được phân tích theo kinh nghiệm ở mọi cấp độ của các tổ chức và chủ thể quốc gia và siêu quốc gia, chẳng hạn như nội các, các đảng phái, EU, các cơ quan độc lập, ngân hàng trung ương và các chiến dịch dân chủ trực tiếp dưới góc độ so sánh và chính sách. Trong cuộc khủng hoảng dân chủ hiện nay, cuốn sách này

đánh giá tác động của sự phê phán mang tính kỹ trị đối với các thể chế đại diện, được cho là không có khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp và toàn cầu. Nó phân tích nhu cầu hoạch định chính sách có thẩm quyền và có trách nhiệm kết hợp với sự phản kháng đồng thời của chủ nghĩa dân túy đối với các chuyên gia.

Massimiano Bucchi (2006) trong *Beyond Technocracy: Science, Politics and Citizens* [31] (Vượt ra ngoài chế độ kỹ trị: Khoa học, Chính trị và Công dân) của, tác giả cho rằng khi khoa học càng tiến bộ thì xã hội dường như càng phản kháng. Tác giả đặt ra câu hỏi liệu chúng ta có thực sự đang chứng kiến một cuộc đấu tranh sinh tử giữa các lực lượng đối lập như nhiều người vẫn tưởng? Liệu các quyết định chính sách kỹ thuật phức tạp ngày nay có thể trùng khớp với nhu cầu của một nền dân chủ không? ...Cuốn sách trả lời những câu hỏi này một cách rõ ràng và có tầm nhìn dựa trên nhiều dữ liệu và sự kiện từ Mỹ và Châu Âu, đồng thời lưu ý đến sự mờ nhạt của sự phân chia chuyên gia/người dân trên cơ sở kiến thức. Massimiano Bucchi đã tổng quan các vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ hiện nay giữa các nhà khoa học, nhà hoạch định chính sách, lợi ích doanh nghiệp và nhân dân; xóa tan định kiến của cộng đồng khoa học với người dân; xem xét vai trò của các phương tiện truyền thông trong việc định hình các cuộc tranh luận khoa học; giải quyết câu hỏi làm thế nào để vượt ra khỏi chế độ kỹ trị để có được sự hợp tác hiệu quả hơn giữa các nhà khoa học và người dân; đưa ra một tầm nhìn táo bạo về một tương lai trong đó các lĩnh vực khoa học và người dân coi nhau như những đối tác cùng làm việc hướng tới mục đích chung.

Jeffrey Friedman (2020), *Power Without Knowledge: A Critique of Technocracy* [45] (Quyền lực không có kiến thức: Sự phê phán chế độ kỹ trị) là một công trình đáng được chú ý khi tác giả cho rằng các nhà kỹ trị tuyên bố biết cách giải quyết các vấn đề kinh tế và xã hội của các xã hội hiện đại phức tạp, song có một lỗ hổng cơ bản với chế độ kỹ trị, đó là khả năng dự đoán của các nhà kỹ trị về phản ứng của công chúng trước các chính sách kỹ trị. Tuy nhiên, ý tưởng của công chúng – những ý tưởng thúc đẩy hành động của họ – quá đa dạng để có thể dự đoán một cách chính xác. Bên cạnh đó, Friedman lưu ý rằng phần lớn các nền chính trị đương đại mang tính kỹ trị, song người dân thường cho rằng họ có thẩm quyền

quyết định những chính sách hoặc chính trị gia nào có thể giải quyết các vấn đề kinh tế và xã hội. Cuốn sách là một công trình mang tính đột phá, đảo ngược các giả định truyền thống về kỹ trị và chính trị, buộc chúng ta phải suy nghĩ lại các giả định về tính hợp pháp của quản trị hiện đại.

Không chỉ là những vấn đề lý luận về kỹ trị hay mối quan hệ giữa kỹ trị và dân chủ, nghiên cứu về kỹ trị theo đặc thù quốc gia cũng là một vấn đề được đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm.

William E. Akin (1997), *Technocracy and the American Dream: The Technocrat Movement, 1900-1941* [28] (Chế độ Kỹ trị và giấc mơ Mỹ: Phong trào kỹ trị 1900-1941) nghiên cứu sự hình thành và phát triển triết lý của các nhà kỹ trị, đồng thời mô tả mức độ phổ biến ban đầu của phong trào vào năm 1932 và 1933, cũng như sự suy giảm nhanh chóng của nó do các nhà kỹ trị không phát triển được một triết lý chính trị có thể dung hòa tầng lớp quý tộc công nghệ của họ với nền dân chủ.

Giovanni Borgognone trong (2020) *Technocracy in America State, Governance and Expertise in American Political thought* [34] (Chế độ kỹ trị trong nhà nước Mỹ, quản trị và chuyên môn trong tư tưởng chính trị Mỹ), tái hiện một giai đoạn quan trọng trong sự phát triển của quản trị kỹ trị, thông qua các diễn biến lý thuyết chính trị ở Mỹ từ cuối thế kỷ 19 đến những năm 60 của thế kỷ XX, tập trung vào niềm tin rằng trật tự xã hội chỉ có thể đạt được thông qua tổ chức, quản lý và chuyên môn. Điểm khởi đầu của tác giả là thời kỳ những năm cuối của thế kỷ 19 đến những năm 20 của thế kỷ XX, khi văn hóa chính trị của Mỹ bắt đầu thấm nhuần ý tưởng rằng sự hỗn loạn và mất cân bằng do hiện đại hóa gây ra chỉ có thể được khắc phục bằng cách đưa các tiêu chí quản lý và khoa học vào quá trình ra quyết định.

Jürgen Habermas (2015) với *The Lure of Technocracy* [46] (Sức hấp dẫn của chế độ Kỹ trị) là một công trình đáng chú ý. Habermas đã nêu lên quan điểm được cho là bảo vệ chặt chẽ cho dự án thống nhất châu Âu và những phát triển song song hướng tới một thế giới hội nhập về mặt chính trị. Khi phát triển các khái niệm then chốt của mình về quá trình xuyên quốc gia hóa nền dân chủ và hợp hiến hóa luật

pháp quốc tế, Habermas đưa ra cho những người tham gia chính trong cuộc đấu tranh về số phận của Liên minh Châu Âu (các chính trị gia, các đảng phái chính trị và công chúng của các quốc gia thành viên) một lối thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị hiện nay. Ông lập luận rằng chỉ khi cách tiếp cận kỹ trị được thay thế bằng quá trình dân chủ hóa trong các thể chế châu Âu thì Liên minh châu Âu mới có thể thực hiện được lời hứa của mình về một chủ nghĩa tư bản thị trường được đặt dưới sự kiểm soát chính trị ở cấp độ siêu quốc gia.

Eduardo Dargent (2015) trong *Technocracy and Democracy in Latin America* [42] (Chế độ kỹ trị và nền dân chủ ở Mỹ La tinh) đã đặt ra và trả lời các câu hỏi có liên quan đến chế độ kỹ trị và nền dân chủ ở Mỹ Latinh: Tại sao các chuyên gia kinh tế trong MEF đạt được quyền tự chủ và ảnh hưởng đáng kể trong hai thập kỷ ở Peru trong khi các chuyên gia y tế không đạt được sự ổn định ở MINSA? Quyền lực của các chuyên gia đối với việc hoạch định chính sách đến từ đâu nếu họ không có cơ sở thẩm quyền độc lập, chẳng hạn như quyền được trao thông qua bầu cử phổ thông hoặc nhiệm kỳ của các nhà quản lý chuyên nghiệp? Tại sao các nhóm cải cách kỹ trị lại được hưởng và duy trì quyền tự chủ lớn hơn trong một số lĩnh vực chính sách nhất định so với các lĩnh vực khác? Nói rộng hơn, những quan chức nhà nước không được bầu này có ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực đến nền dân chủ trong khu vực?

Từ các công trình nghiên cứu trên có thể thấy, từ đầu những năm 1980 đến nay, kỹ trị đã trở thành một chủ đề nghiên cứu quan trọng trong khoa học chính trị, chính sách công và xã hội học chính trị, đặc biệt trong bối cảnh các xã hội hiện đại phải đối mặt với những vấn đề ngày càng phức tạp như khủng hoảng kinh tế, quản trị rủi ro toàn cầu, biến đổi khí hậu, đại dịch và chuyển đổi công nghệ. Các nghiên cứu về kỹ trị nhìn chung có thể được phân thành ba hướng tiếp cận chủ yếu:

Thứ nhất, nhóm nghiên cứu tiếp cận kỹ trị như một mô hình quản trị hoặc một xu hướng quyền lực mang tính toàn cầu, gắn với sự trỗi dậy của tri thức khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa. Các công trình của Patrick M. Wood, William Henry Smyth hay Victor N. Shaw tập trung làm rõ nguồn gốc tư tưởng, logic vận hành và vai trò ngày càng gia tăng của giới kỹ thuật - chuyên gia trong cấu trúc

quyền lực của xã hội hiện đại. Những nghiên cứu này có đóng góp quan trọng trong việc chỉ ra rằng kỹ trị không chỉ là một hiện tượng quản lý kỹ thuật, mà còn là một dạng thức tổ chức quyền lực gắn với niềm tin vào tính hợp lý, đo lường và tri thức khoa học. Tuy nhiên, hạn chế của cách tiếp cận này là khuynh hướng khái quát hóa cao, đôi khi mang màu sắc cảnh báo hoặc dự báo mang tính chuẩn tắc, chưa phân tích đầy đủ sự khác biệt về thể chế và bối cảnh chính trị cụ thể của từng quốc gia.

Thứ hai, một hướng nghiên cứu nổi bật tập trung phân tích mối quan hệ giữa kỹ trị và dân chủ, coi đây là một trong những căng thẳng trung tâm của chính trị đương đại. Các công trình của Anders Esmark, Daniele Caramani và Eri Bertsou, Massimiano Bucchi hay Jeffrey Friedman đã đưa ra những phân tích sâu sắc về thách thức mà kỹ trị đặt ra đối với nền dân chủ đại diện, đặc biệt liên quan đến vấn đề tính chính danh, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của công dân. Điểm chung của các nghiên cứu này là nhấn mạnh tính hai mặt của kỹ trị: một mặt, kỹ trị được kỳ vọng nâng cao hiệu quả quản trị; mặt khác, nó có nguy cơ làm xói mòn các nguyên tắc dân chủ nếu quyền lực chuyên gia vượt khỏi cơ chế kiểm soát chính trị – xã hội. Đây là nhóm nghiên cứu có giá trị lý luận cao, góp phần định hình các tranh luận học thuật đương đại về kỹ trị, song phần lớn vẫn tập trung vào các bối cảnh phương Tây hoặc cấp độ siêu quốc gia, đặc biệt là Liên minh châu Âu.

Thứ ba, các nghiên cứu tiếp cận kỹ trị theo đặc thù quốc gia hoặc khu vực đã làm phong phú thêm hiểu biết về sự đa dạng của các mô hình kỹ trị trong những bối cảnh chính trị - thể chế khác nhau. Các công trình của William E. Akin, Giovanni Borgognone, Jürgen Habermas hay Eduardo Dargent cho thấy kỹ trị không phải là một mô hình phổ quát, mà chịu sự chi phối mạnh mẽ của truyền thống chính trị, cấu trúc nhà nước, vai trò của các đảng phái và tương quan quyền lực trong từng xã hội cụ thể. Đặc biệt, các nghiên cứu ở Mỹ, châu Âu và Mỹ Latinh đã chỉ ra rằng quyền lực kỹ trị có thể mở rộng hoặc thu hẹp tùy thuộc vào khả năng dung hòa giữa chuyên môn, chính trị và dân chủ.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu quốc tế đã cung cấp một nền tảng lý luận phong phú và đa chiều về kỹ trị, từ nguồn gốc tư tưởng, logic vận hành đến những hệ quả chính trị - dân chủ của nó. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số khoảng

trống nghiên cứu đáng chú ý. Thứ nhất, nhiều nghiên cứu mới dừng lại ở việc phân tích kỹ trị như một mô hình quản trị hoặc một thách thức đối với dân chủ, chưa tiếp cận một cách đầy đủ giới tinh hoa kỹ trị như một chủ thể quyền lực chính trị cụ thể, với các cơ chế hình thành, tái sản xuất và vận hành quyền lực trong hệ thống chính trị. Thứ hai, các nghiên cứu so sánh về kỹ trị vẫn chủ yếu tập trung vào các nền dân chủ phương Tây hoặc khu vực Mỹ Latinh, trong khi các trường hợp Đông Á – nơi kỹ trị gắn chặt với các mô hình nhà nước phát triển, hành chính tinh hoa và vai trò mạnh của nhà nước – chưa được phân tích một cách hệ thống và đối sánh toàn diện. Thứ ba, tác động của những biến đổi mới như toàn cầu hóa sâu rộng, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và sự gia tăng của chủ nghĩa dân túy đối với vai trò và giới hạn của giới tinh hoa kỹ trị vẫn là vấn đề cần tiếp tục được làm rõ.

1.1.2. Nghiên cứu về giới tinh hoa và tinh hoa kỹ trị

- *Các công trình nghiên cứu về giới tinh hoa*

Nghiên cứu về giới tinh hoa là một trong những chủ đề lớn trong khoa học chính trị, bắt đầu với nhiều công trình quan trọng của Gaetano Mosca, Vilfredo Pareto, Robert Michels và các công trình tiếp sau đó.

Pareto trong *The Mind and Society* (1935) [70] (Tâm trí và xã hội) cho rằng mọi người luôn bị chi phối bởi giới thượng lưu - những người vượt trội về trí thông minh, tính cách, năng lực... Cụ thể, nếu chúng ta chấm điểm từng cá nhân theo bất kể lĩnh vực nào, sẽ luôn có một số lượng cá nhân nhất định có số điểm cao nhất, là những người đứng đầu trong các lĩnh vực đó, và họ được gọi là "tinh hoa". Pareto phân loại các tầng lớp xã hội bằng cách lấy giới tinh hoa làm thước đo. Tinh hoa đại diện cho tầng lớp cao hơn những người khác, cụ thể là tầng lớp không thuộc tầng lớp tinh hoa, được coi là tầng lớp dưới.

Giống như Pareto, Mosca (1939) trong *The Ruling Class* [68] (Giai cấp thống trị), khẳng định rằng trong bất kỳ loại hình xã hội nào ở bất kỳ thời điểm lịch sử nào cũng đều có hai loại người - tầng lớp thống trị và tầng lớp bị trị. Tầng lớp thống trị gồm một số ít người và sở hữu mọi quyền lực và đặc quyền chính trị trong khi tầng lớp bị trị gồm một số lượng lớn người dân và chịu sự cai trị và cung cấp công cụ thiết yếu cho tổ chức chính trị. Theo Mosca, giai cấp thống trị có đặc tính

phản ứng nhanh với các vấn đề xã hội. Vì vậy, nó là chủ thể của sự biến đổi xã hội chứ không phải là tác nhân gây ra biến đổi đó.

Robert Michels (1966), trong *Political Parties* [63], (Các đảng phái chính trị), 1966, cho rằng tổ chức là phương tiện duy nhất để tạo ra một ý chí tập thể và họ làm việc theo “luật sắt của chế độ quả đầu”. Đối với Michels, bất kể ý thức hệ, tất cả các loại tổ chức đều có xu hướng quả đầu. Theo Michels đánh giá, người lãnh đạo có những phẩm chất cá nhân giúp họ thành công trong vai trò tầng lớp cai trị. Những phẩm chất này là sức mạnh của ý chí, kiến thức, sức mạnh của niềm tin, sự đủ đầy, trái tim nhân hậu...

Max Weber được coi là người đặt nền tảng cho lý thuyết tinh hoa hiện đại và chủ nghĩa tinh hoa dân chủ. Ông nhấn mạnh sự tập trung quyền lực trong bộ máy nhà nước, tính trung tâm của các nhóm lãnh đạo. Lập luận nền tảng của M.Weber có thể tóm tắt như sau: 1) Xã hội thay đổi 2) Sự khác biệt ngày càng được dung nạp hơn là sự đối kháng truyền thống; 3) Bản thân chính trị cũng đòi hỏi chuyên môn hóa (trở thành nghề nghiệp); 4) Người dân không dành thời gian nhiều cho hoạt động chính trị nên ít thông tin và hiểu biết, không đủ khả năng và tinh thần trách nhiệm để đánh giá thực sự, và do vậy không thể trực tiếp đưa ra quyết định về các công việc nhà nước; 5) Xuất hiện tầng lớp kỹ trị chuyên về quản lý, hành chính cả trong khu vực công, tư và ở mọi tổ chức lớn cần sự điều hành, phối hợp chuyên nghiệp. 6) Để cân bằng và kiểm soát quyền lực có tính kỹ trị, khách quan như vậy cần 3 thể chế: thị trường, hệ thống đảng cạnh tranh và lãnh đạo chính trị tinh hoa.

Sau khi lý thuyết tinh hoa đã ổn định, xuất hiện thêm rất nhiều nghiên cứu làm rõ ràng và sâu sắc hơn các lập luận của hai trường phái lý thuyết này.

Masamichi Sasaki (2007), *Elites: New Comparative Perspectives* [72] (Giới tinh hoa: Quan điểm so sánh mới) đã cung cấp cái nhìn tổng quan về giới tinh hoa và những nghiên cứu trường hợp về các cá nhân ưu tú. Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra những nghiên cứu so sánh về giới tinh hoa ở cấp độ cá nhân, quốc gia trong các lĩnh vực chính trị và xã hội.

Matias López (2013) trong *Elite Theory* [57] (Lý thuyết tinh hoa) đã xem xét lý thuyết tinh hoa đương đại trong xã hội học chính trị và khoa học chính trị trên cơ

sở khái quát những quan điểm cơ bản trong lý thuyết tinh hoa cổ điển và lý thuyết tinh hoa hiện đại. Theo đó nếu quan điểm căn bản của tinh hoa cổ điển khẳng định tính tất yếu tinh hoa, có nghĩa là đa số nhất thiết phải được cai trị bởi một thiểu số, thì trong khoa học chính trị hiện nay, một trong những mục đích chính của lý thuyết tinh hoa là tìm ra nguyên nhân của quy tắc dân chủ, do đó thừa nhận dân chủ và mặc nhiên đánh giá cao nó. Matias López cũng lập luận rằng các nền dân chủ bền vững là kết quả của sự đồng thuận của giới tinh hoa. Tác giả đã đề cập đến nguồn gốc tinh hoa của nền dân chủ và nguồn gốc tinh hoa của nhà nước phúc lợi, cũng như sự phụ thuộc lẫn nhau của giới tinh hoa và những người không thuộc giới tinh hoa.

Fredrik Engelstad, Trygve Gulbrandsen, Marte Mangset, Mari Teigen (2019), trong *Elites and People: Challenges to Democracy* [58] (Giới tinh hoa và nhân dân: Thách thức đối với nền dân chủ) cho rằng mối quan hệ giữa giới tinh hoa và nền dân chủ luôn căng thẳng. Chính khái niệm về giới tinh hoa - về “những người được chọn” - đã mâu thuẫn với các lý tưởng dân chủ về bình đẳng chính trị. Cuốn sách cũng cho rằng chất lượng của quản trị dân chủ dường như đang suy giảm ở nhiều nơi trên thế giới và nêu bật những vướng mắc của giới tinh hoa với chủ nghĩa dân túy.

Murray Milner, Jr. John Wiley & Sons (2015) *Elites: A General Model* [65] (Giới tinh hoa: Một mô hình chung) xác định các nguồn và cấu trúc của quyền lực kinh tế, chính trị và văn hóa, đồng thời điều tra các mô hình hợp tác và xung đột giữa và trong các nhóm tinh hoa. Cuốn sách áp dụng mô hình riêng để nghiên cứu giới tinh hoa trong ba xã hội khác biệt: Ấn Độ cổ đại, Athens cổ đại và Hoa Kỳ đương đại, nêu bật những điểm tương đồng về cấu trúc giữa những xã hội này. Cuốn sách này thể hiện nỗ lực có hệ thống nhằm phát triển một mô hình xã hội học về giới tinh hoa và những người không thuộc giới tinh hoa, cung cấp những hiểu biết mới về cấu trúc của xã hội trong lịch sử và đương đại.

Anna Meeuwisse, Håkan Johansson (2023), *Civil Society Elites: Exploring the Composition, Reproduction, Integration, and Contestation of Civil Society Actors* [48] (Giới tinh hoa xã hội dân sự: Khám phá thành phần, sự tái sản xuất, sự tích hợp và sự cạnh tranh của các tác nhân xã hội dân sự) giới thiệu một khái niệm

đột phá - giới tinh hoa xã hội dân sự. Thông qua các nghiên cứu thực nghiệm độc đáo, các tác giả đưa ra một cái nhìn toàn diện về những cá nhân chiếm giữ cấp cao trong các tổ chức và phong trào xã hội dân sự có ảnh hưởng. Bằng cách đi sâu phân tích các yếu tố thúc đẩy các cá nhân vào các vị trí chủ chốt và xem xét mối liên hệ giữa các nhà lãnh đạo xã hội dân sự trong và giữa các lĩnh vực, cuốn sách cung cấp cái nhìn sâu sắc về các cơ chế hình thành nên khả năng tiếp cận các vị trí quyền lực trong xã hội dân sự. Để phản ánh các cuộc tranh luận hiện nay về giới tinh hoa và chủ nghĩa dân túy, cuốn sách còn khám phá cách thể hiện và khái niệm hóa các quan điểm phản tinh hoa và sự chỉ trích đối với giới tinh hoa xã hội dân sự.

Các công trình nghiên cứu về giới tinh hoa đã hình thành một hệ thống lý thuyết tương đối ổn định và có sức ảnh hưởng sâu rộng trong khoa học chính trị và xã hội học chính trị. Các lý thuyết tinh hoa cổ điển của Pareto, Mosca và Michels đặt nền móng cho việc khẳng định tính tất yếu của sự phân tầng quyền lực, qua đó phủ nhận quan niệm duy ý chí về sự bình đẳng chính trị tuyệt đối trong xã hội hiện đại. Những lập luận này đã cung cấp một khung phân tích nền tảng để giải thích sự vận hành của quyền lực chính trị, bất kể hình thức chế độ hay bối cảnh lịch sử.

Trên cơ sở đó, các tiếp cận tinh hoa hiện đại và đương đại, đặc biệt từ Max Weber và các nhà lý thuyết tinh hoa dân chủ, đã dịch chuyển trọng tâm từ “tính tất yếu của tinh hoa” sang “vai trò, cấu trúc và trách nhiệm của tinh hoa trong các chế độ dân chủ”. Các công trình gần đây không còn coi giới tinh hoa đơn thuần là lực lượng thống trị, mà phân tích mối quan hệ phức tạp, căng thẳng nhưng mang tính cấu thành giữa tinh hoa và dân chủ, giữa lãnh đạo và sự tham gia của quần chúng, giữa hiệu quả quản trị và tính chính danh chính trị. Các nghiên cứu so sánh của Sasaki, Engelstad và cộng sự, Milner... đã làm rõ sự đa dạng của các cấu trúc tinh hoa, các mô thức tái sản xuất, liên kết, cạnh tranh và xung đột giữa các nhóm tinh hoa trong những bối cảnh xã hội khác nhau.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy một số giới hạn mang tính hệ thống trong dòng nghiên cứu này. Thứ nhất, phần lớn các công trình tập trung vào bối cảnh các nền dân chủ phương Tây, nơi tồn tại các điều kiện thể chế đặc thù như cạnh tranh đảng phái, xã hội dân sự phát triển và thị trường tương đối tự chủ; do đó, giá trị khái quát đối với

các quốc gia đang phát triển, các chế độ chuyển đổi hoặc các mô hình chính trị đặc thù còn hạn chế. Thứ hai, nhiều nghiên cứu tiếp cận tinh hoa chủ yếu ở cấp độ cấu trúc hoặc lý thuyết, trong khi phân tích cơ chế vận hành cụ thể của tinh hoa trong hoạch định và thực thi chính sách công vẫn chưa được làm rõ một cách hệ thống.

- *Các công trình nghiên cứu về giới tinh hoa kỹ trị*

Tinh hoa kỹ trị không phải là một nhóm riêng biệt theo hướng của một giai cấp thống trị hoặc một nhóm tinh hoa quyền lực thống nhất như được hiểu trong lý thuyết tinh hoa cổ điển, mà họ chính là một bộ phận của giới tinh hoa chiến lược [51] giới tinh hoa chính trị theo nghĩa rộng hơn “những người có khả năng nhờ vào vị trí chiến lược của họ trong tổ chức và phong trào quyền lực, để tác động đến các kết quả chính trị một cách thường xuyên và đáng kể”[44tr.55].

António Costa Pinto, Maurizio Cotta, Pedro Tavares de Almeida (biên tập) (2017), *Technocratic Ministers and Political Leadership in European Democracies* [37] (Các Bộ trưởng kỹ trị và lãnh đạo chính trị trong các nền dân chủ châu Âu) phân tích chuyên sâu về “sự thay đổi kỹ thuật” trong tuyển dụng cấp bộ trưởng, đo lường mức độ và sự biến đổi của nó theo thời gian ở 14 quốc gia Châu Âu. Nó trả lời câu hỏi: ai cai trị trong các chế độ dân chủ châu Âu? Chỉ vài thập kỷ trước, câu trả lời sẽ rất đơn giản: những người theo đảng phái. Tuy nhiên, gần đây hơn và ở các mức độ khác nhau trên khắp châu Âu, một tỷ lệ lớn hơn những người không phải chính trị gia hoặc chuyên gia đã được tuyển dụng vào chính phủ, điển hình là cuộc bầu cử Tổng thống Pháp năm 2017 của Emmanuel Macron. Những chuyên gia này, thường được gọi là “nhà kỹ trị”, ngày càng nắm giữ các vị trí điều hành chủ chốt và nổi lên như những tác nhân có quyền lực trong quá trình ra quyết định. Ở đây, cần bình luận thêm rằng giới tinh hoa kỹ trị trong chính quyền các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu có mối liên hệ và liên kết mạnh mẽ, tạo thành một tầng lớp đặc quyền trong việc hoạch định và thực thi chính sách quốc gia và liên minh, gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống chính trị của các quốc gia, liên minh và khu vực.

Patricio Silva (2015), *In the Name of Reason Technocrats and Politics in Chile* [81] (Nhân danh lý trí, các nhà kỹ trị và chính trị ở Chile) đã phân tích vai trò lịch sử và liên tục của các nhà kỹ trị trong nền chính trị Chile suốt thế kỷ XX. Trái

với quan điểm cho rằng kỹ trị chỉ là công cụ của các chế độ độc tài, nghiên cứu này khẳng định giới kỹ trị ở Chile đóng vai trò như một lực lượng trung gian, góp phần duy trì tính ổn định thể chế và hỗ trợ sự vận hành của nền dân chủ trong bối cảnh cạnh tranh chính trị và biến động xã hội..

Tod S Van Gunten (2015) trong *Cohesion, consensus and conflict: Technocratic elites and financial crisis in Mexico and Argentina* [80] (Sự gắn kết, đồng thuận và xung đột: Giới tinh hoa kỹ trị và khủng hoảng tài chính ở Mexico và Argentina), đã phân tích vai trò của giới tinh hoa kỹ trị trong quá trình điều chỉnh chính sách kinh tế vĩ mô dưới áp lực khủng hoảng tài chính ở các nước đang phát triển. Thông qua so sánh hai trường hợp Mexico và Argentina, tác giả cho thấy mức độ gắn kết và đồng thuận nội bộ của giới kỹ trị là biến số quyết định khả năng duy trì và thực thi cải cách chính sách trong môi trường chính trị bất ổn. Trong khi giới tinh hoa kỹ trị Mexico duy trì được sự thống nhất tương đối, cho phép chính phủ theo đuổi các chính sách gây tranh cãi, thì giới tinh hoa kỹ trị Argentina lại bị chia rẽ và xung đột, làm suy yếu năng lực hoạch định và thực thi chính sách. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng không chỉ năng lực chuyên môn, mà cấu trúc quan hệ nội bộ của giới tinh hoa kỹ trị đóng vai trò then chốt trong việc định hình kết quả chính sách.

Frank Fischer (1990), *Technocracy and the Politics of Expertise* (Chế độ kỹ trị và chính trị chuyên môn) là sự nỗ lực của Frank Fischer trong việc cân bằng giữa sự cần thiết của cả sự tham gia của người dân trong nền dân chủ và sự đóng góp chuyên môn của các chuyên gia đối với chính phủ hiện đại. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để kết hợp chuyên môn vào một hệ thống chính trị dân chủ mà không làm suy yếu sự tham gia của công dân và sự đại diện của các nhà lập pháp đối với công dân.

Tinh hoa kỹ trị là một bộ phận của các nhà kỹ trị, tác giả Frank W. Heubeger, Hansfried Kellner (1994) trong *Hidden Technocrats: The New Class and New Capitalism* [52] (Những nhà kỹ trị ẩn danh: Giai cấp mới và chủ nghĩa tư bản mới) tin rằng vào đầu những năm 1970, đã xuất hiện một tầng lớp tinh hoa mới dựa trên “Công nghiệp tri thức” và độ sức với tầng lớp trung lưu dựa trên kinh doanh cũ cả về mặt chính trị và văn hóa. Do có mối quan hệ chặt chẽ với giới học thuật và giới truyền thông, họ có vị thế thuận lợi để gây ảnh hưởng lên phần còn lại của xã hội.

W.H.G. Armytage (2013), *The Rise of the Technocrats: A Social History* [30] (Sự trỗi dậy của các nhà kỹ trị: Một lịch sử xã hội) gồm 464 trang được chia làm 4 phần, trình bày các điều kiện hình thành, sự xuất hiện, các vấn đề của kỹ trị. Các nhà khoa học đã bị kéo lên sân khấu chính trị. Đó là điềm báo trước sự chuyển đổi từ nền dân chủ sang nền kỹ trị với giới trí thức kỹ thuật được đào tạo đã biến kỹ trị thành một sự tổng hợp về vật lý và chính trị.

Đề cập đến giới tinh hoa kỹ trị trong các think tank, có các công trình:

Willis, S. M. (1992). *The Idea Brokers: Think Tanks and the Rise of the New Policy Elite* [76] (Những người môi giới ý tưởng: các think tanks và sự trỗi dậy của giới tinh hoa chính sách mới) tiếp cận sự hình thành và phát triển của các think tank từ góc độ lịch sử – bối cảnh, qua đó làm rõ sự nổi lên của một tầng lớp tinh hoa chính sách mới gồm các chuyên gia hoạt động trong và ngoài bộ máy nhà nước. Nghiên cứu cho thấy từ đầu thế kỷ XX, các think tank, với tư cách là những tổ chức nghiên cứu tư nhân, phi lợi nhuận, đã dần trở thành cầu nối giữa tri thức chuyên môn và quá trình hoạch định chính sách, góp phần định hình chương trình nghị sự và khuôn khổ tranh luận chính sách thông qua ảnh hưởng ngày càng lớn của các báo cáo nghiên cứu và vai trò trung gian của truyền thông đại chúng.

James G. McGann (2018) trong *Think Tanks, Foreign Policy and the Emerging Powers* [60] (Think Tanks, chính sách đối ngoại và các cường quốc mới nổi) đã phân tích vai trò ngày càng gia tăng của các think tank trong lĩnh vực chính sách đối ngoại và an ninh tại các cường quốc mới nổi. Nghiên cứu cho thấy, dù chịu ảnh hưởng từ mô hình nguyên mẫu của Hoa Kỳ, các think tank ở những quốc gia như BRICS và G20 được hình thành muộn hơn và phát triển trong những điều kiện pháp lý, chính trị, xã hội và tài chính đặc thù, tạo nên những đặc điểm khác biệt so với các mô hình Anh–Mỹ và Tây Âu. Qua đó, McGann khẳng định sự mở rộng vai trò và ảnh hưởng của giới chuyên gia chính sách trong bối cảnh dịch chuyển quyền lực toàn cầu là một xu hướng mang tính cấu trúc và khó đảo ngược..

James McGann (2021) trong *The Future of Think Tanks and Policy Advice Around the World* [62] (Tương lai của các Think tanks và tư vấn chính sách trên toàn thế giới) phân tích những biến đổi mang tính cấu trúc của hệ thống think tank

trong bối cảnh thế kỷ XXI, dưới tác động đồng thời của cách mạng công nghệ, chuyển đổi văn hóa và dịch chuyển địa chính trị toàn cầu. Nghiên cứu cho thấy các think tank ngày càng được tổ chức theo mô hình chuyên nghiệp, thường trực, với mức độ độc lập và liên kết đa dạng, qua đó đảm nhận vai trò trung gian then chốt giữa tri thức học thuật và quá trình hoạch định chính sách. McGann nhấn mạnh rằng sự gia tăng vai trò tư vấn chính sách của các tổ chức này phản ánh xu hướng mở rộng ảnh hưởng của giới chuyên gia và giới tinh hoa tri thức trong quản trị công và quan hệ quốc tế đương đại.

Các nghiên cứu về giới tinh hoa kỹ trị đã góp phần mở rộng và làm sâu sắc lý thuyết tinh hoa truyền thống, phản ánh sự biến đổi của quyền lực trong bối cảnh hiện đại hóa, chuyên môn hóa và cách mạng khoa học – công nghệ. Khác với tinh hoa chính trị cổ điển, tinh hoa kỹ trị được nhận diện chủ yếu thông qua tri thức chuyên môn, vị trí chiến lược trong bộ máy quản lý – hoạch định chính sách và khả năng chi phối các quyết định kỹ thuật có hệ quả chính trị sâu rộng.

Các công trình của Pinto, Silva, Van Gunten và nhiều tác giả khác đã chỉ ra rằng tinh hoa kỹ trị không chỉ là sản phẩm phụ của nhà nước hiện đại, mà là tác nhân chủ động trong các quá trình cải cách kinh tế, quản lý khủng hoảng và ổn định thể chế, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển và các nền dân chủ mới. Các nghiên cứu về think tank và giới tinh hoa chính sách cho thấy một không gian quyền lực mới, nơi tri thức, chuyên môn và mạng lưới xuyên quốc gia ngày càng có vai trò quan trọng trong việc định hình nghị trình và lựa chọn chính sách.

1.1.3. Nghiên cứu về kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc

- *Các công trình nghiên cứu về kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản*

B. C. Koh (1989) trong *Japan's Administrative Elite* [53] (Giới tinh hoa hành chính của Nhật Bản) đã khẳng định một nhân tố chính trong xã hội Nhật Bản là bộ máy hành chính của chính phủ. Không thể hiểu được thành tích phi thường của Nhật Bản trên thị trường thế giới cũng như thành công vượt trội của nước này trong việc quản lý các vấn đề đối nội nếu không có cái nhìn sâu sắc về cách thức hoạt động của bộ máy hành chính chính phủ - cách các quản trị viên ưu tú của nước này được tuyển dụng, xã

hội hóa và thăng chức. Koh xem xét những điểm tương đồng và khác biệt giữa Nhật Bản và bốn nền dân chủ công nghiệp hóa khác (Hoa Kỳ, Anh, Pháp và Đức), đồng thời đánh giá tác động của mô hình quản lý công của Nhật Bản. Mặc dù nhiều đặc điểm của chế độ quan liêu Nhật Bản được tìm thấy ở các nền dân chủ phương Tây, nhưng mức độ mà chúng thể hiện ở Nhật Bản dường như là vượt trội.

Hiromi Mizuno (2020) trong *Science for the Empire: Scientific Nationalism in Modern Japan* [67] (Khoa học cho đế chế: chủ nghĩa dân tộc khoa học ở Nhật Bản hiện đại), đã xem xét mối liên hệ giữa giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản với các cuộc đấu tranh chính trị và sự hình thành chủ nghĩa dân tộc khoa học trong bối cảnh Nhật Bản hiện đại. Tác giả chỉ ra rằng khái niệm “khoa học – công nghệ” (kagaku gijutsu) do giới kỹ trị đề xướng đã trở thành nền tảng tư tưởng nhằm nâng cao vị thế của các kỹ sư, tái định nghĩa khoa học và thúc đẩy tầm nhìn về một “đế chế khoa học” từ đầu thế kỷ XX. Nghiên cứu tập trung vào phong trào kỹ trị xoay quanh Câu lạc bộ Kojin và vai trò của Miyamoto Takenosuke, qua đó làm rõ quá trình giới tinh hoa kỹ trị – dù là thiểu số trong bộ máy quan liêu do giới luật gia chi phối – đã không ngừng đấu tranh để mở rộng ảnh hưởng và tham gia vào hoạch định chính sách khoa học – công nghệ, đưa phong trào kỹ trị đạt tới đỉnh cao trong lịch sử Nhật Bản hiện đại.

Janis Anne Mimura (2002) trong *Technocratic visions of Empire: The reform Bureaucrats in Wartime Japan* [66] (Tầm nhìn Kỹ trị của đế chế, cải cách hành chính ở Nhật Bản thời chiến) đã phân tích sự trỗi dậy của bộ máy quan liêu như một lực lượng chính trị trung tâm ở Nhật Bản sau sự sụp đổ của chính quyền đảng phái năm 1932. Tác giả làm rõ vai trò của một nhóm quan chức trẻ mang tư duy kỹ trị, có quan hệ mật thiết với quân đội – được gọi là “quan chức cải cách” (kakushin kanryō) – trong việc định hình hệ thống chính trị thời chiến. Trên cơ sở kinh nghiệm lập kế hoạch công nghiệp và kiểm soát xã hội, nhóm này đã trở thành lực lượng chủ chốt thúc đẩy phong trào “Trật tự mới” dưới thời Thủ tướng Konoe Fumimaro, giữ vị trí trung tâm trong hoạch định chính sách, cổ vũ đổi mới công nghệ và mở rộng vai trò của nhà nước trong quản lý xã hội công nghiệp hiện đại, qua đó thể hiện rõ tầm nhìn và tham vọng dài hạn của chủ nghĩa kỹ trị trong bối cảnh Nhật Bản thời chiến.

Nhóm tác giả Joel D.Aberbach, Ellis S.Krauss, Michio Muramatsu và Bert A.Rockman (1990) trong công trình *Comparing Japanese and American Administrative Elites* [27] (So sánh tinh hoa hành chính Nhật Bản và Mỹ) đã khảo sát chỉ ra sự khác biệt về phong cách chính trị đặc trưng của giới tinh hoa hành chính Nhật Bản và Mỹ. Sự khác nhau giữa họ có thể được tóm tắt là phong cách Nhật Bản - tìm cách loại bỏ sự khác biệt. Điểm nhấn là phong cách Mỹ - đẩy mạnh sở thích hoặc vị trí của một người. Mỗi xã hội đã thực sự thành công đáng kể trong việc giải quyết xung đột, nhưng rõ ràng là giới tinh hoa hành chính Nhật Bản phải đối phó theo cách ít phòng thủ hơn nhiều so với môi trường chính trị của giới tinh hoa hành chính Mỹ phải đối phó. Một điểm khác biệt nữa là ở Hoa Kỳ có sự gián đoạn và bất ổn trong kiểm soát chính trị đảng phái trong khi Nhật Bản lại có sự ổn định và liên tục của sự kiểm soát đảng phái.

- *Các công trình nghiên cứu về kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị Singapore*

R. S. Milne (1982) trong *Technocrats and Politics in the ASEAN Countries* [64] (Các nhà kỹ trị và chính trị ở các nước ASEAN) tập trung nghiên cứu những nhà kỹ trị giữ chức vụ bộ trưởng trong phạm vi các nước ASEAN. Trong đó, khi đề cập đến các nhà kỹ trị Singapore, bài báo đã có những so sánh với các nhà kỹ trị ở một số nước trong khu vực Đông Nam Á. Bài báo nhận định: Quan niệm của chính phủ Singapore về vai trò đúng đắn của các nhà kỹ trị có liên quan đến quan điểm của họ về huy động lực lượng. Trên thực tế, các nhà kỹ trị Singapore không bị "phi chính trị hóa" như ở Indonesia và Philippines. Cũng giống như Indonesia và Philippines, Singapore không khuyến khích việc chính trị hóa quần chúng; nhưng, không giống như Indonesia và Philippines, Singapore huy động thành công quần chúng nhằm thúc đẩy các chính sách của mình thông qua đảng cầm quyền và các tổ chức khác. Các nhà lãnh đạo của Singapore cũng đã phát triển một chính sách nhằm đào tạo ra các nhà lãnh đạo tương lai, được rút ra từ các nhà kỹ trị đã bị chính trị hóa.

Jon S.T. Quah (1984) trong *The Public Policy-Making Process in Singapore* [71] (Quy trình hoạch định chính sách công ở Singapore) Jon S. T. Quah phân tích quy trình hoạch định chính sách công ở Singapore qua các khâu từ bối cảnh chính sách, xây dựng, thực thi đến đánh giá chính sách. Tác giả cho rằng bối cảnh chính

trị – hành chính thuận lợi, vai trò trung tâm của Thủ tướng và nội các, cùng với bộ máy hành chính hiệu quả đã tạo nên năng lực thực thi chính sách cao, dù khâu đánh giá chính sách còn hạn chế. Quah khái quát phong cách hoạch định chính sách công ở Singapore mang đậm tính tinh hoa, trong đó giới tinh hoa kỹ trị giữ vai trò then chốt; đồng thời dựa nhiều vào các chiến dịch quốc gia như công cụ triển khai chính sách và vào việc tiếp thu, phổ biến kinh nghiệm quốc tế. Đặc biệt, tác giả nhấn mạnh yêu cầu điều chỉnh phong cách hoạch định chính sách theo hướng tăng cường tham vấn và giảm tính áp đặt trong bối cảnh người dân ngày càng có trình độ, thông tin và kỳ vọng cao hơn.

Parag Khanna (2017) trong *Technocracy in America: rise of the info-state* [54](Chế độ Kỹ trị ở Mỹ: Sự trỗi dậy của nhà nước thông tin) cho rằng những vấn đề quản trị của Hoa Kỳ đương đại cho thấy dân chủ thuần túy không còn đủ để bảo đảm hiệu quả điều hành; nước Mỹ, theo ông, đang đối mặt với sự suy thoái về quản trị hơn là thiếu dân chủ. Từ đó, tác giả đề xuất tăng cường yếu tố kỹ trị như một giải pháp cải thiện năng lực quản trị quốc gia. Khanna gợi mở một mô hình kết hợp giữa dân chủ trực tiếp kiểu Thụy Sĩ và kỹ trị kiểu Singapore, coi đây là dạng thức “kỹ trị trực tiếp” phù hợp với thế kỷ XXI. Dù thừa nhận không tồn tại một mô hình chính trị phổ quát, tác giả lập luận rằng các quốc gia, kể cả những nước lớn như Hoa Kỳ, có thể nâng cao chất lượng quản trị bằng cách học hỏi và dung hòa các yếu tố dân chủ và kỹ trị từ những kinh nghiệm này.

Michael D. Barr (2006) trong *Beyond Technocracy: The Culture of Elite Governance in Lee Hsien Loong's Singapore* [31] (Vượt ra ngoài chế độ kỹ trị: Văn hóa quản trị tinh hoa ở Singapore của Lý Hiển Long), đã làm rõ văn hóa quản trị tinh hoa của Singapore dưới lăng kính kỹ trị. Tác giả cho rằng chế độ kỹ trị dựa trên các tiêu chí được coi là khách quan, xuất phát từ các lĩnh vực chuyên môn như kinh tế, quản lý, luật và khoa học – kỹ thuật, với niềm tin rằng quản trị có thể vượt lên trên các toan tính chính trị, ý thức hệ và lợi ích cục bộ. Theo Barr, mô hình Singapore tiêu biểu cho dạng thức này: hệ thống quản trị tinh hoa được hợp pháp hóa bởi chủ nghĩa trọng dụng nhân tài, bảo vệ đội ngũ công chức khỏi sự can thiệp chính trị để họ có điều kiện triển khai các giải pháp quản lý hiệu quả và thực dụng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu nổi bật, tác giả cũng chỉ ra các giới hạn tiềm ẩn của mô hình này, đặc biệt là nguy cơ hình thành đặc quyền và quan hệ thân hữu nếu quyền lực tinh hoa không được kiểm soát chặt chẽ, dù giới cầm quyền Singapore vẫn nỗ lực duy trì tính ổn định và hiệu quả của hệ thống.

Diane K. Mauzy and R.S. Milne (2002) trong *Singapore Politics Under the People's Action Party* [59] (Chính trị Singapore dưới thời Đảng Hành động Nhân dân) đã phác họa một cách toàn diện tiến trình phát triển chính trị của Singapore kể từ khi giành độc lập năm 1965, đồng thời lý giải quá trình quốc đảo này vươn lên trở thành một trung tâm tài chính toàn cầu. Các tác giả cho rằng thành công của Singapore gắn liền với vai trò lãnh đạo của Đảng Hành động Nhân dân (PAP). PAP đã xử lý hiệu quả những thách thức của một xã hội đa sắc tộc, các yêu cầu ngày càng cao về quyền con người, sự hình thành của xã hội dân sự và bài toán an ninh của một quốc gia nhỏ trong khu vực bất ổn. Đáng chú ý, PAP đã xây dựng chiến lược tuyển chọn và đào tạo đội ngũ lãnh đạo dựa trên việc thu hút trí thức và các chuyên gia kỹ trị, chuẩn bị nguồn ứng cử viên và bộ trưởng kế cận, cũng như bảo đảm tính kế thừa chính trị ở cấp cao. Dưới thời Lý Quang Diệu, ưu tiên dành cho những cá nhân có thành tích học tập xuất sắc, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học, đã tạo điều kiện để các nhà kỹ trị – dù thiếu kinh nghiệm chính trị ban đầu – từng bước khẳng định năng lực và đóng góp hiệu quả vào sự phát triển của Singapore.

Các công trình nghiên cứu về kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị Trung Quốc

Gang Chen (2023) trong *Political Implications of China's Technocracy in the Reform Era* [39] (Những ý nghĩa chính trị của chế độ kỹ trị Trung Quốc trong thời kỳ cải cách) phân tích sự hình thành và phát triển của chế độ kỹ trị trong chính trị Trung Quốc thời kỳ cải cách, qua đó làm rõ tác động của nó đối với cấu trúc quyền lực và quá trình hoạch định chính sách. Tác giả cho rằng sự trỗi dậy của giới tinh hoa kỹ trị vừa là sự kế thừa truyền thống trọng dụng nhân tài, vừa gắn chặt với đặc trưng của hệ thống chính trị đương đại. Các nhà lãnh đạo xuất thân kỹ trị có xu hướng ưu tiên tiếp cận quản trị dựa trên chuyên môn và giải pháp kỹ thuật, tạo ra những thay đổi quan trọng so với mô hình lãnh đạo cách mạng hay dân túy trước đây. Thông qua khảo sát các lĩnh vực then chốt như công nghiệp quốc phòng, khoa

học – công nghệ, y tế và kinh tế – tài chính, công trình cho thấy vai trò ngày càng gia tăng của giới tinh hoa kỹ trị trong định hình chính sách công nghiệp và khả năng tham gia vào tầng lớp lãnh đạo cao nhất của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Zhiyue Bo (2007) trong *China's elite politics: Political Transition and Power Balancing* [33] (Giới tinh hoa chính trị Trung Quốc: Sự thay đổi chính trị và cân bằng quyền lực) chỉ ra rằng giới tinh hoa chính trị Trung Quốc đã trải qua sự chuyển đổi căn bản trong thời kỳ cải cách, từ đội ngũ cán bộ cách mạng có xuất thân nông dân và trình độ học vấn thấp sang tầng lớp tinh hoa hành chính – kỹ trị có trình độ học vấn cao. Theo tác giả, nhà kỹ trị là những người vừa được đào tạo chuyên môn về khoa học – kỹ thuật, vừa có kinh nghiệm nghề nghiệp chuyên môn và nắm giữ vị trí lãnh đạo. Trên cơ sở đó, Bo phân loại kinh nghiệm nghề nghiệp của giới lãnh đạo chính trị thành nhiều nhóm, trong đó những người có nền tảng kỹ thuật và quản lý kinh tế được xem là tiêu biểu cho tầng lớp kỹ trị. Tuy nhiên, tác giả cũng nhấn mạnh rằng bằng cấp khoa học – kỹ thuật không tự động tạo nên một nhà kỹ trị nếu thiếu trải nghiệm nghề nghiệp tương ứng. Đáng chú ý, đến đầu thế kỷ XXI, giới tinh hoa kỹ trị của Trung Quốc có xu hướng bổ sung đào tạo sang khoa học xã hội và quản lý kinh tế, phản ánh sự thích ứng của giới tinh hoa kỹ trị với yêu cầu quản trị trong bối cảnh phát triển và hội nhập..

Nghiên cứu về think tanks Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản còn có công trình: Diane Stone, Andrew Denham, Mark Garnett (1998) trong *Think Tanks Across Nations: A Comparative Approach* [78] (Các Think tank trên khắp thế giới: Một cách tiếp cận so sánh) thông qua so sánh kinh nghiệm của nhiều quốc gia khác nhau như Malaysia, Nga, Nhật Bản, Ý..., cuốn sách làm rõ mức độ phát triển, vai trò và cách thức tham gia của think tank vào quá trình hoạch định chính sách công. Công trình nhấn mạnh mối quan hệ chính thức và phi chính thức giữa think tank với các đảng phái chính trị, bộ máy hành chính và các nhóm lợi ích, coi think tank không chỉ là nguồn cung cấp ý tưởng và đổi mới chính sách mà còn là công cụ tạo lập và hợp pháp hóa thẩm quyền tri thức. Trên cơ sở đó, nghiên cứu góp phần nhận diện những xu hướng chung của chính trị đương đại, như sự gia tăng nhu cầu tư vấn chính sách trong bối cảnh xã hội – kinh tế ngày càng phức tạp, quá trình chính trị

hóa tri thức, tác động của toàn cầu hóa và áp lực dân chủ hóa đối với sự phát triển của các think tank.

James G. McGann (2019) trong *Think tanks The New Knowledge and Policy Brokers in Asia* [61] (Think tank – Những người môi giới tri thức và chính sách mới ở châu Á) phân tích sự trỗi dậy mạnh mẽ của các think tank trong bối cảnh châu Á trở thành trung tâm tăng trưởng kinh tế – chính trị toàn cầu. Tác giả cho rằng quá trình toàn cầu hóa và sự gia tăng vai trò quốc tế của các quốc gia châu Á đã làm nổi bật nhu cầu về tri thức chính sách và đổi mới thể chế, qua đó thúc đẩy sự công nhận ngày càng rõ rệt đối với các think tank như những “môi giới tri thức” và tác nhân không thể thiếu trong hoạch định chính sách. Trên cơ sở đó, công trình làm rõ đặc điểm, vai trò và mức độ ảnh hưởng của các think tank tại một số quốc gia tiêu biểu ở châu Á, trong đó có Trung Quốc, Nhật Bản và Singapore.

Xufeng Zhu (2012) trong *The Rise of Think Tanks in China* [85] (Sự trỗi dậy của các think tank ở Trung Quốc) phân tích sự trỗi dậy của các think tank như một biểu hiện quan trọng của việc mở rộng chủ thể tham gia vào quá trình hoạch định chính sách ở Trung Quốc. Công trình làm rõ động lực hình thành, phương thức vận hành và cơ chế tạo ảnh hưởng của các think tank trong hệ thống chính trị Trung Quốc, đồng thời chỉ ra những hệ quả xã hội – chính trị khi các tổ chức tri thức này ngày càng trở thành tác nhân chính sách đáng kể. Dựa trên các nghiên cứu trường hợp so sánh và dữ liệu khảo sát thực nghiệm quy mô quốc gia, tác giả cung cấp một bức tranh tương đối toàn diện về vai trò của think tank trong cấu trúc chính trị tinh hoa và quy trình chính sách đương đại của Trung Quốc..

Các nghiên cứu về kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị tại Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc đã hình thành một nền tảng tri thức khá phong phú, tiếp cận từ các góc độ lịch sử - thể chế, xã hội học chính trị, quản trị công, chính sách công và chính trị so sánh.

Đối với Nhật Bản, nghiên cứu tập trung làm rõ vai trò trung tâm của bộ máy hành chính và giới tinh hoa hành chính trong hiện đại hóa và quản trị quốc gia, nhấn mạnh cơ chế tuyển chọn, xã hội hóa và thăng tiến chặt chẽ. Các công trình cũng cho thấy kỹ trị gắn với những dự án chính trị và tư tưởng quốc gia, đồng thời làm nổi

bật đặc trưng ổn định và đồng thuận của mô hình tinh hoa hành chính Nhật Bản. Tuy nhiên, phân tích về những biến đổi gần đây của giới tinh hoa kỹ trị trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số còn tương đối hạn chế.

Đối với Singapore, các nghiên cứu nhìn nhận đây là mô hình điển hình của quản trị kỹ trị, với sự kết hợp giữa trọng dụng nhân tài, lãnh đạo chính trị tập trung và vai trò nổi bật của giới kỹ trị trong hoạch định chính sách. Một số công trình chỉ ra các giới hạn nội tại như nguy cơ khép kín quyền lực và hạn chế tham vấn xã hội, song phần lớn vẫn thiên về phân tích mô hình thành công, ít chú ý đến các thách thức mới khi xã hội trở nên đa dạng và kỳ vọng dân chủ gia tăng.

Đối với Trung Quốc, nghiên cứu tập trung vào sự trỗi dậy của giới tinh hoa kỹ trị trong thời kỳ cải cách, gắn với quá trình thay thế dần tầng lớp cán bộ cách mạng bằng các nhà lãnh đạo có nền tảng kỹ thuật và quản lý. Các công trình nhấn mạnh tính đặc thù của kỹ trị Trung Quốc, vừa kế thừa truyền thống trọng dụng nhân tài, vừa vận hành trong khuôn khổ quyền lực của Đảng Cộng sản, đồng thời chỉ ra vai trò ngày càng mở rộng của think tank và giới chuyên gia dưới sự kiểm soát chính trị. Tuy vậy, mối quan hệ động giữa kỹ trị, đảng trị và các áp lực xã hội mới vẫn chưa được phân tích đầy đủ.

Ở bình diện so sánh khu vực, các nghiên cứu về think tank tại Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc cho thấy sự gia tăng vai trò của các tổ chức tri thức như một bộ phận của giới tinh hoa kỹ trị và “môi giới chính sách”, phản ánh nhu cầu chuyên môn hóa ngày càng cao trong quản trị, đồng thời đặt ra các vấn đề về chính trị hóa tri thức, tính hợp pháp của quyền lực chuyên gia và mạng lưới tinh hoa xuyên quốc gia.

1.2. NGHIÊN CỨU VỀ KỸ TRỊ VÀ TINH HOA KỸ TRỊ CỦA CÁC TÁC GIẢ VIỆT NAM

Ở Việt Nam, dù các nghiên cứu về tinh hoa, kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị chưa nhiều, nhưng có thể đề cập đến một số công trình nghiên cứu tiêu biểu dưới đây:

Tác giả Hà Đăng (2024) trong *Tinh hoa cách mạng Việt Nam* [5] đã hệ thống hóa những bài viết tiêu biểu trong sự nghiệp báo chí của mình, tập trung khắc họa chân dung các lãnh tụ và nhà cách mạng tiêu biểu của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Nội dung cuốn sách hướng đến việc nhận diện và phân tích những phẩm chất, tư

tưởng và phong cách của các nhân vật được xem là tinh hoa của cách mạng Việt Nam, trong đó nổi bật là Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhiều nhà lãnh đạo cao cấp qua các thời kỳ. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, các bài viết của Hà Đăng không dừng lại ở việc ca ngợi mà được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu công phu, kết hợp giữa tư liệu thực tiễn và phân tích lý luận, qua đó làm nổi bật chiều sâu tư tưởng, phong cách lãnh đạo, cũng như sự thống nhất giữa phẩm chất đạo đức và đời sống giản dị của Người. Đồng thời, thông qua việc phác họa chân dung các nhà cách mạng và chính khách tiêu biểu như Chủ tịch Tôn Đức Thắng, Tổng Bí thư Trường Chinh, Tổng Bí thư Lê Duẩn, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng..., tác giả góp phần tái hiện hình ảnh các nhân vật lịch sử trong bối cảnh đời sống và hoạt động chính trị cụ thể. Mỗi chân dung không chỉ phản ánh đặc điểm cá nhân của từng nhân vật mà còn hàm chứa những giá trị tư tưởng và kinh nghiệm lãnh đạo có ý nghĩa tham khảo đối với nghiên cứu về đội ngũ lãnh đạo và tinh hoa chính trị ở Việt Nam.

Tác giả Trần Hương Giang trong bài viết *Giới tinh hoa nên được hình thành như thế nào*, (kỳ 1,2,3) đã nhấn mạnh: sau 40 năm đổi mới, đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới nơi nền kinh tế xã hội được kỳ vọng sẽ có thể vượt lên ở một số lĩnh vực thế mạnh và tham gia thiết lập luật chơi toàn cầu. Muốn làm được điều đó, nguồn nhân lực Việt Nam phải đủ mạnh để vừa tạo ra một nhóm người có khả năng dẫn dắt cộng đồng gọi là nhóm tinh hoa, vừa phải có được nhóm người có năng lực phối hợp để bắt kịp với những bước tiến được vạch ra. Theo đó, ở thời điểm bước ngoặt này, vai trò của giới tinh hoa cần được nghiêm túc nhìn nhận lại. Đồng thời, việc xem xét lại cơ chế hình thành nhóm tinh hoa và tìm ra định hướng thúc đẩy đặc điểm và vai trò của nhóm này trong bối cảnh mới là vô cùng quan trọng.

Tác giả Trần Văn Thọ (2022) trong *Kinh tế Nhật Bản giai đoạn phát triển thần kỳ 1955 – 1973* [20] phân tích Nhật Bản như một điển hình thành công của mô hình “nước đi sau bắt kịp”, với giai đoạn tăng trưởng cao, kéo dài và gắn với phân phối thu nhập tương đối công bằng. Theo tác giả, hiện tượng phát triển thần kỳ của Nhật Bản được quyết định bởi hai nhân tố then chốt: vai trò của nhà nước định

hướng/kiến tạo phát triển và năng lực xã hội. Trong đó, năng lực của đội ngũ quan chức – đặc biệt là bộ phận tinh hoa kỹ trị – với các phẩm chất về năng lực quản lý, trách nhiệm công vụ và đạo đức nghề nghiệp, giữ vai trò trung tâm trong việc thiết kế và thực thi chiến lược phát triển. Ngược lại, sự suy giảm vị thế của Nhật Bản trong những thập niên đầu thế kỷ XXI cũng được tác giả lý giải một phần từ sự thiếu hụt đội ngũ quan chức có năng lực chiến lược, qua đó nhấn mạnh vai trò quyết định của giới tinh hoa kỹ trị đối với cả thành công lẫn khủng hoảng phát triển quốc gia.

Tác giả Nguyễn Xuân Xanh (2021) trong bài viết *Cuộc hóa rồng và giới tinh hoa kỹ trị* [26] tiếp cận vấn đề tinh hoa kỹ trị từ góc độ so sánh lịch sử – phát triển. Thông qua việc khảo sát các trường hợp điển hình ở phương Tây và phương Đông, từ Cách mạng công nghiệp Anh, cải cách Phổ, sự trỗi dậy của Hoa Kỳ sau Thế chiến II đến các mô hình phát triển thành công ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Singapore, tác giả khẳng định khoa học – công nghệ và giáo dục, với vai trò trung tâm của tầng lớp trí thức và kỹ trị, là điều kiện quyết định để các quốc gia bứt phá. Trên cơ sở đó, tác giả nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết của Việt Nam trong việc hình thành và phát huy các nhóm tinh hoa kỹ trị có năng lực chuyên môn, tầm nhìn quốc tế và vị thế độc lập tương đối, nhằm hỗ trợ lãnh đạo chính trị trong hoạch định chiến lược phát triển, đặc biệt ở các ngành mũi nhọn.

Tác giả Nhị Lê (2021) trong bài viết “*Đổi mới quan hệ giữa chính trị và kỹ trị*” [7] nhấn mạnh vai trò then chốt của nguồn nhân lực chiến lược – bao gồm các nhà chính trị, kinh tế gia và khoa học gia – đối với công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ ở Việt Nam. Tác giả cho rằng đổi mới mối quan hệ giữa chính trị và khoa học, giữa chính trị và kỹ trị theo hướng dân chủ, hài hòa là yêu cầu cấp thiết của quản trị quốc gia hiện đại. Theo đó, đội ngũ lãnh đạo, quản lý không chỉ cần năng lực chính trị mà còn phải gắn bó chặt chẽ với giới kỹ trị và tri thức khoa học; ngược lại, các nhà khoa học và kỹ trị cũng cần hội tụ phẩm chất chính trị, tinh thần phụng sự quốc gia – dân tộc. Trên cơ sở này, tác giả kiến nghị hoàn thiện cơ chế dân chủ trong thu hút, sử dụng và đãi ngộ nhân tài, qua đó tạo nền tảng cho sự kết hợp hiệu quả giữa chính trị và kỹ trị trong phát triển đất nước..

Tác giả Nguyễn Văn Vĩnh (2020) "Đổi mới chính trị đồng bộ, phù hợp với đổi mới kinh tế ở nước ta hiện nay: Thực trạng, quan điểm và định hướng chính sách". [24] Đề tài mã số KX.04.02/16-20, Viện Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đề xuất cần khu biệt, tách bạch tương đối chức năng chính trị và chức năng kỹ trị nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa yêu cầu chính trị và yêu cầu chuyên môn – kỹ thuật trong quản trị quốc gia. Tác giả chỉ ra rằng ở nhiều nước phát triển, hai nhóm chức năng này được phân tách theo chiều dọc: nhóm chính trị chủ yếu được lựa chọn thông qua bầu cử theo nhiệm kỳ, trong khi nhóm kỹ trị được tuyển chọn, bổ nhiệm theo ngạch chuyên môn, không phụ thuộc nhiệm kỳ. Ngược lại, ở Việt Nam, sự phân chia chủ yếu theo chiều ngang giữa các cơ quan Đảng và Nhà nước cùng cấp, dẫn đến nguy cơ chồng lấn chức năng và cạnh tranh ảnh hưởng, khiến cả tiêu chí chính trị lẫn tiêu chí chuyên môn đều có xu hướng bị pha trộn. Theo tác giả, tình trạng này có thể dẫn tới hiện tượng chính trị bao biện làm thay chuyên môn, hoặc ngược lại, quyền lực kỹ trị lấn át chính trị. Trên cơ sở đó, tác giả nhấn mạnh rằng cùng với sự phát triển của xã hội và yêu cầu ngày càng cao về chuyên môn hóa, việc khu biệt chức năng chính trị và kỹ trị cần được triển khai ở hai cấp độ: (i) cấp độ tổ chức, theo hướng phân định rõ giữa các thiết chế dân cử, hành chính và xã hội – dù hiện nay điều này vẫn còn nhiều hạn chế ở Việt Nam; và (ii) cấp độ cá nhân, thông qua việc xác lập các tiêu chí tuyển chọn, sử dụng và đề bạt cán bộ phù hợp, đồng thời quy định rõ chức năng chính trị hoặc kỹ trị đối với từng vị trí cụ thể.

Tác giả Bùi Việt Hương (2022) trong bài viết *Kỹ trị và vận dụng kỹ trị trong mở rộng dân chủ ở Việt Nam* [6] tiếp cận kỹ trị như một khái niệm đa chiều, vừa là một dạng quyền lực, một phương thức ra quyết định, vừa là một hình thức tổ chức quản trị. Tác giả nhấn mạnh mối quan hệ tương tác giữa kỹ trị và dân chủ, cho rằng việc nhận diện đúng bản chất của kỹ trị có ý nghĩa quan trọng trong quá trình mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở Việt Nam. Trên cơ sở chỉ ra những giới hạn của lý tính và hành vi lựa chọn của công chúng, tác giả lập luận rằng trong một số trường hợp, việc trao vai trò lớn hơn cho giới chuyên gia là cần thiết để bảo đảm các quyết sách mang tính khoa học, khách quan và dài hạn; mức độ vận dụng kỹ trị vì vậy cần được xác định trên cơ sở cân bằng hợp lý giữa dân chủ và kỹ trị, phù hợp với các mục tiêu chính trị cụ thể.

Bên cạnh các công trình tiếp cận trực diện khái niệm kỹ trị và tinh hoa kỹ trị, trong nghiên cứu chính trị - hành chính ở Việt Nam còn tồn tại một mạch nghiên cứu quan trọng tiếp cận gián tiếp nội dung này thông qua các chủ đề như xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; nhà nước kiến tạo phát triển; quản trị công hiện đại; vai trò của trí thức, chuyên gia và tư vấn chính sách trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách công. Tuy không sử dụng trực tiếp thuật ngữ “kỹ trị”, nhưng đã làm rõ vai trò ngày càng gia tăng của yếu tố chuyên môn, tri thức khoa học, năng lực quản lý và tư duy dựa trên bằng chứng trong hoạt động quản trị quốc gia. Qua đó, các nghiên cứu này cung cấp cơ sở thực tiễn và lý luận quan trọng để nhận diện sự hình thành và vận hành của bộ phận tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị Việt Nam đương đại, đặc biệt trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách thể chế, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu của các tác giả Việt Nam về tinh hoa, kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị còn tương đối khiêm tốn về số lượng, phân tán về cách tiếp cận và chưa hình thành một hướng nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống. Tuy nhiên, những công trình tiêu biểu được đề cập ở trên vẫn cung cấp những luận điểm và gợi ý quan trọng, có giá trị tham khảo đối với việc nghiên cứu kỹ trị trong bối cảnh Việt Nam hiện nay.

Thứ nhất, một số nghiên cứu tiếp cận vấn đề tinh hoa và kỹ trị từ góc độ mô tả – nhân văn – chính trị, tập trung khắc họa vai trò, phẩm chất và đóng góp của các cá nhân lãnh đạo, trí thức tiêu biểu. Công trình Tinh hoa cách mạng Việt Nam của Hà Đăng là ví dụ điển hình cho hướng tiếp cận này. Dù không trực tiếp bàn về kỹ trị theo nghĩa lý luận hiện đại, nhưng tác phẩm đã góp phần làm rõ các phẩm chất cốt lõi của tinh hoa chính trị Việt Nam – như tư duy chiến lược, đạo đức công vụ, phong cách lãnh đạo và tinh thần phụng sự – những yếu tố có ý nghĩa nền tảng để nhận diện và đánh giá tinh hoa kỹ trị trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Thứ hai, một số nghiên cứu tiếp cận kỹ trị từ góc độ phát triển kinh tế và nhà nước kiến tạo, tiêu biểu là công trình của Trần Văn Thọ về kinh nghiệm phát triển thần kỳ của Nhật Bản. Các nghiên cứu này nhấn mạnh vai trò then chốt của nhà nước định hướng phát triển và đặc biệt là chất lượng đội ngũ quan chức, trong đó có

bộ phận tinh hoa kỹ trị, đối với thành công hay suy thoái của quốc gia. Điểm nổi bật của hướng tiếp cận này là đã gắn kỹ trị với năng lực thể chế, năng lực xã hội và chất lượng quản trị quốc gia, qua đó mở ra những gợi ý quan trọng cho Việt Nam trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, đạo đức và trách nhiệm công vụ cao.

Thứ ba, một số tác giả tiếp cận kỹ trị dưới góc độ chiến lược phát triển, đổi mới tư duy chính sách và quan hệ giữa chính trị với khoa học, tiêu biểu là các bài viết của Nguyễn Xuân Xanh và Nhị Lê. Các nghiên cứu này đều thống nhất ở nhận định rằng: khoa học, công nghệ, giáo dục và đội ngũ trí thức – kỹ trị đóng vai trò quyết định trong quá trình bứt phá và phát triển bền vững của quốc gia. Đáng chú ý, các tác giả không tuyệt đối hóa kỹ trị, mà nhấn mạnh yêu cầu hài hòa, tương tác và bổ trợ giữa chính trị và kỹ trị; giữa vai trò lãnh đạo chính trị với vai trò tư vấn, hoạch định chính sách của giới chuyên gia. Đây là cách tiếp cận phù hợp với điều kiện chính trị – thể chế của Việt Nam, đồng thời phản ánh rõ những trăn trở thực tiễn trong việc sử dụng và đãi ngộ nhân tài hiện nay.

Thứ tư, một số nghiên cứu tiếp cận kỹ trị từ góc độ thể chế, tổ chức quyền lực và phân công chức năng, tiêu biểu là công trình của Nguyễn Văn Vĩnh. Điểm mạnh của hướng tiếp cận này là đã đặt vấn đề khu biệt chức năng chính trị và kỹ trị một cách trực diện, chỉ ra những bất cập trong cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực ở Việt Nam hiện nay. Các phân tích về nguy cơ “chính trị hóa kỹ trị” hoặc “kỹ trị lấn át chính trị” có giá trị lý luận và thực tiễn cao, góp phần làm rõ yêu cầu chuyên môn hóa ngày càng cao của quản trị nhà nước hiện đại.

Thứ năm, một số nghiên cứu đã bước đầu bàn đến mối quan hệ giữa kỹ trị và dân chủ, như công trình của Bùi Việt Hương. Cách tiếp cận này cho thấy kỹ trị không đối lập tuyệt đối với dân chủ, mà có thể trở thành công cụ bổ trợ nhằm nâng cao chất lượng ra quyết định công, nhất là trong những lĩnh vực đòi hỏi trình độ chuyên môn cao và tầm nhìn dài hạn. Đây là hướng tiếp cận có ý nghĩa trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn với nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia.

1.3. KẾT QUẢ CỦA CÁC NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.3.1. Kết quả của các tổng quan nghiên cứu

Từ việc tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, có thể nhận thấy rằng vấn đề giới tinh hoa, kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị đã được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau và đạt được một số kết quả quan trọng.

Thứ nhất, mặc dù xuất phát từ các cách tiếp cận lý thuyết khác nhau (chính trị học, xã hội học, quản trị công, kinh tế chính trị...), các công trình nghiên cứu nhìn chung đã đạt được sự thống nhất tương đối về khái niệm kỹ trị và vai trò của kỹ trị trong đời sống chính trị hiện đại. Nhiều nghiên cứu đã làm rõ đặc trưng của kỹ trị gắn với tri thức chuyên môn, năng lực quản lý và tính hợp lý – hiệu quả trong hoạch định và thực thi chính sách công, đồng thời phân tích mô hình kỹ trị theo đặc thù thể chế và văn hóa chính trị của từng quốc gia. Đặc biệt, mối quan hệ giữa kỹ trị và dân chủ là một trong những vấn đề trung tâm được quan tâm sâu sắc, với nhiều công trình đưa ra các kịch bản khác nhau nhằm dung hòa yêu cầu về tính hiệu quả quản trị với yêu cầu về tính đại diện, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của công chúng.

Thứ hai, giới tinh hoa kỹ trị được các nhà nghiên cứu xem xét như một bộ phận quan trọng của giới tinh hoa nói chung, đồng thời là lực lượng nòng cốt vận hành chế độ kỹ trị trong thực tiễn. Nhiều công trình đã chỉ ra rằng giới tinh hoa kỹ trị không tồn tại như một tập hợp thuần nhất, mà hình thành mạng lưới quyền lực phức hợp, vừa có sự đồng thuận, hợp tác, vừa tồn tại cạnh tranh và xung đột lợi ích với các nhóm tinh hoa khác, đặc biệt là tinh hoa chính trị. Thông qua các vị trí then chốt trong bộ máy nhà nước, cơ quan hoạch định chính sách và các thiết chế quản trị, giới tinh hoa kỹ trị có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình ra quyết định chính trị, phương thức lãnh đạo và cấu trúc quan hệ quyền lực trong xã hội.

Thứ ba, nhiều nghiên cứu trường hợp về Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc đã làm rõ quá trình hình thành, phát triển cũng như những đặc điểm nổi bật của kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị trong từng bối cảnh quốc gia cụ thể. Các công trình này cho thấy sự trỗi dậy của giới tinh hoa kỹ trị gắn chặt với yêu cầu hiện đại hóa nhà nước, phát triển kinh tế và nâng cao năng lực quản trị. Từ đó, không ít nghiên

cứu xem giới tinh hoa kỹ trị như một trong những nhân tố quan trọng góp phần lý giải thành công phát triển của các quốc gia nói trên, dù mức độ và cách thức thể hiện có sự khác biệt tùy theo thể chế chính trị.

Thứ tư, trong bối cảnh đương đại, nhiều công trình đã đặt vấn đề kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị trong tác động của chủ nghĩa dân túy, quá trình dân chủ hóa, toàn cầu hóa và sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ. Các nghiên cứu này chỉ ra rằng những biến đổi sâu sắc của môi trường chính trị - xã hội đang đặt ra yêu cầu thích ứng ngày càng cao đối với giới tinh hoa kỹ trị, đồng thời làm gia tăng các thách thức liên quan đến tính chính danh, trách nhiệm giải trình và mối quan hệ với công chúng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tổng quan nghiên cứu cũng cho thấy một số khoảng trống và vấn đề chưa được làm rõ.

Thứ nhất, mặc dù có nhiều nghiên cứu về giới tinh hoa nói chung, chưa có công trình nào xây dựng được một khung phân tích đầy đủ và có hệ thống về quá trình hình thành, đặc điểm cấu trúc và các yếu tố tác động đến giới tinh hoa kỹ trị ở bình diện so sánh quốc tế.

Thứ hai, dù đã xuất hiện một số nghiên cứu trực tiếp đề cập đến giới tinh hoa kỹ trị, song phần lớn các công trình vẫn tập trung vào tinh hoa chính trị, trong khi ảnh hưởng cụ thể của giới tinh hoa kỹ trị đối với đời sống chính trị, đặc biệt là đối với quá trình hoạch định và thực thi chính sách công, chưa được phân tích một cách sâu sắc và độc lập.

Thứ ba, các nghiên cứu đề cập đến tác động của bối cảnh quốc tế và những yêu cầu mới đặt ra đối với giới tinh hoa kỹ trị còn rời rạc, thiếu tính hệ thống và chưa gắn kết chặt chẽ với những biến động địa chính trị và công nghệ hiện nay, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược gia tăng và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

1.3.2. Những vấn đề luận án nghiên cứu

Từ kết quả tổng quan các công trình nghiên cứu, luận án đặt ra các câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu nhằm làm rõ ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị thông qua các trường hợp Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc.

Câu hỏi nghiên cứu

Thứ nhất, vì sao trong khi giới tinh hoa kỹ trị thường được xem là lực lượng đại diện cho tính hợp lý và hiệu quả trong quản trị nhà nước, vị trí, vai trò và mức độ ảnh hưởng của họ lại khác biệt đáng kể giữa các hệ thống chính trị; và liệu kỹ trị có thể được coi là một mô hình quản trị mang tính phổ quát, hay thực chất là một dạng thức quyền lực bị định hình mạnh mẽ bởi thể chế, văn hóa chính trị và truyền thống quản trị quốc gia?

Thứ hai, sự tham gia ngày càng sâu của giới tinh hoa kỹ trị vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách công có làm thay đổi cấu trúc quyền lực chính trị theo hướng “kỹ trị hóa” hay không; và sự thay đổi đó tác động như thế nào đến mối quan hệ giữa hiệu quả quản trị nhà nước, tính chính danh dân chủ và các cơ chế kiểm soát quyền lực?

Thứ ba, trong các trường hợp nghiên cứu Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc, vì sao cùng tồn tại và vận hành đội ngũ tinh hoa kỹ trị nhưng lại hình thành những mô hình chính trị - hành chính và mức độ ảnh hưởng rất khác nhau; đâu là những yếu tố then chốt quyết định sự khác biệt này?

Thứ tư, trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và sự gia tăng của chủ nghĩa dân túy, liệu giới tinh hoa kỹ trị còn có thể tiếp tục đóng vai trò là động lực của cải cách và hiện đại hóa quản trị nhà nước hay đang ngày càng bị đặt vào thế phòng thủ trước những giới hạn mang tính cấu trúc và chính trị?

Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1: Giới tinh hoa kỹ trị không tồn tại như một mô hình quản trị phổ quát, mà vị trí, vai trò và mức độ ảnh hưởng của họ phụ thuộc quyết định vào cấu trúc thể chế chính trị, văn hóa chính trị và truyền thống quản trị quốc gia; do đó, cùng một logic kỹ trị có thể tạo ra những dạng thức quyền lực rất khác nhau trong các hệ thống chính trị khác biệt.

Giả thuyết 2: Sự gia tăng vai trò của giới tinh hoa kỹ trị trong hoạch định và thực thi chính sách công thúc đẩy xu hướng kỹ trị hóa quyền lực nhà nước, qua đó làm biến đổi tương quan giữa hiệu quả quản trị, tính chính danh chính trị và các cơ chế kiểm soát quyền lực; tuy nhiên, mức độ và hệ quả của xu hướng này phụ thuộc vào đặc điểm thể chế và bối cảnh chính trị cụ thể của từng quốc gia.

Giả thuyết 3: Những khác biệt về mô hình vận hành và mức độ ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị tại Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc chủ yếu được quyết định bởi sự kết hợp giữa: (i) thể chế chính trị, (ii) cấu trúc hành chính, (iii) cơ chế tuyển chọn, sử dụng nhân sự kỹ trị, và (iv) vai trò của đảng phái và lãnh đạo chính trị, hơn là bởi trình độ chuyên môn hay năng lực kỹ thuật thuần túy của giới kỹ trị.

Giả thuyết 4: Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và sự gia tăng của chủ nghĩa dân túy, vai trò của giới tinh hoa kỹ trị với tư cách là động lực cải cách và hiện đại hóa quản trị nhà nước mang tính điều kiện, vừa được mở rộng bởi nhu cầu quản trị dựa trên tri thức và công nghệ, vừa bị giới hạn bởi các ràng buộc chính trị, xã hội và yêu cầu về tính chính danh.

Từ câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu trên, luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề sau:

Hệ thống hóa và làm rõ một số vấn đề lý luận về giới tinh hoa, kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị, góp phần bổ sung và hoàn thiện khung phân tích lý thuyết cho nghiên cứu về kỹ trị trong khoa học chính trị hiện đại.

Phân tích quá trình hình thành, đặc điểm, các yếu tố tác động và ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị đối với đời sống chính trị của một số quốc gia tiêu biểu trên thế giới, qua đó làm rõ vai trò và giới hạn của giới tinh hoa kỹ trị trong các mô hình chính trị khác nhau.

Làm rõ những cơ hội, thách thức và xu hướng biến đổi của giới tinh hoa kỹ trị trong bối cảnh địa chính trị toàn cầu biến động nhanh, cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt và tác động sâu rộng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, từ đó gợi mở những hàm ý lý luận và thực tiễn cho nghiên cứu và hoạch định chính sách.

Từ những nội dung trên, có thể khẳng định rằng luận án không lặp lại các nghiên cứu đã có trong nước về giới tinh hoa nói chung hay tinh hoa chính trị, mà tập trung làm rõ giới tinh hoa kỹ trị như một chủ thể tương đối độc lập trong đời sống chính trị. Thông qua việc xây dựng khung phân tích có tính hệ thống về quá trình hình thành, đặc điểm cấu trúc, các yếu tố tác động và ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị, luận án góp phần bổ sung khoảng trống lý luận hiện nay, khi phần lớn

các nghiên cứu trong nước mới dừng lại ở cách tiếp cận khái quát hoặc lồng ghép kỹ trị trong nghiên cứu về quản trị nhà nước và cải cách hành chính.

Đồng thời, bằng việc tiếp cận so sánh một số quốc gia tiêu biểu và đặt giới tinh hoa kỹ trị trong bối cảnh biến động địa chính trị, cạnh tranh chiến lược và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, luận án không chỉ làm rõ tính đặc thù và xu hướng biến đổi của giới tinh hoa kỹ trị, mà còn nâng cao khả năng khái quát và giá trị tham chiếu của các kết luận nghiên cứu. Qua đó, luận án đóng góp cả về phương diện lý luận lẫn thực tiễn, góp phần làm sâu sắc thêm nghiên cứu về kỹ trị và tinh hoa kỹ trị trong khoa học chính trị đương đại.

Kết luận Chương 1

Tổng quan các công trình nghiên cứu cho thấy kỹ trị và giới tinh hoa kỹ trị đã trở thành một chủ đề nghiên cứu quan trọng trong khoa học chính trị đương đại, đặc biệt trong bối cảnh các nhà nước phải đối mặt với yêu cầu quản trị ngày càng phức tạp, dựa nhiều vào tri thức chuyên môn và năng lực kỹ thuật. Các nghiên cứu về Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc đã hình thành một nền tảng tri thức tương đối hệ thống, làm rõ quá trình hình thành, cơ chế vận hành và vai trò của giới tinh hoa kỹ trị trong những mô hình thể chế khác nhau ở Đông Á.

Nhìn chung, các công trình hiện có đã cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc nghiên cứu giới tinh hoa kỹ trị, song vẫn để ngỏ những khoảng trống nghiên cứu liên quan đến sự biến đổi vai trò của kỹ trị trong bối cảnh mới, đặc biệt là mối quan hệ giữa kỹ trị với quyền lực chính trị, tính chính danh và các yêu cầu dân chủ hóa. Đây chính là cơ sở khoa học và lý luận để luận án tiếp tục triển khai phân tích sâu hơn, đồng thời đặt vấn đề nghiên cứu trong một khung so sánh và gợi mở phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

Chương 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ

2.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KỸ TRỊ

2.1.1. Quan niệm về kỹ trị

Thuật ngữ kỹ trị (technocracy) có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp τέχνη, tekhnē có nghĩa là kỹ năng và κράτος, kratos có nghĩa là quyền lực [6]. phản ánh ngay từ đầu mối liên hệ giữa tri thức chuyên môn và việc thực thi quyền lực. Trong tư tưởng chính trị cổ điển, quan niệm này đã manh nha từ rất sớm. Platon, khi bàn về mô hình nhà nước lý tưởng, đề cao quyền lực của sự thông thái và cho rằng một nền cai trị tốt chỉ có thể đạt được khi “ông vua là triết gia, hoặc triết gia trở thành vua”. Theo ông, chỉ khi con người đạt tới tri thức đích thực (ἐπιστήμη – sự thông thái; γνώσις – sự hiểu biết), họ mới có khả năng cai trị đúng đắn [36tr.151-160]. Chính trị, theo Platon, hướng tới “sự cai trị con người”, đòi hỏi tri thức về bản chất và nhu cầu của con người. Trong *The Statesman*, ông lập luận rằng quyền lực được thực thi hợp lý không phụ thuộc vào sự đồng thuận chủ quan của thần dân, mà phụ thuộc vào việc người cai trị có sở hữu khoa học hay không; tương tự như bác sĩ, dù gây đau đớn nhưng vẫn được thừa nhận nếu hành động dựa trên nghệ thuật và tri thức khoa học. Cách lập luận này đặt nền móng cho quan niệm rằng tính đúng đắn của quyền lực có thể bắt nguồn từ tri thức chuyên môn, chứ không chỉ từ ý chí số đông.

Bước sang thời kỳ cận - hiện đại, cùng với sự trỗi dậy của xã hội công nghiệp, tư tưởng kỹ trị được định hình rõ nét hơn. Vào nửa sau thế kỷ XVIII, Henri de Saint-Simon phác họa một trật tự xã hội mới, trong đó việc quản trị xã hội được giao cho các kỹ sư, nhà khoa học, nhà công nghiệp và nhà hoạch định có khả năng áp dụng hệ thống tri thức kỹ thuật để tổ chức sản xuất và giải quyết các vấn đề xã hội. Theo Saint-Simon, xã hội công nghiệp hình thành một tầng lớp “công nghiệp” mới bao gồm công nhân, nghệ sĩ, kỹ sư, nhà khoa học, nhà quản lý và chủ sở hữu [82tr.338], với cơ cấu quyền lực vận hành theo logic nhân tài nghiêm ngặt và cơ chế lưu thông tinh hoa. Quan niệm này đánh dấu sự chuyển dịch quan trọng: từ hình ảnh

“triết gia - vua” sang mô hình quản trị dựa trên năng lực kỹ thuật và tổ chức, gắn chặt với tiến trình công nghiệp hóa.

Trong khi đó, Max Weber tiếp cận kỹ trị từ góc độ xã hội học quyền lực và hành chính. Ông xem bộ máy hành chính – quan liêu là hình thức quản lý hiệu quả và hiện đại, dựa trên chuyên môn hóa, kỷ luật và tính hợp lý, nhưng đồng thời cảnh báo nguy cơ bộ máy này lấn át vai trò của chính trị gia trong hoạch định chính sách. Dù tự nhận trung lập về ý thức hệ, bộ máy hành chính thường phản ánh giá trị và lợi ích của tầng lớp xã hội nơi các quan chức được tuyển chọn. Khác với chính trị gia phải cạnh tranh và tìm kiếm sự ủng hộ công khai, quan chức chỉ chịu trách nhiệm về năng lực và hiệu quả chuyên môn; do đó, thách thức của xã hội hiện đại là kiểm soát quyền lực hành chính để bảo vệ ý chí chính trị dân chủ. Trong cách nhìn này, kỹ trị được Weber phác họa như một biểu hiện của quá trình hợp lý hóa, gắn với sự trỗi dậy của tầng lớp hành chính và mối quan hệ căng thẳng, đan xen giữa hành chính, chính trị và hệ tư tưởng.

Thuật ngữ “kỹ trị” theo nghĩa hiện đại được xác lập chính thức vào đầu thế kỷ XX. Năm 1919, kỹ sư cơ khí người Mỹ William Henry Smith tuyên bố: “tôi đã đặt ra thuật ngữ kỹ trị”[77] nhằm mô tả một hình thức tái thiết quốc gia và mô hình chính phủ tương lai dựa trên quản lý công nghiệp với sự tham gia của các nhà khoa học, nhà công nghệ và những người có tay nghề đặc biệt. Theo Smith, đây là một quá trình chuyển đổi mang tính cách mạng, có khả năng biến xã hội thành “một cỗ máy xã hội thống nhất”. Từ đây, kỹ trị được hiểu như mô hình trong đó việc thực thi quyền lực và ra quyết định chính trị dựa chủ yếu trên tri thức khoa học và kỹ thuật, với ảnh hưởng quyết định thuộc về các kỹ thuật viên trong bộ máy hành chính và nền kinh tế, hay rộng hơn, là một hệ thống quản trị nơi các chuyên gia kỹ thuật giữ vị trí chi phối trong các thiết chế kinh tế - chính trị.

Trên nền tảng đó, quan niệm về kỹ trị tiếp tục phát triển và chuyển hóa trong thế kỷ XX–XXI. Ban đầu, kỹ trị gắn với yêu cầu tổ chức, tiêu chuẩn hóa và tối ưu hóa trong xã hội công nghiệp; nhưng khi xã hội bước sang giai đoạn hậu công nghiệp, tri thức, khoa học – công nghệ, dữ liệu và quản trị phức hợp trở thành nguồn lực trung tâm, kỹ trị không còn chỉ là logic tổ chức kỹ thuật mà dần trở thành

một phương thức quản trị. Trong thực tiễn, kỹ trị hiếm khi tồn tại như một chế độ thuần túy; thay vào đó, nó được hiện thực hóa từng phần, thông qua các nguyên tắc, cơ chế và vai trò chuyên gia đan xen trong những mô hình chính trị khác nhau.

Điểm nhấn lý luận của kỹ trị hiện đại nằm ở giả định rằng các vấn đề xã hội, tương tự các vấn đề kỹ thuật, có thể được nhận diện và xử lý hiệu quả thông qua phân tích khoa học, dữ liệu và tri thức chuyên môn. Trọng tâm vì vậy chuyển từ “quyền lực của chuyên gia” sang “nghệ thuật quản trị”, nhấn mạnh việc xây dựng quyết định chính trị trên cơ sở lý tính và chuyên môn ở mức độ cao nhất có thể. Mục tiêu của chính trị kỹ trị không phải là cạnh tranh ý chí, mà là xác định và triển khai các giải pháp được coi là tối ưu cho những vấn đề phức tạp của xã hội, hướng tới sự thịnh vượng lâu dài của cộng đồng. Trong cách tiếp cận này, nguồn gốc tính hợp pháp của quyền lực nằm ở kiến thức và năng lực chuyên môn vượt trội, chứ không trực tiếp bắt nguồn từ ý chí của nhân dân.

Xét trong mối quan hệ với bộ máy hành chính, kỹ trị hiện đại thường gắn với hệ thống quan liêu – nơi tập trung tri thức chuyên môn và năng lực vận hành chính sách. Tuy nhiên, khái niệm kỹ trị không đồng nhất với hành chính thuần túy, mà hàm ý một hình thức quyền lực dựa trên lý tính, tính toán và chuyên môn hóa, được nhìn nhận như biểu hiện của “quyền lực của lý trí” trong quản trị xã hội hiện đại.

2.1.2. Quá trình phát triển của kỹ trị

Quá trình hình thành và phát triển của kỹ trị gắn chặt với công nghiệp hóa và các cuộc cách mạng công nghiệp, có thể khái quát qua bốn bước lớn với những mốc và bước ngoặt rõ nét.

Thứ nhất, kỹ trị sơ khai gắn với Cách mạng Pháp. Việc cải tổ hệ thống pháp binh Gribeauval (1765) đánh dấu sự chuyển từ sản xuất thủ công sang sản xuất công nghiệp dựa trên tiêu chuẩn hóa, tính toán và kỷ luật. Cùng với đó là sự ra đời của các trường kỹ thuật, chế độ trọng dụng nhân tài và sự hình thành một tầng lớp tinh hoa kỹ sư tham gia vào quản lý và hoạch định chính sách. Ở giai đoạn này, kỹ trị tự xác định là đại diện cho lý trí khoa học và chuyên môn kỹ thuật, tương đối tách biệt với chính trị, hình thành mô hình kỹ trị nguyên thủy.

Thứ hai, cuộc cách mạng kỹ trị lần thứ hai tại Hoa Kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, gắn với việc Smyth đưa ra thuật ngữ “kỹ trị”. Điểm đột phá của giai đoạn này là sự phát triển của quản lý khoa học và tham vọng mở rộng logic quản lý kỹ thuật từ nhà máy sang quản lý xã hội. Kỹ trị từng nổi lên như một phong trào cải cách chính trị – xã hội (1919–1933), đặc biệt trong bối cảnh Đại suy thoái, nhưng nhanh chóng suy yếu. Dù tồn tại ngắn ngủi, giai đoạn này đã để lại di sản quan trọng: kỹ trị được “chuyên hóa” thành một cuộc cách mạng quản lý, ảnh hưởng sâu rộng đến hành chính công và chính sách.

Thứ ba, cuộc cách mạng kỹ trị lần thứ ba – thời kỳ hoàng kim sau Chiến tranh thế giới thứ hai, gắn với Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và trật tự thế giới hai cực. Khoa học – công nghệ lớn (năng lượng hạt nhân, hàng không, kinh tế học vĩ mô, thống kê, lập kế hoạch) được thể chế hóa trong mối liên kết chặt chẽ giữa nhà nước và giới chuyên gia. Kỹ trị đạt đỉnh cao ảnh hưởng trong những năm 1950–1970, thể hiện ở vai trò trung tâm của lập kế hoạch, chuyên gia kinh tế và các thiết chế quốc tế. Tuy nhiên, thay vì thay thế chính trị, kỹ trị thiết lập một cân bằng quyền lực mới giữa chính trị gia và giới tinh hoa kỹ trị trong hoạch định chính sách công.

Thứ tư, cuộc cách mạng kỹ trị lần thứ tư trong xã hội hậu công nghiệp. Từ những năm 1980, dưới tác động của chủ nghĩa tự do mới và sự suy giảm của mô hình nhà nước kế hoạch hóa, kỹ trị rút lui khỏi các tham vọng không tưởng và chuyển sang ảnh hưởng gián tiếp thông qua quy trình chính sách. Bước ngoặt cốt lõi là sự dịch chuyển từ công nghiệp sang kinh tế tri thức và thông tin, từ công nghệ máy móc sang công nghệ trí tuệ, thuật toán và dữ liệu. Trong bối cảnh này, kỹ trị không suy tàn mà tái cấu trúc, trở thành nền tảng chuyên môn không thể thiếu của quản trị hiện đại, gắn với yêu cầu dung hòa giữa kỹ trị và dân chủ, tiêu biểu ở mô hình “nhà nước thông tin”.

Như vậy, qua các giai đoạn phát triển, kỹ trị đã chuyển từ hình thức sơ khai dựa trên kỹ sư công nghiệp sang kỹ trị hậu công nghiệp dựa trên tri thức khoa học và công nghệ cao, khẳng định vị thế như một logic quản trị hiện đại, vận hành trong mối quan hệ đan xen và cân bằng với quyền lực chính trị.

2.1.3. Các cách tiếp cận kỹ trị

Thứ nhất, kỹ trị được tiếp cận như một phương pháp ra quyết định. Ở nghĩa rộng nhất, kỹ trị được hiểu là sự ra quyết định dựa trên chuyên môn của các chuyên gia, xuất phát từ ý tưởng rằng luôn tồn tại “cách tốt nhất” để đạt được mục tiêu nếu người ra quyết định có đủ năng lực và hiểu biết về phương tiện tối ưu. Khác với chính trị truyền thống – nơi các quyết định là kết quả của sự thương lượng, cân bằng lợi ích và cạnh tranh đảng phái – kỹ trị tìm cách vượt lên trên các chia rẽ chính trị để đưa ra kết luận dựa trên dữ liệu, tri thức và đánh giá chuyên môn. Theo đó, các nhà kỹ trị không chịu trách nhiệm trước cử tri hay đảng phái, mà được tuyển chọn chủ yếu dựa trên năng lực trí tuệ và chuyên môn.

Trong dạng lý tưởng, kỹ trị với tư cách là một phương pháp hướng tới sự phi chính trị hóa triệt để quá trình ra quyết định. Ở mức độ cực đoan, việc ra quyết định được giản lược thành các quy tắc và thủ tục mang tính kỹ thuật, trong đó tri thức khoa học được xem là nguồn duy nhất cung cấp các giải pháp đúng đắn và thống nhất cho mọi vấn đề chính sách. Tuy nhiên, cách tiếp cận này cũng hàm chứa nguy cơ “mất nhân tính”, khi các yếu tố tư tưởng, giá trị và cảm xúc cá nhân bị loại bỏ khỏi quá trình tính toán. Do đó, để kỹ trị thực sự đóng vai trò là một phương pháp ra quyết định tối ưu, cần bảo đảm sự cân bằng giữa quyền tự chủ chuyên môn của các nhà kỹ trị và việc định hướng chính trị thông qua các mục tiêu tổng thể do các chủ thể dân cử xác lập. Trong cách hiểu này, kỹ trị là phương tiện phục vụ chính trị, chứ không phải là mục đích tự thân.

Thứ hai, kỹ trị được xem xét như một loại hình chính phủ khi các nhà kỹ trị nắm giữ các vị trí quyền lực cao nhất trong bộ máy nhà nước và trực tiếp hoạch định, triển khai chính sách trong khuôn khổ hiến pháp. Trên thực tế, các chính phủ kỹ trị thường xuất hiện trong những giai đoạn khủng hoảng chính trị hoặc kinh tế, khi các đảng phái truyền thống thiếu năng lực, uy tín hoặc sự đồng thuận để xử lý các vấn đề cấp bách. Tuy các chính phủ này nhấn mạnh tính chuyên môn và phi đảng phái, nhưng ngay cả trong trường hợp đó, kỹ trị vẫn không thể hoàn toàn phi chính trị. Các chính phủ kỹ trị vẫn vận hành trong các cấu trúc, thủ tục và nghi thức chính trị sẵn có, duy trì quan hệ với các đảng phái, cơ quan lập pháp, truyền thông và dư luận xã hội.

Thứ ba, kỹ trị được tiếp cận như một loại chế độ không chính thức. Ở đây, các chuyên gia kỹ thuật không nhất thiết phải giữ chức vụ trong chính phủ nhưng vẫn có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình hoạch định chính sách công thông qua vai trò cố vấn, tư vấn hoặc trung gian điều phối. Trong nhiều trường hợp, các nhà kỹ trị hoạt động trong hoặc thông qua các đảng phái chính trị, các cơ quan lập pháp, các hội đồng chuyên gia hoặc các thiết chế độc lập. Khi các tổ chức chính trị giao phó thẩm quyền cho giới chuyên môn, các nhà kỹ trị có thể định hình nghị trình chính sách bằng cách xác lập cách hiểu vấn đề, thúc đẩy các giải pháp ưu tiên và làm lu mờ những lựa chọn thay thế khác. Ảnh hưởng của họ càng gia tăng trong những bối cảnh đòi hỏi kiến thức chuyên sâu, nơi các giải pháp chuyên môn khó bị thách thức.

Trên cơ sở các cách tiếp cận trên, kỹ trị được nhìn nhận như một khái niệm đa diện và đa chiều, vừa là phương pháp ra quyết định, vừa là cấu hình quyền lực chính trị, vừa là tập hợp các ý tưởng và thực hành quản trị. Kỹ trị mô tả một hình thức tổ chức quyền lực trong đó các quyết định được đưa ra bởi một nhóm tinh hoa chuyên môn, tương đối độc lập với các đảng phái, nhằm tối đa hóa phúc lợi lâu dài của cộng đồng. Các đặc trưng cốt lõi của kỹ trị bao gồm: (1) tính tinh hoa dựa trên tri thức, chuyên môn và kinh nghiệm; (2) mức độ độc lập tương đối của quyền lực kỹ trị đối với cạnh tranh đảng phái; (3) khuynh hướng chống đa nguyên, phản đối việc ra quyết định dựa trên sự tổng hợp lợi ích của các nhóm xã hội khác nhau; và (4) cam kết với chủ nghĩa thực chứng, coi các giải pháp tối ưu có thể đạt được thông qua phân tích khoa học và lý tính.

Trong bối cảnh chính trị, quyền lực kỹ trị được hợp pháp hóa thông qua năng lực chuyên môn thay vì sự ủy quyền trực tiếp của cử tri. Theo đó, sự đại diện của công dân trong chế độ kỹ trị được hiểu theo mô hình “người được ủy thác” thay vì mô hình “đại biểu”. Kỹ trị hướng tới trách nhiệm giải trình dựa trên kết quả và lợi ích dài hạn của toàn thể cộng đồng, hơn là phản ứng trước các yêu cầu ngắn hạn của những nhóm đa số cụ thể.

2.1.4. Mối quan hệ giữa “kỹ trị” và “dân chủ”

Trong quan niệm cổ điển, kỹ trị được hiểu là sự cai trị của một thiểu số nắm giữ và kiểm soát tri thức, chuyên môn kỹ thuật. Đặc điểm này đối lập với nguyên lý

nền tảng của dân chủ – sự ra quyết định của đa số và quản trị tập thể. Do dựa trên những cơ chế xác thực khác nhau, kỹ trị và dân chủ thường bị coi là không tương thích: trong khi tính hợp pháp của quyền lực dân chủ bắt nguồn từ sự ủy quyền của nhân dân, thì quyền lực kỹ trị được hợp pháp hóa bằng tri thức chuyên môn của một nhóm tinh hoa. Vì vậy, trong mô hình lý tưởng, kỹ trị thường được xem là phi dân chủ, thậm chí mang những đặc điểm gần với sự cai trị độc đoán, và được đặt trong thế đối lập với nền dân chủ tự do.

Tuy nhiên, trên thực tế, mối quan hệ giữa kỹ trị và dân chủ phức tạp và linh hoạt hơn. Khi kỹ trị được hiểu như một loại nội các hoặc một cấu hình quyền lực cụ thể trong chính phủ, nó có thể tồn tại trong cả bối cảnh dân chủ lẫn phi dân chủ. Theo đó, dân chủ không nhất thiết loại trừ kỹ trị, mà có khả năng thích nghi và dung hợp với các yếu tố kỹ trị trong những điều kiện nhất định.

Sự chuyển đổi từ xã hội công nghiệp sang xã hội hậu công nghiệp đã làm thay đổi quan niệm về kỹ trị. Kỹ trị hiện đại ngày càng khẳng định sự ủng hộ đối với dân chủ và hướng tới việc củng cố nền dân chủ thông qua tăng cường sự tham gia, tính phản xạ và trách nhiệm giải trình. Trong cách tiếp cận này, sự kết hợp giữa kỹ trị và dân chủ được kỳ vọng sẽ hạn chế nguy cơ của “dân chủ đám đông”, nơi các quyết định có thể bị chi phối bởi đa số thiên cận thay vì các nguyên tắc công bằng và lợi ích dài hạn. Các tiêu chuẩn dân chủ được lồng ghép vào quá trình xây dựng và thực thi chính sách, khiến chế độ kỹ trị trở nên cởi mở, toàn diện và có trách nhiệm hơn so với trước đây. Tuy vậy, việc dung hòa giữa kỹ trị và dân chủ vẫn đòi hỏi cách tiếp cận thận trọng và thái độ phê phán phù hợp.

Trên thực tế, quyền lực kỹ trị tồn tại ở nhiều cấp độ khác nhau, từ vai trò cố vấn chuyên môn đến các vị trí quyền lực trong nội các. Do đó, khó có thể hình dung một hệ thống chính trị hoàn toàn không có yếu tố kỹ trị; ngay cả những nền dân chủ phát triển nhất cũng cần dựa vào tri thức chuyên môn độc lập trong quá trình ra quyết định. Khi kỹ trị được tiếp cận như một phương thức quản trị, trọng tâm chuyển từ chủ thể quyền lực sang quy trình ra quyết định. Trong trường hợp này, quản trị kỹ trị thể hiện xu hướng phi chính trị hóa thông qua việc mở rộng vai trò của các giải pháp được coi là trung lập về giá trị và ảnh hưởng của các chuyên gia

đối với các thiết chế đảng phái. Theo Urbinati [79tr.230], đây có thể được xem là một dạng “dân chủ nhận thức”, nhằm “phi chính trị hóa các thủ tục dân chủ và biến chúng thành một phương pháp để đạt được ‘kết quả đúng đắn’ hoặc vô hiệu hóa các quyết định dựa trên đa số đảng phái”. Nếu xu hướng này chiếm ưu thế, nó có thể làm biến đổi bản chất của dân chủ, chuyển từ nền dân chủ dựa trên ý kiến sang sự biểu hiện của “sức mạnh tri thức”.

Cuối cùng, ở cấp độ ý tưởng và thái độ chính trị, kỹ trị phản ánh cách các chính trị gia và công dân nhìn nhận tiến trình ra quyết định. Nhiều nghiên cứu tiếp cận kỹ trị như một tập hợp các ý tưởng từ cả phía cung (đảng phái, chính trị gia) và phía cầu (công dân, cử tri). Ở cấp độ này, kỹ trị vẫn có thể cùng tồn tại trong bối cảnh dân chủ, song sự lan rộng của các thái độ kỹ trị cũng có thể được xem là dấu hiệu của sự hoài nghi hoặc bất mãn ngày càng gia tăng đối với hoạt động của nền dân chủ.

2.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ GIỚI TINH HOA VÀ TINH HOA KỸ TRỊ

2.2.1. Một số vấn đề cơ bản về giới tinh hoa

2.2.1.1. Khái niệm “giới tinh hoa”

Thuật ngữ "elite" (tinh hoa) được sử dụng lần đầu vào thế kỷ XVII để mô tả những mặt hàng có chất lượng đặc biệt xuất sắc; “elite” sau đó được mở rộng để chỉ các nhóm xã hội ưu tú, chẳng hạn như các đơn vị quân đội danh tiếng hoặc các tầng lớp quý tộc cao cấp. Nhưng thuật ngữ này không được sử dụng rộng rãi trong các bài viết xã hội và chính trị cho đến cuối thế kỷ XIX ở châu Âu, hoặc cho đến những năm 1930 ở Anh và Mỹ, khi nó được phổ biến thông qua các lý thuyết xã hội học về tầng lớp thượng lưu, đặc biệt là trong các tác phẩm của Vilfredo Pareto.

“Giới tinh hoa” là khái niệm chỉ tập hợp những cá nhân ưu tú, có những phẩm chất nổi bật, sở hữu quyền lực chính trị hoặc có trình độ chuyên môn cao, nắm giữ quyền lực, ảnh hưởng và các nguồn lực quan trọng trong xã hội, có ảnh hưởng sâu rộng và có khả năng dẫn dắt xã hội phát triển theo hướng nhất định.

Giới tinh hoa không chỉ là sự cộng gộp của các cá nhân ưu tú mà còn hình thành một nhóm xã hội có khả năng tổ chức, ảnh hưởng và duy trì quyền lực một cách ổn định qua thời gian.

Giới tinh hoa có thể được phân chia thành nhiều loại hình khác nhau, dựa trên các tiêu chí về vị trí quyền lực hoặc lĩnh vực hoạt động:

Theo vị thế chính trị – quyền lực: Giới tinh hoa cầm quyền là nhóm giữ quyền lực nhà nước, kiểm soát các thiết chế chính trị và ra quyết định mang tính quốc gia; Giới tinh hoa chuyên môn – kỹ trị (functional/technocratic elite) là nhóm tinh hoa hoạt động trong các lĩnh vực kỹ thuật, khoa học, hoạch định chính sách, giữ vai trò tham mưu – điều hành chuyên môn.

Theo nguồn gốc và tính chất hình thành: Tinh hoa truyền thống được hình thành từ các cấu trúc xã hội cổ truyền như quý tộc, gia đình chính trị, dòng tộc quyền thế, sở hữu lâu đời về tài sản và biểu tượng quyền lực. Tinh hoa mới nổi được hình thành trong bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa hoặc chuyển đổi cơ cấu xã hội, thường là những cá nhân xuất thân từ tầng lớp trung lưu, trí thức, doanh nhân hoặc công nghệ.

Theo lĩnh vực hoạt động: Tinh hoa chính trị gồm các nhà lãnh đạo đảng phái, nghị sĩ, nguyên thủ quốc gia; Tinh hoa kinh tế gồm giới tài phiệt, lãnh đạo doanh nghiệp lớn, ngân hàng; Tinh hoa quân sự gồm các sĩ quan cấp cao, người đứng đầu thiết chế an ninh – quốc phòng; Tinh hoa văn hóa – trí thức gồm các học giả, nhà nghiên cứu, người ảnh hưởng trong đời sống tư tưởng, truyền thông; Tinh hoa công nghệ gồm những người làm chủ công nghệ mới, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo...

Tóm lại, khái niệm “tinh hoa” và “giới tinh hoa” phản ánh tính phân tầng xã hội về năng lực, ảnh hưởng và quyền lực, là công cụ lý luận quan trọng để phân tích cấu trúc quyền lực và động thái vận hành của các thể chế chính trị – xã hội trong cả bối cảnh truyền thống và hiện đại. Trong mọi hình thái xã hội, sự tồn tại và vận động của giới tinh hoa là yếu tố then chốt góp phần định hình tương lai chính trị và phát triển xã hội.

2.2.1.2 Lý luận cơ bản của lý thuyết tinh hoa

- *Lý thuyết tinh hoa*

Lý thuyết tinh hoa là một lý thuyết trong khoa học chính trị và xã hội học, nhấn mạnh rằng dù trong bất kỳ xã hội nào, là dân chủ hay chuyên chế, quyền lực luôn tập trung vào một nhóm nhỏ, hay còn gọi là “tinh hoa”, thay vì toàn bộ dân

chúng. Các tinh hoa có thể đến từ nhiều lĩnh vực khác nhau như chính trị, kinh tế, quân sự, hoặc văn hóa, và họ có khả năng ra quyết định ảnh hưởng đến nền chính trị, kinh tế và xã hội quốc gia.

Đối với những người theo lý thuyết tinh hoa, quyền lực, sự lãnh đạo và quản lý xã hội nên thuộc về một nhóm nhỏ những cá nhân ưu tú hoặc vượt trội trong xã hội – những người kiểm soát quyền lực, nguồn lực và khả năng ra quyết định. Mục đích của các lý thuyết tinh hoa là tìm ra lời giải thích khoa học cho thực tế rằng bất kể khi nào hay ở đâu, trong mọi xã hội, phần lớn các nguồn lực hiện có - kinh tế, trí tuệ, văn hóa, ... - đều tập trung trong tay một nhóm nhỏ cá nhân và họ sử dụng chúng để thực thi quyền lực đối với phần còn lại của xã hội.

- *Các lý thuyết tinh hoa phương Tây*

- Lý thuyết tinh hoa cổ điển*

Lý thuyết tinh hoa cổ điển được hình thành vào cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX, gắn với các công trình nền tảng của Vilfredo Pareto (The Mind and Society), Gaetano Mosca (The Ruling Class) và Robert Michels (Political Parties). Các học giả này cùng chia sẻ một giả định trung tâm: sự tồn tại của giới tinh hoa cầm quyền là tất yếu và mang tính quy luật trong đời sống chính trị – xã hội, bất kể hình thức tổ chức nhà nước hay trình độ phát triển dân chủ.

Theo Pareto, trong mọi xã hội luôn tồn tại một nhóm nhỏ những cá nhân vượt trội về năng lực, trí tuệ và phẩm chất so với số đông, tạo thành tầng lớp tinh hoa. Nếu sắp xếp các cá nhân theo lĩnh vực hoạt động xã hội, ở mỗi lĩnh vực đều xuất hiện một số ít người đứng đầu, và chính họ cấu thành giới tinh hoa chi phối các quá trình xã hội và chính trị. Tinh hoa, theo nghĩa này, không chỉ là sản phẩm của quyền lực chính trị mà còn là kết quả của sự phân tầng năng lực trong xã hội.

Tiếp cận này được Mosca và Michels phát triển theo hướng nhấn mạnh cấu trúc quyền lực. Hai ông cho rằng trong mọi xã hội, ở mọi thời kỳ lịch sử, luôn tồn tại hai giai cấp cơ bản: thiểu số thống trị và đa số bị trị. Nhóm thiểu số cầm quyền được phân biệt với số đông không chỉ bởi quyền lực chính trị mà còn bởi các nguồn lực vật chất, trí tuệ, uy tín xã hội hoặc vị thế kế thừa, những yếu tố giúp họ duy trì sự thống trị lâu dài. Michels, thông qua “quy luật sắt của đầu sỏ”, bổ sung rằng

ngay cả các tổ chức dân chủ nhất cũng có xu hướng tập trung quyền lực vào tay một thiểu số lãnh đạo.

Từ những lập luận đó, lý thuyết tinh hoa cổ điển đi đến kết luận rằng quyền lực chính trị luôn nằm trong tay thiểu số, còn đa số chủ yếu giữ vai trò tuân phục; hơn nữa, thiểu số cầm quyền về cơ bản không thể bị kiểm soát hiệu quả bởi đa số, bất chấp sự tồn tại của các cơ chế dân chủ hình thức. Chính cách nhìn này khiến lý thuyết tinh hoa cổ điển thường bị phê phán là mang tính phản dân chủ, đặc biệt trong bối cảnh các xã hội phương Tây đẩy mạnh dân chủ hóa trong nửa đầu thế kỷ XX.

- *Lý thuyết tinh hoa hiện đại*

Lý thuyết tinh hoa hiện đại hình thành từ giữa thế kỷ XX, trong bối cảnh dân chủ được mở rộng ở các nước phương Tây, cùng với sự phát triển của nhà nước hiện đại, các thiết chế công quyền, truyền thông đại chúng và tổ hợp công nghiệp – quân sự. Khác với lý thuyết tinh hoa cổ điển vốn đặt tinh hoa và dân chủ trong thế đối lập, các học giả tinh hoa hiện đại chuyển trọng tâm phân tích sang câu hỏi thực chứng: ai thực sự nắm quyền lực trong các xã hội dân chủ hiện đại.

Trên cơ sở đó, một cách hiểu mới về lý thuyết tinh hoa được hình thành, thường được gọi là lý thuyết tinh hoa mới. Gắn với các nghiên cứu về dân chủ hóa và thay đổi chế độ, đặc biệt là lý thuyết “các làn sóng dân chủ” của Huntington, cách tiếp cận này xem xét sự vận động, phân hóa và liên kết của các nhóm tinh hoa trong những bối cảnh lịch sử khác nhau, qua đó lý giải tính ổn định hoặc bất ổn của các chế độ dân chủ.

Trong số các công trình tiêu biểu, C. Wright Mills, với *The Power Elite* (1956), cho rằng quyền lực trong xã hội Mỹ tập trung vào một liên minh tinh hoa gồm ba trụ cột: giới chính trị, giới doanh nghiệp – tài chính lớn và giới quân sự. Sự đan xen lợi ích giữa các nhóm này tạo nên một tầng lớp cầm quyền có khả năng chi phối chính sách công vượt ra ngoài khuôn khổ của cạnh tranh bầu cử. G. William Domhoff, trong *Who Rules America?*, tiếp tục nhấn mạnh vai trò trung tâm của tinh hoa kinh tế – tài chính, những người gây ảnh hưởng gián tiếp thông qua các mạng lưới vận động chính sách, các tổ chức tư vấn, truyền thông và thiết chế văn hóa.

Tựu trung, lý thuyết tinh hoa hiện đại cho rằng trong các nền dân chủ đương đại, quyền lực thực chất vẫn thuộc về một số nhóm tinh hoa có tổ chức, sở hữu ưu thế về kinh tế, tri thức và khả năng kiểm soát thông tin. Dù các thủ tục dân chủ được duy trì, khả năng định hình dư luận, xác lập ưu tiên chính sách và phân phối nguồn lực vẫn chủ yếu nằm trong tay các nhóm này. Đồng thời, các học giả tinh hoa mới nhấn mạnh vai trò của sự tương tác giữa các tinh hoa: sự đồng thuận giữa các nhóm tinh hoa là điều kiện của dân chủ ổn định, trong khi chia rẽ tinh hoa thường gắn với bất ổn chính trị hoặc xu hướng độc tài.

- *Lý thuyết đa nguyên tinh hoa*

Khác với lý thuyết tinh hoa cổ điển – vốn đặt giới tinh hoa trong thế đối lập với dân chủ và phủ nhận khả năng người dân tham gia cai trị thực chất – lý thuyết tinh hoa đa nguyên cho rằng dân chủ hiện đại không loại trừ tinh hoa, mà vận hành thông qua sự tồn tại và cạnh tranh của nhiều nhóm tinh hoa khác nhau. Theo cách tiếp cận này, quyền lực trong xã hội không tập trung tuyệt đối vào một thiểu số thống trị duy nhất, mà được phân tán tương đối giữa các nhóm lãnh đạo đại diện cho những lợi ích xã hội đa dạng.

Ngay trong tư tưởng của Mosca, một đại diện tiêu biểu của lý thuyết tinh hoa cổ điển, đã xuất hiện những yếu tố điều hòa với dân chủ. Trong giai đoạn cuối đời, ông thừa nhận rằng trong các xã hội chính trị tự do thế kỷ XIX, tồn tại nhiều lực lượng xã hội với lợi ích khác nhau, và giai cấp thống trị muốn duy trì quyền lực buộc phải thu hút, dung nạp hoặc liên minh với các nhóm lãnh đạo của những lực lượng này. Cách nhìn này đặt nền móng cho sự phát triển của tư duy đa nguyên tinh hoa sau này.

Lý thuyết đa nguyên tinh hoa hình thành như một nỗ lực lý luận nhằm dung hòa giữa tính hiện thực của quyền lực tinh hoa và lý tưởng dân chủ tự do. Trường phái này thừa nhận sự tồn tại tất yếu của tinh hoa trong mọi xã hội phức hợp, nhưng không xem đó là mối đe dọa đối với dân chủ. Ngược lại, dân chủ được hiểu như một cơ chế thể chế hóa sự cạnh tranh, đối trọng và kiểm soát lẫn nhau giữa các nhóm tinh hoa đại diện cho những lợi ích khác nhau trong xã hội.

Theo cách tiếp cận đa nguyên tinh hoa, xã hội hiện đại bao gồm nhiều nhóm tinh hoa phân tán theo các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, lao động, tôn giáo, học thuật, truyền thông và xã hội dân sự. Mỗi nhóm có mức độ ảnh hưởng nhất định, song không nhóm nào đủ khả năng độc chiếm quyền lực. Quyền lực vì thế được tổ chức trong một cấu trúc phức hợp, nơi các nhóm tinh hoa vừa cạnh tranh, vừa thương lượng và kiềm chế lẫn nhau.

Các học giả như David Truman, E. E. Schattschneider hay sau này là Putnam nhấn mạnh vai trò của các nhóm lợi ích và các tổ chức trung gian (đảng phái, công đoàn, hiệp hội, truyền thông...) trong việc kết nối công dân với nhà nước. Trong mô hình này, dân chủ không xóa bỏ tinh hoa, mà thiết lập các cơ chế để tinh hoa bị giám sát, buộc phải cạnh tranh và tìm kiếm sự ủng hộ xã hội. Quyền lực vì thế không tập trung tuyệt đối, mà được phân tán tương đối; các quyết định chính trị thường là kết quả của đàm phán, liên minh và thỏa hiệp giữa nhiều nhóm tinh hoa – lợi ích khác nhau.

Nhìn chung, lý thuyết đa nguyên tinh hoa cung cấp một cách tiếp cận trung dung và thực tế về quyền lực trong xã hội hiện đại: tinh hoa là không thể tránh khỏi, nhưng có thể được kiểm soát thông qua thể chế dân chủ và cạnh tranh tổ chức. Cách tiếp cận này góp phần lý giải vì sao nhiều nền dân chủ có thể vận hành ổn định ngay cả khi tồn tại các nhóm quyền lực mạnh, đồng thời cho thấy bản chất của quá trình hoạch định chính sách công thường mang tính thỏa hiệp và cân bằng lợi ích, thay vì phản ánh ý chí của một nhóm thống trị duy nhất.

2.2.1.3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về đội tiên phong của giai cấp công nhân và vấn đề “tinh hoa chức năng”

Tiếp cận từ góc độ rộng của lý thuyết tinh hoa, với tinh hoa được hiểu là bộ phận ưu tú, giữ vai trò dẫn dắt xã hội, chủ nghĩa Mác – Lênin không phủ nhận sự tồn tại của những lực lượng ưu tú, mà tiếp cận vấn đề này thông qua khái niệm đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đây là cách tiếp cận mang tính giai cấp và chính trị rõ nét, khác biệt căn bản với các lý thuyết tinh hoa phương Tây vốn xem tinh hoa như một lực lượng tương đối tách biệt với xã hội.

Nếu các lý thuyết tinh hoa cổ điển và hiện đại thường nhấn mạnh sự hình thành tinh hoa từ lợi thế xuất thân, tài sản, tri thức hoặc vị thế xã hội, thì chủ nghĩa Mác – Lênin đặt đội tiên phong trong mối quan hệ hữu cơ với lợi ích giai cấp. Đội tiên phong không tồn tại như một nhóm đặc quyền, mà là bộ phận giác ngộ nhất, có tổ chức nhất của giai cấp công nhân, đấu tranh vì lợi ích của toàn bộ giai cấp và các tầng lớp lao động.

Theo Mác và Ăngghen, Đảng Cộng sản là đội tiên phong chính trị của giai cấp công nhân, nhưng không đồng nhất với toàn bộ giai cấp. Đảng là “bộ phận kiên quyết nhất”, có trình độ tổ chức và lý luận cao nhất, giữ vai trò lãnh đạo phong trào vô sản: “Những người cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với các đảng công nhân khác... Họ tuyệt nhiên không có một lợi ích nào tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản”[16, tr.614]. Ở đây, có thể nhận thấy một cách hiểu đặc thù về tinh hoa: tinh hoa không phải là nhóm hưởng lợi, mà là nhóm gánh vác trách nhiệm lịch sử.

Sự hình thành đội tiên phong gắn liền với trình độ phát triển tự giác của giai cấp công nhân và phong trào công nhân. Khi phong trào phát triển đến một trình độ nhất định, nhu cầu về lãnh đạo chính trị, về tri thức lý luận và tổ chức trở thành tất yếu. Do đó, đội tiên phong không phải là sản phẩm của đặc quyền xã hội, mà là kết quả của quá trình tuyển chọn chính trị - tổ chức - lý luận nghiêm ngặt.

Đặc trưng cốt lõi của đội tiên phong được xác định trên hai phương diện: tiên phong về lý luận và tiên phong trong thực tiễn. Về lý luận, đội tiên phong nắm vững chủ nghĩa xã hội khoa học để nhận thức đúng quy luật vận động xã hội và định hướng hành động cách mạng. Về thực tiễn, đội tiên phong thể hiện vai trò gương mẫu, đi đầu, sẵn sàng hy sinh, qua đó tạo uy tín chính trị và khả năng lãnh đạo thực sự trong phong trào quần chúng.

So với cách tiếp cận tinh hoa phương Tây, có thể thấy một điểm khác biệt căn bản: nếu tinh hoa thường được xem là lực lượng ổn định quyền lực, thì đội tiên phong trong chủ nghĩa Mác – Lênin là lực lượng cách mạng hóa quyền lực. Đồng thời, khác với quan niệm tinh hoa như nhóm hưởng lợi từ vị thế xã hội, chủ nghĩa Mác – Lênin nhìn nhận rằng, do tính chất phức tạp, khó khăn của cách mạng, thực

tế sẽ có một bộ phận đảng viên "không thể đi xa hơn" vì sợ gian khổ, không dám hy sinh, thậm chí thỏa hiệp, phản bội lại mục tiêu lý tưởng của Đảng. Vì thế, thường xuyên sàng lọc, đấu tranh, đưa những người không còn đủ tư cách ra khỏi tổ chức đảng là công việc cần thiết, thường xuyên để cho đảng luôn là tổ chức tiên phong, bảo đảm tính chiến đấu và tính chính danh của tổ chức lãnh đạo. Và, “dù cuộc đấu tranh giai cấp biểu hiện ra ở đâu và trong điều kiện nào, dù cuộc đấu tranh đó mang hình thức nào, đương nhiên là các hội viên của Hội liên hiệp chúng ta cũng đều đứng ở hàng đầu”[15, tr.481]

Ngoài ra, trong quan điểm của chủ nghĩa Mac - Lênin về trí thức, C.Mac đã định nghĩa trí thức là những bác sĩ, kỹ sư,... hoạt động vì lợi ích của bản thân và lợi ích xã hội, và sự nghiệp cách mạng đòi hỏi "phải có những bác sĩ, kỹ sư, nhà hoá học, nông học và các chuyên gia". Đến lượt mình, Ăngghen đã khẳng định vai trò của đội ngũ trí thức đã nhân mạnh, trong sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, “cần phải có những bác sĩ, kỹ sư, nhà hoá học, nông học và các chuyên gia khác, vì vấn đề là phải nắm lấy việc quản lý không phải chỉ bộ máy chính trị, mà còn cả toàn bộ nền sản xuất xã hội nữa, và ở đây cần đến những kiến thức vững chắc chứ không phải là những câu xuông xáo oang oang" [17, tr.507-508].

Như vậy, trong quan điểm của Mac – Ăngghen, các “kỹ sư”, “chuyên gia”, những người có kiến thức vững chắc, những người mà hoạt động của họ phải xuất phát từ lợi ích của bản thân và lợi ích của xã hội, họ là những người trí thức cách mạng gắn với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống chủ nghĩa tư bản.

Đến Lênin, khi đề cập đến đội ngũ trí thức, Người đã khái quát: “trí thức bao hàm không những chỉ các nhà trước tác mà thôi, mà còn bao hàm tất cả mọi người có học thức, các đại biểu của những người tự do nói chung, các đại biểu của lao động trí óc”[14, tr.372]. Nhân mạnh đến vai trò của đội ngũ trí thức khi đặt trong mối liên hệ với giai cấp công nhân, Lênin khẳng định trí thức có vai trò to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì thế theo V.I.Lênin cần thiết phải xây dựng và phát triển trí thức mới, trí thức xã hội chủ nghĩa, bao gồm đào tạo trí thức mới từ giai cấp công nhân, nông dân và cải tạo tầng lớp trí thức cũ theo hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là một yêu cầu khách quan trong tiến trình cách

mạng vô sản,; trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội, việc tạo ra một tầng lớp trí thức mới là một nhiệm vụ hết sức cấp thiết đáp ứng sự nghiệp đổi mới xây dựng, quản lý đất nước và nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi phải có nhiều người có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, năng lực quản lý cao, cho nên khi bàn về nhiệm vụ đoàn thanh niên V.I.Lênin đã chỉ ra “việc điện khí hóa không thể do những người mù chữ thực hiện được, mà chỉ biết chữ không thôi thì cũng không đủ... Họ phải hiểu rằng điều đó chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở một nền học vấn hiện đại, và nếu họ không có nền học vấn đó, thì chủ nghĩa cộng sản vẫn chỉ là một nguyện vọng mà thôi”[13, tr.364-365].

Nhấn mạnh vai trò của đội ngũ trí thức, song V.I.Lênin cũng lưu ý trí thức không phải là giai cấp mà là một tầng lớp đặc biệt trong xã hội; trí thức không đại biểu cho phương thức sản xuất nào, cũng không có hệ tư tưởng độc lập, trí thức luôn gắn với một giai cấp nhất định, với tư cách là một tầng lớp và ở trong một thể chế chính trị cụ thể, trí thức thời nào thì sẽ mang hệ tư tưởng của giai cấp thống trị thời đó. V.I.Lênin phê phán những ai coi trí thức là siêu giai cấp hoặc đứng trên giai cấp, Người nói: “nếu không nhập cục với một giai cấp thì giới trí thức chỉ là một con số không mà thôi”[9, tr.552].

Những trí thức có chuyên môn khoa học, kỹ thuật và quản lý – những chuyên gia tư sản tài giỏi là những người được V.I.Lênin đặc biệt quan tâm. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, việc sử dụng những chuyên gia này, nhằm áp dụng những phát minh mới và hiện đại nhất trên lĩnh vực khoa học kỹ thuật và quản lý để phát triển kinh tế- xã hội của đất nước cũng như nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc là điều hết sức quan trọng.

Sau thắng lợi vĩ đại của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, nước Nga khi đó còn nghèo nàn, lạc hậu quá độ đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện chủ nghĩa tư bản mới chỉ phát triển tương đối ở khu vực thành thị và nền sản xuất tiểu nông gia trưởng vẫn còn tràn ngập khắp các vùng nông thôn. Trong bối cảnh đó, khi đối diện với những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xô Viết, Lênin đã khẳng định vai trò của đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực khoa học, kỹ thuật: “không có sự chỉ đạo của các chuyên gia am hiểu các lĩnh vực khoa học, kỹ

thuật và có kinh nghiệm thì không thể nào chuyển lên chủ nghĩa xã hội được”[12, tr.221]. Nhưng đồng thời Người cũng khẳng định trong quá trình sử dụng đội ngũ chuyên gia này cần có sự kiểm soát và bản thân công nhân và nông dân cần nhanh chóng học tập được cách tạo ra kỷ luật lao động tốt hơn và kỹ thuật lao động cao bằng cách sử dụng các chuyên gia tư sản để học lấy môn khoa học ấy

Người đảng viên cộng sản nào không tỏ rõ được khả năng của mình biết kết hợp và khiêm tốn hướng dẫn công tác của các chuyên gia, đồng thời đi sâu vào thực chất của vấn đề và nghiên cứu vấn đề một cách chi tiết, thì người đảng viên cộng sản đó thường thường có hại, và theo Lênin “có thể đổi hàng tá những người đó lấy một chuyên gia tư sản thành thạo và nghiêm túc nghiên cứu nghiệp vụ của mình” [11, tr.435]. V.I.Lênin yêu cầu trong quá trình sử dụng chuyên gia phải giữ vững nguyên tắc có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, có định hướng, phải tạo ra xung quanh họ “một bầu không khí hợp tác thân ái, phải đặt họ vào hoàn cảnh như thế nào, để họ không rời bỏ chúng ta, không sợ tốn, trả học phí thỏa đáng, nhưng phải theo dõi và kiểm soát” [12, tr.170-171]. Và khi có được sự kết hợp đó “Trước sự liên minh của các đại biểu khoa học, giai cấp vô sản và giới kỹ thuật, không một thế lực đen tối nào đứng vững được”[10, tr.218].

Để đảm bảo yêu cầu trong quá trình sử dụng chuyên gia và xây dựng được liên minh giữa giai cấp vô sản và đội ngũ chuyên gia khoa học kỹ thuật, theo V.I.Lênin, những người cán bộ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy phải biết làm giàu tri thức của mình bằng tất cả những tri thức nhân loại tạo ra, phải có tầm trí tuệ cao, V.I.Lênin đòi hỏi: “Người lãnh đạo cơ quan nhà nước cần phải có ở mức độ cao, khả năng lôi cuốn mọi người và có đủ trình độ kiến thức khoa học kỹ thuật, vững vàng để kiểm tra công tác của họ. Đó là điều cơ bản không thể thiếu, không như thế thì công tác không thể đúng đắn được” [8, tr.402].

Như vậy, Lênin trong khi khẳng định vai trò của đội ngũ trí thức trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thì Người cũng khẳng định vai trò của họ chỉ có thể được phát huy khi họ liên minh với giai cấp vô sản và trong quá trình sử dụng đội ngũ trí thức, đặc biệt là trí thức khoa học công nghệ thì người lãnh đạo cần có kiến thức khoa học kỹ thuật vững vàng để đảm bảo sự kiểm soát.

Từ góc độ nghiên cứu tinh hoa kỹ trị, quan điểm này cung cấp một cách nhìn bổ sung quan trọng: nó cho thấy sự tồn tại của một dạng “tinh hoa chính trị – chức năng”, trong đó tri thức lý luận, năng lực tổ chức và trách nhiệm chính trị là tiêu chí cốt lõi, chứ không phải lợi ích vật chất hay địa vị xã hội. Ngoài ra, chủ nghĩa Mac – Lênin cũng xem xét khía cạnh cách mạng của lực lượng này khi xem đây là một bộ phận của tầng lớp trí thức. Quan điểm trên đây của chủ nghĩa Mac - Lênin là tiền đề lý luận để xem xét sự kết hợp giữa tinh hoa kỹ trị và tinh hoa chính trị trong các nhà nước xã hội chủ nghĩa đương đại.

2.2.2. Quan niệm và đặc điểm của giới tinh hoa kỹ trị

2.2.2.1. Quan niệm về giới tinh hoa kỹ trị

Trong nghiên cứu về giới tinh hoa kỹ trị, các học giả tiếp cận khái niệm này theo những cách khác nhau, phản ánh sự đa dạng về bối cảnh thể chế và truyền thống chính trị. Các nghiên cứu về Mỹ Latinh thường hiểu nhà kỹ trị là những chuyên gia đảm nhiệm các vị trí trong chính phủ, không phân biệt mức độ tham gia chính trị trước đó. Trong khi đó, các nghiên cứu tại châu Âu nhấn mạnh tính “phi bầu cử” và “phi đảng phái”, xem nhà kỹ trị là những chuyên gia không do bầu cử, không gắn chặt với đảng chính trị, nhưng sở hữu chuyên môn kỹ thuật phù hợp trực tiếp với vị trí công vụ mà họ đảm nhiệm.

Điểm thống nhất giữa các cách tiếp cận này là việc coi chuyên môn kỹ thuật và năng lực giải quyết vấn đề là tiêu chí cốt lõi để xác định nhà kỹ trị. Sự khác biệt chủ yếu nằm ở mức độ nhấn mạnh tính phi chính trị và phi đảng phái. Cách phân biệt này dựa trên giả định rằng nhà kỹ trị, khác với chính trị gia được bầu, không theo đuổi lợi ích đảng phái hay sự nghiệp chính trị, mà tập trung vào việc thực hiện các mục tiêu chính sách được coi là tối ưu, đặc biệt trong các lĩnh vực ổn định và phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, quan niệm coi kỹ trị là lực lượng “phi chính trị” đã sớm vấp phải phê phán. Jean Meynaud cho rằng: “khi trở thành một nhà kỹ trị, chuyên gia trở thành chính trị gia”, qua đó chỉ ra rằng việc tham gia trực tiếp vào quá trình ra quyết định công tắt yếu đặt chuyên gia vào không gian chính trị. Nhận định này cho thấy kỹ trị không phải là một thực thể trung lập thuần túy, mà là hình thức kết

hợp giữa tri thức chuyên môn và quyền lực chính trị. Theo đó, *giới tinh hoa kỹ trị là những cá nhân có trình độ chuyên môn cao, đảm nhiệm các vị trí then chốt trong bộ máy nhà nước hoặc các thiết chế liên quan, và có khả năng tác động thường xuyên, có hệ thống đến kết quả chính trị*. Khác với các tinh hoa quyền lực trong lý thuyết tinh hoa cổ điển, giới tinh hoa kỹ trị không hình thành một giai cấp thống trị thống nhất, mà là một tinh hoa chức năng, được xác lập trên nền tảng tri thức, bằng cấp và năng lực chuyên môn trong các lĩnh vực như kinh tế, khoa học – công nghệ và quản trị công.

Trong phân tích quyền lực hiện đại, việc phân biệt giữa giới tinh hoa kỹ trị và giới tinh hoa chính trị giúp làm rõ các logic vận hành khác nhau của quyền lực nhà nước. Hai nhóm tinh hoa này được thiết lập trên những nền tảng chính danh khác nhau. Giới tinh hoa kỹ trị xây dựng vị thế dựa trên năng lực chuyên môn, tri thức kỹ thuật và hiệu quả thực tiễn; quyền lực của họ được hợp thức hóa thông qua kết quả quản trị. Ngược lại, giới tinh hoa chính trị dựa vào các cơ chế đại diện như bầu cử, sự tín nhiệm của cử tri, tính chính danh đảng phái hoặc sự gắn kết với một hệ tư tưởng nhất định; quyền lực của họ được hợp thức hóa thông qua ủy quyền chính trị và sự công nhận xã hội.

Sự khác biệt về tính chính danh dẫn tới sự khác biệt trong ưu tiên hành động và phương thức vận hành. Giới tinh hoa kỹ trị thường đặt trọng tâm vào hiệu quả (efficiency), nhấn mạnh tối ưu hóa nguồn lực, kiểm soát rủi ro và tính khả thi của chính sách. Trong khi đó, giới tinh hoa chính trị ưu tiên duy trì đồng thuận (consensus), quản lý xung đột lợi ích và bảo đảm sự ủng hộ của xã hội. Tương ứng, giới tinh hoa kỹ trị chủ yếu sử dụng các công cụ kỹ thuật – hành chính như dữ liệu, mô hình phân tích, quy trình pháp lý và cơ chế đánh giá hiệu suất; còn giới tinh hoa chính trị vận hành thông qua diễn thuyết, vận động, thương lượng và xây dựng liên minh. Hai kiểu quyền lực này phản ánh sự đối lập tương đối giữa quyền lực dựa trên lý tính kỹ thuật và quyền lực dựa trên giao tiếp chính trị.

Về tầm nhìn chính sách, giới tinh hoa kỹ trị thường theo đuổi các mục tiêu trung và dài hạn, gắn với các quy luật kinh tế – kỹ thuật và phát triển bền vững,

trong khi giới tinh hoa chính trị chịu áp lực ngắn hạn hóa quyết định do tác động của dư luận và chu kỳ chính trị. Mỗi quan hệ với dân chúng cũng khác biệt: giới tinh hoa kỹ trị có xu hướng quản trị theo mô hình “từ trên xuống”, duy trì khoảng cách tương đối với công chúng; trong khi giới tinh hoa chính trị buộc phải thể hiện vai trò đại diện và duy trì sự tiếp xúc nhằm củng cố tính chính danh dân chủ.

Tiêu chí	Giới tinh hoa Kỹ trị	Giới tinh hoa Chính trị
Nguồn gốc tính chính danh	Dựa trên năng lực chuyên môn, bằng cấp và kết quả thực tế (giải quyết vấn đề).	Dựa trên sự tín nhiệm, bầu cử, lòng trung thành với đảng phái hoặc hệ tư tưởng.
Ưu tiên hàng đầu	Hiệu quả (Efficiency): Làm sao để tối ưu hóa nguồn lực và tăng trưởng.	Sự đồng thuận (Consensus): Làm sao để duy trì quyền lực và sự ủng hộ của quần chúng.
Công cụ vận hành	Dữ liệu, mô hình toán học, luật pháp và quy trình kỹ thuật.	Diễn thuyết, vận động hành lang, liên minh chính trị và nghệ thuật thỏa hiệp.
Tầm nhìn	Thường là trung và dài hạn (theo các quy luật khách quan).	Thường là ngắn hạn (theo các kỳ bầu cử hoặc các biến động dư luận).
Mối quan hệ với dân chúng	Có khoảng cách, thiên về quản trị "từ trên xuống"	Gần gũi (hoặc cố gắng tỏ ra gần gũi) để thu hút lá phiếu/sự ủng hộ.

Trong thực tiễn, hai nhóm tinh hoa này hiếm khi tồn tại tách biệt mà thường đan xen, bổ trợ hoặc cạnh tranh trong cùng một cấu trúc thể chế. Mức độ cân bằng giữa kỹ trị và chính trị trở thành biến số quan trọng, chi phối phong cách quản trị, chất lượng hoạch định chính sách và mối quan hệ giữa hiệu quả quản trị với tính chính danh dân chủ của quyền lực nhà nước.

Xét về lịch sử, thành phần của giới tinh hoa kỹ trị đã mở rộng cùng với các giai đoạn phát triển của xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp. Trong các giai đoạn đầu, kỹ trị chủ yếu gắn với các kỹ sư; đến các giai đoạn sau, khái niệm này mở rộng sang các nhà kinh tế, nhà quản lý, chuyên gia khoa học xã hội và chuyên gia công nghệ – xử lý thông tin, phản ánh yêu cầu ngày càng cao của quản trị

phức hợp và lập kế hoạch chiến lược. Trong bối cảnh hiện đại, giới tinh hoa kỹ trị trở thành lực lượng có ảnh hưởng chính trị đáng kể cả bên trong lẫn bên ngoài hệ thống chính trị.

Bên ngoài hệ thống chính trị, giới tinh hoa kỹ trị chủ yếu hiện diện trong cộng đồng khoa học và các think tank. Theo UNDP, think tanks là các tổ chức nghiên cứu và vận động chính sách, đóng vai trò “cầu nối giữa tri thức và quyền lực trong các nền dân chủ hiện đại” [29tr.6], hay nói cách khác là “các tổ chức nghiên cứu tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội hoặc công nghệ”. Sự phát triển của think tanks gắn liền với tính phức tạp ngày càng cao của quản trị công và xu hướng tinh gọn bộ máy nhà nước, tập hợp các cựu quan chức, chính trị gia, nhà khoa học và lãnh đạo doanh nghiệp nhằm cung cấp tri thức chính sách có tính ứng dụng cao. Như Nelson Rockefeller từng nhấn mạnh: “Công việc của các ông là chỉ cho tôi điều gì là đúng” [76tr.XX].

Bên trong hệ thống chính trị, giới tinh hoa kỹ trị tập trung chủ yếu trong bộ máy hành pháp, nghị viện và các đảng chính trị. Theo Weber, sự phân hóa giữa viên chức hành chính và viên chức chính trị là sản phẩm của chính trị đảng phái hiện đại. Trong thực tiễn, tinh hoa kỹ trị thường không nắm quyền lực tối cao mà giữ các vị trí chuyên môn cao như bộ trưởng, thứ trưởng, lãnh đạo cơ quan chuyên ngành hoặc thành viên các ủy ban nghị viện, qua đó tác động trực tiếp đến quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Trong các đảng chính trị, họ góp phần xây dựng chiến lược dài hạn, thúc đẩy cải cách và đóng vai trò cầu nối giữa các phe phái, góp phần nâng cao năng lực quản trị và tính chính danh của hệ thống chính trị trong bối cảnh toàn cầu hóa và số hóa.

2.2.2.2. Điều kiện hình thành và đặc điểm của giới tinh hoa kỹ trị

- *Điều kiện hình thành*

Sự hình thành và phát triển của giới tinh hoa kỹ trị không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, mà là kết quả của những biến đổi cấu trúc sâu sắc trong nền kinh tế, công nghệ và tổ chức quyền lực nhà nước hiện đại. Các điều kiện này cùng nhau tạo ra môi trường thuận lợi để tri thức chuyên môn trở thành nguồn lực chính danh quan trọng trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách công.

Trước hết, sự phức tạp hóa của nền kinh tế và công nghệ là điều kiện nền tảng thúc đẩy sự xuất hiện của giới tinh hoa kỹ trị. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đặc biệt là chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức đã làm cho các hệ thống sản xuất, tài chính, hạ tầng và quản trị trở nên ngày càng phức hợp. Các quyết định chính sách trong những lĩnh vực như tài chính – tiền tệ, năng lượng, an ninh mạng, công nghệ cao hay y tế công cộng không còn có thể dựa chủ yếu vào kinh nghiệm chính trị hay trực giác cá nhân, mà đòi hỏi tri thức chuyên sâu, năng lực phân tích và khả năng dự báo khoa học. Trong bối cảnh đó, những cá nhân được đào tạo bài bản về khoa học, kỹ thuật, kinh tế và quản lý trở thành lực lượng không thể thiếu trong vận hành bộ máy nhà nước.

Thứ hai, sự mở rộng chức năng và phạm vi can thiệp của nhà nước hiện đại tạo ra nhu cầu tất yếu đối với chuyên gia. Nhà nước không chỉ đảm nhiệm các chức năng bảo vệ trật tự và an ninh, mà còn trực tiếp điều tiết nền kinh tế, cung ứng dịch vụ công, quản lý rủi ro xã hội và định hướng phát triển dài hạn. Sự gia tăng vai trò này kéo theo yêu cầu về một bộ máy hành chính có trình độ chuyên môn cao, có khả năng thiết kế, triển khai và đánh giá chính sách dựa trên bằng chứng. Trong điều kiện đó, giới tinh hoa kỹ trị nổi lên như lực lượng trung gian giữa tri thức khoa học và quyền lực chính trị, góp phần nâng cao năng lực quản trị của nhà nước.

Thứ ba, quá trình hợp lý hóa và chuyên môn hóa bộ máy hành chính là tiền đề tổ chức cho sự hình thành của giới tinh hoa kỹ trị. Cùng với sự phát triển của nhà nước pháp quyền và hành chính hiện đại, các vị trí công vụ ngày càng được phân định rõ theo chức năng và tiêu chuẩn chuyên môn. Cơ chế tuyển dụng dựa trên bằng cấp, năng lực kỹ thuật và thành tích nghề nghiệp thay thế dần cho các tiêu chí mang tính thân hữu hay đặc quyền chính trị thuần túy. Quá trình này tạo ra một tầng lớp quan chức – chuyên gia có kỹ năng chuyên môn cao, được xã hội hóa trong các chuẩn mực kỹ trị và trở thành nòng cốt của giới tinh hoa kỹ trị trong khu vực công.

Thứ tư, sự gia tăng bất định và rủi ro trong quản trị hiện đại cũng thúc đẩy vai trò của giới tinh hoa kỹ trị. Các cuộc khủng hoảng tài chính, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, khủng bố và an ninh phi truyền thống cho thấy giới hạn của các quyết định mang tính cảm tính hoặc thuần túy chính trị. Trong những tình huống này, nhu cầu

về phân tích khoa học, mô hình dự báo và đánh giá rủi ro trở nên cấp thiết, qua đó làm gia tăng ảnh hưởng của các chuyên gia và kỹ trị trong quá trình ra quyết định khẩn cấp và dài hạn.

Thứ năm, sự phát triển của khoa học – công nghệ và hệ thống tri thức tạo ra nguồn cung nhân lực cho giới tinh hoa kỹ trị. Việc mở rộng giáo dục đại học, sau đại học, các mạng lưới nghiên cứu và think tanks đã hình thành một tầng lớp chuyên gia có trình độ cao, có khả năng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình hoạch định chính sách. Các tổ chức tri thức này không chỉ sản sinh tri thức mới mà còn đóng vai trò chuyển hóa tri thức khoa học thành các khuyến nghị chính sách, qua đó góp phần định hình không gian hoạt động của giới tinh hoa kỹ trị.

Cuối cùng, những giới hạn và khủng hoảng của chính trị đại diện cũng là điều kiện thúc đẩy sự trỗi dậy của kỹ trị. Khi các thể chế dân chủ đại diện đối mặt với tình trạng phân cực chính trị, dân túy và suy giảm niềm tin, các chính phủ có xu hướng dựa nhiều hơn vào chuyên gia như một nguồn chính danh thay thế hoặc bổ trợ. Trong bối cảnh đó, kỹ trị được xem như một giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và khôi phục niềm tin thông qua các quyết định “phi chính trị”, dựa trên tri thức và lý tính khoa học.

Tổng hợp lại, giới tinh hoa kỹ trị hình thành tại giao điểm của ba quá trình lớn: sự phức tạp hóa của kinh tế – công nghệ, sự mở rộng và chuyên môn hóa của nhà nước hiện đại, và những căng thẳng nội tại của chính trị dân chủ đương đại. Chính sự hội tụ của các điều kiện này đã tạo ra không gian xã hội – thể chế để tri thức chuyên môn trở thành nguồn lực quyền lực quan trọng, đồng thời định hình vai trò ngày càng gia tăng của giới tinh hoa kỹ trị trong quản trị quốc gia hiện đại.

- *Đặc điểm của giới tinh hoa kỹ trị*

Tính khách quan trong các quyết định chính trị: “Khi các chuyên gia được đào tạo bài bản đảm nhận các vị trí đủ điều kiện để họ trở thành những người ưu tú theo chức vụ, thì họ không còn là chuyên gia nữa ngay cả khi họ vẫn tiếp tục sử dụng kiến thức chuyên môn làm cơ sở hoặc lý do biện minh cho các quyết định điều hành' [35]. Điều này đã cho thấy sự khác biệt giữa các chuyên gia và các nhà kỹ trị. Nếu các chuyên gia thuần túy là chuyên gia kỹ thuật hoặc khoa học, thì các nhà kỹ trị không

chỉ là chuyên gia mà còn là chính trị gia. Nếu các chuyên gia chỉ quan tâm đến việc áp dụng kiến thức, thì các nhà kỹ trị cần quan tâm đến việc thực thi quyền lực. Trong trường hợp các nhà kỹ trị Mỹ Latinh được coi là nhóm tinh hoa 'lai' khi họ có sự kết hợp giữa kiến thức của các chuyên gia với khả năng tiếp cận chính trị và sự nhạy bén của các chính trị gia. Thủ tướng kỹ trị Phần Lan von Fieandt đã tóm tắt điều này trong tuyên bố chương trình của mình vào năm 1957: 'Chính phủ mới đã được thành lập với những người chuyên nghiệp, không phải chính trị gia. Một số người trong chúng tôi thuộc một đảng phái chính trị, và tất nhiên, tất cả chúng tôi đều đã sử dụng quyền bỏ phiếu. Nhưng tôi không hỏi mỗi bộ trưởng đã bỏ phiếu cho ai, vì không quan trọng là họ ở đâu về mặt chính trị. Sự thật này không làm tôi quan tâm, điều chính là mỗi người trong số họ đều có khả năng chuyên môn trong lĩnh vực của mình'.

Kiến thức và chuyên môn: Khi các chuyên gia có được quyền lực chính trị - họ là các nhà kỹ trị, đây là điểm thống nhất trong các công trình nghiên cứu về các nhà kỹ trị. Trong quan niệm của Plato, các nhà kỹ trị đã được định nghĩa theo kiến thức và chuyên môn của họ, không nhất thiết liên quan đến lĩnh vực chính trị. Saint-Simon cũng khẳng định các quyết định chính trị nên được đưa ra trên cơ sở kiến thức, chứ không phải lợi ích cục bộ của các sở thích giá trị được điều chỉnh của các chính trị gia và gần đây hơn là các chuyên gia của Salomon House của Francis Bacon trong tác phẩm New Atlantis cũng đồng tình với quan điểm đó, khi cho rằng, kiến thức là công thức chính trị của chuyên gia, giống như quyền thiêng liêng là công thức chính trị của các chế độ quân chủ chuyên chế. Ý tưởng này đã được truyền tải một cách mạnh mẽ trong mối quan hệ quyền lực-kiến thức nổi tiếng của Foucault và trong tác phẩm của Shapiro, tác phẩm nghi ngờ về kiến thức kỹ thuật tách biệt với quyền lực.

Có tầm nhìn dài hạn và khả năng ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo: Giới tinh hoa kỹ trị có khả năng dự đoán các xu hướng dài hạn và lập kế hoạch chiến lược để giải quyết các thách thức trong tương lai. Họ thường đóng vai trò điều phối giữa các bộ phận hành chính để đảm bảo tính nhất quán trong thực hiện chính sách hay thường xuyên tham gia các diễn đàn và tổ chức quốc tế, đại diện cho lợi

ích quốc gia và xây dựng các quan hệ hợp tác. Giới tinh hoa kỹ trị thường đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo để giải quyết các vấn đề xã hội. Họ không chỉ hiểu công nghệ mà còn sử dụng nó để cải thiện quản trị và nâng cao chất lượng cuộc sống. Họ thường sử dụng các công cụ phân tích rủi ro để thiết kế các chính sách ứng phó với khủng hoảng kinh tế, xã hội và môi trường. Trong môi trường toàn cầu hóa đầy biến động, giới tinh hoa kỹ trị có khả năng học hỏi và thích nghi nhanh chóng để đáp ứng các thách thức mới. Họ luôn cập nhật kiến thức mới nhất trong lĩnh vực của mình và sẵn sàng áp dụng các phương pháp đổi mới vào thực tiễn.

2.3. ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ VÀ GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ

2.3.1. Quan niệm về đời sống chính trị

Đời sống chính trị là một bộ phận cấu thành của đời sống xã hội, gắn liền với quá trình hình thành, phân bổ, thực thi và kiểm soát quyền lực chính trị nhằm hiện thực hóa các lợi ích chính trị - xã hội của những chủ thể khác nhau. Nội dung cốt lõi của đời sống chính trị là hoạt động chính trị tự giác, có mục đích của con người và các cộng đồng xã hội trong việc tham gia quản lý xã hội và định hướng phát triển xã hội.

Về bản chất, đời sống chính trị được cấu thành bởi hệ thống các quan hệ chính trị, trước hết là các quan hệ quyền lực giữa cá nhân, nhóm xã hội, tổ chức và thiết chế trong quá trình tổ chức, vận hành và cải biến hệ thống chính trị. Các quan hệ này không tồn tại một cách trừu tượng mà được hiện thực hóa thông qua các thiết chế chính trị, các quá trình ra quyết định, các hoạt động hoạch định và thực thi chính sách, cũng như thông qua các chuẩn mực và giá trị của văn hóa chính trị.

Xét về kết cấu, đời sống chính trị bao gồm ba thành tố cơ bản: (i) hệ thống chính trị với các thiết chế trung tâm như nhà nước, đảng phái và các tổ chức chính trị - xã hội; (ii) các quá trình chính trị, đặc biệt là quá trình ra quyết định và thực thi quyền lực; và (iii) các yếu tố của ý thức và văn hóa chính trị bảo đảm sự tham gia xã hội và tính chính danh của quyền lực. Trong cấu trúc này, các quan hệ quyền lực và cơ chế ra quyết định giữ vai trò trung tâm, chi phối sự vận hành của toàn bộ đời sống chính trị.

Do là một hiện tượng xã hội phức hợp, đa tầng nấc và có phạm vi rất rộng, luận án này không tiếp cận đời sống chính trị theo nghĩa bao quát mọi biểu hiện chính trị của xã hội. Thay vào đó, luận án xác định đời sống chính trị chủ yếu là lĩnh vực và quá trình gắn với việc hoạch định, lựa chọn và tổ chức thực hiện các quyết định chính trị và chính sách công của nhà nước, nơi diễn ra sự tương tác trực tiếp giữa quyền lực chính trị và tri thức chuyên môn.

Theo cách tiếp cận này, đời sống chính trị được xem xét thông qua các mối quan hệ then chốt: quan hệ giữa nhà nước và giới tinh hoa; quan hệ giữa các nhóm tinh hoa khác nhau, đặc biệt là giữa tinh hoa chính trị và tinh hoa kỹ trị; quan hệ giữa tri thức chuyên môn và quyền lực chính trị trong quá trình ra quyết định; và quan hệ giữa nhà nước với xã hội thông qua chính sách công. Những mối quan hệ này phản ánh trực tiếp cấu trúc quyền lực, mức độ tập trung hay phân tán quyền lực, cũng như khả năng điều tiết và kiểm soát quyền lực trong xã hội hiện đại.

Với cách xác định này, đời sống chính trị không chỉ là bối cảnh phân tích, mà còn là không gian trung tâm để làm rõ vị trí, vai trò và mức độ ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị trong việc định hình đường lối, chính sách và phương thức quản trị nhà nước, trong bối cảnh tri thức và năng lực chuyên môn ngày càng trở thành nguồn lực quan trọng của quyền lực chính trị.

2.3.2. Các lĩnh vực ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị

Trong đời sống chính trị đương đại, sự gia tăng tính phức hợp của các vấn đề công, mức độ chuyên môn hóa cao của bộ máy nhà nước và áp lực từ toàn cầu hóa đã làm nổi bật vai trò của giới tinh hoa kỹ trị. Với tư cách là những chủ thể nắm giữ tri thức chuyên môn, kỹ năng quản trị và khả năng phân tích chính sách, giới tinh hoa kỹ trị ngày càng trở thành một lực lượng có ảnh hưởng đáng kể đến cách thức vận hành của đời sống chính trị. Giới tinh hoa kỹ trị có ảnh hưởng đến đời sống chính trị ở các quốc gia trong quá trình hoạch định chính sách; ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; ảnh hưởng đến sự cân bằng quyền lực chính trị thông qua tương tác với các chủ thể trong quan hệ chính trị và quá trình dân chủ hóa ở các quốc gia

2.3.2.1. Ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị trong hoạch định chính sách

Giới tinh hoa kỹ trị đưa ra các quyết định chính sách dựa trên dữ liệu khoa học, phân tích định lượng và các mô hình dự báo, thay vì dựa vào các cân nhắc thuần túy chính trị hay ý thức hệ. Điều này nâng cao tính chính xác, khả năng ứng phó và ổn định của chính sách công.

- *Ảnh hưởng trong việc đề xuất và phân tích chính sách*

Giới tinh hoa kỹ trị có khả năng ứng dụng chuyên môn trong phân tích và đề xuất chính sách. Các nhà kỹ trị thường sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu và mô hình hóa để đánh giá các vấn đề quốc gia. Điều này giúp họ nhận diện chính xác các nguyên nhân gốc rễ và đưa ra các giải pháp có tính thực tiễn cao. Thay vì dựa vào cảm tính hoặc áp lực chính trị, họ tập trung vào tính khách quan, tối ưu hóa nguồn lực và đảm bảo hiệu quả cao nhất. Giới tinh hoa kỹ trị không chỉ giải quyết các vấn đề cấp bách mà còn đưa ra các chính sách mang tầm chiến lược, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững. Các chính sách như đầu tư vào năng lượng tái tạo, giáo dục khoa học, và hạ tầng số thường được thúc đẩy bởi các nhà kỹ trị có tầm nhìn xa.

- *Đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong toàn bộ chu trình chính sách*

Giới tinh hoa kỹ trị đóng vai trò như một "cầu nối" giữa các quyết định chính trị và thực tế quản lý, đảm bảo rằng chính sách không bị lệch hướng bởi các lợi ích ngắn hạn hay sức ép từ cử tri. Điều này giúp xây dựng niềm tin vào bộ máy nhà nước, đặc biệt trong bối cảnh chính trị dễ bị phân hóa. Giới tinh hoa kỹ trị sử dụng các công cụ đo lường và đánh giá để theo dõi hiệu quả của các chính sách. Kết quả được báo cáo công khai, đảm bảo rằng các quyết định chính trị được kiểm chứng bởi kết quả thực tế. Trong các cuộc khủng hoảng tài chính, giới tinh hoa kỹ trị thường đóng vai trò trung tâm trong việc ổn định thị trường và khôi phục lòng tin của nhà đầu tư. Họ thiết kế các gói cứu trợ, cải cách ngân hàng và hoạch định chính sách tiền tệ để đảm bảo cân bằng kinh tế vĩ mô.

Giới tinh hoa kỹ trị sử dụng kiến thức khoa học và dữ liệu để phân tích các vấn đề quốc gia, từ đó đề xuất các chính sách dựa trên cơ sở thực tiễn và tính toán chi tiết. Điều này giúp giảm thiểu các quyết định mang tính cảm tính hoặc dựa trên

áp lực chính trị. Thay vì tập trung vào lợi ích ngắn hạn, giới kỹ trị thường đưa ra các chính sách với tầm nhìn chiến lược, thúc đẩy sự phát triển bền vững. Ở Singapore, các nhà kỹ trị đã đóng góp lớn trong việc phát triển chính sách nhà ở công và quản lý nguồn nước, đưa quốc gia này từ một nước thiếu tài nguyên trở thành một trung tâm kinh tế hiện đại. Các nhà kỹ trị ở Đức đã góp phần xây dựng các chính sách năng lượng tái tạo, giúp quốc gia này dẫn đầu trong cuộc cách mạng năng lượng xanh toàn cầu.

Tuy nhiên, khi các quyết định ngày càng được hình thành trong các không gian chuyên môn hóa và dựa trên ngôn ngữ kỹ thuật, nguy cơ hình thành các nhóm chuyên gia tương đối khép kín cũng gia tăng, làm giảm mức độ tiếp cận và tham gia của các chủ thể chính trị – xã hội khác. Do đó, ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị trong các quá trình chính trị không chỉ cần được xem xét ở khía cạnh nâng cao năng lực hoạch định và thực thi chính sách, mà còn cần được đặt trong mối quan hệ với các cơ chế bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự giám sát của xã hội đối với việc thực thi quyền lực nhà nước.

2.3.2.2. Ảnh hưởng đến cấu trúc quyền lực chính trị

Trong hệ thống chính trị hiện đại, giới tinh hoa kỹ trị giữ một vị trí đặc thù, nằm ở điểm giao thoa giữa quyền lực chính trị và quyền lực chuyên môn. Khác với tinh hoa chính trị – những chủ thể nắm giữ quyền lực dựa trên tính chính danh chính trị, bầu cử hoặc vai trò lãnh đạo đảng phái – giới tinh hoa kỹ trị chủ yếu xác lập vị thế của mình thông qua tri thức chuyên môn, năng lực quản trị và khả năng xử lý các vấn đề chính sách phức hợp. Họ thường không đứng ở “đỉnh” quyền lực chính trị, nhưng lại chiếm giữ những vị trí then chốt trong các khâu quyết định đến chất lượng và hiệu quả vận hành của hệ thống chính trị.

Một trong những đặc điểm nổi bật của giới tinh hoa chính trị là khả năng điều phối các phe phái, nhóm lợi ích và các tầng lớp xã hội khác nhau nhằm duy trì sự ổn định chính trị và trật tự xã hội. Họ vận dụng các kỹ năng chính trị, kinh nghiệm lãnh đạo và mạng lưới quan hệ rộng lớn để cân bằng lợi ích và giảm thiểu xung đột nội bộ. Nhờ vậy, hệ thống quyền lực được củng cố và tránh được những biến động đột ngột có thể dẫn đến bất ổn hoặc khủng hoảng chính trị.

Giới tinh hoa kỹ trị đóng vai trò quan trọng trong việc ổn định và củng cố cấu trúc quyền lực chính trị của nhiều quốc gia hiện đại. Là những cá nhân sở hữu trình độ chuyên môn sâu rộng, năng lực phân tích và quản trị dựa trên khoa học, dữ liệu và bằng chứng thực tiễn, họ góp phần làm tăng tính hiệu quả, minh bạch và dự đoán được trong quá trình ra quyết định chính sách. Qua đó, giới tinh hoa kỹ trị giúp giảm thiểu sự tùy tiện và biến động cảm tính trong lãnh đạo chính trị, đồng thời tăng cường sự liên kết và phối hợp giữa các bộ phận trong bộ máy nhà nước. Bên cạnh đó, nhờ vào năng lực quản trị chuyên nghiệp, giới tinh hoa kỹ trị giúp cải thiện hiệu quả vận hành bộ máy hành chính, giảm thiểu tham nhũng và nâng cao khả năng giải trình. Họ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy cải cách hành chính và đổi mới công nghệ, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giảm thiểu lãng phí và tạo động lực cho sự phát triển bền vững.

Khác với giới tinh hoa chính trị truyền thống vốn dựa nhiều vào quan hệ chính trị, gia thế hay uy tín quần chúng, giới tinh hoa kỹ trị tạo ra một tầng lớp quyền lực dựa trên năng lực chuyên môn và quản lý. Điều này góp phần làm ổn định cấu trúc quyền lực bằng cách đưa ra các giải pháp dài hạn, dự báo rủi ro và thiết lập quy trình quản trị có hệ thống, giảm thiểu các xung đột nội bộ và những thay đổi chính sách đột ngột gây bất ổn.

Ở các quốc gia như Singapore, Trung Quốc và Nhật Bản, giới tinh hoa kỹ trị chiếm tỷ lệ lớn trong các vị trí lãnh đạo chủ chốt, từ đó tạo ra sự cân bằng giữa quyền lực chính trị và năng lực quản trị chuyên môn. Ví dụ, tại Trung Quốc, sự gia tăng của cán bộ kỹ trị trong Bộ Chính trị đã giúp Đảng Cộng sản duy trì sự ổn định chính trị trong bối cảnh phát triển kinh tế phức tạp và các thách thức xã hội đa dạng. Tại Singapore, giới tinh hoa kỹ trị đảm bảo sự vận hành trơn tru và hiệu quả của bộ máy hành chính, giúp quốc gia này duy trì ổn định chính trị trong suốt nhiều thập kỷ.

2.3.3.3. Ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội quốc gia

Giới tinh hoa kỹ trị còn định hình cách thức các quốc gia đối diện với thách thức toàn cầu, như chuyển đổi số, biến đổi khí hậu, an ninh mạng và quản trị rủi ro khủng hoảng. Họ thúc đẩy sự đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực quản lý công theo hướng hiện đại, khoa học và thích ứng.

Giới tinh hoa kỹ trị đóng vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy các chính sách phát triển kinh tế, đảm bảo công bằng xã hội và xây dựng một nền tảng xã hội bền vững. Với sự am hiểu chuyên sâu, tư duy chiến lược và khả năng ra quyết định dựa trên dữ liệu, họ góp phần xây dựng các mô hình phát triển hiệu quả, giảm thiểu bất bình đẳng và tăng cường chất lượng cuộc sống của người dân.

Thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững: Giới tinh hoa kỹ trị có đóng góp đáng kể trong việc tăng cường quản lý kinh tế vĩ mô. Giới kỹ trị trong các cơ quan quản lý kinh tế như ngân hàng trung ương hoặc bộ tài chính thường đóng vai trò quan trọng trong việc ổn định nền kinh tế, kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng. Họ thường tạo ra các chính sách hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ, tạo động lực cho nền kinh tế tri thức. Các nhà kỹ trị là các chuyên gia kinh tế đã đóng vai trò quan trọng trong việc tự do hóa nền kinh tế ở nhiều quốc gia.

Giới tinh hoa kỹ trị thường là những người đi đầu trong việc đề xuất và triển khai các chính sách thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đổi mới sáng tạo. Họ giúp các quốc gia tiếp cận công nghệ tiên tiến, cải tiến quy trình sản xuất và nâng cao năng suất lao động. Ở Hàn Quốc, giới kỹ trị đã đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu sang một nền kinh tế công nghiệp phát triển, dẫn đầu trong các lĩnh vực công nghệ cao như điện tử và viễn thông. Giới kỹ trị xác định và xây dựng các chiến lược phát triển cho các ngành kinh tế có tiềm năng, từ đó tạo ra động lực tăng trưởng bền vững. Các ngành như năng lượng tái tạo, trí tuệ nhân tạo, và kinh tế xanh thường được giới kỹ trị thúc đẩy nhờ vào khả năng dự đoán xu hướng toàn cầu. Trong các giai đoạn khủng hoảng, giới kỹ trị đóng vai trò then chốt trong việc ổn định kinh tế thông qua các biện pháp tài chính, chính sách tiền tệ và điều tiết thị trường. Sau khủng hoảng tài chính 2008, các nhà kỹ trị tại Ngân hàng Trung ương châu Âu đã triển khai chính sách nới lỏng định lượng, góp phần khôi phục tăng trưởng kinh tế trong khu vực đồng euro.

Đảm bảo công bằng xã hội: Giới tinh hoa kỹ trị góp phần thiết kế và triển khai các chính sách phúc lợi công bằng, bao gồm giáo dục, y tế và an sinh xã hội, nhằm giảm bất bình đẳng và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Ở các nước Bắc Âu, giới kỹ trị đã xây dựng các hệ thống y tế và giáo dục toàn dân, đảm bảo rằng mọi người đều có quyền tiếp cận dịch vụ công chất lượng cao.

Tinh hoa kỹ trị thường có ảnh hưởng quan trọng trong việc xây dựng và lựa chọn các chính sách, đề xuất các biện pháp thuế công bằng, cải cách thị trường lao động và chính sách trợ cấp để giảm sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội. Họ thường là những người định hướng các chiến lược giáo dục, tập trung vào phát triển kỹ năng và năng lực cho người lao động nhằm đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế hiện đại, thúc đẩy giáo dục và nâng cao trình độ dân trí, thúc đẩy các dự án xây dựng hạ tầng giao thông, năng lượng và viễn thông nhằm cải thiện điều kiện sống của người dân và tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế xã hội, xây dựng các chính sách giảm phát thải carbon, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Giới tinh hoa kỹ trị không chỉ tập trung vào một khía cạnh đơn lẻ mà còn đảm bảo sự cân đối giữa phát triển kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Họ xây dựng các chính sách kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế và giảm thiểu bất bình đẳng, khuyến khích sử dụng tài nguyên hiệu quả và hạn chế tác động tiêu cực lên môi trường, góp phần vào sự phát triển toàn diện. Ở châu Âu, sự hiện diện của giới kỹ trị trong nội các bị hạn chế trong những năm 1980. Tuy nhiên, một số lượng đáng kể các quốc gia Bắc Âu đã tận hưởng mức độ ổn định tiền tệ cao, một phần là do các ngân hàng trung ương độc lập có ảnh hưởng và các cuộc mặc cả theo chủ nghĩa công đoàn giữa người sử dụng lao động và các nghiệp đoàn. Họ cũng góp phần đảm bảo công bằng và phát triển xã hội thông qua giải quyết các vấn đề xã hội phức tạp và tăng cường khả năng quản trị khủng hoảng. Giới tinh hoa kỹ trị đưa ra các chính sách xã hội dựa trên dữ liệu để giải quyết các vấn đề như bất bình đẳng, giáo dục, và chăm sóc sức khỏe. Ở Trung Quốc, các nhà kỹ trị trong Đảng Cộng sản đã xây dựng và thực hiện các kế hoạch kinh tế 5 năm, giúp quốc gia này đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh chóng trong nhiều thập kỷ. Ở Hàn Quốc, các nhà kỹ trị đã dẫn dắt các chương trình phát triển công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo, biến đất nước này thành một trung tâm công nghệ toàn cầu.

2.3.3.4. Ảnh hưởng đến quá trình dân chủ hóa ở các quốc gia

Tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình: Giới tinh hoa kỹ trị thường dựa vào dữ liệu, phân tích khoa học và bằng chứng thực tiễn trong hoạch định chính sách, giúp tăng cường tính minh bạch trong hệ thống quản lý nhà nước. Các cơ chế

trách nhiệm giải trình được xây dựng và vận hành bởi giới kỹ trị giúp nâng cao niềm tin của người dân vào chính quyền. Sự ổn định kinh tế và việc kiểm soát ngân sách công phần lớn là kết quả của quyền lực của các nhà kỹ trị, và sự ổn định này dường như là chìa khóa để giải thích khả năng phục hồi của nền dân chủ trong một khu vực mà các nền dân chủ thường xuyên sụp đổ một phần do tình trạng thiếu minh bạch.

Giới tinh hoa kỹ trị thúc đẩy các cơ chế giám sát và minh bạch, ứng dụng công nghệ để kiểm soát tham nhũng và đảm bảo trách nhiệm giải trình. Ở nhiều nước, việc triển khai hệ thống giám sát hành chính dựa trên công nghệ thông tin đã góp phần giảm thiểu tham nhũng trong bộ máy nhà nước. Giới tinh hoa kỹ trị tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Các nhà kỹ trị thường đề xuất áp dụng hệ thống giám sát số hóa và phân tích dữ liệu để minh bạch hóa quy trình quản lý, từ đó tăng trách nhiệm giải trình của các cơ quan công quyền.

Xây dựng năng lực quản trị hiệu quả: Trong giai đoạn chuyển đổi dân chủ, các quốc gia thường gặp phải thách thức về quản trị nhà nước. Giới kỹ trị đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các thể chế mạnh mẽ, ổn định và hiệu quả. Các chính sách kinh tế và xã hội được thiết kế dựa trên chuyên môn của giới kỹ trị giúp giảm nguy cơ bất ổn, từ đó tạo điều kiện cho nền dân chủ phát triển.

Giới tinh hoa kỹ trị thường đề xuất các biện pháp giảm thiểu sự công kênh của bộ máy hành chính, tái cấu trúc các cơ quan nhà nước để nâng cao hiệu quả. Họ tập trung vào cải thiện năng suất, giảm lãng phí và nâng cao chất lượng dịch vụ công. Giới tinh hoa kỹ trị đóng vai trò trung tâm trong việc cải cách hành chính và đổi mới công nghệ tại nhiều quốc gia. Giới tinh hoa kỹ trị thúc đẩy việc áp dụng công nghệ và cải tiến quy trình quản lý hành chính, giúp giảm quan liêu và tăng cường hiệu quả. Với cách tiếp cận dựa trên dữ liệu và kết quả, giới tinh hoa kỹ trị giúp chính phủ xây dựng các cơ chế giám sát và đánh giá chính sách minh bạch. Với sự hiểu biết sâu sắc về chuyên môn và khả năng ứng dụng khoa học công nghệ, họ không chỉ đưa ra các giải pháp đổi mới mà còn thúc đẩy chính phủ và hệ thống quản lý quốc gia áp dụng những phương thức tiên tiến hơn, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và phát triển bền vững. Các quy trình hành chính được đơn giản hóa thông qua việc sử dụng công nghệ thông tin và tự động hóa.

Tạo ra nền tảng công nghệ hỗ trợ dân chủ: Giới tinh hoa kỹ trị thường thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ vào các tiến trình dân chủ, chẳng hạn như bầu cử điện tử, tham vấn công chúng trực tuyến và phân tích dữ liệu để cải thiện hiệu quả chính sách. Công nghệ kỹ thuật số được sử dụng để mở rộng sự tham gia của công dân vào các quyết định chính trị. Ở Thụy Sĩ, các nhà kỹ trị đã phát triển nền tảng bầu cử trực tuyến, giúp tăng cường sự tham gia của người dân trong các cuộc trưng cầu dân ý.

Cân bằng giữa hiệu quả và sự tham gia: Giới kỹ trị thường tập trung vào hiệu quả chính sách, trong khi nền dân chủ yêu cầu sự tham gia rộng rãi của công dân. Trong một số trường hợp, giới kỹ trị có thể làm giảm không gian tham gia của người dân khi các quyết định được đưa ra dựa trên dữ liệu và chuyên môn thay vì ý kiến công chúng. Các chính trị gia được bầu cử dân chủ trong khu vực thường bị giới hạn bởi tư duy nhiệm kỳ và vì vậy, thường có xu hướng theo đuổi các chương trình nghị sự và lợi ích rất cụ thể. Các nhà kỹ trị có thể khởi xướng và thực hiện các chính sách cuối cùng lại gần với các mối quan tâm dân chủ hơn là các chính trị gia được bầu.

Tăng cường vai trò của các tổ chức xã hội: Giới kỹ trị thường hợp tác chặt chẽ với các tổ chức xã hội để thu thập ý kiến, thúc đẩy các cải cách và xây dựng sự đồng thuận. Họ cung cấp các công cụ và dữ liệu hỗ trợ các tổ chức này trong việc giám sát chính phủ. Trong bối cảnh chủ nghĩa dân túy gia tăng, giới kỹ trị thường bị coi là “xa rời người dân” vì thiên về các giải pháp phức tạp, không dễ hiểu với đại đa số công chúng. Tuy nhiên, họ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đối phó với các chính sách dân túy ngắn hạn, giúp đảm bảo sự ổn định lâu dài của nền dân chủ.

Như vậy, giới tinh hoa kỹ trị hình thành nên một phần không thể thiếu và thiết yếu của các hệ thống dân chủ đại diện. Họ có thể đặt ra những hạn chế đối với ý chí của người dân thời bấy giờ, và do đó có vẻ như là những người thách thức các yêu cầu của đa số, nhưng đây chính xác là vai trò của họ trong các hệ thống dân chủ tự do. Tuy nhiên, bên cạnh đó, giới tinh hoa kỹ trị với việc xác lập quyền lực thông qua chuyên môn đồng thời là sự thách thức đối với lý tưởng dân chủ về "chính quyền do nhân dân".

Kết luận chương 2

Chương 2 đã tập trung hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận cốt lõi về giới tinh hoa kỹ trị trong dòng chảy của lý thuyết chính trị hiện đại. Thông qua việc phân tích các khái niệm, nguồn gốc và các đặc điểm nhận diện, luận án đã phác thảo nên chân dung của một nhóm xã hội đặc thù – những người nắm giữ quyền lực dựa trên ưu thế về tri thức, chuyên môn và tư duy quản trị hệ thống.

Có thể rút ra một số điểm luận giải quan trọng sau:

Thứ nhất, giới tinh hoa kỹ trị không tồn tại biệt lập mà là sản phẩm tất yếu của quá trình hiện đại hóa và sự phức tạp hóa trong quản trị quốc gia. Vai trò của họ không chỉ dừng lại ở việc cung cấp giải pháp kỹ thuật thuần túy mà còn góp phần định hình lại cấu trúc quyền lực và phương thức vận hành bộ máy nhà nước theo hướng tối ưu hóa hiệu quả.

Thứ hai, mối quan hệ giữa giới tinh hoa kỹ trị và giới tinh hoa chính trị là một mối quan hệ biện chứng, vừa hỗ trợ vừa kiềm tỏa lẫn nhau. Sự giao thoa này tạo ra những biến đổi sâu sắc trong tính chính danh và cách thức ra quyết định chính sách, đặc biệt là trong bối cảnh các quốc gia đang chuyển đổi, nơi nhu cầu về sự ổn định chính trị luôn phải song hành với yêu cầu tăng trưởng kinh tế tốc độ cao.

Thứ ba, mặc dù sở hữu những ưu thế vượt trội về tư duy khoa học và tính khách quan, giới tinh hoa kỹ trị cũng đối mặt với những thách thức nội tại về tính dân chủ, sự thấu cảm xã hội và nguy cơ xa rời quần chúng. Đây là những "điểm mù" lý luận cần được xem xét kỹ lưỡng khi vận dụng mô hình kỹ trị vào thực tiễn.

Những khung khổ lý luận và các tiêu chí nhận diện được thiết lập trong chương này đóng vai trò là kim chỉ nam, tạo tiền đề khoa học vững chắc để luận án tiếp tục đi sâu khảo sát, đánh giá thực trạng đội ngũ này trong bối cảnh cụ thể ở Chương 3. Đây chính là cơ sở để nhận diện những điểm tương đồng, khác biệt và những đặc thù mang tính bản địa khi đối chiếu lý thuyết quốc tế với thực tiễn khách quan của địa bàn nghiên cứu.

Chương 3

GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ TRONG

ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ NHẬT BẢN, SINGAPORE, TRUNG QUỐC

3.1. GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ NHẬT BẢN

3.1.1. Khái quát về thể chế chính trị Nhật Bản

Nhật Bản là một quốc gia quân chủ lập hiến, vận hành theo mô hình dân chủ nghị viện hiện đại, trong đó Thiên hoàng giữ vai trò nguyên thủ quốc gia mang tính biểu tượng, còn quyền lực nhà nước thực chất được thực thi thông qua các thiết chế lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hiến pháp năm 1947 xác lập nguyên tắc chủ quyền thuộc về nhân dân, bảo đảm phân quyền giữa các nhánh quyền lực, đồng thời đặt Quốc hội (Diet) ở vị trí trung tâm của hệ thống chính trị. Trong cấu trúc đó, Chính phủ do Thủ tướng đứng đầu được hình thành từ đa số nghị viện và chịu trách nhiệm trước Quốc hội.

Một đặc điểm nổi bật của thể chế chính trị Nhật Bản là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ chế dân chủ đại diện với bộ máy hành chính chuyên nghiệp, ổn định và có tính liên tục cao. Trong nhiều thập niên, hệ thống chính trị Nhật Bản được vận hành trong bối cảnh một đảng chi phối (chủ yếu là Đảng Dân chủ Tự do – LDP), tạo ra môi trường chính trị tương đối ổn định về định hướng chính sách, đồng thời làm gia tăng vai trò của bộ máy quan liêu và các thiết chế kỹ trị trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Sự ổn định này hạn chế những biến động chính sách mang tính nhiệm kỳ, qua đó mở rộng không gian cho các quyết định dựa trên chuyên môn và kế hoạch dài hạn.

Trong cấu trúc quyền lực nhà nước, bộ máy hành chính trung ương, đặc biệt là các bộ chủ chốt như Bộ Tài chính, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (METI), Bộ Nội vụ và Truyền thông, giữ vai trò quan trọng trong việc soạn thảo chính sách, xây dựng luật và tổ chức thực thi. Các bộ này được vận hành bởi đội ngũ công chức tinh hoa, được tuyển chọn nghiêm ngặt thông qua các kỳ thi quốc gia có tính cạnh tranh cao, đào tạo bài bản và gắn bó lâu dài với bộ máy nhà nước. Cơ chế tuyển dụng và thăng tiến dựa trên năng lực, thâm niên và chuyên môn góp

phần hình thành một tầng lớp tinh hoa kỹ trị có trình độ cao, tính chuyên nghiệp mạnh và ảnh hưởng đáng kể đến quá trình ra quyết định công.

Thế chế chính trị Nhật Bản cũng thiết lập các cơ chế thể chế hóa vai trò của giới chuyên gia thông qua hệ thống hội đồng tư vấn (shingikai), ủy ban chuyên môn và các nhóm nghiên cứu chính sách trực thuộc chính phủ và các bộ ngành. Các thiết chế này tạo kênh chính thức để giới tinh hoa kỹ trị tham gia vào quá trình phân tích, phản biện và đề xuất chính sách, qua đó làm mờ ranh giới giữa không gian chính trị và không gian kỹ trị. Trong nhiều trường hợp, các đề xuất chính sách quan trọng được hình thành trước hết trong khuôn khổ chuyên môn, sau đó mới được đưa vào quy trình chính trị chính thức.

Bên cạnh đó, mối quan hệ đặc thù giữa chính trị gia – quan chức – doanh nghiệp, thường được khái quát bằng mô hình “tam giác sắt”, cũng là một đặc điểm thể chế có ảnh hưởng trực tiếp đến vai trò của giới tinh hoa kỹ trị. Trong cấu trúc này, các quan chức kỹ trị đóng vai trò trung gian quan trọng trong việc điều phối lợi ích, thiết kế chính sách phát triển công nghiệp và quản lý kinh tế vĩ mô. Cơ chế luân chuyển nhân sự sau khi nghỉ hưu (amakudari) càng củng cố mạng lưới ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị vượt ra ngoài phạm vi hành chính thuần túy, mở rộng sang khu vực doanh nghiệp và các tổ chức bán công.

Nhìn tổng thể, thể chế chính trị Nhật Bản – với đặc trưng là dân chủ nghị viện ổn định, bộ máy hành chính chuyên nghiệp, cơ chế tuyển dụng tinh hoa và các thiết chế tư vấn chuyên môn được thể chế hóa – đã tạo ra môi trường thuận lợi cho sự hình thành và phát huy vai trò của giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị. Chính các đặc điểm thể chế này giải thích vì sao ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị ở Nhật Bản không chỉ giới hạn trong lĩnh vực hành chính – kỹ thuật, mà còn lan tỏa sâu rộng vào quá trình hoạch định chính sách và định hình quỹ đạo phát triển quốc gia.

3.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của giới tinh hoa kỹ trị ở Nhật Bản

3.1.2.1. Quá trình hình thành và phát triển của giới tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị Nhật Bản

Nhật Bản thường được xem là hình mẫu điển hình của nhà nước hành chính, trong đó quyền lực chính trị được vận hành chủ yếu thông qua bộ máy hành pháp

chuyên nghiệp. Chế độ kỹ trị ở Nhật Bản được biểu hiện bằng một nền hành chính nhân mạnh hiệu quả thực tiễn, chuyên môn hóa chức năng và sự tuân thủ các quy tắc pháp – kỹ thuật ổn định [69tr.13]. Không ngẫu nhiên khi nền chính trị Nhật Bản từng được mô tả như “vương quốc của các nhà hành chính”, nơi “quyền tối cao thuộc về giới hành pháp”, còn các chính trị gia rơi vào trạng thái tương đối “cô độc” trong cấu trúc quyền lực [75tr.1]. Trong bối cảnh đó, giới tinh hoa kỹ trị giữ vai trò trung tâm trong vận hành bộ máy nhà nước và định hình chính sách công, đặc biệt là chính sách kinh tế.

Giai đoạn hình thành: Minh Trị Duy Tân và sự ra đời của kỹ trị nhà nước (1868–1912)

Sự hình thành giới tinh hoa kỹ trị ở Nhật Bản gắn chặt với tiến trình hiện đại hóa nhà nước từ cuối thế kỷ XIX, mà Minh Trị Duy Tân (1868–1912) là điểm khởi đầu mang tính bước ngoặt. Đây là giai đoạn Nhật Bản chuyển đổi từ cấu trúc phong kiến sang nhà nước hiện đại theo mô hình phương Tây, trong đó quan chức hành chính có chuyên môn được xác lập như lực lượng nòng cốt của công cuộc xây dựng quốc gia.

Nhà nước Minh Trị triển khai đồng thời ba bước mang tính nền tảng: (i) xây dựng hệ thống giáo dục hiện đại; (ii) cử sinh viên và quan chức sang châu Âu và Hoa Kỳ học tập khoa học, kỹ thuật, kinh tế và quản trị; (iii) nhập khẩu công nghệ và phát triển các ngành công nghiệp quốc doanh. Lớp trí thức được đào tạo bài bản này khi trở về đã trở thành hạt nhân của giới tinh hoa kỹ trị đầu tiên, đảm nhiệm các vị trí then chốt trong bộ máy hành chính trung ương.

Hai mục tiêu chiến lược “phú quốc cường binh” và “công nghiệp hóa” được đặt trong một khuôn khổ thể chế tập trung cao độ. Hiến pháp Hoàng gia năm 1889 xác lập nguyên tắc các bộ trưởng và thủ tướng chịu trách nhiệm trực tiếp trước hoàng đế [43tr.190]. Điều X của Hiến pháp trao cho hoàng đế quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm toàn bộ viên chức, qua đó hình thành một nền hành chính mà trách nhiệm quan liêu hướng lên trên, không hướng xuống xã hội. Trong cấu trúc này, giới tinh hoa kỹ trị đóng vai trò trung gian giữa quyền lực tối cao và xã hội, đặt nền móng cho mô hình nhà nước hành chính Nhật Bản.

Giai đoạn mở rộng và lệ thuộc quyền lực: Kỹ trị trong công nghiệp và quân sự (1912–1945)

Từ thời Taishō đến đầu Shōwa, giới tinh hoa kỹ trị được mở rộng cả về quy mô lẫn phạm vi ảnh hưởng, trở thành lực lượng then chốt trong công nghiệp hóa quy mô lớn và hiện đại hóa quân sự. Các kỹ sư, nhà khoa học và chuyên gia quản lý tham gia trực tiếp vào phát triển các ngành công nghiệp nặng như thép, đóng tàu, hóa chất và cơ khí; đồng thời giữ vai trò quan trọng trong quản lý tài chính và tổ chức sản xuất gắn với các zaibatsu lớn.

Song song với đó, quá trình quân sự hóa kéo giới kỹ trị tiến sâu vào lĩnh vực quốc phòng. Tri thức khoa học – kỹ thuật được huy động phục vụ thiết kế vũ khí, tàu chiến và máy bay, cùng với sự hình thành các viện nghiên cứu kỹ thuật quốc gia. Hệ quả là sự hợp nhất giữa kỹ trị và quyền lực quân sự, trong đó giới kỹ trị gia tăng ảnh hưởng chính sách nhưng đồng thời đánh mất tính tự chủ, bị đặt dưới logic quyền lực chính trị – quân sự. Giai đoạn này cho thấy mặt hai chiều của kỹ trị: vừa là nguồn lực quản trị, vừa có nguy cơ trở thành công cụ của chủ nghĩa quyền lực.

Giai đoạn củng cố: Kỹ trị hành chính – kinh tế trong nhà nước phát triển (1945–cuối thập niên 1970)

Sau Thế chiến II, giới tinh hoa kỹ trị được tái cấu trúc và củng cố trong một khuôn khổ thể chế mới, với trọng tâm chuyển từ quân sự sang phát triển kinh tế và quản trị công. Trong bối cảnh tái thiết quốc gia, Bộ Tài chính và Bộ Công nghiệp và Thương mại Quốc tế (MITI) nổi lên như các trung tâm quyền lực chính sách, do đội ngũ kỹ trị có trình độ cao dẫn dắt.

Hệ thống tuyển chọn công chức thông qua kỳ thi quốc gia tiếp tục bảo đảm tính chuyên nghiệp và khả năng tái sản xuất giới tinh hoa kỹ trị. Trong mô hình hợp tác công – tư, các kỹ trị gia giữ vai trò điều phối giữa nhà nước và các tập đoàn công nghiệp, qua đó góp phần tạo nên “phép màu kinh tế” Nhật Bản. Ở giai đoạn này, kỹ trị được hợp thức hóa mạnh mẽ thông qua hiệu quả tăng trưởng và năng lực điều phối, từng bước mở rộng ảnh hưởng sang lĩnh vực chính trị với vai trò cố vấn và thành viên nội các.

Giai đoạn chuyển đổi và thích ứng: Từ kỷ trị tăng trưởng đến kỷ trị chiến lược (từ thập niên 1980 đến nay)

Từ thập niên 1980, giới tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị Nhật Bản bước vào một giai đoạn chuyển đổi mang tính cấu trúc. Sự suy giảm tương đối của mô hình nhà nước phát triển, cùng tác động của toàn cầu hóa, già hóa dân số và cách mạng khoa học – công nghệ, buộc kỹ trị phải thích ứng với những yêu cầu quản trị mới.

Nếu trong giai đoạn tăng trưởng cao thời hậu chiến, kỹ trị chủ yếu gắn với điều phối công nghiệp và mở rộng sản xuất, thì sau khi nền kinh tế bong bóng sụp đổ đầu thập niên 1990, trọng tâm vai trò chuyển sang ổn định hệ thống, tái cấu trúc kinh tế và cải cách quản trị nhà nước. Trong bối cảnh đó, giới kỹ trị ngày càng thể hiện rõ đặc trưng của một tầng lớp tinh hoa chuyên nghiệp hóa cao, không chỉ thực thi chính sách mà còn tham gia thiết kế thể chế và hoạch định chiến lược dài hạn.

Bước sang thế kỷ XXI, vai trò của giới tinh hoa kỹ trị tiếp tục được mở rộng sang các lĩnh vực mang tính liên ngành và dài hạn như hội nhập kinh tế quốc tế, môi trường, an ninh năng lượng và chuyển đổi số. Kỹ trị không còn giới hạn trong các bộ kinh tế truyền thống, mà hiện diện ngày càng rõ trong các cơ quan hoạch định chiến lược và cơ chế điều phối cấp cao, phản ánh sự dịch chuyển từ tư duy quản lý kỹ thuật sang tư duy quản trị chiến lược dựa trên tri thức.

Đặc biệt, sau thảm họa Fukushima năm 2011, giới tinh hoa kỹ trị được tái khẳng định vai trò trung tâm trong quản lý khủng hoảng, tái thiết và định hình chiến lược phát triển bền vững. Trong giai đoạn này, kỹ trị chuyển hóa từ lực lượng “quản lý tăng trưởng” sang chủ thể “kỹ trị chiến lược”, nhấn mạnh năng lực dự báo, điều phối liên ngành và quản lý rủi ro trong bối cảnh bất định gia tăng. Sự chuyển đổi này góp phần củng cố vị thế của giới tinh hoa kỹ trị như một trụ cột quan trọng của quản trị nhà nước Nhật Bản đương đại.

3.1.2.2. Quá trình hình thành và phát triển của giới tinh hoa kỹ trị bên ngoài hệ thống chính trị Nhật Bản

Giới tinh hoa kỹ trị bên ngoài hệ thống chính trị của Nhật Bản bắt đầu hình thành từ những năm 1970. Năm 1970 được gọi là năm của các think tanks Nhật

Bản. Đây cũng là năm Nhật Bản chạm đến đỉnh cao của "sự thần kỳ" trong phát triển kinh tế. Theo đó, nhu cầu về việc có những tư vấn chính sách liên quan đến phát triển kinh tế như vấn đề lao động, doanh nghiệp... đã làm bùng phát think tanks, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp. Trung bình, có khoảng 15 think tanks được thành lập mỗi năm trong giai đoạn 1970 - 1975, bao gồm các viện nghiên cứu hàng đầu của Nhật Bản. Trong số các think tank được thành lập, hầu hết đều là cơ quan tư vấn của các Bộ thuộc Chính phủ hoặc của các tập đoàn công nghiệp tư nhân. Các think tank tiêu biểu giai đoạn này gồm: Viện Nghiên cứu Mitsubishi, Viện Nghiên cứu Nhật Bản, Trung tâm Nghiên cứu Nikko, Trung tâm Phát triển quốc tế Nhật Bản, Viện Nghiên cứu Hitachi.

Trong những năm 1980 - 1990 các think tank ở Nhật Bản tiếp tục có những bước phát triển mạnh mẽ. Đặc biệt, sự ra đời của Viện Nghiên cứu đô thị đã tạo ra một định nghĩa mới về think tank ở Nhật Bản bởi nó phi lợi nhuận và độc lập. Cũng kể từ đây, Nhật Bản đã tái định hình lại cộng đồng think tank từ sau những năm 1990. Viện Chính sách công thế kỷ XXI (được tài trợ bởi Liên đoàn các tổ chức kinh tế Nhật Bản Keidanren được thành lập năm 1997); Quỹ Tokyo vốn được tài trợ bởi Quỹ Nippon được thành lập năm 1997 đã giúp cải thiện khả năng nghiên cứu chính sách; tổ chức Sáng kiến Nhật Bản thành lập năm 1997 là một trong những think tank nghiên cứu chính sách mạnh gồm các cựu công chức trẻ. Những think tank này muốn tạo ra một nền tảng mới của các think tank dựa trên tiếng nói độc lập với Chính phủ.

Bước sang từ những năm 2000, các think tank Nhật Bản đối mặt với xu hướng thoái trào tương đối. Suy thoái kinh tế kéo dài khiến nhiều tổ chức thu hẹp quy mô hoặc giải thể; đồng thời, nhà nước chuyển hướng tăng cường nghiên cứu chính sách trong các trường đại học nhằm tiết kiệm chi phí. Song song với đó, việc thành lập các thiết chế hành chính độc lập (Independent Administrative Institutions – IAIs) cho thấy xu hướng “tư nhân hóa nhà nước”, trong đó chức năng nghiên cứu – tư vấn chính sách được tái tích hợp vào khu vực công dưới hình thức linh hoạt hơn.

Nhìn tổng thể, sự phát triển của giới tinh hoa kỹ trị bên ngoài hệ thống chính trị Nhật Bản phản ánh những biến đổi trong nhu cầu tham vấn chính sách qua các giai đoạn phát triển kinh tế – xã hội. Dù đã xuất hiện những nỗ lực xây dựng các

think tank độc lập với nhà nước, song do các rào cản văn hóa và thể chế, giới kỹ trị ngoài hệ thống chính trị ở Nhật Bản nhìn chung vẫn mang đặc trưng gắn bó chặt chẽ với nhà nước và các tập đoàn lớn, tạo nên một mô hình kỹ trị bán độc lập đặc thù.

3.1.3. Các đặc điểm của giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản

3.1.3.1. Đặc điểm của giới tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị Nhật Bản

- *Trình độ học vấn và chuyên môn cao*

Giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản thường xuất thân từ các trường đại học hàng đầu như Đại học Tokyo, Đại học Kyoto, Đại học Osaka, Đại học Keio, ... Đây những cơ sở giáo dục có truyền thống lâu đời và được biết đến với các chương trình đào tạo chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật, luật pháp, và kinh tế. Họ không chỉ có kiến thức lý thuyết mà còn có khả năng thực tiễn cao trong việc áp dụng các kỹ năng chuyên môn vào hoạch định và thực thi chính sách.

Dưới thời Mạc phủ Tokugawa, kỹ năng võ thuật đã được thay thế bằng học vấn. Các tổ chức giáo dục tuyển dụng sinh viên từ mọi tầng lớp xã hội hoàn toàn dựa trên cơ sở thành tích. Những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc nhất và sáng giá nhất của các trường đại học Hoàng gia và các trường đại học khác được tuyển dụng vào chính phủ thông qua các kỳ thi nghiêm ngặt. Những năm sau đó, nhiều nhà kỹ trị Nhật Bản đã được gửi đi học tại các trường đại học danh tiếng ở Mỹ và châu Âu, như Harvard, MIT, Stanford, Oxford, Cambridge. Các chương trình đào tạo này cung cấp kiến thức hiện đại về khoa học công nghệ, quản trị, và kinh tế quốc tế, giúp họ tiếp cận với các tư duy mới và kỹ thuật tiên tiến. Sự đào tạo quốc tế này giúp họ kết hợp linh hoạt giữa các phương pháp quản trị phương Tây và giá trị văn hóa truyền thống của Nhật Bản. Vào những năm cuối thế kỷ XX, Nhật Bản được xếp vào top 5 nước có bộ máy quan liêu của quy mô nhỏ nhất, nhưng hoạt động của nó rất hiệu quả, một bộ máy nhỏ, mạnh và thông minh [69tr.3]. Bộ máy hành chính ở Nhật Bản có tính trọng nhân tài cao, thẩm nhuần sâu sắc cả ý thức về sứ mệnh của bộ máy cũng như việc tăng cường những quyền lực cần thiết để đạt được sứ mệnh đó. Phần lớn các nhà lập pháp quốc gia của Nhật Bản nói rằng họ không thể phủ nhận "các nhà quan liêu chứ không phải (họ) đã gánh vác nhiệm vụ hoạch định chính sách".

- *Có sự kết hợp giữa hệ thống công chức kỹ trị và chế độ nhân tài*

Nhật Bản cũng là một trong những quốc gia có hệ thống quản trị và tuyển chọn giới tinh hoa kỹ trị chặt chẽ và tinh vi. Mô hình này dựa trên nền tảng giáo dục, hệ thống công vụ tinh hoa, sự đào tạo trong doanh nghiệp, và các cơ chế thăng tiến đặc thù. Hệ thống tuyển chọn tinh hoa kỹ trị của Nhật Bản chủ yếu diễn ra trong ba lĩnh vực chính: Bộ máy chính quyền và hệ thống công chức, các tập đoàn đa quốc gia và công ty công nghệ, hệ thống viện nghiên cứu và trường đại học.

Sự tăng trưởng kinh tế thần kỳ của Nhật Bản thường gắn với những hình ảnh phổ biến về một bộ máy hành chính với nòng cốt là các tinh hoa, gồm các công chức cấp cao có quyền tự chủ để đưa ra các quyết định hợp lý, kỹ trị về chính sách [49], được tuyển dụng thông qua kỳ thi tuyển dụng theo chế độ trọng dụng người tài và chịu ảnh hưởng của các mô hình quản lý phi chính trị. Các nhà lãnh đạo hiện đại đã trao cho bộ máy hành chính vai trò chính trong sự phát triển của Nhật Bản và cố gắng giữ nó vượt lên trên các áp lực chính trị của đảng phái. Nhật Bản có một hệ thống tuyển dụng và đào tạo công chức kỹ trị rất nghiêm ngặt và chỉ những cá nhân xuất sắc nhất mới được lựa chọn để phục vụ trong các bộ ngành quan trọng. Sau khi gia nhập bộ máy hành chính, họ thường trải qua các chương trình đào tạo chuyên biệt về quản lý nhà nước, chính sách công, và ngoại giao.

Nhật Bản có một thống tuyển chọn công chức cấp cao (Kokka Kōmuin) và hệ thống công vụ chặt chẽ để lựa chọn những cá nhân xuất sắc nhất vào bộ máy quản lý nhà nước. Kỳ thi công chức quốc gia (Kokkashiken) là một trong những kỳ thi khó nhất Nhật Bản, chỉ những sinh viên xuất sắc nhất từ các trường đại học hàng đầu như Đại học Tokyo (Todai), Đại học Kyoto, Đại học Hitotsubashi mới có cơ hội vượt qua để trở thành quan chức cao cấp (cấp độ I) và công chức bình thường (cấp độ II & III). Hệ thống "Amakudari" gồm các quan chức cấp cao sau khi nghỉ hưu được bổ nhiệm vào vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp lớn hoặc tổ chức bán công, giúp duy trì mối liên kết giữa chính phủ và khu vực tư nhân. Chính phủ Nhật Bản có các chương trình cử sinh viên giỏi đi học tập ở các trường danh tiếng tại Mỹ và châu Âu như Harvard, Oxford, Stanford để đào tạo đội ngũ lãnh đạo chính phủ tương lai. Hệ thống này tạo ra một tầng lớp quan chức có chuyên môn cao, hiểu biết sâu về chính sách, kinh tế, công nghệ.

Trong các tập đoàn đa quốc gia và công ty công nghệ, hệ thống tuyển dụng “Shinsotsu-Ikkatsu-Saiyō” (Tuyển dụng đồng loạt sinh viên mới tốt nghiệp) cho phép các tập đoàn lớn như Toyota, Sony, Mitsubishi, Honda, SoftBank, Toshiba tuyển chọn sinh viên giỏi ngay khi họ tốt nghiệp. Những sinh viên xuất sắc từ Đại học Tokyo, Kyoto, Keio, Waseda, Osaka thường được các tập đoàn này nhắm đến. Hệ thống “Sempai-Kohai” (Quan hệ tiền bối - hậu bối) trong các công ty Nhật Bản là cơ hội để những nhân viên giỏi được các tiền bối hướng dẫn và đưa vào những vị trí quan trọng. Đào tạo kỹ trị kiểu Nhật không chỉ dựa vào bằng cấp mà còn dựa vào kinh nghiệm thực tế trong doanh nghiệp. Các tập đoàn có chương trình đào tạo dài hạn, gửi nhân viên tài năng đi học MBA, kỹ thuật chuyên sâu tại các trường hàng đầu thế giới. Họ cũng có cơ chế luân chuyển công việc (Job Rotation) để nhân sự có thể nắm rõ các mảng khác nhau trong tập đoàn trước khi lên vị trí lãnh đạo.

Trong viện nghiên cứu và trường đại học, những sinh viên thi đỗ vào Đại học Tokyo (Todai), Kyoto, Osaka, Tohoku, Keio, Waseda được coi là tinh hoa tương lai của Nhật Bản. Các trường này có quan hệ chặt chẽ với chính phủ và doanh nghiệp, giúp sinh viên giỏi được tiếp cận với nghiên cứu khoa học, chính sách công, công nghệ tiên tiến. Các viện nghiên cứu hàng đầu như Riken, AIST, NIMS, NICT chuyên đào tạo các nhà khoa học, kỹ sư, kinh tế học. Các giáo sư từ Đại học Tokyo, Kyoto, Osaka thường có ảnh hưởng lớn đến chính sách khoa học và công nghệ quốc gia. Giới kỹ trị thường được luân chuyển qua nhiều vị trí khác nhau trong các cơ quan chính phủ và doanh nghiệp để tích lũy kinh nghiệm thực tiễn.

- *Tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp cao*

Giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản có mức độ cam kết cao với lợi ích quốc gia và cộng đồng. Điều này phản ánh giá trị văn hóa sâu sắc của Nhật Bản về lòng trung thành và trách nhiệm. Việc hoạch định chính sách dài hạn thường gắn với tầm nhìn chiến lược, tập trung vào sự phát triển bền vững của đất nước. Các nhà kỹ trị Nhật Bản nổi tiếng với sự tận tâm và cống hiến, thường làm việc vượt giờ để hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt nhất. Họ tôn trọng và theo đuổi sự minh bạch và liêm chính, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

Tinh thần học hỏi và không ngừng đổi mới cũng là một điểm nổi bật của giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản. Họ thường xuyên nâng cao kiến thức và kỹ năng để đáp ứng với các thách thức mới. Họ tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu và hợp tác quốc tế nhằm cập nhật các xu hướng và công nghệ hiện đại. Giới kỹ trị áp dụng triết lý Kaizen (cải tiến không ngừng), không ngừng tìm cách nâng cao hiệu quả và chất lượng trong quản lý công việc, chủ động tìm kiếm các giải pháp sáng tạo để cải thiện các quy trình hành chính, thúc đẩy năng suất và giảm lãng phí.

Họ trung thành và gắn bó với tổ chức. Nhiều nhà kỹ trị Nhật Bản dành cả sự nghiệp phục vụ trong các cơ quan nhà nước hoặc tổ chức công quyền, thể hiện sự trung thành và trách nhiệm với tổ chức. Với tinh thần trách nhiệm cao, họ luôn cố gắng bảo vệ và nâng cao uy tín của tổ chức mà họ đang phục vụ, từ việc quản lý chính sách đến thực hiện các dự án quốc gia. Giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản có khả năng chịu trách nhiệm cá nhân. Khi xảy ra sai sót hoặc khủng hoảng, họ sẵn sàng nhận trách nhiệm, luôn sẵn sàng giải trình các quyết định hoặc hành động trước công chúng và các cơ quan giám sát, đảm bảo tính minh bạch và sự tin cậy.

- *Tính bảo thủ tương đối cao*

Tính bảo thủ là một đặc điểm nổi bật của giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản. Nó được thể hiện trong nhiều khía cạnh khác nhau, từ cách thức quản lý, hoạch định chính sách cho đến thái độ đối với cải cách và đổi mới. Giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản đôi khi bị chỉ trích vì quá thận trọng và chậm đổi mới, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa nhanh chóng và sự cạnh tranh từ các nền kinh tế mới nổi. Đặc điểm này được cho là chịu ảnh hưởng từ cấu trúc xã hội. Họ thường xuất thân từ tầng lớp trung lưu và có xu hướng tập trung vào các giá trị truyền thống, điều này đôi khi khiến họ thiếu nhạy bén với các thay đổi xã hội hiện đại.

Giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản thường ưu tiên duy trì các giá trị và mô hình đã được chứng minh hiệu quả trong lịch sử. Họ cho rằng việc bám sát truyền thống sẽ đảm bảo tính ổn định và giảm thiểu rủi ro. Cách quản lý nền kinh tế dựa vào các liên minh kinh tế (keiretsu) và các quan hệ giữa chính phủ với doanh nghiệp được duy trì như một cấu trúc quan trọng từ sau Thế chiến II đến nay. Thay vì áp dụng các phương pháp quản trị mới một cách nhanh chóng, giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản

có xu hướng cải tiến các mô hình cũ để thích ứng với điều kiện mới. Bộ máy hành chính Nhật Bản thường được coi là quan liêu, với quy trình ra quyết định kéo dài để đảm bảo không có sai sót. Các tổ chức lâu đời như METI vẫn đóng vai trò chủ đạo trong điều hành chính sách công nghiệp và kinh tế, mặc dù các xu hướng toàn cầu yêu cầu một cách tiếp cận linh hoạt hơn. Điều này đôi khi làm chậm tốc độ cải cách, nhưng lại giúp duy trì sự ổn định.

Giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản khá thận trọng và có xu hướng ưu tiên thực hiện các cải cách nhỏ và từng bước thay vì tiến hành thay đổi toàn diện. Trong cải cách hành chính, Nhật Bản áp dụng chiến lược tái cơ cấu bộ máy chính phủ một cách từ tốn, đảm bảo các bộ phận mới có thể tiếp cận nhiệm vụ mà không gây xáo trộn lớn. Họ thường tránh những giải pháp đổi mới mang tính đột phá vì lo ngại những rủi ro tiềm tàng. Thay vào đó, các biện pháp cải cách được điều chỉnh để không làm tổn hại đến sự ổn định của xã hội và hệ thống chính trị. Giới tinh hoa kỹ trị thường có mối quan hệ mật thiết với các nhóm lợi ích như các tập đoàn lớn, tổ chức lao động, và các tổ chức nông nghiệp truyền thống. Điều này khiến họ có xu hướng bảo vệ lợi ích của các nhóm này, ngay cả khi điều đó mâu thuẫn với nhu cầu cải cách. Mối quan hệ này đôi khi gây ra sự phụ thuộc quá mức của chính phủ vào các lợi ích kinh tế cụ thể, làm suy giảm tính công bằng trong quản trị công.

3.1.3.2. Đặc điểm của giới tinh hoa kỹ trị bên ngoài hệ thống chính trị Nhật Bản

- *Các think tank được dẫn dắt bởi Chính phủ hoặc được Chính phủ ủng hộ*

Loại think tank này gần như là một cơ quan của Chính phủ, nhận được kinh phí hoạt động từ Chính phủ với chức năng chính là cung cấp dịch vụ nghiên cứu và đưa ra các phương án chính sách cho Chính phủ. Những think tank này tạo ra nguồn tài nguyên thông tin cũng như phân tích thông tin về các lĩnh vực chính sách khác nhau. Mỗi lĩnh vực có một think tank mạnh đảm nhận như: Lĩnh vực kinh tế có Viện Nghiên cứu kinh tế châu Á (MITI); lĩnh vực y tế và chăm sóc cộng đồng có Viện An sinh xã hội.

Ban đầu, các think tank này được thể chế hóa ngay trong bộ máy của Chính phủ nhưng sau đó (kể từ năm 2011) nó được tổ chức độc lập về mặt hành chính như một cơ quan dịch vụ phi dân sự, cung cấp các khảo sát cũng như phân tích chính

sách cho Chính phủ. Mặc dù về hình thức có những thay đổi, song thực chất đây vẫn là các think tank do Chính phủ lập ra và thực hiện nhiệm vụ cố vấn chính sách cho Chính phủ.

- *Các think tank liên kết với doanh nghiệp*

Các think tank gắn liền với doanh nghiệp đóng một vai trò quan trọng trong thể chế think tank ở Nhật Bản. Do được sự hỗ trợ mạnh mẽ về tài chính, các think tank này hoạt động mạnh và có ảnh hưởng lớn đối với các chính sách công nghiệp. Trong bối cảnh sự phát triển mạnh của các doanh nghiệp khiến số lượng loại hình think tank này cũng là lớn nhất so với các loại hình think tank khác. Cơ chế hoạt động của các think tank này tương tự như một doanh nghiệp, tức là hoạt động vì lợi nhuận, theo các đơn đặt hàng của khách hàng (đó có thể là doanh nghiệp mà cũng có thể là Chính phủ).

- *Các think tank độc lập phi Chính phủ*

Đây cũng là loại hình think tank chiếm số lượng lớn gồm các công ty tư vấn và các tổ chức xã hội được thành lập bởi các cá nhân với tư cách độc lập. Nguồn tài chính của loại hình think tank này đến từ các dự án nghiên cứu với Chính phủ, tài trợ của doanh nghiệp hay kinh doanh tư vấn nước ngoài. Loại hình think tank này hoạt động khá linh hoạt, thường nghiên cứu các vấn đề mới đặt ra của đời sống chính trị - xã hội với quá trình nghiên cứu nghiêm túc và sớm công bố các kết quả nghiên cứu. Loại hình này cũng rất tích cực có những trao đổi học thuật với nước ngoài và đặc biệt không giới hạn lĩnh vực nghiên cứu.

- *Các think tank của các trường đại học nổi tiếng*

Đây là lực lượng quan trọng mang tới các nghiên cứu học thuật và cung cấp các dịch vụ cho cộng đồng thông qua việc tham gia các dự án cho Chính phủ ủy quyền, xuất bản các tạp chí học thuật có ảnh hưởng, cung cấp các chuyên gia tư vấn chính sách cho Chính phủ. Mỗi trường đại học, think tanks có thể mạnh riêng, như Đại học Tokyo có thể mạnh về lĩnh vực chính trị, kinh tế và khoa học - kỹ thuật. Nhìn chung, các trường đại học vốn có nền tảng lý thuyết và học thuật sâu sắc, đó cũng là nơi có nhiều nghiên cứu so sánh chính sách với các quốc gia khác. Điều đó tạo nên độ tin cậy cao của các nghiên cứu từ các think tank các trường đại học hơn các think tanks khác, và thu hút sự chú ý hơn của các nhà làm chính sách.

3.1.4. Ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị Nhật Bản

3.1.4.1. Ảnh hưởng của tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị đến đời sống chính trị Nhật Bản

Tinh hoa kỹ trị là một bộ phận quan trọng trong hệ thống chính trị Nhật Bản, họ có vai trò đặc biệt trong các lĩnh vực hoạch định chính sách, phát triển kinh tế và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; ảnh hưởng trong hệ thống chính trị và quá trình dân chủ hóa. Sự chi phối của giới tinh hoa kỹ trị giúp Nhật Bản duy trì sự ổn định chính trị, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức về tính minh bạch và dân chủ trong quản lý nhà nước.

Tinh hoa kỹ trị ở Nhật Bản chủ yếu tập trung vào hai nhóm chính: i) Quan chức cao cấp trong bộ máy hành chính - những người tốt nghiệp từ các trường đại học danh tiếng, được tuyển dụng vào các bộ ngành quan trọng như Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (METI), Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao. Họ có quyền lực lớn trong việc thiết kế và thực hiện chính sách. ii) Chuyên gia và học giả cố vấn chính phủ, có vai trò quan trọng trong việc tư vấn chính sách và cung cấp cơ sở khoa học cho các quyết định chính trị.

- *Ảnh hưởng đến quá trình hoạch định chính*

Trong khoảng thời gian từ năm 1950 - 1970

Một trong những lý do được các nhà nghiên cứu đưa ra để giải thích cho "phép màu kinh tế" ở Nhật Bản trong khoảng thời gian từ những năm 1950 đến giữa những năm 1970 là vai trò trung tâm và then chốt của bộ máy hành chính ở Nhật Bản – trọng tâm của mô hình nhà nước phát triển, trong đó phần quan trọng nhất là bộ máy quan liêu kinh tế của MITI và Cơ quan Kế hoạch Kinh tế (EPA). Nhà nước phát triển là "duy lý kế hoạch", với chính sách công nghiệp rõ ràng nhằm tạo ra và duy trì "tăng trưởng kinh tế tốc độ cao". Và theo đó, "hệ quả tự nhiên của tính hợp lý của kế hoạch" là "sự tồn tại của một bộ máy quan liêu kinh tế hùng mạnh, tài năng và đầy uy tín". Mặc dù chịu ảnh hưởng của các nhóm lợi ích, có nhiều nguồn lực cạnh tranh giữa các bộ khác nhau, và xung đột xảy ra giữa các bộ trong quá trình hoạch định chính sách, tuy nhiên, "trung tâm tạo ra ảnh hưởng tích cực lớn nhất là trung tâm xây dựng và thực thi chính sách công nghiệp. Trung tâm đó do

MITI chi phối" và "Nhật Bản là một hệ thống cai trị quan liêu". "Bộ máy quan liêu tinh hoa của Nhật Bản đưa ra hầu hết các quyết định, soạn thảo hầu như tất cả các luật, kiểm soát ngân sách quốc gia và là nguồn gốc của tất cả các cải cách chính sách lớn trong hệ thống". Các quan chức được giao các mục tiêu và định hướng chính sách; họ xây dựng chính sách dựa trên chuyên môn của mình và trình bày các phương án lên các giám đốc điều hành. Các giám đốc điều hành giám sát quá trình hoạch định chính sách của bộ máy hành chính và tìm kiếm sự điều chỉnh khi cần thiết. Các phương án được quyết định như một chính sách của Nội các thông qua sự phối hợp với Bộ trưởng, các Bộ trưởng của các bộ khác, các quan chức hành chính và Văn phòng Thủ tướng. Các quan chức Nhật Bản thời kỳ này được trao vai trò nổi bật trong việc hoạch định chính sách, là người tiên phong và là nguồn cảm hứng trong giai đoạn phát triển thần kỳ ở Nhật Bản. Giai đoạn này có thể coi là thời kỳ hoàng kim của giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản.

Từ giữa những năm 1970 bắt đầu xuất hiện sự suy giảm quyền lực và sự ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị Nhật Bản. Các vụ bê bối đã làm suy yếu vai trò của giới này với sự trì trệ kinh tế và khủng hoảng tài chính và nhiều vụ tham nhũng liên quan đến việc giới quan chức nhận tiền và dịch vụ liên quan đến các dự án cơ sở hạ tầng công cộng... Nhật Bản từ cường quốc kinh tế thứ hai thế giới và là quốc gia chủ nợ lớn nhất, đã chìm trong khủng hoảng gần một thập kỷ. Sự sụp đổ của "bong bóng kinh tế" năm 1990 đã châm ngòi cho cuộc suy thoái dài nhất trong lịch sử hậu chiến của Nhật Bản. Điều này đã đặt ra vấn đề phải chấn chỉnh các hoạt động quan liêu.

Trong bối cảnh đó, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) đã bắt đầu đóng một vai trò nổi bật và có ảnh hưởng hơn trong việc hoạch định chính sách khi LDP áp dụng hệ thống thảo luận chính sách trước khi trình dự luật. Để được đảng cầm quyền chấp thuận trước, các quan chức phải phối hợp trực tiếp với từng chính trị gia và các bên liên quan đến chính sách, với sự kết hợp đó, Muramatsu đã gọi các quan chức là "quan chức chính trị"[47tr.154]. Điều này đã làm suy giảm rõ rệt quyền lực của bộ máy quan liêu, và sự gia tăng đồng thời quyền lực của Đảng Dân chủ Tự do (LDP)... Từ đó xuất hiện xu hướng chuyển từ "cơ cấu lãnh đạo quan liêu (kanryo shudo taisel) sang "cơ cấu lãnh đạo đảng (to shuulo taisel)".

Từ những năm 1990 đến những năm 2000, chính quyền LDP đã thành công trong việc giành quyền kiểm soát các quan chức; trong đó bao gồm các nội dung: (1) đảm bảo quyền phủ quyết đối với các dự luật và quy định do các quan chức soạn thảo; (2) đảm bảo khả năng can thiệp vào việc bổ nhiệm nhân sự và đảm bảo lòng trung thành liên quan đến việc thăng chức và bố trí công chức cấp cao và (4) quản lý tiền lương trọn đời, bao gồm cả việc cung cấp 'amakudari' (đảm bảo việc tái tuyển dụng cho các quan chức cấp cao [47tr.154];

Mặc dù quyền lực hoạch định chính sách của bộ máy quan liêu vẫn "gần như hoàn toàn", nhưng lợi ích chính trị chứ không phải lợi ích quan liêu chiếm ưu thế trong một số lĩnh vực trong nước, phi công nghiệp như giáo dục, chính sách quốc phòng và trợ cấp nông nghiệp. "Hầu hết các chính sách quan trọng vẫn bắt nguồn từ một bộ hoặc cơ quan, chứ không phải từ khu vực chính trị hoặc tư nhân."

Ảnh hưởng ngày càng tăng của LDP trong quá trình hoạch định chính sách trong hai thập kỷ qua được cho là do ba yếu tố: chủ nghĩa bè phái quá mức và đấu đá nội bộ về thẩm quyền trong bộ máy quan liêu, tạo cơ hội cho các chính trị gia ủng hộ một bộ chống lại bộ khác, hoặc đảm nhận vai trò lãnh đạo khi việc hoạch định chính sách bị đình trệ hoặc bế tắc; và thứ hai, do sự phát triển của chuyên môn chính sách trong số các chính trị gia cấp cao của LDP. Yếu tố thứ ba là sự chuyển dịch trong việc tuyển dụng và ưu tiên các nhà lãnh đạo LDP từ các cựu quan chức sang các chính trị gia lâu năm từ các khu vực bầu cử nông thôn. Thông qua các cơ quan chính thức của mình, đáng chú ý nhất là Hội đồng Nghiên cứu Chính sách (PARC) của LDP và các Ban, Ủy ban Đặc biệt và Hội Nghiên cứu, và một cách không chính thức thông qua sự xuất hiện của các nhóm chính sách hùng mạnh (zoku-giin), thông qua các nỗ lực tác động đến các chính sách cụ thể của các Thủ tướng, LDP đã đóng một vai trò tích cực hơn trong việc hoạch định chính sách.

Mối quan hệ hợp tác giữa các chính trị gia và các quan chức cho thấy các quan chức cấp cao đóng một vai trò chính trị có liên quan đến việc điều phối các lợi ích chính trị trong quá trình hoạch định chính sách. Việc bổ nhiệm chính trị là cách các chính trị gia đóng vai trò như những nguyên tắc, đặt ra mục tiêu và định hướng cho các quan chức, đồng thời giám sát họ. Thông thường, các chính trị gia bổ nhiệm

những quan chức tương tự mình vì họ là người đại diện để tương tác với các quan chức. Chính trị gia và quan chức có mối quan hệ chủ-người đại diện, được trung gian bởi những người được chính trị bổ nhiệm. Các vị trí bổ nhiệm chính trị được phân loại là công chức đặc vụ theo Đạo luật Công vụ Quốc gia của Nhật Bản.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 1970, quyền lực và ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị đóng vai trò quan trọng, lần át các chính trị gia, khi các quan chức tập trung nhiều hơn vào các giá trị kỹ thuật, chẳng hạn như tính trung lập chính trị và hiệu quả chính sách, và chịu trách nhiệm thực thi chính sách. Từ cuối những năm 1970, giới tinh hoa kỹ trị đã có sự phối hợp với các chính trị gia, thiết lập một mối quan hệ chính trị-quan liêu và họ trở thành các quan chức chính trị.

- *Ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Nhật Bản*

Bộ Thương mại và Công nghiệp Quốc tế (MITI) là minh chứng tiêu biểu cho vai trò của giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản trong phát triển kinh tế và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Nhật Bản. Sau Thế chiến II, các quan chức MITI đã thiết kế một chiến lược phát triển công nghiệp toàn diện, tập trung vào việc ưu tiên các ngành công nghiệp nặng như thép và đóng tàu, sau đó là ô tô và điện tử. Họ không chỉ đưa ra các chính sách bảo hộ mà còn điều phối các nguồn lực tài chính để hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước. Giới tinh hoa kỹ trị tại MITI đã chủ động lựa chọn các ngành công nghiệp chiến lược, sau đó hướng dẫn các tập đoàn lớn (keiretsu) thực hiện. Nhờ đó, Nhật Bản đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường quốc tế, trở thành một cường quốc sản xuất hàng đầu thế giới.

Sau năm 2001, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (METI) có vai trò quan trọng trong việc định hướng chiến lược phát triển công nghiệp, hỗ trợ các tập đoàn lớn và thúc đẩy xuất khẩu. Điều này giúp Nhật Bản phát triển kinh tế mạnh mẽ trong những thập kỷ qua. Chính sách tài chính và tiền tệ chịu ảnh hưởng lớn từ Bộ Tài chính và Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ), nơi các quan chức kỹ trị đóng vai trò chủ chốt trong việc kiểm soát lạm phát, nợ công và điều hành chính sách tiền tệ.

METI được thành lập năm 2001 (tái cấu trúc từ MITI – Bộ Công nghiệp và Thương mại Quốc tế) với chức năng chính là điều phối chính sách kinh tế vĩ mô, phát triển công nghiệp, thương mại quốc tế, năng lượng, đổi mới công nghệ và chuyển đổi số. METI là ví dụ điển hình cho quá trình tái định hình vai trò của giới tinh hoa kỹ trị trong nhà nước hiện đại: từ quyền lực tuyệt đối hậu chiến (thời MITI) sang quyền lực chuyên môn có điều tiết, trong khuôn khổ của một nền dân chủ định hướng kỹ trị.

Bộ máy hành chính cao cấp của METI tiếp tục được tuyển chọn nghiêm ngặt, phần lớn từ Đại học Tokyo, Đại học Kyoto – đại diện cho tầng lớp tinh hoa chuyên môn chính sách. Các chuyên gia tại METI không chỉ là cán bộ hành chính thông thường, mà thuộc về tầng lớp tinh hoa kỹ trị, bao gồm: Quan chức cao cấp chuyên nghiệp (career bureaucrats) được tuyển chọn từ các trường đại học hàng đầu như Đại học Tokyo, Kyoto, thường có bằng sau đại học về luật, kinh tế, chính sách công; Chuyên gia công nghệ, năng lượng, công nghiệp có kiến thức chuyên sâu về AI, đổi mới sáng tạo, năng lượng tái tạo, kinh tế số, chất bán dẫn, v.v. Chuyên gia tư vấn, học giả hợp tác (policy advisors) làm việc tại các viện nghiên cứu trực thuộc METI như RIETI, hoặc trong các hội đồng chính sách quốc gia. Các cục (bureaus) kỹ thuật của METI được tổ chức xoay quanh các vấn đề chiến lược như Cục Công nghiệp sản xuất, Cục Chính sách thương mại, Cục Chính sách đổi mới và CNTT, Cục Năng lượng. METI cũng hợp tác chặt chẽ với các think tank như RIETI (Viện Nghiên cứu Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp) – nơi các học giả, chuyên gia công nghệ và hoạch định chính sách cùng làm việc trong một hệ sinh thái kỹ trị tích hợp. Sở dĩ, METI hình thành được nhóm các tinh hoa kỹ trị vì họ tuyển dụng các chuyên gia giỏi; có khả năng kết nối chính trị – kinh doanh – công nghệ qua các cơ chế tư vấn, hội đồng. Trên cơ sở đó, họ có ảnh hưởng chính sách thực chất thông qua soạn thảo luật, chỉ đạo chiến lược, định hình mô hình phát triển.

Trong quản trị chính sách quốc gia, METI dẫn dắt chính sách công nghiệp thời kỳ toàn cầu hóa. Một số lĩnh vực chính sách mà các chuyên gia METI có ảnh hưởng sâu rộng, có thể kể đến

Lĩnh vực chính sách	Vai trò của chuyên gia METI
Chính sách công nghiệp	Thiết kế lộ trình phát triển các ngành ưu tiên (robotics, xe điện, chất bán dẫn, AI)
Chuyển đổi số (Society 5.0)	Soạn thảo khung pháp lý, dữ liệu mở, quản trị công nghệ mới như blockchain, AI, IoT
Chuyển đổi xanh (GX)	Thiết kế chính sách khử carbon, chiến lược hydrogen, năng lượng tái tạo, liên kết doanh nghiệp
Thương mại & Chuỗi cung ứng	Dự báo rủi ro, phân tích địa chính trị, điều phối chiến lược FDI, đối phó cạnh tranh công nghệ
Chính sách đổi mới sáng tạo	Thành lập quỹ R&D, hỗ trợ startup công nghệ, kết nối với học viện – viện nghiên cứu

METI ngày nay không còn là “siêu bộ” như MITI, nhưng vẫn giữ ảnh hưởng lớn qua cố vấn chiến lược cho Thủ tướng, đặc biệt trong các chính sách công nghệ và năng lượng; đóng vai trò trung gian giữa các đảng phái chính trị với khu vực doanh nghiệp và trí thức; Thiết kế các thể chế hợp tác công – tư, như Digital Agency (2021) và Green Transformation (GX) Policy Panel (2022), nơi các nhà kỹ trị METI phối hợp với giới công nghệ và tài chính để hoạch định chính sách. Dù không còn quyền lực tập trung như MITI, giới kỹ trị tại METI vẫn là tác nhân quan trọng định hình tương lai phát triển của Nhật Bản, đặc biệt trong các vấn đề như năng lượng, công nghệ và quản trị dữ liệu.

Bên cạnh đó, ngoại giao kinh tế là điểm nổi bật trong tư duy chiến lược của giới tinh hoa kỹ trị. Thay vì vũ lực, công cụ chính của ngoại giao Nhật Bản là vốn, công nghệ và thị trường. Đây là nền tảng hình thành chính sách "Ngoại giao Kinh tế" (Keizai Gaikō) – một mô hình đặc trưng gắn với vai trò trung tâm của giới kỹ trị. Ngoại giao kinh tế của Nhật Bản bao gồm: Thúc đẩy thương mại và đầu tư (Nhật Bản tích cực tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) và các thỏa thuận quốc tế khác để mở rộng thị trường và thu hút đầu tư nước ngoài), hỗ trợ phát triển (Nhật Bản cung cấp viện trợ phát triển chính thức (ODA) cho các nước đang phát triển, không chỉ để hỗ trợ kinh tế mà còn để tăng cường ảnh hưởng và quan hệ ngoại giao), hợp tác kinh tế khu vực (Nhật Bản đóng vai trò tích cực trong các cơ

chế hợp tác kinh tế khu vực như APEC và ASEAN+, nhằm thúc đẩy sự hội nhập kinh tế và ổn định khu vực), sử dụng các công cụ kinh tế trong chính sách đối ngoại (Nhật Bản có thể sử dụng các công cụ như các biện pháp trừng phạt kinh tế hoặc hỗ trợ kinh tế để đạt được các mục tiêu chính sách đối ngoại). METI đóng vai trò trung tâm trong việc hoạch định và thực hiện chính sách ngoại giao kinh tế của Nhật Bản. Liên đoàn Doanh nghiệp Nhật Bản (Keidanren) là một tổ chức quan trọng đại diện cho tiếng nói của cộng đồng doanh nghiệp trong các vấn đề ngoại giao kinh tế. Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các dự án ODA và hỗ trợ phát triển ở các nước khác. Chính sách ngoại giao kinh tế của Nhật Bản là kết quả trực tiếp của tư duy kỹ trị hậu chiến: biến kinh tế thành công cụ chiến lược và để các chuyên gia hành chính – kỹ thuật trở thành lực lượng tiên phong trong xây dựng ảnh hưởng quốc tế. Trong mô hình này, giới tinh hoa kỹ trị không chỉ đóng vai trò cố vấn, mà là tác nhân thiết kế và vận hành quyền lực mềm kiểu Nhật – một hình mẫu đáng nghiên cứu trong quản trị chính sách đối ngoại của các quốc gia không sử dụng sức mạnh quân sự.

- *Ảnh hưởng trong lĩnh vực cải cách hành chính và quản lý nhà nước*

Từ thập niên 1990, trong bối cảnh Nhật Bản đối mặt với “thập kỷ mất mát” và sức ép toàn cầu hóa, giới tinh hoa kỹ trị – đặc biệt là các chuyên gia trong Văn phòng Nội các, Bộ Nội vụ – Truyền thông (MIC), METI, và các ủy ban đặc nhiệm – đã trở thành lực lượng chủ chốt thúc đẩy cải cách hành chính, hiện đại hóa bộ máy và tăng hiệu lực quản lý nhà nước. Họ không chỉ là những người thực thi, mà là kiến trúc sư thể chế, hoạch định lại vai trò nhà nước trong một kỷ nguyên mới: công nghệ cao, xã hội già hóa và cạnh tranh toàn cầu khốc liệt.

Các trụ cột cải cách gắn với giới tinh hoa kỹ trị bao gồm

Tái cấu trúc bộ máy chính phủ: Năm 2001, Nhật Bản tiến hành cải tổ chính phủ quy mô lớn nhất từ sau chiến tranh, giảm số bộ ngành từ 22 xuống còn 12. Giới tinh hoa kỹ trị đóng vai trò trung tâm trong việc xây dựng lộ trình, thống nhất chức năng quản lý, tăng tính điều phối chính sách. Văn phòng Nội các (Cabinet Office) có quyền điều phối liên ngành, một bước đi nhằm giảm tình trạng “phân mảnh quyền lực” vốn tồn tại trong chế độ hành chính kiểu Nhật.

Hiện đại hóa quản trị công: Đưa vào mô hình New Public Management (NPM), nhấn mạnh hiệu quả, kết quả, và đánh giá định lượng; Áp dụng cơ chế PDCA (Plan – Do – Check – Act) và quản trị dựa trên hiệu suất trong các cơ quan công. Giới tinh hoa kỹ trị tại Bộ Nội vụ và các think tank chính phủ là người thiết kế và hướng dẫn các cơ quan áp dụng mô hình này.

Tin học hóa hành chính và chính phủ số: Từ năm 2000, Nhật Bản triển khai chương trình e-Japan Strategy và sau này là Digital Government, do giới kỹ trị từ MIC và METI dẫn dắt. Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, số hóa quản lý hồ sơ, cổng chính phủ điện tử, và xây dựng nền tảng hạ tầng dữ liệu quốc gia. Nước này cũng thành lập Digital Agency (2021) – cơ quan do kỹ trị công nghệ điều hành, không phải chính trị gia – nhằm điều phối chiến lược chuyển đổi số toàn diện trong quản trị nhà nước.

Đánh giá và cải tiến thể chế: Giới tinh hoa kỹ trị đề xuất cơ chế “Independent Policy Evaluation”, buộc các bộ ngành phải công khai mục tiêu, hiệu quả, và chi phí các chính sách công đồng thời xây dựng hệ thống KPI và kiểm toán chính sách, hướng đến một nhà nước minh bạch, có trách nhiệm giải trình. Theo bảng xếp hạng chỉ số Quản trị toàn cầu World Bank Governance Indicators (WGI) do Ngân hàng thế giới (WB) công bố năm 2024, Nhật Bản được xếp hạng thứ 2 với thể chế ổn định, năng lực cung cấp dịch vụ và khuôn khổ hành chính dài hạn vững chắc. Trong cải cách hành chính và quản lý nhà nước tại Nhật Bản, giới tinh hoa kỹ trị không chỉ là người điều hành, mà là lực lượng định hình tư duy cải cách, kiến trúc thể chế và nâng cao năng lực quản trị nhà nước hiện đại. Với vai trò ngày càng tăng trong thời đại số hóa, họ tiếp tục đóng vai trò trung tâm trong việc chuyển đổi mô hình quản trị của Nhật Bản theo hướng linh hoạt, hiệu quả và minh bạch hơn.

- *Ảnh hưởng đến hệ thống dân chủ và minh bạch*

Trong các nền dân chủ đại diện như Nhật Bản, giới tinh hoa kỹ trị không được bầu chọn trực tiếp bởi cử tri, nhưng lại nắm giữ vai trò thiết yếu trong việc hoạch định, triển khai và giám sát các chính sách công. Từ góc nhìn lý luận về “chủ nghĩa tinh hoa dân chủ” (democratic elitism), họ là một tầng lớp ưu tú, có khả năng chuyển hóa ý chí chính trị của dân chúng thành những quyết sách hiệu quả, nhất quán và khả thi về mặt kỹ thuật.

Thiết lập các chuẩn mực minh bạch trong quản trị: Một trong những đóng góp nổi bật của giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị – hành chính hiện đại là việc thiết kế và vận hành các cơ chế nhằm nâng cao tính minh bạch và công khai của hệ thống quản trị công. Với tư duy quản lý dựa trên dữ liệu, bằng chứng và quy trình, các chuyên gia kỹ trị thường là lực lượng đi đầu trong xây dựng hệ thống công khai dữ liệu hành chính thông qua các cổng thông tin điện tử; Thiết kế các hệ thống theo dõi – đánh giá – phản hồi (M&E) nhằm đo lường hiệu quả chính sách công một cách khách quan; Thiết lập các chuẩn mực báo cáo ngân sách, giám sát đầu tư công và đấu thầu minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Tại Nhật Bản, một loạt cơ chế do các cơ quan kỹ trị chủ trì đã được triển khai nhằm hiện thực hóa các nguyên tắc quản trị minh bạch như: Hệ thống White Paper điện tử do các bộ chuyên ngành xây dựng và công bố thường niên, tổng hợp kết quả thực thi chính sách, dự báo xu hướng, và đề xuất điều chỉnh cho các lĩnh vực như môi trường, giao thông, y tế, kinh tế số...; Cổng thông tin ngân sách điện tử cho phép người dân truy cập công khai thông tin chi tiêu công, dự toán – quyết toán ngân sách, danh mục dự án ODA, v.v.; Hệ thống đánh giá chính sách độc lập được thiết lập từ năm 2001 theo Luật Đánh giá Chính sách, trong đó các bộ ngành có trách nhiệm xây dựng bộ chỉ số đánh giá cho từng chính sách và công bố kết quả định kỳ. Những cải cách này không chỉ giúp tăng mức độ minh bạch và kiểm soát quyền lực hành chính, mà còn góp phần củng cố lòng tin của người dân vào nhà nước trong một mô hình dân chủ kỹ trị.

Tăng cường trách nhiệm giải trình: Song song với minh bạch, Nhật Bản đặc biệt chú trọng việc thiết lập các cơ chế trách nhiệm giải trình hai chiều, nhằm đảm bảo rằng các quyết sách và hành động của cơ quan công quyền luôn được kiểm soát và phản hồi bởi cả hệ thống chính trị lẫn xã hội dân sự. Giới tinh hoa kỹ trị đã đề xuất và triển khai các quy trình giám sát chính sách từ phía Quốc hội, báo chí, tổ chức độc lập và người dân thông qua các nền tảng phản hồi chính sách công; Thúc đẩy sự hình thành và hoạt động hiệu quả của các cơ quan giám sát độc lập, như: Ủy ban Giám sát Chính sách Hành chính có nhiệm vụ rà soát quy trình thực thi chính sách của các bộ ngành; Cơ quan Kiểm toán Quốc gia hoạt động độc lập với Quốc

hội, có quyền thanh tra tài chính các dự án công và công bố kết luận trước công chúng; Hệ thống tiếp nhận khiếu nại – kiến nghị công dân, sử dụng nền tảng số hóa nhằm rút ngắn thời gian xử lý và tăng tính minh bạch trong giải quyết tranh chấp hành chính. Nhờ những thiết kế thể chế có cơ sở khoa học, Nhật Bản luôn nằm trong nhóm các quốc gia có mức độ trách nhiệm giải trình và minh bạch cao nhất châu Á, theo đánh giá của các tổ chức quốc tế như World Bank Governance Indicators, OECD, và Transparency International.

Với vai trò trung tâm trong cải cách thể chế, giới tinh hoa kỹ trị tại Nhật Bản không chỉ tạo ra bộ máy hiệu quả, mà còn định hình các chuẩn mực dân chủ hiện đại thông qua hai trụ cột: minh bạch và trách nhiệm giải trình. Các thiết chế do họ đề xuất và vận hành đã tạo nên một hạ tầng dân chủ kỹ trị vững chắc, giúp Nhật Bản duy trì niềm tin công chúng và thích ứng với những thách thức quản trị trong thời đại số.

3.1.4.2. Ảnh hưởng của tinh hoa kỹ trị bên ngoài hệ thống chính trị

Khác với giới kỹ trị hành chính hoạt động trong các cơ quan chính phủ như METI, MIC, hay Văn phòng Nội các, giới tinh hoa kỹ trị ngoài chính quyền bao gồm: i) Các giáo sư và học giả hàng đầu từ các đại học danh tiếng như Đại học Tokyo, Đại học Kyoto, Đại học Osaka, Đại học Waseda, Đại học Keio,... ii) Các chuyên gia và nhà nghiên cứu chính sách tại các viện nghiên cứu công, tư nhân hoặc bán công như Viện Nghiên cứu Chính sách Quốc gia (GRIPS), Viện Kinh tế Nhật Bản (JCER), Viện Nghiên cứu Quốc phòng Nhật Bản (NIDS), Viện Nghiên cứu Kinh tế - Công nghiệp Nhật Bản (RIETI), v.v. iii) Lãnh đạo các tập đoàn công nghệ và tài chính lớn như Toyota, Hitachi, SoftBank, Mitsubishi UFJ, v.v.; các chuyên gia công nghệ, kỹ thuật số, và dữ liệu lớn, đặc biệt trong quá trình chuyển đổi số quốc gia, ... Dù không trực tiếp nắm quyền lực nhà nước, nhóm này tác động mạnh mẽ đến đời sống chính trị thông qua ảnh hưởng chuyên môn, truyền thông và sự gắn kết với thiết chế ra quyết định. Hoạt động cơ bản của think tank ở Nhật Bản tập trung vào các vấn đề chủ yếu như tư vấn chính sách, truyền tải các nền tảng học thuật, thúc đẩy các hoạt động ngoại giao phi chính thức. Với phạm vi hoạt động đó, think tank Nhật Bản đã có ảnh hưởng đến đời sống chính trị Nhật Bản ở nhiều khía cạnh.

- *Tham gia vào tiến trình xây dựng chính sách*

Một đặc điểm nổi bật của mô hình hoạch định chính sách tại Nhật Bản là sự hiện diện mạnh mẽ của các ủy ban cố vấn chính phủ (shingikai), nơi các chuyên gia kỹ trị ngoài nhà nước – học giả, nhà nghiên cứu, chuyên gia công nghệ, đại diện doanh nghiệp – được mời tham gia để cung cấp luận cứ khoa học, phản biện chính sách, và đề xuất định hướng chiến lược. Các shingikai được thành lập tại hầu hết các bộ ngành (METI, MOFA, MEXT, MIC...), hoạt động như những “cơ quan bán chính thức” (quasi-governmental bodies), nhằm tăng cường tính minh bạch, chuyên môn và khả năng điều chỉnh chính sách theo bối cảnh thay đổi.

Cải cách chính sách năng lượng sau thảm họa hạt nhân Fukushima (2011) có thể là một minh chứng cho ảnh hưởng của giới tinh hoa này. Sự kiện thảm họa kép động đất – sóng thần và sự cố nhà máy điện hạt nhân Fukushima Daiichi vào tháng 3 năm 2011 đã làm lung lay niềm tin của công chúng vào mô hình phát triển dựa trên năng lượng hạt nhân. Trong bối cảnh đó, các shingikai về năng lượng đã trở thành mặt trận quan trọng để giới tinh hoa kỹ trị ngoài chính phủ can dự trực tiếp vào việc định hình lại chính sách quốc gia. Các nhà khoa học đến từ Đại học Tokyo, Viện Công nghệ Tokyo, Đại học Kyoto, cùng với các viện nghiên cứu như Viện Chính sách Môi trường Toàn cầu (IGES), Viện Nghiên cứu Năng lượng Tái tạo Nhật Bản (REI) đã được mời tham gia Ủy ban Chính sách Năng lượng cơ bản (METI), Ủy ban Tư vấn về Tài nguyên và Năng lượng, Hội đồng Cơ quan quản lý Hạt nhân. Các chuyên gia như Tetsunari Iida (Giám đốc REI), Yukari Takamura (Đại học Tokyo) hay Masayoshi Son (SoftBank) đã công khai phản biện chiến lược hạt nhân truyền thống, đề xuất mạnh mẽ chuyển đổi sang năng lượng tái tạo và phi tập trung hóa năng lượng. Những đóng góp này dẫn đến những thay đổi căn bản trong định hướng chính sách năng lượng Nhật Bản.

Năm 2012, chính phủ Nhật công bố Chiến lược năng lượng mới, lần đầu tiên đề cập việc “giảm dần phụ thuộc vào hạt nhân”. Hiện nay, Nhật Bản có kế hoạch đưa năng lượng tái tạo trở thành nguồn cung cấp năng lượng hàng đầu vào năm 2040 để đạt được mục tiêu trung hòa carbon vào giữa thế kỷ XXI, trong đó năng lượng hạt nhân sẽ chiếm khoảng 20 nhu cầu năng lượng vào năm 2040, tương đương mục tiêu hiện tại cho năm 2030 và thấp hơn mức 30% trước năm 2011 [18].

Thông qua cơ chế shingikai, giới tinh hoa kỹ trị ngoài chính quyền trở thành một bộ phận không thể thiếu trong kiến trúc chính sách hiện đại tại Nhật Bản. Trong các vấn đề có tính chuyên môn cao – như năng lượng, biến đổi khí hậu, chuyển đổi số.

- *Định hình dư luận và tư tưởng chính sách*

Trong hệ thống chính trị – hành chính Nhật Bản, không chỉ những người nằm trong bộ máy chính phủ mới có ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định. Giới tinh hoa kỹ trị ngoài nhà nước – bao gồm các học giả, chuyên gia kinh tế, nhà phân tích chính sách và truyền thông – đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng tư tưởng chính sách và hình thành dư luận xã hội, đặc biệt trong các giai đoạn khủng hoảng hoặc cải cách lớn.

Cơ chế ảnh hưởng thông qua không gian công như các kênh truyền thông, báo chí chính thống (Asahi Shimbun, Nikkei, Yomiuri Shimbun), diễn đàn chính sách như NHK Sunday Debate, BS Fuji Prime News; mạng xã hội, blog chuyên môn và podcast chuyên ngành; các nền tảng của các viện nghiên cứu (RIETI, JCER, NIRA, Rebuild Japan Initiative Foundation – RJIF); ... giới chuyên gia có thể tác động trực tiếp đến quan điểm của công chúng, gây áp lực dư luận lên chính phủ hoặc định hướng các ưu tiên chính sách.

Trong định hướng cải cách thị trường và chính sách tài khóa sau đại dịch COVID-19, có thể nhắc đến nhiều chuyên gia nổi tiếng: Takatoshi Ito – Chuyên gia kinh tế học tại Đại học Columbia và Đại học Tokyo được xem là một trong những nhà kinh tế học có ảnh hưởng nhất Nhật Bản trong ba thập kỷ qua, từng là cố vấn của Thủ tướng Koizumi và thành viên Hội đồng Chính sách Kinh tế – Tài chính. Trong bối cảnh hậu COVID-19, ông nhiều lần xuất hiện trên NHK, Nikkei và Bloomberg để đề xuất nói lỏng chính sách tài khóa có mục tiêu, kết hợp cải cách chi tiêu công và thúc đẩy đầu tư hạ tầng kỹ thuật số. Năm 2021, ông công bố bài viết "From Fiscal Stimulus to Smart Investment" trong Asian Economic Policy Review, đề xuất thiết lập quỹ phục hồi kỹ thuật số trị giá 30 nghìn tỷ yen, hướng tới nâng cấp hạ tầng AI, giáo dục số và đổi mới y tế cộng đồng.

Heizo Takenaka – Cựu Bộ trưởng Nội các phụ trách Cải cách Kinh tế và Tài chính (2001–2006), hiện là giáo sư tại Đại học Keio, sau khi rời chính quyền, đã trở thành gương mặt thường xuyên trên các diễn đàn chính sách, cổ vũ cho cải cách cơ cấu thị trường lao động và nâng cao năng suất khu vực dịch vụ. Trong đại dịch, ông xuất hiện trên các đài truyền hình để chỉ trích sự thiếu hiệu quả trong các biện pháp trợ cấp kinh tế, đề xuất chuyển sang mô hình "quản trị linh hoạt" dựa trên dữ liệu thời gian thực. Từ năm 2020, Takenaka đồng sáng lập tổ chức “Japan Platform for Productivity”, đưa ra nhiều khuyến nghị cải cách quản trị doanh nghiệp và cắt giảm thủ tục hành chính.

Jesper Koll – Kinh tế gia người Đức, Giám đốc điều hành Quỹ Monex, một trong những tiếng nói nước ngoài có ảnh hưởng nhất tại Tokyo viết thường xuyên cho Nikkei Asia, Japan Times, Bloomberg và xuất hiện trên NHK World, với phong cách phân tích dễ hiểu, thu hút công chúng rộng rãi. Trong thời kỳ phục hồi sau COVID-19, ông ủng hộ mạnh mẽ chính sách "đầu tư vào tăng trưởng dài hạn", thay vì chỉ tập trung vào chi tiêu ngắn hạn, và khuyến khích Nhật Bản mở rộng hợp tác kinh tế với Ấn Độ và ASEAN. Ông đặc biệt phê phán tâm lý “zero-risk” trong bộ máy hành chính Nhật, cho rằng cần để giới chuyên gia kỹ trị độc lập tham gia nhiều hơn vào việc xử lý khủng hoảng.

Chính sự hiện diện dày đặc của giới kỹ trị ngoài nhà nước trong không gian truyền thông đã tạo ra một "trường thẩm quyền chuyên gia", nơi họ không chỉ phản biện mà còn định nghĩa lại các ưu tiên chính sách thông qua khả năng giải thích, dự báo và kết nối dữ liệu. Bằng việc can dự thường xuyên vào thảo luận công khai, họ tác động đến cách công chúng hiểu và đánh giá chính sách (đặc biệt trong các lĩnh vực phức tạp như tài khóa, năng lượng, chuyển đổi số); tạo áp lực chính trị gián tiếp buộc chính phủ phải phản ứng với các đề xuất khoa học; giúp chính trị gia diễn giải lại chính sách theo ngôn ngữ kỹ trị, nhằm xây dựng niềm tin công luận và thúc đẩy cải cách. Bằng cách đó, giới tinh hoa kỹ trị ngoài chính quyền tại Nhật Bản không chỉ “cung cấp giải pháp” mà còn định hình cả câu hỏi chính sách – thông qua năng lực truyền thông chuyên môn và quyền lực diễn ngôn trong xã hội. Trong một nền dân chủ kỹ trị kiểu Nhật, vai trò của họ trong việc điều phối tư tưởng, dẫn dắt dư luận và hợp thức hóa cải cách trở thành một trụ cột không thể thiếu trong đời sống chính trị – hành chính đương đại.

- *Phổ biến nghiên cứu và tăng cường trao đổi quốc tế*

Bên cạnh ảnh hưởng trong tiến trình xây dựng chính sách và định hình dư luận, các think tank của Nhật Bản còn có vai trò trong phổ biến nghiên cứu trao đổi quốc tế thông qua việc kết nối với các viện nghiên cứu và chuyên gia ở nước ngoài. Đây là hoạt động không chỉ tăng cường vị thế quốc tế của think tank nói riêng mà còn là của giới trí thức Nhật Bản nói chung.

Viện nghiên cứu được đánh giá cao ở châu Á - JIIA đã tổ chức nhiều cuộc đối thoại và hội thảo chính sách với các viện nghiên cứu hàng đầu khác trên thế giới để trình bày các nghiên cứu của mình về chính sách đối ngoại và an ninh của Nhật Bản, cũng như các khuyến nghị chính sách khác nhau; công bố quan điểm của Nhật Bản tới các nhà lãnh đạo dư luận trên khắp thế giới, cung cấp thông tin liên quan cả trong và ngoài nước, và đào tạo các nhà nghiên cứu hàng đầu thế giới trong lĩnh vực chính sách đối ngoại và an ninh.

RIETI (Research Institute of Economy, Trade and Industry) tăng cường mối quan hệ với các viện nghiên cứu trong và ngoài nước, đồng tổ chức các sự kiện với các viện nghiên cứu hàng đầu thế giới như Trung tâm Nghiên cứu Chính sách Kinh tế (CEPR), Bruegel, Viện Brookings và Viện Kinh tế Quốc tế Peterson (PIE). Viện cũng phát triển thêm các mối quan hệ đối tác mới với các tổ chức như Viện Nghiên cứu Kinh tế Chung-Hua (CIER) tại Đài Loan và Đại học California (UC), Berkeley. Trong năm 2024, RIETI đã thiết lập một nền tảng vững chắc để đưa ra các khuyến nghị chính sách thiết thực và khả thi hơn bằng cách tăng cường mối quan hệ với các nhà hoạch định chính sách và tận dụng mạng lưới nghiên cứu quốc tế của mình....

Ngoài ra, các think tank còn tham gia hoạt động phát triển các nhà lãnh đạo tương lai trong lĩnh vực an ninh, như dự án Học bổng Tương lai cho Okinawa, được khởi động vào năm tài chính 2020 phối hợp với Viện Nghiên cứu Hòa bình và An ninh (RIPS), cung cấp chương trình đào tạo lãnh đạo về các vấn đề an ninh quốc gia cho các học viên tại tỉnh Okinawa. Trong năm 2024, một nhóm học viên được chọn từ tỉnh Okinawa đã tham dự tám hội thảo về chính trị và an ninh quốc tế, cũng như một hội nghị chuyên đề tại Okinawa tổng hợp tất cả các nội dung đã được đề cập. Sau khi hoàn thành chương trình học bổng, các học viên được hỗ trợ tiếp tục theo

đôi, bao gồm cả việc kết nối với các nhà lãnh đạo và những nhân vật có ảnh hưởng từ các lĩnh vực chính trị, kinh tế và giáo dục tại Okinawa.

3.2. GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ CỦA SINGAPORE

3.2.1. Khái quát về thể chế chính trị Singapore

Singapore là một quốc gia đơn nhất theo mô hình nghị viện kiểu Westminster, trong đó quyền lực nhà nước được tổ chức tập trung với Quốc hội giữ quyền lập pháp và Nội các giữ quyền hành pháp, đứng đầu là Thủ tướng. Tuy nhiên, đặc trưng nổi bật của thể chế chính trị Singapore nằm ở việc hệ thống nghị viện được vận hành trong khuôn khổ một đảng thống trị, với Đảng Hành động Nhân dân (People's Action Party – PAP) liên tục cầm quyền từ năm 1959 đến nay. Sự kết hợp giữa cấu trúc nghị viện, tính tập trung quyền lực hành pháp và vai trò chi phối của PAP đã tạo nên một mô hình thể chế ổn định, nhất quán và có mức độ điều phối chính sách cao.

Trong khuôn khổ thể chế đó, giới tinh hoa kỹ trị được định vị như lực lượng nòng cốt trong bộ máy quyền lực. Cơ chế vận hành của hệ thống chính trị Singapore tạo điều kiện cho việc tuyển chọn, đào tạo và sử dụng các cá nhân có năng lực chuyên môn cao vào các vị trí lãnh đạo chính trị và hành chính. Các vị trí chủ chốt trong Nội các, cơ quan hoạch định chính sách và bộ máy hành chính cấp cao thường được đảm nhiệm bởi những cá nhân có nền tảng học vấn xuất sắc, kinh nghiệm quản lý trong khu vực công hoặc khu vực tư chiến lược, cùng quá trình đào tạo bài bản về kinh tế, quản trị và chính sách công. Như vậy, thể chế chính trị Singapore không chỉ chấp nhận mà còn thể chế hóa vai trò của giới tinh hoa kỹ trị trong cấu trúc quyền lực nhà nước.

Chế độ nhân tài (meritocracy) được thiết lập như một trụ cột thể chế quan trọng, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành và tái sản xuất giới tinh hoa kỹ trị. Thay vì cạnh tranh chính trị dựa chủ yếu vào vận động cử tri hay liên minh đảng phái, hệ thống Singapore ưu tiên các tiêu chí về năng lực, thành tích và hiệu quả quản lý. Các cơ chế phát hiện, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ được triển khai từ sớm, tạo ra một “đường ống thể chế” dẫn các cá nhân ưu tú từ khu vực học thuật, doanh nghiệp hoặc hành chính vào các vị trí lãnh đạo chính trị. Điều này làm mờ

ranh giới giữa giới tinh hoa chính trị và giới tinh hoa kỹ trị, đồng thời củng cố xu hướng kỹ trị hóa quyền lực trong hệ thống chính trị.

Một đặc điểm thể chế có ảnh hưởng rõ nét đến giới tinh hoa kỹ trị là cơ chế kế nhiệm lãnh đạo theo “thế hệ”, do PAP chủ động thiết kế và kiểm soát. Thông qua cơ chế này, việc chuyển giao quyền lực được chuẩn bị từ sớm, dựa trên đánh giá năng lực quản trị, tầm nhìn chiến lược và khả năng điều hành của các ứng viên tiềm năng. Điều này làm giảm tính bất định chính trị trong quá trình kế nhiệm, đồng thời bảo đảm sự liên tục của đội ngũ lãnh đạo mang tính kỹ trị cao. Trong bối cảnh đó, giới tinh hoa kỹ trị không chỉ là lực lượng thực thi chính sách mà còn là nguồn cung cấp trực tiếp cho tầng lớp lãnh đạo chính trị.

Bên cạnh đó, mối liên kết chặt chẽ giữa đảng cầm quyền, bộ máy hành chính và giới chuyên gia tạo ra một cơ chế ra quyết định tập trung, ít chịu tác động từ cạnh tranh chính trị ngắn hạn. Thể chế chính trị Singapore qua đó tạo điều kiện để giới tinh hoa kỹ trị phát huy vai trò trong hoạch định và triển khai các chính sách dài hạn, đặc biệt trong các lĩnh vực như phát triển kinh tế, quản trị đô thị, an sinh xã hội và đối ngoại. Tuy nhiên, chính cấu trúc thể chế này cũng đặt giới tinh hoa kỹ trị trong khuôn khổ kiểm soát chính trị chặt chẽ của PAP, hạn chế khả năng hình thành các trung tâm quyền lực kỹ trị độc lập ngoài đảng cầm quyền.

Tóm lại, thể chế chính trị Singapore vừa là nền tảng thúc đẩy sự trỗi dậy và duy trì vị thế trung tâm của giới tinh hoa kỹ trị, vừa định hình phạm vi và cách thức tham gia của họ vào đời sống chính trị. Thông qua các cơ chế tập trung quyền lực, tuyển chọn nhân tài và kế nhiệm có kiểm soát, thể chế này bảo đảm hiệu quả và ổn định chính trị, đồng thời đặt ra những giới hạn nhất định đối với tính đa nguyên và sự tham gia chính trị rộng rãi trong xã hội.

3.2.2. Quá trình hình thành và phát triển của giới tinh hoa kỹ trị ở Singapore

3.2.2.1. Quá trình hình thành và phát triển của giới tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị ở Singapore

“Singapore không có lịch sử! Lịch sử Singapore bắt đầu ngay bây giờ!” là khẩu hiệu phổ biến sau khi quốc gia này giành độc lập năm 1965, phản ánh bối

cảnh một nhà nước mới hình thành, phải đối diện đồng thời với các thách thức sinh tồn về kinh tế, an ninh và xã hội. Trong điều kiện đó, Singapore sớm lựa chọn mô hình quản trị dựa trên năng lực, trong đó giới tinh hoa kỹ trị giữ vai trò trung tâm trong xây dựng và vận hành nhà nước.

Giai đoạn tiền độc lập (trước 1965): Hình thành tiền đề kỹ trị hành chính

Nguồn gốc của giới kỹ trị Singapore bắt nguồn từ di sản thuộc địa Anh và sự hình thành bộ máy hành chính công kiểu phương Tây. Chính quyền thuộc địa thiết lập một hệ thống công chức chuyên nghiệp, tuyển chọn từ tầng lớp tinh hoa địa phương và du học sinh được đào tạo về luật, kinh tế, kỹ thuật và quản trị. Các chuyên gia kỹ thuật, tài chính và quy hoạch đô thị giữ vai trò quan trọng trong quản lý cảng biển, hạ tầng và thương mại, đặt nền tảng cho tư duy quản trị dựa trên chuyên môn.

Việc thành lập các cơ sở giáo dục như Raffles Institution và University of Malaya (tiền thân của NUS), cùng với chính sách gửi sinh viên du học Anh, đã góp phần hình thành một tầng lớp trí thức hành chính bản địa. Thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng (1942–1945), dù đầy biến động, vẫn tạo điều kiện để một bộ phận kỹ sư và chuyên gia địa phương tham gia vận hành bộ máy quản lý, qua đó tích lũy kinh nghiệm quản trị nhà nước.

Từ năm 1959, khi Đảng Hành động Nhân dân (PAP) lên nắm quyền, Lý Quang Diệu và các cộng sự chủ trương xây dựng chính quyền dựa trên năng lực và tính chuyên nghiệp, thay vì dựa vào huy động sắc tộc hay quần chúng. Việc ưu tiên tuyển dụng chuyên gia kinh tế, kỹ thuật và hoạch định chính sách đã đặt nền móng trực tiếp cho sự hình thành giới tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị Singapore.

Giai đoạn độc lập và kiến tạo nhà nước (1965–1980): Thiết chế hóa kỹ trị

Sau khi tách khỏi Malaysia năm 1965, Singapore đối mặt với khủng hoảng toàn diện về nguồn lực và an ninh. Trong bối cảnh đó, chính quyền PAP chính thức lựa chọn mô hình kỹ trị như nguyên tắc cốt lõi của quản trị quốc gia. Giai đoạn 1965–1980 đánh dấu sự định hình rõ nét của giới tinh hoa kỹ trị với ba đặc điểm: tuyển chọn dựa trên thành tích, đào tạo bài bản và gắn kết chặt chẽ với quyền lực chính trị.

Nhà nước thiết lập hệ thống công vụ dựa trên thi tuyển và học bổng, ưu tiên sinh viên xuất sắc trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, luật và quản trị công. Các cơ quan then chốt như Ủy ban Phát triển Kinh tế (EDB) và Cục Quản lý Tiền tệ Singapore (MAS) trở thành trung tâm quyền lực của giới kỹ trị, nơi tri thức chuyên môn được chuyển hóa trực tiếp thành chính sách phát triển.

Giới kỹ trị Singapore không tồn tại độc lập mà vận hành trong khuôn khổ chính trị tập trung của PAP, đóng vai trò lực lượng thực thi và thiết kế chính sách, song hành với lãnh đạo chính trị. Sự kết hợp này tạo nên một mô hình “kỹ trị chính trị hóa”, trong đó tính chính danh của kỹ trị được bảo đảm bằng hiệu quả quản trị và tăng trưởng kinh tế.

Giai đoạn củng cố và chuyên môn hóa (1980–2000): Kỹ trị trong nền kinh tế tri thức

Từ thập niên 1980, khi Singapore chuyển sang nền kinh tế tri thức và đối diện cạnh tranh khu vực, giới tinh hoa kỹ trị bước vào giai đoạn trưởng thành. Trọng tâm quản trị dịch chuyển từ công nghiệp hóa cơ bản sang nâng cao năng suất, đổi mới công nghệ và quản trị hiệu quả.

Nhà nước mở rộng các thiết chế chuyên môn như EDB, A*STAR và các viện nghiên cứu, đòi hỏi đội ngũ kỹ trị có trình độ chuyên sâu và năng lực điều phối liên ngành. Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997–1998 là phép thử đối với mô hình kỹ trị, buộc giới tinh hoa này điều chỉnh chính sách theo hướng thận trọng hơn, song vẫn duy trì vai trò trung tâm trong quản trị kinh tế.

Từ năm 2000 đến nay: Kỹ trị chiến lược trong bối cảnh toàn cầu hóa và công nghệ số

Từ đầu thế kỷ XXI, giới tinh hoa kỹ trị tiếp tục giữ vị trí then chốt trong hệ thống chính trị Singapore, đồng thời thích ứng với các thách thức mới như cách mạng công nghệ, già hóa dân số và khủng hoảng toàn cầu. Trọng tâm chuyển từ quản lý tăng trưởng sang hoạch định chiến lược dài hạn, quản trị rủi ro và đổi mới sáng tạo.

Các chương trình như Smart Nation (từ 2014) phản ánh sự mở rộng vai trò của kỹ trị trong quản trị số, đô thị thông minh và chính sách công dựa trên dữ

liệu. Lãnh đạo chính trị đương đại như Lý Hiển Long hay Lawrence Wong đều có nền tảng kỹ trị rõ nét, cho thấy sự tiếp nối và tái sản xuất của tầng lớp tinh hoa này trong cấu trúc quyền lực. Nhìn tổng thể, giới tinh hoa kỹ trị Singapore đã chuyển hóa từ lực lượng kiến tạo nhà nước sang chủ thể hoạch định chiến lược trong một môi trường toàn cầu hóa và bất định ngày càng gia tăng.

3.2.2.2. Quá trình hình thành giới tinh hoa kỹ trị bên ngoài hệ thống chính trị ở Singapore

Ngay sau khi độc lập vào năm 1965, Singapore phải đối mặt với một loạt các thách thức trong nước như thất nghiệp, nhu cầu nhà ở của nhân dân và nền kinh tế trì trệ. Nhiệm vụ cấp bách đặt ra là: xây dựng nhà cửa và trường học, xóa bỏ khu ổ chuột và tạo việc làm, nuôi dưỡng ý thức về quốc gia. Tuy nhiên, giữa tất cả những ưu tiên này, những người sáng lập Singapore đã lùi lại khỏi những mối quan tâm hàng ngày của họ, suy ngẫm về tình hình chiến lược của Singapore và quyết định đầu tư nguồn lực và nhân tài vào việc xây dựng một viện nghiên cứu để nghiên cứu Đông Nam Á.

Singapore hiểu rằng số phận của họ gắn chặt với khu vực Đông Nam Á. Chiến tranh không phải là một ký ức sống động quá xa xưa ở khu vực này khi cuộc chiến tranh ở Việt Nam vẫn đang diễn ra. Đông Nam Á vẫn là một khu vực bất ổn và đầy rắc rối. Singapore vừa mới tách khỏi Malaysia, xung đột vừa mới kết thúc. Thủ tướng Lý Quang Diệu nhận xét: "Những người sáng lập của chúng ta đã nhận thức sâu sắc rằng để tồn tại trong một môi trường khó khăn, một quốc gia nhỏ và mới giành được độc lập cần phải có được sự hiểu biết sâu sắc về khu vực này. Bởi vì các quốc gia nhỏ không định hình các sự kiện thế giới, các sự kiện định hình chúng ta." [56tr.13]. Singapore đã phải nhanh chóng có được, theo lời của Tiến sĩ Goh Keng Swee, "một sự tinh tế trong nhận thức" về các vấn đề phức tạp của khu vực để có thể lường trước những khó khăn và cơ hội. Nói cách khác, hiểu được khu vực này cũng quan trọng như những thách thức trong nước cấp bách của nhà nước mới giành được độc lập.

Nhưng "sự tinh tế trong nhận thức" này khi đó thực sự thiếu ở Singapore. Trong văn bản của Nội các đề xuất thành lập ISEAS, Tiến sĩ Goh chỉ ra rằng "chúng

ta biết nhiều về Melbourne hơn là Medan, biết nhiều về Eo biển Manche hơn là Eo biển Sunda"! [56tr.44]. Tiến sĩ Goh cũng tin rằng chuyên môn này phải được phát triển bên ngoài hệ thống chính trị. Các viên chức chính sách và tình báo của chính phủ sẽ quá sa lầy vào những mối quan tâm hàng ngày, tức thời để có thể xem xét các vấn đề khu vực từ góc nhìn dài hạn, tách biệt. Bằng cách thành lập một viện hoạt động tách biệt với chính phủ, chúng ta có thể sử dụng các học giả và nhà nghiên cứu lỗi lạc để phát triển kiến thức sâu sắc về vấn đề này. Sau đó, họ có thể cung cấp cho chính phủ những hiểu biết độc lập, nhìn qua các lăng kính thay thế, về cùng những vấn đề mà các viên chức chính phủ đã giải quyết.

Đặc biệt khi Chiến tranh Lạnh giữa kết thúc, mở ra một giai đoạn bất ổn về mặt chiến lược. Khi Liên Xô sụp đổ, đã có một khoảng trống quyền lực trong trật tự quốc tế. Nhiều cường quốc châu Á mới đang tranh giành để phát huy sức mạnh chiến lược của mình. Hoa Kỳ cũng đang trong tâm trạng muốn cắt giảm chiến lược. Chỉ dưới thời Chính quyền Obama, chính sách "tái cân bằng hướng tới Châu Á - Thái Bình Dương" mới được chính thức công bố. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) cũng đang phải đối mặt với các mối đe dọa đối với sự gắn kết của mình với việc mở rộng thành viên. Bên cạnh đó là một loạt các mối đe dọa phi truyền thống bao gồm khói mù trong khí quyển và các đại dịch phát sinh từ ô nhiễm gia súc và lây nhiễm cho con người. Đến năm 1997, viễn cảnh về sự lây lan kinh tế toàn châu Á đã trở thành sự thật khi cuộc khủng hoảng tài chính châu Á tàn phá một số loại tiền tệ trong khu vực và làm đảo lộn nền kinh tế sản xuất thông qua tình trạng nhà đầu tư tháo chạy.

Do đó, điều bắt buộc là một nhóm chuyên gia phải chiếu đèn pha về phía trước tìm kiếm các xu hướng chiến lược có thể có tác động đến Singapore. Theo nhiều cách, nhiệm vụ của nhóm chuyên gia phân tích và dự báo mối đe dọa tầm xa trở nên không thể thiếu, khi cả các cường quốc và phần còn lại của cộng đồng quốc tế đều ít kiểm soát được trật tự thế giới. Là một nền kinh tế nhỏ, dễ bị tổn thương và cởi mở, Singapore chỉ có thể được bảo vệ bằng cách cố gắng hiểu các xu hướng đối nghịch tiêu cực mà toàn cầu hóa mang lại.

Từ trong bối cảnh đó, với những quan điểm xác định tầm quan trọng của sự hiểu biết về khu vực và xu hướng của thế giới đối với Singapore mà từ đó các think tank đã được thành lập: Institute of Southeast Asian Studies (ISEAS) được thành lập như một tổ chức tự chủ theo Đạo luật của Quốc hội năm 1968; Institute of International Affairs (SIIA) thành lập năm 1988...

3.2.3. Đặc điểm giới tinh hoa kỹ trị Singapore

3.2.3.1. Đặc điểm giới tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị Singapore

- *Được hình thành từ sự kết hợp giữa chế độ nhân tài và chủ nghĩa thực dụng*

Singapore áp dụng một hệ thống tuyển chọn dựa trên thành tích (meritocracy) rất nghiêm ngặt. Những cá nhân xuất sắc nhất trong học tập, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, và quản trị, được chọn để giữ các vị trí lãnh đạo hoặc hoạch định chính sách. Chính phủ Singapore sử dụng các chương trình học bổng của Ủy ban dịch vụ công để tìm kiếm nhân tài từ sớm. Các học sinh được lựa chọn thường là những người đứng đầu tại các trường trung học hàng đầu, và họ được gửi đi học tại các trường đại học danh tiếng như Cambridge, Oxford, Harvard, hoặc MIT.

Lý Quang Diệu từng phát biểu: *“Không có cách nào để vận hành một đất nước tốt hơn là dùng người giỏi nhất cho công việc khó khăn nhất”*[3]. Ông cho rằng, sự sống còn của Singapore hoàn toàn dựa vào sự liêm khiết, hiệu suất làm việc của các bộ trưởng và quan chức cao cấp hay giới tinh hoa kỹ trị trong Chính phủ, và thật phi lý khi để cho toàn thể người dân bỏ phiếu cho những quyết định khó khăn và quan trọng. Một số người trong số họ sẽ thiếu hiểu biết hoặc chỉ quan tâm đến bản thân. Cách hợp lý để đưa ra các quyết định đúng đắn là lựa chọn những người thông minh và có phẩm chất, được giáo dục, đào tạo và tận tụy [59tr.129]. Với quan điểm đó, ông đã tập hợp những người giỏi nhất để làm việc cho chính phủ, tạo ra một bộ máy hành chính ưu việt và được quản trị một cách rất hiệu quả. Giới lãnh đạo chính trị của Singapore hiện nay cũng khẳng định niềm tin rằng sự thịnh vượng của đất nước phụ thuộc vào khả năng và hiệu quả hoạt động của một số lượng hạn chế các nhà quản lý.

Chế độ nhân tài của Singapore thể hiện qua định hướng kỹ trị của nước này. Hệ thống công vụ Singapore khuyến khích sự cạnh tranh giữa các công chức thông qua đánh giá hiệu suất làm việc định kỳ và chế độ khen thưởng hấp dẫn. Chính sách meritocracy giúp Singapore xây dựng một đội ngũ lãnh đạo kỹ trị có trình độ cao, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý. Năng lực và đạo đức nghề nghiệp của giới tinh hoa kỹ trị tạo nên sự tin tưởng từ người dân, là yếu tố quan trọng cho sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế.

Các nhà lãnh đạo Singapore, như Lý Quang Diệu và Lý Hiển Long, luôn nhấn mạnh rằng mọi chính sách phải dựa trên số liệu thực tế và phân tích khoa học, thay vì ý thức hệ hay áp lực chính trị. Hệ thống nhà ở công cộng HDB được thiết kế dựa trên dữ liệu dân số, nhu cầu nhà ở, và khả năng tài chính của người dân. Chính sách nhập cư và lao động cũng được điều chỉnh thường xuyên dựa trên dữ liệu kinh tế và xã hội, để cân bằng giữa nhu cầu phát triển kinh tế và duy trì ổn định xã hội. Singapore nổi tiếng với khả năng hoạch định chiến lược dài hạn, đặc biệt trong các lĩnh vực như nước sạch, công nghệ, và đô thị thông minh. Các quyết định được đưa ra dựa trên các mô hình dự báo và nghiên cứu toàn diện.

Giới tinh hoa kỹ trị Singapore không chỉ giới hạn trong một lĩnh vực chuyên môn mà thường có kiến thức liên ngành. Thủ tướng Lý Hiển Long có nền tảng toán học và khoa học máy tính, nhưng ông cũng được đào tạo sâu về chính sách công tại Harvard. Nhiều lãnh đạo khác có kinh nghiệm trong cả khu vực tư nhân lẫn công vụ, giúp họ hiểu rõ cách vận hành của cả hai hệ thống. Chính phủ Singapore thường tổ chức các nhóm làm việc liên ngành để giải quyết các vấn đề phức tạp. Trong chiến lược "Smart Nation", các chuyên gia công nghệ, đô thị, và xã hội học phối hợp để phát triển các giải pháp tích hợp. Trong chính sách về biến đổi khí hậu, các nhà khoa học môi trường, kỹ sư và các chuyên gia kinh tế làm việc cùng nhau để đưa ra các giải pháp bền vững. Sự tích hợp liên ngành giúp Singapore đưa ra các chính sách toàn diện, giải quyết được các vấn đề phức tạp của thế kỷ 21, như biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, và bất bình đẳng xã hội. Mô hình này cũng tăng cường tính linh hoạt và sáng tạo trong quản trị.

- *Gắn kết giữa chính trị và chuyên môn*

Dù các nhà lãnh đạo có vai trò chính trị, họ thường xuất thân từ các lĩnh vực kỹ thuật hoặc kinh tế, mang lại góc nhìn thực tế và chuyên môn. Giới tinh hoa kỹ trị của Singapore là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kỹ năng chuyên môn cao và năng lực lãnh đạo chính trị, giúp họ vừa làm chủ được các quyết sách phức tạp vừa duy trì sự ổn định chính trị.

Theo phân tích của Chan Heng Chee, ở Singapore, các nhà kỹ trị không chỉ bao gồm các Bộ trưởng Nội các mà còn bao gồm tất cả các Thành viên của Quốc hội. "Một nhà kỹ trị là người được đào tạo chuyên nghiệp hoặc có bằng sau đại học. Đóng góp của họ cho đời sống chính trị sẽ là chuyên môn kỹ thuật của họ trong việc khởi xướng, sửa đổi và tạo điều kiện thuận lợi cho các chính sách quy hoạch vật chất, kinh tế và xã hội." [38tr.424]. Sau cuộc cải tổ Nội các năm 1981, một số chuyên gia kỹ trị đã được thăng chức lên các vị trí bộ trưởng quan trọng. Một số chuyên gia kỹ trị khác được luân chuyển để họ tích lũy được nhiều kinh nghiệm hơn. Các bộ trưởng từng làm việc trong chính phủ ở các vị trí chuyên gia kỹ trị như: Goh Chok Tong (Quốc phòng), Suppiah Dhanabalan (Ngoại giao và Văn hóa) và Tony Tan (Thương mại và Công nghiệp). Dhanabalan đã từng làm việc tại Ban Phát triển Kinh tế và sau đó là Ngân hàng Phát triển Singapore, nơi ông lên đến chức Phó chủ tịch điều hành. Goh Chok Tong cũng có kinh nghiệm trong các tổ chức kinh tế của chính phủ, đảm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau như Tổng giám đốc của Neptune Orient Lines và Giám đốc Ngân hàng Tiết kiệm Bưu điện. Tony Tan, bắt đầu là một học giả và sau đó chủ yếu có kinh nghiệm kinh doanh, đáng chú ý là Tổng giám đốc của Tập đoàn Ngân hàng Hoa kiều.

Đối với giới tinh hoa kỹ trị Singapore, chính trị là công cụ, chuyên môn là nền tảng. Lý Quang Diệu và các lãnh đạo sáng lập Singapore đã thiết lập một mô hình quản trị trong đó chuyên môn được xem là yếu tố cốt lõi để giải quyết các vấn đề chính trị và xã hội. Thay vì dựa trên ý thức hệ chính trị truyền thống, họ ưu tiên các giải pháp dựa trên dữ liệu, hiệu quả thực tiễn, và khả năng đo lường.

Kỹ trị hóa trong các quyết định chính trị là một đặc điểm nổi bật. Các nhà lãnh đạo Singapore, mặc dù giữ vai trò chính trị, đều có nền tảng chuyên môn vững

chắc. Lý Hiển Long (Thủ tướng từ năm 2004) có bằng toán học và khoa học máy tính từ Cambridge và Harvard. Tharman Shanmugaratnam (cựu Phó Thủ tướng) là một chuyên gia kinh tế xuất sắc từ Trường Kinh tế London và Harvard. Chính trị không trở thành một đấu trường của các ý thức hệ đối lập mà là một không gian để áp dụng các giải pháp thực tế dựa trên chuyên môn. Chính trị định hình mục tiêu, chuyên môn xác định cách thực hiện là một phương châm định hình hoạt động của giới tinh hoa kỹ trị. Mỗi quan hệ này đảm bảo rằng các chính sách vừa có tính khả thi vừa hướng tới lợi ích chung.

Khả năng chính trị của giới tinh hoa kỹ trị Singapore được thể hiện thông qua ba câu hỏi. Họ có khả năng hiểu được toàn bộ sự phức tạp của các vấn đề, bao gồm cả các khía cạnh chính trị không? Họ có khả năng giải quyết các thách thức và khủng hoảng nếu phát sinh, bao gồm cả những thách thức và khủng hoảng bên trong PAP không? Họ có thể thiết lập được mối liên hệ với cơ sở không? Không giống như nhiều quốc gia không có sự phân công lao động chặt chẽ giữa các nhà kỹ trị và các thành viên Nội các khác. Các thể hệ lãnh đạo của PAP vừa là các nhà kỹ trị, đồng thời đóng vai trò là những nhà chính trị. Giới tinh hoa kỹ trị được chọn phải trải qua một quá trình "chính trị hóa ở các mức độ khác nhau.

Chính phủ Singapore đã xây dựng một văn hóa chính trị trong đó chuyên môn được tôn trọng và đặt lên hàng đầu. Các nhà lãnh đạo chính trị tại Singapore không phải là các "chính trị gia truyền thống" mà là những tinh hoa kỹ trị có tầm nhìn. Sự gắn kết giữa chính trị và chuyên môn trong giới tinh hoa kỹ trị Singapore là yếu tố cốt lõi giúp quốc gia này đạt được sự ổn định chính trị và thành công kinh tế. Mỗi quan hệ này được duy trì thông qua hệ thống tuyển chọn dựa trên năng lực, phương pháp quản trị thực tiễn, và văn hóa tôn trọng chuyên môn.

- *Quá trình đào tạo liên tục*

Singapore đầu tư mạnh mẽ vào việc đào tạo đội ngũ lãnh đạo có cả kỹ năng chính trị và chuyên môn. Những người được chọn làm lãnh đạo thường có nền tảng học vấn cao, được gửi đi học tại các trường đại học hàng đầu thế giới, và trải qua các chương trình đào tạo chuyên biệt. Các chương trình học bổng của Ủy ban Dịch vụ Công không chỉ chọn những người giỏi chuyên môn mà còn chú trọng đến tiềm năng lãnh đạo.

Một đặc điểm quan trọng trong hệ thống Singapore là các nhà kỹ trị thường được luân chuyển giữa khu vực công và tư để tích lũy kinh nghiệm. Điều này giúp họ vừa hiểu được cơ chế thị trường vừa nắm rõ quy trình chính trị, từ đó đưa ra các chính sách thực tế và hiệu quả hơn. Các lãnh đạo trong các cơ quan kinh tế như Temasek Holdings hoặc GIC thường có kinh nghiệm trong cả khu vực công và tư nhân. Sự luân chuyển này không chỉ tạo ra những nhà lãnh đạo toàn diện mà còn xây dựng cầu nối giữa chính trị và chuyên môn, giúp cả hai lĩnh vực này hỗ trợ lẫn nhau.

3.2.3.2. Đặc điểm giới tinh hoa kỹ trị bên ngoài hệ thống chính trị Singapore

- *Gắn kết chặt chẽ với chính phủ*

Các think tanks của Singapore duy trì mối quan hệ chặt chẽ với chính phủ. Sự gần gũi của các nhóm chuyên gia với nhà nước ở Singapore có ý nghĩa quan trọng trong vị thế của họ là "một nhánh của bộ máy hành chính" [61tr.141]. Họ thường hoạt động như những tổ chức bán chính phủ hoặc trực thuộc các bộ, chẳng hạn như Bộ Ngoại giao hoặc Bộ Quốc phòng. Mặc dù được thành lập như các tổ chức độc lập về mặt pháp lý với chính phủ, các viện nghiên cứu của Singapore có mối quan hệ chặt chẽ với Đại học Quốc gia Singapore (NUS) và chính phủ, thường thông qua các giám đốc có kinh nghiệm chính trị quan liêu hoặc đảng phái trước đây hoặc hiện tại, và thông qua đại diện của chính phủ trong hội đồng quản trị của viện nghiên cứu.

- *Tập trung vào nghiên cứu chiến lược và định hướng chính sách*

Các nhóm nghiên cứu tập trung vào các lĩnh vực thực tế và chiến lược như an ninh quốc gia, chính sách kinh tế, ngoại giao và phát triển xã hội. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (ISEAS) là một trong những viện nghiên cứu lâu đời nhất (được thành lập năm 1968 theo một đạo luật của quốc hội) và nổi tiếng nhất của Singapore. Đây là một tổ chức khu vực quan trọng với tư cách là trung tâm nghiên cứu dành cho các học giả và chuyên gia quan tâm đến Đông Nam Á từ thời điểm nguồn nhân lực trong lĩnh vực này còn chưa phát triển. Từ lâu được coi là một trong những viện nghiên cứu tốt nhất về các vấn đề Đông Nam Á, viện này tiếp tục thu hút các học giả hàng đầu trong khu vực cũng như ngoài Đông Nam Á thông qua các chương trình nghiên cứu, hội nghị và diễn giả của mình.

Ngoài ISEAS, một số nhóm chuyên gia tư vấn khác tập trung vào các vấn đề khu vực và quốc tế cũng hoạt động tại Singapore. Viện Quan hệ Quốc tế Singapore (SIIA), được thành lập theo sáng kiến của các học giả từ NUS, là thành viên của mạng lưới các nhóm chuyên gia tư vấn ASEAN-ISIS. Viện Nghiên cứu Chính sách (IPS) là một trung tâm nghiên cứu độc lập tại Trường Chính sách Công Lý Quang Diệu thuộc Đại học Quốc gia Singapore, IPS tập trung vào các diễn biến trong nước tại Singapore và quan hệ đối ngoại. Viện Triết học Đông Á hiện được giao nhiệm vụ bao quát các vấn đề xã hội và chính trị của Trung Quốc cũng như các vấn đề khu vực. Viện Nghiên cứu Quốc phòng và Chiến lược (IDSS) trong Đại học Công nghệ Nanyang mở rộng sang các vấn đề an ninh khu vực.

- *Tập trung mạnh vào dữ liệu và bằng chứng*

Trước khi các think tanks của Singapore được thành lập, Singapore đã tham khảo các mô hình think tanks nổi tiếng trên thế giới như Chatham House ở Vương quốc Anh, Hội đồng Quan hệ Đối ngoại, Rand Corporation ở Hoa Kỳ và một số trường đại học có chương trình Đông Nam Á mạnh mẽ như Yale, Cornell và Berkeley. Chủ nghĩa thực dụng và sự rõ ràng trong sứ mệnh đã đóng vai trò quan trọng trong việc định hình chương trình nghiên cứu của không chỉ ISEAS mà còn của các think tanks khác. Bằng cách tuân theo chủ nghĩa thực dụng, trọng tâm nghiên cứu và năng lực của các think tanks của Singapore đã phát triển theo môi trường chính trị khu vực và quốc tế đang thay đổi với các khuyến nghị về chính sách dựa trên dữ liệu thực nghiệm, khảo sát và nghiên cứu học thuật.

Các think tank, nhất là IPS và ACI, đã giúp mở rộng không gian tranh luận khi công bố các nghiên cứu dựa trên khảo sát xã hội và phân tích định lượng. Điều này buộc các cơ quan chính quyền phải lắng nghe phản hồi xã hội và xem xét kỹ lưỡng hơn trước khi ban hành chính sách quan trọng. Báo cáo của IPS về xu hướng dân số già (population ageing) đã góp phần để Bộ Y tế Singapore điều chỉnh chính sách an sinh xã hội, tăng cường chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi...

- *Tính chuyên môn cao*

Một trong những đặc điểm nổi bật của think tank Singapore là sự gắn bó chặt chẽ với các trường đại học hàng đầu (NUS, NTU). Đây là điểm khác biệt với mô hình Hoa Kỳ, nơi think tank như Brookings Institution hay Heritage Foundation

hoàn toàn độc lập, think tank Singapore thường nằm trong bối cảnh “state-affiliated” nhưng vẫn nỗ lực giữ tính khách quan trong nghiên cứu.

Các think tank liên kết nhà nước thường tập hợp giảng viên, nghiên cứu sinh tiến sĩ và chuyên gia đến từ nhiều lĩnh vực khác nhau: kinh tế, chính trị, môi trường, công nghệ. ACI quy tụ giảng viên kinh tế và quản trị kinh doanh nghiên cứu về sức cạnh tranh quốc gia. Còn SIIA mời gọi các chuyên gia đã từng công tác trong ngành ngoại giao, quan hệ quốc tế để tham gia viết báo cáo và tọa đàm.

3.2.4. Ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị Singapore

3.2.4.1. Ảnh hưởng của tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị đến đời sống chính trị của Singapore

Singapore là một quốc gia có hệ thống chính trị đặc thù, với sự chi phối mạnh mẽ của tầng lớp tinh hoa. Tinh hoa kỹ trị trong chính quyền Singapore chủ yếu bao gồm: i) Các lãnh đạo cấp cao của Đảng Hành động Nhân dân (PAP) có nền tảng học thuật vững chắc, thường tốt nghiệp từ các trường đại học danh tiếng như Đại học Cambridge, Oxford, Harvard hoặc các trường đại học hàng đầu trong nước như Đại học Quốc gia Singapore (NUS); ii) Các chuyên gia và quan chức kỹ trị trong các bộ ngành quan trọng như Bộ Tài chính, Bộ Thương mại và Công nghiệp, Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS), Cơ quan Phát triển Kinh tế (EDB), v.v. Những cá nhân này thường có học vấn hàng đầu (thường là từ các đại học danh tiếng thế giới), nền tảng chuyên môn vững chắc (kỹ thuật, kinh tế, khoa học chính sách), và từng đảm nhận vai trò quan trọng trong hoạch định, điều hành chính sách.

Trong bối cảnh Singapore được vận hành theo mô hình “nhà nước phát triển” kết hợp giữa tính hiệu quả quản trị và định hướng dài hạn, giới tinh hoa kỹ trị đóng vai trò trụ cột trong hoạch định và thực thi chính sách.

- *Ảnh hưởng trong quá trình hoạch định chính sách*

Hoạch định chiến lược quốc gia và quản trị dài hạn

Giới tinh hoa kỹ trị đóng vai trò trung tâm trong hoạch định chiến lược quốc gia và định hình tầm nhìn phát triển dài hạn của Singapore, kết hợp giữa phân tích khoa học, dự báo định lượng và đánh giá chính sách liên ngành. Thông qua các

công cụ như Scenario Planning của Cơ quan Tái thiết Đô thị (URA) hay Singapore Green Plan 2030, họ xây dựng những kịch bản tăng trưởng dài hạn nhằm bảo đảm vừa đạt mục tiêu kinh tế, vừa duy trì chất lượng sống và tính bền vững môi trường.

Kế hoạch Tổng thể Đô thị (URA Master Plan), được cập nhật định kỳ 10 năm/lần [88], tích hợp dữ liệu về dân số, hạ tầng, nhu cầu nhà ở, và biến đổi khí hậu để đưa ra dự báo đến giai đoạn 2030–2050. Song song, Singapore Green Plan 2030 xác lập lộ trình giảm phát thải carbon, tăng cường năng lượng tái tạo và chuyển đổi mô hình giao thông theo hướng bền vững, giúp quốc gia chuẩn bị cho các thách thức môi trường và biến động năng lượng toàn cầu.

Vai trò và ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị trong xây dựng kịch bản dự báo dài hạn ở Singapore thể hiện rõ ở việc họ biến quá trình hoạch định chính sách thành một hoạt động có tính hệ thống, dựa trên dữ liệu lớn và mô hình hóa khoa học, thay vì phản ứng theo từng vấn đề ngắn hạn. Khác với nhiều quốc gia chỉ lập kế hoạch theo nhiệm kỳ, Singapore áp dụng phương pháp lập kịch bản (scenario planning) để mô phỏng nhiều hướng phát triển trong 10–30 năm tới, đánh giá rủi ro – cơ hội, từ đó lựa chọn lộ trình tối ưu.

Kế hoạch Tổng thể Đô thị của Cơ quan Tái phát triển Đô thị (URA) là một ví dụ, khi kế hoạch này được cập nhật định kỳ 10 năm/lần, dựa trên thiết kế và kiểm chứng của giới tinh hoa kỹ trị về mô hình tăng trưởng dân số, nhu cầu nhà ở, khả năng thích ứng hạ tầng và tác động môi trường, từ đó đưa ra những dự báo về các vấn đề có liên quan và có các giải pháp cho các khả năng có thể xảy ra.

Nhờ sự dẫn dắt của giới tinh hoa kỹ trị trong hoạch định chiến lược, Singapore liên tục duy trì vị thế quốc gia có hiệu quả quản trị hàng đầu thế giới, xếp thứ 1 toàn cầu về Chỉ số Chính phủ Hiệu quả năm 2023, 2024 [21]. Điều này cho thấy năng lực biến các tầm nhìn dài hạn thành chính sách khả thi và kết quả cụ thể, củng cố niềm tin của xã hội đối với mô hình quản trị dựa trên tri thức và bằng chứng.

Thiết kế và thực thi chính sách công dựa trên bằng chứng: Cấu trúc chính trị – hành chính của Singapore được tổ chức xoay quanh những nhà hoạch định chính sách có trình độ chuyên môn sâu, kinh nghiệm quốc tế và năng lực quản trị dựa trên bằng chứng (evidence-based policy-making). Sự tham gia của giới tinh hoa kỹ trị

diễn ra xuyên suốt quy trình chính sách, từ thu thập dữ liệu, xây dựng kịch bản dự báo, đến đánh giá rủi ro – lợi ích và triển khai thực thi. Ở Singapore, từ Thủ tướng, Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng cho đến lãnh đạo các cơ quan then chốt như Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS), Cơ quan Phát triển Kinh tế (EDB), Cơ quan Khoa học, Công nghệ và Nghiên cứu (A*STAR), phần lớn đều xuất thân từ các chuyên ngành kỹ thuật, kinh tế, tài chính, khoa học công nghệ, hoặc quản trị công hiện đại. Điều này bảo đảm rằng các quyết định chính sách được thiết kế dựa trên phân tích dữ liệu, mô hình dự báo và các bằng chứng khoa học, thay vì chỉ dựa vào cảm tính chính trị, chẳng hạn như việc quản lý giao thông bằng cách triển khai hệ thống thu thập dữ liệu phương tiện thông qua thẻ giao thông, cảm biến và GPS hay áp dụng giao dịch trực tuyến giữa người dân và chính phủ; áp dụng các giải pháp công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) hay thanh toán điện tử (e-payment) đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ...Điều này không chỉ tối ưu hóa quản trị công mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế số quốc gia.

Singapore là một trung tâm tài chính và công nghệ toàn cầu, thu hút hàng nghìn tập đoàn đa quốc gia như Google, Microsoft, Amazon, Grab, Sea Group, DBS, Temasek Holdings. Giới tinh hoa kỹ trị đóng vai trò quan trọng trong quản trị và phát triển chiến lược kinh tế quốc gia, xây dựng hệ sinh thái công nghệ cao, thu hút nhân tài. Họ hợp tác chặt chẽ với các tập đoàn để thúc đẩy đầu tư và đổi mới công nghệ, dẫn dắt các sáng kiến như Smart Nation, AI Singapore, Fintech Hub để đưa Singapore thành trung tâm công nghệ châu Á, tạo môi trường làm việc cạnh tranh cao, giúp Singapore giữ chân nhân tài kỹ thuật số và doanh nhân khởi nghiệp, đồng thời thúc đẩy các sáng kiến đổi mới trong AI, fintech, blockchain. Singapore là một ví dụ điển hình nơi một nhà nước can thiệp đã chỉ đạo chính sách và chiến lược công nghiệp hóa thông qua nhiều thể chế khác nhau để tạo ra một môi trường thuận lợi với cơ sở hạ tầng cứng và mềm hỗ trợ.

Ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị ở đây không chỉ nằm ở việc họ tạo ra bản đồ chiến lược để định hướng chính sách, mà còn ở chỗ họ đảm bảo rằng mỗi quyết định đầu tư hạ tầng, mỗi ưu tiên công nghệ đều được kiểm chứng bằng dữ liệu, mô hình toán học và thử nghiệm thực tế. Điều này giúp chính sách của Singapore có

tính ổn định cao, giảm thiểu rủi ro sai lệch do thay đổi chính trị, đồng thời duy trì lợi thế cạnh tranh dài hạn trong bối cảnh biến động quốc tế.

Giới tinh hoa kỹ trị Singapore giữ vai trò then chốt trong việc đảm bảo các chính sách được xây dựng trên cơ sở phân tích khoa học, đặc biệt thông qua cơ chế đánh giá rủi ro – lợi ích đa tầng. Cách tiếp cận này cho phép dự báo toàn diện các tác động kinh tế, xã hội và môi trường trước khi một chính sách được thông qua, qua đó hạn chế tối đa rủi ro và nâng cao hiệu quả thực thi. Khi đưa ra quyết định tăng thuế GST từ 7% lên 9% trong giai đoạn 2023–2024, Bộ Tài chính Singapore (MOF) đã không chỉ xem xét yếu tố ngân sách, mà còn tiến hành phân tích vi mô tác động đến từng nhóm thu nhập, từ hộ gia đình thu nhập thấp đến doanh nghiệp vừa và nhỏ. Dựa trên kết quả này, MOF đồng thời triển khai gói hỗ trợ để giảm gánh nặng cho các nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm trợ cấp tiền mặt, hỗ trợ y tế và các khoản giảm phí dịch vụ công. Điều này cho thấy kỹ trị không chỉ chú trọng hiệu quả kinh tế, mà còn tính đến tính công bằng xã hội và ổn định chính trị. Như vậy, ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị không chỉ dừng ở việc đưa ra khuyến nghị chính sách, mà còn thể hiện ở khả năng tích hợp dữ liệu, mô hình hóa rủi ro và thiết kế gói can thiệp bổ trợ để đảm bảo chính sách vừa hiệu quả về kinh tế, vừa bền vững về xã hội. Đây là một trong những yếu tố then chốt giúp Singapore duy trì hình ảnh của một nhà nước quản trị hiệu quả, dựa trên bằng chứng và tầm nhìn dài hạn.

Quản lý kinh tế vĩ mô và hoạch định triển khai chính sách xã hội

Giới tinh hoa kỹ trị Singapore, đặc biệt là các chuyên gia trong Bộ Tài chính (MOF) và Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS), đóng vai trò then chốt trong việc duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và điều tiết hệ thống tài chính. Họ áp dụng các công cụ phân tích định lượng, mô hình dự báo và kịch bản ứng phó nhằm bảo đảm chính sách kinh tế vừa hỗ trợ tăng trưởng, vừa giữ vững kỷ luật tài khóa.

Sự kết hợp giữa kỷ luật tài khóa và điều hành tiền tệ linh hoạt của giới tinh hoa kỹ trị không chỉ giúp Singapore vượt qua các biến động toàn cầu như đại dịch COVID-19 hay khủng hoảng năng lượng 2022, năm 2026 Singapore được xếp hạng là nền kinh tế cạnh tranh nhất thế giới [1].

Giới tinh hoa kỹ trị Singapore giữ vai trò trung tâm trong việc hoạch định và triển khai các chính sách xã hội, từ y tế, giáo dục, nhà ở đến phúc lợi cho người cao tuổi. Các cơ quan như Bộ Phát triển Xã hội và Gia đình (MSF), Bộ Y tế (MOH) và Cơ quan Phát triển Nhà ở (HDB) vận hành dựa trên dữ liệu dân số, mô hình dự báo nhu cầu và các chỉ số đo lường hiệu quả chính sách.

Trong lĩnh vực nhà ở, có chính sách trợ cấp mua nhà được thiết kế dựa trên mức thu nhập hộ gia đình, bảo đảm khả năng chi trả cho nhóm thu nhập thấp và trung bình. Trong y tế, MOH triển khai MediShield Life – chương trình bảo hiểm y tế toàn dân – được xây dựng từ các mô hình tính toán chi phí y tế dài hạn và phân tích rủi ro bệnh tật theo độ tuổi. Về an sinh, MSF áp dụng Social Service Net – một hệ thống dữ liệu liên ngành – để theo dõi và hỗ trợ kịp thời các trường hợp dễ bị tổn thương, như người già sống một mình hoặc hộ gia đình có thu nhập dưới mức sinh hoạt tối thiểu.

Cách tiếp cận kỹ trị trong quản lý xã hội và an sinh giúp Singapore không chỉ đạt các chỉ số phát triển con người (HDI) ở mức cao (xếp hạng 13 toàn cầu theo UNDP 2025) [87, tr.14], mà còn xây dựng một hệ thống phúc lợi bền vững về tài chính, tránh được gánh nặng nợ công quá lớn như ở nhiều nước phát triển khác.

- *Quản lý khủng hoảng và rủi ro quốc gia*

Giới tinh hoa kỹ trị ở Singapore đóng vai trò trung tâm trong hoạch định và điều phối ứng phó khủng hoảng, thường đảm nhiệm vị trí “đầu não” trong các lực lượng liên bộ. Một minh chứng điển hình là trong đại dịch COVID-19, Lực lượng đặc nhiệm đa bộ (MMTF), do các bộ trưởng và quan chức kỹ trị dẫn dắt, đã triển khai phương pháp ra quyết định dựa trên dữ liệu (data-driven decision-making), kết hợp liên tục cập nhật mô hình dịch tễ học từ các viện nghiên cứu trong nước như Duke-NUS Medical School và các tổ chức quốc tế như WHO. Cách tiếp cận này giúp Singapore duy trì tỷ lệ tử vong chỉ 0,1% (WHO, 2022), thấp hơn nhiều so với mức trung bình toàn cầu 0,9% và vượt trội so với nhiều nền kinh tế phát triển.

Ngoài lĩnh vực y tế, giới tinh hoa kỹ trị còn áp dụng đánh giá rủi ro đa tầng để xây dựng chính sách trong các lĩnh vực chiến lược như an ninh năng lượng, an ninh lương thực và ứng phó biến đổi khí hậu. Ví dụ, trong Chiến lược Năng lượng

Singapore 2050, các nhà hoạch định kỹ trị đã xây dựng nhiều kịch bản dự phòng nhằm đảm bảo ổn định nguồn cung điện và khí đốt trước biến động địa chính trị, đồng thời đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn cung, bao gồm nhập khẩu điện cacbon thấp từ Campuchia và Indonesia và Việt Nam và phát triển hạ tầng năng lượng mặt trời nội địa để đạt mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 [19].

Bên cạnh an ninh năng lượng, an ninh lương thực cũng là lĩnh vực mà giới tinh hoa kỹ trị Singapore triển khai tư duy quản trị dựa trên phân tích khoa học và hoạch định dài hạn. Năm 2019, Cơ quan Thực phẩm Singapore (SFA) – dưới sự dẫn dắt của các chuyên gia kỹ trị – đã giới thiệu chiến lược “30 by 30”, đặt mục tiêu đến năm 2030 tự sản xuất được 30% nhu cầu lương thực trong nước, so với mức chưa đến 10% hiện nay. Để đạt mục tiêu này, chính phủ áp dụng cách tiếp cận đa tầng, kết hợp nông nghiệp công nghệ cao (vertical farming, aquaculture trong nhà), nghiên cứu giống cây trồng chịu biến đổi khí hậu, và đa dạng hóa nguồn nhập khẩu từ các quốc gia nhằm giảm rủi ro phụ thuộc vào một thị trường duy nhất.

Điểm nổi bật trong cách tiếp cận của giới tinh hoa kỹ trị Singapore là sự kết hợp giữa phân tích dữ liệu thời gian thực, mô hình dự báo, và điều phối liên ngành. Điều này giúp quốc đảo này không chỉ giảm thiểu thiệt hại trước các rủi ro toàn cầu mà còn biến khủng hoảng thành cơ hội để cải tổ hệ thống, củng cố năng lực tự cường quốc gia. Không phải ngẫu nhiên mà Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF, 2023) đã xếp Singapore thuộc nhóm quốc gia có chỉ số khả năng phục hồi cao nhất thế giới, nhờ sự lãnh đạo hiệu quả của tầng lớp kỹ trị.

Các thành tựu này phản ánh rõ vai trò then chốt của giới tinh hoa kỹ trị trong việc duy trì tính chủ động, khả năng dự báo và năng lực điều hành chính sách quốc gia, giúp Singapore vừa kiểm soát tốt các khủng hoảng trước mắt vừa bảo đảm an ninh chiến lược dài hạn.

- *Định hình quan hệ đối ngoại và năng lực cạnh tranh toàn cầu*

Giới tinh hoa kỹ trị Singapore không chỉ là “kiến trúc sư” của chính sách đối ngoại mà còn là lực lượng duy trì vị thế của quốc gia như một trung tâm thương mại – tài chính hàng đầu thế giới. Với lợi thế xuất thân từ các lĩnh vực kinh tế, tài chính và công nghệ, đội ngũ này đảm bảo rằng các quyết sách đối ngoại luôn gắn chặt với lợi ích chiến lược dài hạn của Singapore.

Trong lĩnh vực kinh tế – thương mại, Bộ Công Thương (MTI) và Enterprise Singapore đã xây dựng chiến lược hội nhập dựa trên “economic diplomacy” và “rule-shaping diplomacy” – tức là không chỉ tham gia mà còn định hình luật chơi thương mại quốc tế. Chẳng hạn, khi đàm phán Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), các chuyên gia kỹ trị Singapore đã đóng vai trò trung gian hòa giải giữa các nhóm lợi ích đối lập, giúp hoàn thiện các chương của hiệp định về quy tắc thương mại số, sở hữu trí tuệ và dịch vụ tài chính. Kết quả là Singapore hiện có mạng lưới FTA rộng khắp, đưa nước này vào nhóm quốc gia có mức độ mở cửa kinh tế cao nhất thế giới.

Bên cạnh thương mại, giới tinh hoa kỹ trị cũng triển khai chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu thông qua thu hút đầu tư và phát triển các ngành công nghệ cao. Cơ quan Phát triển Kinh tế (EDB) do các chuyên gia kỹ trị điều hành đã thiết kế chính sách “Industry Transformation Maps (ITMs)” cho các ngành mũi nhọn, kết hợp ưu đãi thuế, quỹ R&D và khung pháp lý thuận lợi để thu hút các tập đoàn như Google, Dyson, BioNTech. Nhờ đó, Singapore trở thành một trong những trung tâm công nghệ sinh học và logistics hàng đầu thế giới, chiếm vị trí cạnh tranh nhất thế giới trong bảng xếp hạng 2026 của Viện Quản lý Phát triển quốc tế (IMD) khi chất lượng thể chế và hiệu quả doanh nghiệp được đánh giá là nổi bật của quốc gia này.[22]

Ở cấp độ chiến lược, giới tinh hoa kỹ trị còn giữ vai trò chủ động trong các cơ chế đa phương như Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn Davos và các sáng kiến ASEAN+, qua đó đảm bảo Singapore không bị “lép vế” trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn. Điều này phản ánh một tư duy ngoại giao mang tính “định hình luật chơi” thay vì chỉ “thích nghi” – một đặc điểm nổi bật của tầng lớp tinh hoa kỹ trị ở Singapore.

- *Duy trì tính liêm chính và hiệu quả của bộ máy nhà nước*

Giới tinh hoa kỹ trị Singapore không chỉ đóng vai trò trong hoạch định chính sách mà còn là trụ cột bảo đảm bộ máy nhà nước hoạt động minh bạch, liêm chính và hiệu quả. Quá trình tuyển chọn và đề bạt quan chức cấp cao được thiết kế theo nguyên tắc meritocracy (trọng dụng nhân tài dựa trên thành tích) với sự đánh giá

toàn diện về năng lực chuyên môn, kết quả học thuật, khả năng lãnh đạo, và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp. Điều này phản ánh tư duy quản trị của cố Thủ tướng Lý Quang Diệu, người coi “một đội ngũ lãnh đạo giỏi hơn đôi thủ về trí tuệ, đạo đức và năng lực quản trị là điều kiện sống còn của quốc gia nhỏ như Singapore”.

Một trong những chính sách nổi bật để duy trì chất lượng đội ngũ là chế độ đãi ngộ cạnh tranh toàn cầu. Lương của các Bộ trưởng, Thứ trưởng và các vị trí hành chính cấp cao được gắn với thu nhập trung bình của nhóm 1.000 lãnh đạo doanh nghiệp tư nhân có mức lương cao nhất ở Singapore, nhằm vừa thu hút nhân tài vừa loại bỏ động cơ tham nhũng. Cách tiếp cận này đã tạo ra môi trường chính trị – hành chính có tính minh bạch cao. Theo Chỉ số nhận thức Tham nhũng (CPI) của Transparency International, Singapore giữ vị trí 3/182 quốc gia trên thế giới [86] vào năm 2024..

Tính liêm chính và hiệu quả của bộ máy nhà nước không chỉ củng cố niềm tin của người dân mà còn tăng cường niềm tin của nhà đầu tư quốc tế. Singapore liên tục nằm trong Top 2 về mức độ thuận lợi kinh doanh theo Báo cáo Doing Business của Ngân hàng Thế giới trước khi báo cáo này ngừng xuất bản (2019–2020), đồng thời duy trì mức xếp hạng tín nhiệm quốc gia AAA từ cả ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm lớn (S&P, Moody's, Fitch).

Như vậy, giới tinh hoa kỹ trị không chỉ là lực lượng thiết kế chính sách mà còn là tác nhân trực tiếp bảo đảm môi trường quản trị sạch, minh bạch và hiệu quả, qua đó duy trì lợi thế cạnh tranh chiến lược của Singapore trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu khốc liệt.

3.2.4.2. Ảnh hưởng của tinh hoa kỹ trị bên ngoài hệ thống chính trị đến đời sống chính trị của Singapore

Singapore là một ví dụ tuyệt vời về tiến trình xây dựng các think tank đa dạng đẳng cấp thế giới [61tr.18]. Các think tanks tại Singapore đóng vai trò quan trọng trong việc định hình chính sách công, phát triển kinh tế và chiến lược quốc gia. Họ hoạt động như các tổ chức nghiên cứu độc lập hoặc bán độc lập, cung cấp các phân tích chuyên môn, khuyến nghị và giải pháp sáng tạo cho cả chính phủ và khu vực tư nhân. Tinh hoa kỹ trị trong các viện nghiên cứu và trường đại học

thường bao gồm: i) Giáo sư, nhà nghiên cứu hàng đầu tại Đại học Quốc gia Singapore (NUS), Đại học Công nghệ Nanyang (NTU), Đại học Quản lý Singapore (SMU); ii) Chuyên gia từ các viện nghiên cứu chiến lược như Viện Nghiên cứu Chính sách (IPS), Viện Nghiên cứu Quốc phòng và Chiến lược (RSIS), Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (ISEAS-Yusof Ishak); iii) Những cá nhân được chính phủ bổ nhiệm vào hội đồng cố vấn, tham gia vào các quyết định chính sách kinh tế, xã hội và công nghệ. Singapore có mô hình Nhà nước quản trị dựa trên tri thức (Knowledge-Based Governance), trong đó quyết sách chính trị dựa vào nghiên cứu khoa học thay vì ý kiến công chúng hay cạnh tranh chính trị. Chính phủ Singapore tuyển chọn và tài trợ cho các nhà nghiên cứu, khiến họ có mối liên kết chặt chẽ với chính quyền. Các viện nghiên cứu lớn như IPS và RSIS thường cung cấp các báo cáo chiến lược cho chính phủ, tạo ảnh hưởng trực tiếp đến các quyết sách.

Ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị bên ngoài hệ thống chính trị Singapore có thể được nhìn nhận qua bốn khía cạnh chính: hoạch định chính sách, tạo dựng đồng thuận xã hội, định hướng phát triển kinh tế – công nghệ và nâng cao vị thế quốc tế của quốc gia.

- *Xây dựng và lan tỏa đồng thuận xã hội*

Giới tinh hoa kỹ trị ngoài hệ thống chính trị Singapore không chỉ đóng vai trò là nguồn cung cấp tri thức chuyên môn mà còn là “cầu nối” quan trọng giữa nhà nước và xã hội, giúp hình thành sự đồng thuận đối với các quyết sách lớn. Điều này đặc biệt rõ rệt trong những lĩnh vực nhạy cảm và có tác động sâu rộng như cải cách giáo dục, cải cách thuế hàng hóa và dịch vụ, các dự án quy hoạch đô thị quy mô lớn.

Các viện nghiên cứu và tổ chức tư vấn chính sách, tiêu biểu như Institute of Policy Studies (IPS), thường xuyên tổ chức các diễn đàn đối thoại công khai, xuất bản báo cáo phân tích và nghiên cứu chuyên sâu nhằm giải thích một cách khoa học nền tảng của các chính sách. Nhờ đó, những nội dung dễ gây tranh cãi được truyền tải đến công chúng bằng lập luận dựa trên số liệu và bằng chứng, góp phần giảm thiểu phản ứng tiêu cực, đồng thời củng cố tính chính danh cho các quyết định của chính phủ. Trước những lo ngại về tác động đối với nhóm thu nhập thấp, một số nhà kinh tế độc lập và chuyên gia tài chính đã công bố các mô hình phân tích tác động

phân phối thu nhập, chỉ ra rằng nếu đi kèm với các gói hỗ trợ an sinh và chuyển tiền trực tiếp, gánh nặng thuế bổ sung sẽ được bù đắp đáng kể cho nhóm dễ bị tổn thương. Các phân tích này được sử dụng như một “lớp đệm lý luận” giúp chính phủ củng cố lập luận chính sách, đồng thời tạo ra một không gian đối thoại mà trong đó, dữ liệu và bằng chứng khoa học trở thành nền tảng cho sự thuyết phục và đồng thuận xã hội.

Không chỉ tham gia vào quá trình “giải thích” chính sách, giới tinh hoa kỹ trị bên ngoài còn đóng vai trò định hướng dư luận và điều chỉnh kỳ vọng xã hội. Họ tận dụng vị thế độc lập về thể chế, uy tín học thuật, cùng mạng lưới kết nối rộng khắp trong giới học giả, doanh nghiệp và truyền thông để hình thành các “cụm ý tưởng” (idea clusters) hỗ trợ chính phủ triển khai chính sách.

Một số chiến lược phổ biến gồm:

Tiền-truyền thông chính sách: Trước khi chính phủ chính thức công bố chính sách, các chuyên gia từ các viện nghiên cứu như IPS, Lee Kuan Yew School of Public Policy (LKYSPP), hay các think-tank liên kết với doanh nghiệp, thường xuất bản các bài phân tích trên báo The Straits Times, Channel NewsAsia hoặc tổ chức hội thảo bàn tròn. Cách tiếp cận này tạo “bước đệm” để công chúng làm quen với ý tưởng và giảm cú sốc khi chính sách được triển khai.

Hợp thức hóa chính sách bằng dữ liệu định lượng: Việc công bố các báo cáo kinh tế – xã hội, mô hình mô phỏng tác động hoặc khảo sát dư luận giúp chúng minh tính tất yếu và khả thi của chính sách.

Kết nối với các nhóm lợi ích cụ thể: Trong các lĩnh vực nhạy cảm như quy hoạch đất đai hoặc cải cách giáo dục, các chuyên gia thường tổ chức các buổi tọa đàm nhỏ với doanh nghiệp, phụ huynh, cộng đồng dân cư để lắng nghe phản hồi và điều chỉnh thông điệp truyền thông. Điều này vừa làm tăng tính phản biện xây dựng, vừa giảm nguy cơ phản đối gay gắt trên diện rộng.

Nhờ những cơ chế này, Singapore đã hình thành một “văn hóa đồng thuận” trong đó các quyết định chính trị – kinh tế quan trọng hiếm khi vấp phải sự chống đối quyết liệt, và niềm tin của công chúng đối với năng lực điều hành quốc gia được duy trì ở mức cao. Sự tham gia sâu của giới tinh hoa kỹ trị bên ngoài hệ thống chính

trị vào các quy trình chính sách không chỉ tạo ra các hiệu ứng tức thời (như hợp thức hóa chính sách hay giảm phản đối xã hội) mà còn để lại dấu ấn lâu dài trên cấu trúc chính trị – xã hội của Singapore.

- *Định hướng phát triển kinh tế – công nghệ*

Singapore duy trì lợi thế cạnh tranh toàn cầu phần lớn nhờ vào mạng lưới hợp tác chặt chẽ giữa nhà nước và khu vực nghiên cứu – công nghệ, trong đó giới tinh hoa kỹ trị đóng vai trò trung tâm. Không chỉ giới lãnh đạo trong bộ máy nhà nước, mà các chuyên gia, doanh nhân và nhà khoa học từ khu vực tư nhân, viện nghiên cứu và các tập đoàn công nghệ cũng tham gia trực tiếp vào quá trình hoạch định chiến lược phát triển.

Các tập đoàn công nghệ hàng đầu của Singapore như Grab, SEA Group, hay Agency for Science, Technology and Research (A*STAR) thường dẫn dắt các dự án mang tính định hình tương lai, đồng thời đóng góp ý kiến trong việc xác định các ưu tiên đầu tư của chính phủ. Mỗi quan hệ công – tư này giúp Singapore nhanh chóng ứng dụng công nghệ mới, rút ngắn khoảng cách từ nghiên cứu đến thương mại hóa, và tạo môi trường thuận lợi để đổi mới sáng tạo trở thành động lực tăng trưởng chủ đạo.

Chiến lược Smart Nation được khởi thảo và phát triển dựa trên khuyến nghị của nhóm chuyên gia công nghệ trong và ngoài nước, bao gồm các cố vấn đến từ Google, IBM, cùng nhiều start-up địa phương. Chiến lược này đặt mục tiêu số hóa toàn diện hạ tầng, dịch vụ công và đời sống xã hội, từ thanh toán điện tử, quản trị dữ liệu đô thị, đến ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế và giao thông.

Theo báo cáo của Smart Nation and Digital Government Office (2021), các dự án hợp tác công – tư đã giúp Singapore vươn lên đứng thứ 2 thế giới về chỉ số Sẵn sàng Công nghệ Toàn cầu (WEF, 2020), chỉ sau Mỹ. Ngoài ra, lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đóng góp khoảng 8,8% GDP và tạo ra hơn 200.000 việc làm có kỹ năng cao (MTI, 2021), minh chứng cho hiệu quả của cách tiếp cận dựa trên sức mạnh của giới tinh hoa kỹ trị cả trong và ngoài chính quyền.

Ngoài Smart Nation, một trụ cột quan trọng khác trong định hướng phát triển kinh tế – công nghệ của Singapore là chuyển đổi số toàn diện trong các ngành mũi

nhọn như tài chính, logistics và sản xuất tiên tiến. Các nhóm chuyên gia từ Temasek Holdings và Economic Development Board (EDB) đã khuyến nghị mở rộng đầu tư vào trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán lượng tử và công nghệ chuỗi khối nhằm bảo đảm vị thế dẫn đầu trong nền kinh tế số.

Trong lĩnh vực công nghiệp 4.0, A*STAR hợp tác với các doanh nghiệp như Siemens, Rolls-Royce để xây dựng các trung tâm nghiên cứu ứng dụng, qua đó chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực chất lượng cao. Chính phủ cũng triển khai các quỹ hỗ trợ R&D như Research, Innovation and Enterprise (RIE) 2025, phần lớn được định hướng bởi khuyến nghị của hội đồng cố vấn kỹ trị và giới học thuật.

Song song, Singapore đặt mục tiêu trở thành trung tâm khởi nghiệp công nghệ toàn cầu, thông qua chính sách thu hút nhân tài quốc tế, cung cấp ưu đãi thuế và hạ tầng đổi mới sáng tạo. Mô hình “sandbox” pháp lý được áp dụng trong lĩnh vực fintech và medtech, cho phép các công ty thử nghiệm sản phẩm trong môi trường được kiểm soát trước khi đưa ra thị trường, giúp giảm rủi ro nhưng vẫn duy trì tốc độ đổi mới. Nhờ sự dẫn dắt của giới tinh hoa kỹ trị trong và ngoài khu vực công, định hướng phát triển kinh tế – công nghệ của Singapore vừa bám sát xu thế toàn cầu, vừa khai thác được lợi thế nội tại, đảm bảo sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội và chủ quyền công nghệ. Định hướng kinh tế – công nghệ do giới tinh hoa kỹ trị dẫn dắt đã tạo ra những tác động sâu rộng đối với đời sống chính trị – xã hội của Singapore.

Về chính trị, mô hình này củng cố vai trò của nhà nước trong việc định hình tầm nhìn chiến lược, đồng thời bảo đảm các chính sách được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học và dữ liệu thực chứng. Sự tham gia của các chuyên gia ngoài chính phủ trong quá trình hoạch định chính sách giúp nâng cao tính minh bạch, đồng thuận và khả năng thích ứng trước biến động quốc tế. Ví dụ, trong quá trình soạn thảo Chiến lược AI Quốc gia 2019, các chuyên gia công nghệ và nhà nghiên cứu xã hội học cùng đưa ra khuyến nghị nhằm giảm thiểu rủi ro về đạo đức và quyền riêng tư khi áp dụng AI vào quản lý công dân.

Về kinh tế – xã hội, việc thúc đẩy các ngành công nghệ cao giúp Singapore duy trì tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 3–4%/năm trong giai đoạn 2015–2023,

bất chấp tác động của đại dịch COVID-19. Theo Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu (WEF, 2023), Singapore đứng thứ 1 về năng lực thích ứng công nghệ và thứ 2 về chất lượng thể chế. Điều này phản ánh hiệu quả của mối liên kết giữa khu vực công – tư – nghiên cứu.

- *Nâng cao vị thế và ảnh hưởng quốc tế*

Giới tinh hoa kỹ trị ngoài chính quyền Singapore không chỉ đóng vai trò hỗ trợ hoạch định chính sách trong nước, mà còn đảm nhận vai trò như những “đại sứ không chính thức” trên trường quốc tế. Thông qua mạng lưới học thuật, thương mại và ngoại giao phi chính thức, họ góp phần củng cố hình ảnh Singapore là một quốc gia vừa hiện đại, vừa có tiếng nói chiến lược đáng tin cậy ở cấp khu vực và toàn cầu.

Các tổ chức như IPS, ESI, ACI, SIIA và RSIS đã góp phần nghiên cứu, phân tích và tư vấn cho chính phủ về các vấn đề kinh tế, xã hội, an ninh và đối ngoại. Tuy nhiên, do phần lớn think tank gắn liền với nhà nước hoặc trường đại học công lập, mức độ phản biện trực diện còn hạn chế so với mô hình ở phương Tây. Dù vậy, thông qua việc tổ chức hội thảo, tọa đàm công khai và “Track 2 diplomacy”, họ vẫn tạo ra diễn đàn cho các bên hữu quan tham gia đóng góp ý kiến, giúp chính phủ cân nhắc đa chiều hơn.

Các học giả của Lee Kuan Yew School of Public Policy (LKYSPP) và chuyên gia tại S. Rajaratnam School of International Studies (RSIS) thường xuyên được mời tham gia các diễn đàn an ninh – chiến lược lớn như Shangri-La Dialogue hay Singapore International Energy Week. Ở các sự kiện này, họ không chỉ trình bày lập luận khoa học để giải thích chính sách của Singapore, mà còn chủ động đưa ra đề xuất hợp tác về an ninh, thương mại, và quản trị toàn cầu. Ví dụ, tại Shangri-La Dialogue 2023, các học giả RSIS đã giới thiệu báo cáo về mô hình “trung gian chiến lược” của Singapore trong quan hệ Mỹ – Trung, giúp cộng đồng chiến lược quốc tế hiểu rõ hơn vai trò trung lập, cân bằng và cầu nối đối thoại mà Singapore đang theo đuổi.

Sự hiện diện của giới tinh hoa kỹ trị trong các hội đồng quốc tế cũng mang lại lợi thế ngoại giao mềm. Nhiều chuyên gia Singapore giữ vị trí trong Hội đồng Cố vấn của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), Hội đồng Chương trình Kinh tế Toàn

cầu của OECD, hoặc các ủy ban chuyên môn của Liên Hợp Quốc. Điều này tạo điều kiện cho Singapore duy trì các kênh trao đổi trực tiếp với giới hoạch định chính sách và lãnh đạo tập đoàn toàn cầu. Theo thống kê của Bộ Ngoại giao Singapore (2022), hơn 40 học giả và doanh nhân hàng đầu của nước này đang giữ vị trí trong các tổ chức quốc tế, góp phần mở rộng ảnh hưởng vượt ra ngoài khuôn khổ ngoại giao chính thức.

Một minh chứng rõ ràng là trong các cuộc đàm phán về thương mại kỹ thuật số, các chuyên gia kinh tế và luật quốc tế của Singapore đã đóng vai trò xây dựng khuôn khổ Digital Economy Partnership Agreement (DEPA) – một sáng kiến được ký kết với New Zealand và Chile năm 2020, sau đó trở thành nền tảng cho nhiều hiệp định thương mại kỹ thuật số khác. Việc những chuyên gia này xuất hiện trong quá trình đàm phán giúp Singapore khẳng định vị thế tiên phong trong định hình luật chơi mới của thương mại toàn cầu thời kỳ số hóa.

Nhờ vai trò tích cực của giới tinh hoa kỹ trị ngoài chính quyền, Singapore không chỉ duy trì được hình ảnh một “trung tâm tài chính và công nghệ” mà còn trở thành một trung tâm trí tuệ và ngoại giao chiến lược ở Đông Nam Á. Sự kết hợp giữa ảnh hưởng học thuật, kinh nghiệm điều hành và khả năng vận động quốc tế đã tạo cho Singapore một lực hấp dẫn đặc biệt trong quản trị toàn cầu.

Không chỉ đóng vai trò cầu nối trong nước, giới tinh hoa kỹ trị ngoài chính quyền của Singapore còn góp phần mở rộng “sức mạnh mềm” của quốc gia ra thế giới. Thông qua các mạng lưới học thuật, thương mại và ngoại giao phi chính thức, họ trở thành các “đại sứ tri thức” đưa quan điểm, giá trị và lợi ích chiến lược của Singapore vào các diễn đàn toàn cầu.

Các viện nghiên cứu như Lee Kuan Yew School of Public Policy (LKYSPP) và RSIS thường xuyên cử học giả tham dự và phát biểu tại các sự kiện chiến lược lớn, chẳng hạn như Shangri-La Dialogue, Boao Forum for Asia, hay các hội nghị của Brookings Institution. Những đóng góp này không chỉ quảng bá hình ảnh Singapore như một trung tâm tư duy chiến lược, mà còn giúp nước này thể hiện vai trò điều phối chính sách và hòa giải xung đột trong khu vực.

Một số cá nhân tiêu biểu như Kishore Mahbubani (nguyên Đại sứ Singapore tại LHQ, hiện là học giả tại LKYSPP) hay Bilahari Kausikan (nguyên Thư ký thường trực Bộ Ngoại giao) vẫn duy trì ảnh hưởng quốc tế mạnh mẽ sau khi rời chính quyền. Họ thường xuyên viết bài cho Foreign Affairs, The Straits Times và Project Syndicate, qua đó đưa lập trường của Singapore tiếp cận tới giới hoạch định chính sách toàn cầu.

Ngoài ra, việc giới tinh hoa kỹ trị của Singapore tham gia vào các hội đồng tư vấn quốc tế như World Economic Forum (WEF) Global Future Councils hay OECD Advisory Groups cho phép Singapore tiếp cận trực tiếp với các xu hướng chính sách toàn cầu, từ kinh tế số, năng lượng xanh đến quản trị đô thị thông minh. Theo báo cáo của Ministry of Foreign Affairs (2023), hơn 30 chuyên gia Singapore đang đảm nhiệm vai trò cố vấn hoặc thành viên ban điều hành tại các tổ chức quốc tế lớn, giúp bảo đảm tiếng nói của Singapore luôn hiện diện trong quá trình định hình luật chơi toàn cầu.

Với cách tiếp cận này, Singapore đã xây dựng được một mạng lưới ảnh hưởng quốc tế vượt trên quy mô dân số và lãnh thổ, củng cố vị thế là một quốc gia nhỏ nhưng “có tiếng nói” trong các vấn đề toàn cầu, từ an ninh hàng hải ở Biển Đông, tự do thương mại, đến quản trị đô thị và đổi mới sáng tạo.

3.3. GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC

3.3.1. Khái quát về thể chế chính trị Trung Quốc

Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được tổ chức theo thể chế cộng hòa xã hội chủ nghĩa, trong đó quyền lực nhà nước được cấu trúc và vận hành trên cơ sở bốn trụ cột chính: Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ), Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc, Quốc vụ viện và Hội nghị Chính trị Hiệp thương Nhân dân Toàn quốc. Trong hệ thống này, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc được xác lập là nguyên tắc tổ chức mang tính nền tảng, đồng thời được khẳng định là đặc trưng bản chất của mô hình “chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc”. Thể chế chính trị Trung Quốc vì vậy mang tính nhất thể cao, với sự thống nhất giữa quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước và định hướng ý thức hệ.

Nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước ở Trung Quốc dựa trên chế độ tập quyền, trong đó quyền lực nhà nước được xác định là thống nhất, không phân lập theo mô hình đối trọng giữa các nhánh quyền lực. Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc giữ vị trí là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, có thẩm quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của quốc gia, bầu và giám sát các cơ quan trung ương, bao gồm Chủ tịch nước, Quốc vụ viện, các cơ quan tư pháp và Hội đồng Quân sự Trung ương. Việc phân công giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp trong thể chế này chủ yếu nhằm thực hiện chức năng quản lý và điều hành, chứ không nhằm tạo ra các cơ chế kiểm chế và đối trọng quyền lực theo nghĩa cạnh tranh thể chế.

Trong khuôn khổ thể chế đó, Chính phủ Trung Quốc (Quốc vụ viện) là cơ quan hành chính cao nhất, chịu trách nhiệm trước Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc. Quốc vụ viện giữ vai trò trung tâm trong việc xây dựng và triển khai chính sách kinh tế – xã hội, quản lý hành chính quốc gia và điều phối phát triển. Đây cũng là không gian thể chế quan trọng để giới tinh hoa kỹ trị tham gia trực tiếp vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách, đặc biệt trong các lĩnh vực như kinh tế vĩ mô, công nghiệp, khoa học – công nghệ, quản trị đô thị và phát triển vùng. Việc nhấn mạnh vai trò của kế hoạch hóa, điều phối trung ương và quản lý dựa trên mục tiêu tạo điều kiện cho các chuyên gia, cán bộ có năng lực kỹ thuật và quản trị giữ vị trí then chốt trong bộ máy hành chính.

Một đặc trưng đáng chú ý của thể chế chính trị Trung Quốc là sự tồn tại của hệ thống đa đảng hợp tác dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Các đảng phái dân chủ không đóng vai trò đối lập, mà tham gia vào quá trình hiệp thương chính trị, tư vấn và phản biện trong khuôn khổ Hội nghị Chính trị Hiệp thương Nhân dân Toàn quốc. Cơ chế này mở ra không gian thể chế nhất định cho các tầng lớp trí thức, chuyên gia và nhà khoa học tham gia đóng góp ý kiến chính sách, song vẫn đặt hoạt động của họ trong trật tự chính trị do ĐCS Trung Quốc định hướng và kiểm soát. Do đó, giới tinh hoa kỹ trị ở Trung Quốc thường phát triển và hoạt động gắn chặt với hệ thống chính trị hiện hành, thay vì hình thành như một lực lượng độc lập ngoài đảng cầm quyền.

Sự kết hợp giữa nguyên tắc lãnh đạo tập trung của Đảng, cơ chế quyền lực nhà nước thống nhất và mô hình hiệp thương chính trị tạo ra một môi trường thể chế trong đó giới tinh hoa kỹ trị được khuyến khích phát huy năng lực chuyên môn, nhưng đồng thời phải tuân thủ chặt chẽ các định hướng chính trị và mục tiêu chiến lược do Đảng xác lập. Việc thăng tiến và ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị vì vậy phụ thuộc không chỉ vào năng lực chuyên môn và thành tích quản trị, mà còn vào mức độ phù hợp với đường lối, kỷ luật và yêu cầu chính trị của hệ thống.

Có thể thấy, thể chế chính trị Trung Quốc tạo ra điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của giới tinh hoa kỹ trị trong bộ máy nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực quản trị và hoạch định chính sách phát triển, song đồng thời giới hạn vai trò của họ trong khuôn khổ một cấu trúc quyền lực tập trung, thống nhất và chịu sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Điều này định hình một mô hình tinh hoa kỹ trị gắn chặt với nhà nước – đảng, khác biệt rõ rệt với các mô hình kỹ trị phát triển trong bối cảnh đa nguyên chính trị cạnh tranh.

3.3.2. Quá trình hình thành và phát triển của giới tinh hoa kỹ trị ở Trung Quốc

3.3.2.1. Quá trình hình thành và phát triển của giới tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị ở Trung Quốc

Giai đoạn tiền đề (1949–1978)

Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập năm 1949, tiêu chí tuyển chọn và đề bạt cán bộ trong hệ thống chính trị chủ yếu dựa trên xuất thân giai cấp, lý lịch gia đình và mức độ trung thành ý thức hệ, hơn là trình độ chuyên môn hay năng lực kỹ thuật. Trong bối cảnh đó, yếu tố kỹ trị chưa trở thành nền tảng tổ chức quyền lực, thậm chí còn bị xem nhẹ trong nhiều giai đoạn.

Tuy nhiên, những thất bại nghiêm trọng của “Đại nhảy vọt” (1958–1961) và những hệ lụy kéo dài của “Cách mạng văn hóa” đã buộc giới lãnh đạo Trung Quốc phải nhìn nhận lại vai trò của khoa học, công nghệ và quản lý chuyên nghiệp đối với sự tồn vong và phát triển của quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược của Chiến tranh Lạnh. Từ cuối thập niên 1960 – đầu thập niên 1970, tư duy coi khoa học – kỹ thuật là nền tảng của sức mạnh quốc gia dần được hình thành, tạo ra tiền đề tư tưởng cho sự trỗi dậy của xu hướng kỹ trị trong giai đoạn cải cách sau này.

Thời kỳ cải cách và mở cửa (1978–1990)

Hội nghị Trung ương 3 khóa XI (12/1978) đánh dấu bước ngoặt chiến lược trong quá trình phát triển của Trung Quốc, với việc từ bỏ đấu tranh giai cấp làm trung tâm, chuyển sang ưu tiên hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Trọng tâm của quá trình này là “Bốn hiện đại hóa”, trong đó khoa học và công nghệ được xác định là then chốt của phát triển kinh tế – xã hội. Đặng Tiểu Bình nhiều lần nhấn mạnh rằng khoa học và công nghệ là “lực lượng sản xuất cơ bản”[41], coi đây là nền tảng cho tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trong bối cảnh đó, hệ thống giáo dục đại học, đặc biệt là các trường kỹ thuật và khoa học, được khôi phục và mở rộng nhanh chóng, tạo nguồn nhân lực kỹ trị dồi dào cho bộ máy nhà nước. Với phương châm trọng dụng nhân tài, nhiều cán bộ có nền tảng kỹ thuật, quản lý và khoa học được đưa vào các cơ quan hoạch định chính sách, các ủy ban kế hoạch và thậm chí các thiết chế quyền lực cấp cao. Việc đề bạt không chỉ giới hạn trong lĩnh vực quân sự hay công nghiệp nặng, mà còn mở rộng sang các lĩnh vực dân sự, phản ánh tầm nhìn phát triển dài hạn và hội nhập quốc tế. Đây là giai đoạn giới tinh hoa kỹ trị bắt đầu hiện diện rõ nét trong cấu trúc quyền lực của Trung Quốc.

Thời kỳ củng cố và mở rộng (1990–2012)

Từ đầu thập niên 1990, xu hướng kỹ trị được thể chế hóa mạnh mẽ hơn trong hệ thống chính trị Trung Quốc. Sau sự kiện Thiên An Môn năm 1989, Giang Trạch Dân – một nhà lãnh đạo có nền tảng kỹ thuật – trở thành Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc, đánh dấu lần đầu tiên một nhà kỹ trị giữ vị trí lãnh đạo cao nhất của Đảng. Tại Đại hội Đảng lần thứ 14 (1992), năm trong số bảy (71%) các ủy viên mới được chọn vào Thường vụ Bộ Chính trị (PSC) là các kỹ sư [39tr.26], phản ánh sự thống lĩnh tương đối của giới tinh hoa kỹ trị trong tầng lớp lãnh đạo trung ương.

Trong giai đoạn này, Đảng Cộng sản Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh chiến lược phát triển dựa trên khoa học – công nghệ, đồng thời coi trọng việc tuyển chọn cán bộ có chuyên môn kỹ thuật để thực thi các mục tiêu tăng trưởng, công nghiệp hóa và hiện đại hóa quản lý nhà nước. Kỹ trị trở thành một đặc trưng nổi bật của mô hình “nhà nước phát triển” Trung Quốc, gắn chặt với tăng trưởng kinh tế nhanh và mở rộng vị thế quốc tế.

Thời kỳ chuyển đổi và điều chỉnh (từ 2012 đến nay)

Từ thập niên 2010, đặc biệt dưới thời Tổng Bí thư Tập Cận Bình, vai trò và hình thức tồn tại của giới tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị Trung Quốc có sự điều chỉnh đáng kể. Số lượng các nhà lãnh đạo có xuất thân kỹ sư trong Bộ Chính trị và các cơ quan quyền lực cao nhất giảm tương đối, trong khi các tiêu chí về trung thành chính trị, kỷ luật Đảng và định hướng ý thức hệ được nhấn mạnh hơn.

Tuy nhiên, sự suy giảm về mặt số lượng không đồng nghĩa với sự suy yếu của xu hướng kỹ trị. Trái lại, kỹ trị đang được tái cấu trúc theo hướng mới, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi từ xã hội công nghiệp sang xã hội hậu công nghiệp. Trong các lĩnh vực then chốt như công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, năng lượng tái tạo và phát triển bền vững, giới tinh hoa kỹ trị vẫn giữ vai trò trung tâm trong hoạch định và triển khai các chiến lược quốc gia.

Trong “kỷ nguyên mới”, Trung Quốc chứng kiến sự xuất hiện của một thể hệ kỹ trị mới – những cán bộ kết hợp năng lực chuyên môn kỹ thuật với tính chính danh chính trị và khả năng điều phối chiến lược. Đây không phải là sự rút lui của kỹ trị khỏi chính trị, mà là sự chuyển hóa từ kỹ trị tăng trưởng sang kỹ trị chiến lược, nhằm đáp ứng các thách thức dài hạn của phát triển trong bối cảnh bất định toàn cầu.

3.3.2.2. Quá trình hình thành và phát triển của giới tinh hoa kỹ trị bên ngoài hệ thống chính trị ở Trung Quốc

Giai đoạn khởi phát (1978–1991): Sự trỗi dậy của các think tank

Đường lối cải cách và mở cửa được xác lập tại Hội nghị Trung ương 3 khóa XI (1978) đã tạo ra nhu cầu ngày càng lớn về tham vấn chính sách trong quá trình hoạch định và triển khai cải cách. Trong bối cảnh đó, một bộ phận các nhà khoa học, kỹ sư, giáo sư đại học và học giả khoa học xã hội bắt đầu hình thành các tổ chức nghiên cứu và tư vấn chính sách mang tính chuyên nghiệp, đặt nền móng cho sự xuất hiện của giới tinh hoa kỹ trị bên ngoài bộ máy chính trị chính thức.

Với tinh thần “giải phóng tư tưởng, tìm kiếm chân lý từ thực tiễn”, các think tank trong giai đoạn này chủ yếu tập trung vào việc diễn giải, đánh giá và đề xuất chính sách phục vụ cải cách thể chế, phát triển kinh tế và mở rộng hoạt động đối

ngoại. Tham vấn chính sách dần được xem như một công cụ quan trọng nhằm nâng cao tính khoa học và hợp lý của các quyết sách trong bối cảnh chuyển đổi sâu sắc của xã hội Trung Quốc.

Quan điểm này được thể hiện rõ trong phát biểu của Phó Thủ tướng Vạn Lý tại Hội nghị chuyên đề quốc gia về nghiên cứu khoa học mềm năm 1986, khi ông nhấn mạnh việc đưa khoa học vào quá trình ra quyết định nhằm khắc phục những hạn chế về tri thức, kinh nghiệm và năng lực của cá nhân người lãnh đạo. Theo đó, think tank cần tập hợp các chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm đa dạng để bổ sung “trí lực” cho Nhà nước trong quá trình hiện đại hóa. Trên cơ sở này, các think tank cấp quốc gia từng bước được hình thành, trở thành kênh cung cấp hỗ trợ trí tuệ quan trọng cho cải cách ở giai đoạn đầu.

- *Giai đoạn phát triển và thể chế hóa (1992–2001): Think tank trong bối cảnh kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*

Việc xác lập mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng từ đầu thập niên 1990 đã mở ra không gian phát triển mới cho các think tank Trung Quốc. Trọng tâm tham vấn chính sách chuyển mạnh sang các vấn đề tái cấu trúc nền kinh tế, cải cách thể chế và thích ứng với các chuẩn mực quốc tế. Các lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu bao gồm cải cách tài chính – thuế khóa, cải tổ doanh nghiệp nhà nước, xây dựng hệ thống an sinh xã hội, gia nhập WTO, cũng như các vấn đề đối ngoại và hợp tác khu vực.

Trong giai đoạn này, bên cạnh các think tank gắn với Nhà nước, những tổ chức tư vấn bán độc lập và phi chính phủ đầu tiên bắt đầu xuất hiện, do các trí thức từng làm việc trong cơ quan chính phủ hoặc các phòng nghiên cứu chính sách khởi xướng. Việc thành lập các viện nghiên cứu như Viện Phát triển Trung Quốc hay Viện Cải cách và Phát triển Trung Quốc phản ánh xu hướng đa dạng hóa chủ thể tham vấn chính sách, qua đó mở rộng không gian hoạt động cho giới tinh hoa kỹ trị ngoài hệ thống chính trị chính thức.

Đồng thời, các think tank trực thuộc trường đại học từng bước được thể chế hóa. Khác với giai đoạn trước, khi ảnh hưởng chính sách chủ yếu mang tính cá nhân, các trường đại học lớn bắt đầu xây dựng các trung tâm nghiên cứu chuyên

nghiệp với sự hỗ trợ của Nhà nước. Sự trở về của lưu học sinh được đào tạo ở phương Tây đã góp phần đưa vào Trung Quốc các phương thức tổ chức, quản trị và huy động nguồn lực của think tank hiện đại, qua đó nâng cao tính chuyên nghiệp và tính quốc tế hóa của hoạt động nghiên cứu chính sách.

Nhìn chung, trong giai đoạn này, các think tank đại học và bán độc lập đã trở thành cầu nối quan trọng giữa tri thức hàn lâm và quá trình ra quyết định quốc gia, đồng thời gắn kết chặt chẽ hơn sự phát triển của giới trí thức với chiến lược phát triển dài hạn của đất nước.

- *Giai đoạn mở rộng chức năng (2002–2012): Think tank và áp lực quản trị trong nước*

Từ đầu thế kỷ XXI, Đảng Cộng sản Trung Quốc ngày càng nhấn mạnh vai trò của think tank trong quá trình ban hành các chính sách và quyết sách quan trọng. Các văn kiện Đại hội XVI và XVII đã chính thức đề cao việc hoàn thiện thể chế tư vấn chuyên gia, phân biện chính sách và trách nhiệm giải trình trong hoạch định quyết sách, qua đó tạo động lực thể chế cho sự phát triển của hệ thống think tank.

Sự chuyển biến này bắt nguồn từ những áp lực thực tiễn của quản trị quốc gia trong bối cảnh cải cách đi vào chiều sâu. Bên cạnh các vấn đề kinh tế, những thách thức về môi trường, bất bình đẳng xã hội, thiếu phối hợp chính sách và tình trạng “lợi ích cục bộ” ngày càng nổi bật. Trước thực tế đó, các think tank dần mở rộng phạm vi nghiên cứu từ kinh tế thuần túy sang các vấn đề dân sinh, môi trường và quản trị công.

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 tạo ra bước ngoặt quan trọng đối với sự phát triển của think tank Trung Quốc. Những hạn chế trong dự báo và ứng phó chính sách đã làm gia tăng nhận thức của Nhà nước về vai trò không thể thiếu của tư vấn chuyên gia. Đồng thời, làn sóng du học sinh trở về nước và mức độ hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đã góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu và tầm nhìn toàn cầu của các think tank. Trong bối cảnh đó, các nghiên cứu về kinh tế toàn cầu, an ninh phi truyền thống và các vấn đề khu vực nổi lên như những lĩnh vực mới, phản ánh sự mở rộng chức năng của giới tinh hoa kỹ trị ngoài hệ thống chính trị.

- *Giai đoạn từ năm 2012 đến nay: Xây dựng think tanks kiểu mới đặc sắc Trung Quốc*

Từ sau năm 2012, Trung Quốc chính thức coi việc xây dựng và phát triển think tank theo mô hình mới là một nhiệm vụ chiến lược quốc gia. Kể từ Đại hội XVIII, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã luôn nhấn mạnh đến vai trò của think tank và tầm quan trọng của việc phát triển các think tank khi khẳng định “cần thông qua phương thức cơ chế quyết sách, khích lệ sự phát triển của think tank để thúc đẩy khoa học hóa, dân chủ hóa quyết sách” [23]; “think tank chất lượng cao có thể phát huy vai trò và tác dụng quan trọng trong quá trình hoạch định chính sách của Nhà nước” [23] và Think tank là bộ phận quan trọng cấu thành nên sức mạnh mềm quốc gia. Cùng với sự phát triển và thay đổi của tình hình, vai trò và tác dụng của think tanks ngày càng lớn. Cần coi trọng và tích cực tìm kiếm hình thức quản lý và hình thức tổ chức cho mô hình think tanks mới đặc sắc Trung Quốc [Dẫn theo 23tr.110]. Đây là lần đầu tiên, thuật ngữ “mô hình think tank mới, mang đặc sắc Trung Quốc” được nêu lên, cũng là lần đầu tiên, Trung Quốc coi xây dựng và phát triển think tank theo mô hình mới là một vấn đề mang tầm chiến lược quốc gia.

Sự chuyển biến này gắn liền với bối cảnh Trung Quốc bước vào giai đoạn cải cách toàn diện và sâu sắc, đối mặt với nhiều vấn đề phức tạp trong nước và quốc tế. Trong bối cảnh đó, think tank được kỳ vọng thực hiện đồng thời nhiều chức năng: cung cấp phân tích khoa học và khách quan cho các vấn đề chính sách phức tạp; đề xuất nhiều phương án chính sách có thể lựa chọn; phản ánh lợi ích đa dạng của các nhóm xã hội mới hình thành trong quá trình cải cách; và trở thành không gian tranh luận, cọ xát giữa các quan điểm chính sách khác nhau.

Như vậy, sự phát triển của giới tinh hoa kỹ trị bên ngoài hệ thống chính trị ở Trung Quốc không chỉ phản ánh nhu cầu kỹ thuật hóa quá trình ra quyết định, mà còn cho thấy xu hướng tái cấu trúc mối quan hệ giữa tri thức, quyền lực và quản trị quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi phát triển và hội nhập toàn cầu.

3.3.3. Đặc điểm của giới tinh hoa kỹ trị Trung Quốc

3.3.3.1. Đặc điểm của giới tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị

- *Tinh hoa kỹ trị đồng thời là chính trị gia*

Giới tinh hoa kỹ trị Trung Quốc là sự kết hợp đặc biệt giữa chính trị và kỹ trị, trong đó các nhà lãnh đạo vừa có chuyên môn khoa học – kỹ thuật cao, vừa có sự trung thành và tuân thủ chặt chẽ hệ tư tưởng của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ). Sự kết hợp này đã tạo ra một hệ thống quản trị đặc thù, khác biệt so với cả các mô hình dân chủ phương Tây lẫn các hệ thống chuyên quyền truyền thống.

Dưới thời kỳ của Mao Trạch Đông, chính trị lấn át kỹ trị, chính trị đóng vai trò quyết định, các nhà lãnh đạo chủ yếu dựa vào lý tưởng cách mạng thay vì trình độ kỹ thuật và trong Cách mạng Văn hóa (1966-1976), hàng triệu học giả, kỹ sư bị thanh trừng hoặc buộc phải lao động nông thôn. Đến thời kỳ Đặng Tiểu Bình (1978-1992) đã đề cao kỹ trị. Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh “tìm kiếm chân lý từ thực tế”, ưu tiên các chính sách thực dụng và thúc đẩy các nhà kỹ trị lên vị trí lãnh đạo. Trong một bài phát biểu vào tháng 1 năm 1980, Đặng Tiểu Bình đã khẳng định: "Bất kể ở vị trí nào, mọi cán bộ đều phải có một lượng kiến thức chuyên môn và khả năng làm việc nhất định trong một lĩnh vực chức năng" Ở Trung Quốc, hầu hết các nhà kỹ trị đều là cán bộ của ĐCSTQ. Tất cả các nhà kỹ trị đồng thời là quan chức (nhưng không phải tất cả quan chức đều là nhà kỹ trị. [40]. Các nhà lãnh đạo có nền tảng kỹ thuật như Giang Trạch Dân (kỹ sư điện), Chu Dung Cơ (kỹ sư thủy lợi), Hồ Cẩm Đào (kỹ sư thủy lợi) bắt đầu đóng vai trò chủ chốt. Với những kinh nghiệm từ lịch sử, Tập Cận Bình kết hợp chặt chẽ chính trị và kỹ trị. Giới tinh hoa kỹ trị vẫn giữ vai trò quan trọng nhưng bị kiểm soát chặt hơn về chính trị. Các chính sách kỹ trị ngày càng mang màu sắc chính trị mạnh mẽ, phục vụ mục tiêu dài hạn của Đảng như tự cường công nghệ, an ninh quốc gia và cạnh tranh chiến lược với phương Tây.

Trong nền kỹ trị Trung Quốc, các nhà kỹ trị là một bộ phận không thể thiếu của giới tinh hoa chính trị, nắm giữ quyền lực to lớn trong hoạch định chính sách. Các nhà kỹ trị Trung Quốc vừa là đảng viên vừa là quan chức nhà nước. Ngoài ra, có một tầng lớp kỹ trị mới lên nắm quyền nhờ trình độ học vấn tiên tiến và được sự bảo hộ của hệ thống hiện tại. Vì vậy, việc tuyển chọn và đề bạt các nhà lãnh đạo kỹ trị được coi là "kỹ trị chính trị hoặc kỹ trị hành chính, chứ không chỉ đơn giản là kỹ trị" [84tr.792]. Do đó, sự phát triển của các chuyên gia kỹ trị về chính trị đã không

dẫn đến sự độc quyền của họ trong lĩnh vực chính trị ở Trung Quốc, vì các quan chức chuyên nghiệp cũng vẫn là một lực lượng chính trị quan trọng. Đảng Cộng sản Trung Quốc vào nửa đầu thập niên 1990 được xác định là sự kết hợp giữa các quan chức chuyên nghiệp và các nhà kỹ trị, có mối quan hệ chặt chẽ giữa các chính trị gia và các nhà kỹ trị, các nhà kỹ trị tiếp cận quyền lực chính trị xuất phát từ yêu cầu của các nhà lãnh đạo đảng và vì sự phát triển của đất nước.

Giới tinh hoa kỹ trị ở Trung Quốc được tuyển chọn và thăng tiến dựa trên cả năng lực kỹ trị và lòng trung thành chính trị. Hệ thống tuyển chọn cán bộ cao cấp ở Trung Quốc dựa trên “năng lực quản lý kỹ trị” nhưng vẫn đòi hỏi trung thành với Đảng. Các quan chức cấp cao thường có bằng cấp khoa học – kỹ thuật, nhưng trước khi được bổ nhiệm vào vị trí trọng yếu, họ phải trải qua các khóa huấn luyện chính trị tại Trường Đảng Trung ương. Các nhà kỹ trị Trung Quốc không thể hoạt động độc lập như ở phương Tây mà phải điều chỉnh tư tưởng để phù hợp với đường lối chính trị. Điều này tạo ra một lớp lãnh đạo “kỹ trị chính trị hóa”, tức là vừa có chuyên môn nhưng cũng biết cách thể hiện lòng trung thành với hệ tư tưởng của Đảng. Họ phải định hướng chính sách kỹ trị theo mục tiêu chính trị, chẳng hạn như phát triển công nghệ để cạnh tranh với Mỹ, thay vì đơn thuần vì lợi ích kinh tế.

Nền kỹ trị ở Trung Quốc không tương ứng với lý thuyết kỹ trị kiểu phương Tây. M. Weber cho rằng nền chính trị hiện đại bao gồm hai nhóm tinh hoa mới - những nhà quản lý sự nghiệp chuyên nghiệp được đào tạo về mặt kỹ thuật và các chính trị gia đảng phái chuyên nghiệp. Tuy nhiên, cách phân chia như vậy không thể áp dụng cho Trung Quốc, nơi không có ranh giới phân biệt rõ ràng giữa các nhà kỹ trị và các chính trị gia. Trong những thập kỷ qua, các thể chế chính phủ kỹ trị kế tiếp ở Trung Quốc thường được mô tả là những kỹ sư biến thành chính trị gia, những người đã đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế quốc dân và quá trình hiện đại hóa đất nước. Đó là lý do tại sao các xu hướng kỹ trị được đưa vào nền chính trị Trung Quốc và hiện nay có ảnh hưởng đáng kể đến các vấn đề chính trị, kinh tế và xã hội của nước này.

Dù chế độ kỹ trị ưu tiên chuyên môn, yếu tố ý thức hệ vẫn giữ vai trò quan trọng. Đặc biệt dưới thời Tập Cận Bình, việc kết hợp giữa tính chuyên môn và lòng

trung thành chính trị đã tạo ra một hệ thống kỹ trị mang tính chất riêng biệt, trong đó các nhà lãnh đạo không chỉ cần chuyên môn giỏi mà còn phải tuân thủ chặt chẽ định hướng của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Điều này đặc biệt khác so với nhiều chế độ kỹ trị trên thế giới, ở những nước mà các chuyên gia thường được bổ nhiệm làm cố vấn cho các nhà lãnh đạo nhà nước trong thời điểm khủng hoảng và quan điểm của họ có thể có ảnh hưởng trực tiếp đến việc ra quyết định. Các nhà kỹ trị và cán bộ chính trị trong Đảng Cộng sản Trung Quốc đều trung thành với sự lãnh đạo của Đảng. Hệ thống này cũng cho phép Đảng Cộng sản Trung Quốc lựa chọn đúng đắn cán bộ, quan chức chính phủ để thực hiện các chính sách hiện đại hóa của mình. Mặc dù việc lựa chọn và bổ nhiệm các nhà kỹ trị dựa trên các nguyên tắc trọng dụng nhân tài, song phải đảm bảo sự liêm chính chính trị và dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- *Nền tảng giáo dục cao và chuyên môn sâu*

Giới tinh hoa kỹ trị ở Trung Quốc phần lớn xuất thân từ các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và kinh tế, với nền tảng giáo dục vững chắc từ các trường đại học hàng đầu trong nước và quốc tế. Sự trỗi dậy của giới tinh hoa kỹ trị này có liên quan mật thiết đến chiến lược phát triển kinh tế và công nghệ của Trung Quốc từ sau cải cách mở cửa. Hầu hết các nhà lãnh đạo và quan chức cấp cao có nền tảng kỹ trị ở Trung Quốc đều xuất thân từ các trường đại học danh tiếng. Đại học Thanh Hoa được coi là “lò đào tạo kỹ trị” của Trung Quốc, đặc biệt trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, quản lý công. Nhiều lãnh đạo cấp cao của Trung Quốc, như Hồ Cẩm Đào, Tập Cận Bình, Lý Khắc Cường, đều từng học tại đây. Đại học Bắc Kinh có thế mạnh về khoa học xã hội, kinh tế, luật, và công nghệ. Đây là nơi đào tạo nhiều nhà hoạch định chính sách quan trọng. Đại học Phục Đán là một trung tâm đào tạo chuyên gia về kinh tế, khoa học chính trị và công nghệ. Đại học Giao thông Thượng Hải, Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Quốc (USTC), Đại học Chiết Giang đóng vai trò quan trọng trong đào tạo các chuyên gia công nghệ cao và kỹ sư. Các viện nghiên cứu và chính quyền có sự hợp tác chặt chẽ. Các trung tâm nghiên cứu chính sách, viện khoa học trực thuộc nhà nước có vai trò cố vấn, giúp đưa ra các quyết định dựa trên khoa học dữ liệu và thực nghiệm

Ngoài ra, nhiều quan chức cấp cao của Trung Quốc còn có bằng cấp hoặc nghiên cứu tại các trường đại học danh tiếng ở phương Tây, như Harvard, MIT, Stanford, Oxford. Nền tảng giáo dục và khoa học của giới tinh hoa kỹ trị ở Trung Quốc không chỉ giúp họ chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống chính trị mà còn định hình các chính sách công nghệ, kinh tế và phát triển đất nước. Chính sự kết hợp giữa năng lực kỹ thuật, kinh tế và chính trị này đã giúp Trung Quốc vươn lên trở thành một cường quốc công nghệ và kinh tế hàng đầu thế giới.

- *Tính linh hoạt và khả năng thích nghi cao*

Giới tinh hoa kỹ trị Trung Quốc không chỉ đơn thuần là những nhà kỹ trị thuần túy với tư duy cứng nhắc, mà họ còn có khả năng linh hoạt và thích nghi cao trong quá trình ra quyết định và điều hành đất nước. Điều này xuất phát từ ba yếu tố chính: Truyền thống thực dụng trong quản trị nhà nước Trung Quốc, sự tiếp thu và điều chỉnh mô hình kỹ trị phương Tây, ứng dụng chủ nghĩa khoa học vào quản lý xã hội và chính trị.

Truyền thống thực dụng trong quản trị nhà nước Trung Quốc: Trung Quốc từ thời Đặng Tiểu Bình đã áp dụng tư duy “mèo trắng hay mèo đen không quan trọng, miễn là bắt được chuột”, thể hiện sự linh hoạt trong cách tiếp cận chính trị và kinh tế. Điều này có nghĩa là giới tinh hoa kỹ trị Trung Quốc không bị ràng buộc cứng nhắc vào một hệ tư tưởng cố định, mà họ sẵn sàng điều chỉnh chính sách nếu thấy cần thiết. Chính sách hiện đại của Trung Quốc cũng mang tính thực dụng cao, với trọng tâm là ổn định chính trị, tăng trưởng kinh tế và kiểm soát xã hội, thay vì chỉ theo đuổi lý tưởng dân chủ hay tự do hóa như phương Tây. Chính phủ Trung Quốc thường áp dụng phương pháp “thử nghiệm chính sách ở một số khu vực trước khi mở rộng trên toàn quốc”. Các khu vực đặc biệt như Thâm Quyển được thử nghiệm chính sách kinh tế thị trường trước khi nhân rộng ra toàn quốc vào những năm 1980. Gần đây, chính quyền đã thử nghiệm tiền kỹ thuật số (e-CNY) tại một số thành phố trước khi mở rộng phạm vi trên toàn quốc.

Sự tiếp thu và điều chỉnh mô hình kỹ trị phương Tây: Nhiều nhà lãnh đạo Trung Quốc được đào tạo theo mô hình phương Tây, nhưng khi về nước, họ điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh Trung Quốc. Trung Quốc bắt đầu tiếp thu tư tưởng

kỹ trị phương Tây mạnh mẽ từ thế kỷ 20, đặc biệt là sau cuộc cải cách mở cửa dưới thời Đặng Tiểu Bình. Hệ thống đào tạo cán bộ Trung Quốc hiện nay mang tính kỹ trị cao, với nhiều lãnh đạo xuất thân từ các ngành khoa học – kỹ thuật như kỹ sư, kinh tế học, toán học. Nhiều quan chức cấp cao của Trung Quốc đã được đào tạo ở nước ngoài hoặc theo mô hình giáo dục phương Tây. Lý Khắc Cường (cựu Thủ tướng) có bằng Tiến sĩ Kinh tế từ Đại học Bắc Kinh, chịu ảnh hưởng bởi kinh tế học phương Tây. Chu Dung Cơ (cựu Thủ tướng) học quản trị kinh tế và kỹ thuật tại MIT, áp dụng các nguyên tắc quản lý tài chính hiện đại vào cải cách Trung Quốc. Tuy nhiên, dù tiếp thu tư duy khoa học của phương Tây, giới tinh hoa Trung Quốc không chấp nhận mô hình dân chủ phương Tây nhưng vẫn đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Ứng dụng chủ nghĩa khoa học vào quản lý xã hội và chính trị: Kể từ thời Đặng Tiểu Bình, Trung Quốc đã nhấn mạnh vào “thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý”, đặt nền móng cho việc ra quyết định dựa trên khoa học. Chính sách kinh tế, công nghệ và xã hội của Trung Quốc đều dựa trên các mô hình phân tích dữ liệu, dự báo khoa học thay vì chỉ dựa vào ý thức hệ. Trung Quốc không cứng nhắc trong chính sách kinh tế, mà luôn có sự điều chỉnh nhanh chóng khi gặp khủng hoảng. Những quyết sách của Trung Quốc dưới chế độ kỹ trị thường mang tính linh hoạt và thực dụng, thay vì cứng nhắc theo nguyên tắc với hệ thống quản lý tập trung và hiệu quả.

Hầu hết các nhà kỹ trị trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa 20 đều đến từ các ngành công nghiệp mới nổi mà Đảng xác định là ưu tiên chiến lược, bao gồm công nghiệp quân sự và hàng không vũ trụ, chất bán dẫn, khoa học môi trường và công nghệ sinh học. Các chuyên gia hàng không vũ trụ dẫn đầu với 20 ghế [50], nêu bật tầm quan trọng của Bắc Kinh đối với vai trò của ngành này trong chiến lược tổng hợp quân sự - dân sự của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Với sự thành công của ngành công nghiệp quân sự và hàng không vũ trụ của Trung Quốc, những nhà kỹ trị có trình độ học vấn cao như vậy được cho là có khả năng quản lý các dự án khổng lồ và phức tạp, tượng trưng cho niềm tự hào dân tộc. Sự kết hợp của ba yếu tố này trong giới tinh hoa kỹ trị giúp Trung Quốc phát triển

nhanh chóng, ổn định chính trị và kiểm soát xã hội hiệu quả. Tại Đại hội Đảng lần thứ 20 Tập Cận Bình đã kêu gọi cán bộ coi khoa học công nghệ là lực lượng sản xuất chính, nhân tài là nguồn lực chính và đổi mới là động lực tăng trưởng chính.

3.3.3.2. Giới tinh hoa kỹ trị bên ngoài hệ thống chính trị Trung Quốc

Think tank hàn lâm gắn với các trường đại học

Các think tank trường đại học là những tổ chức nghiên cứu hàn lâm liên kết với các khoa thuộc trường đại học hoặc trung tâm nghiên cứu trực tiếp dưới sự kiểm soát của ngành giáo dục. Các think tank này thường xuyên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu chính sách. Họ có thể cung cấp các tư vấn chính sách mang trình độ chuyên môn cao vì các nhân sự có trình độ (giáo sư, nhà nghiên cứu, nghiên cứu sinh...) sẵn có trong môi trường giáo dục đại học. Loại hình think tank này thiếu các kênh thể chế để ảnh hưởng trực tiếp đến việc hoạch định chính sách vì phần lớn các tổ chức này đặt dưới sự giám sát của Bộ Giáo dục, nhưng trong thời gian qua, họ bắt đầu có tiếng nói trong quy trình chính sách ở Trung Quốc thông qua các nhà khoa học hàng đầu là lãnh đạo quản lý các khoa thuộc trường đại học. Thông qua những cá nhân này, tiếng nói của think tanks đại học đã được cải thiện, tăng mạnh khả năng quan điểm của họ được lắng nghe

Bước vào thế kỷ XXI, với vai trò càng tăng của Trung Quốc trên trường quốc tế, các nhà lãnh đạo ở Bắc Kinh đang chú ý nhiều hơn đến các nhóm nghiên cứu, đặc biệt là chất lượng nghiên cứu và tư vấn chính sách mà các tổ chức đó có thể cung cấp. Trong bối cảnh đó, những cơ hội mới đã mở ra cho các think tank tại trường đại học, với các dịch vụ tư vấn chính sách và các hoạt động học thuật của các think tanks này ngày càng đạt được sự tin tưởng và tôn trọng của các nhà hoạch định chính sách. Vì lý do này, các think tank toàn cầu nổi tiếng như Carnegie và Brookings đã mở các văn phòng chi nhánh tại Trung Quốc, bên cạnh các viện nghiên cứu từ lâu được coi là đáng chú ý ở Trung Quốc, như Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc tế tại Đại học Bắc Kinh. Tuy nhiên, mặc dù đã đóng góp rất lớn vào quá trình quốc tế hóa của các think tank tại Trung Quốc, nhưng ảnh hưởng của các think tank đại học đến các nhà lãnh đạo nói riêng và nền chính trị Trung Quốc nói chung vẫn còn khá hạn chế

Nhóm think tank độc lập

Khác với các loại hình think tanks thuộc cơ quan Đảng-Nhà nước và Quân đội và think tanks hàn lâm, think tanks độc lập là những tổ chức tư vấn tư nhân và độc lập với chính phủ. Và thường gọi là các think tank dân sự hoặc think tank phi chính phủ. Ưu tiên chính của các tổ chức này là nghiên cứu chính sách công và dư luận xã hội thay vì tuân thủ những định hướng nghiên cứu của chính phủ. Hầu hết họ đều được đăng ký với tư cách pháp nhân là tổ chức phi chính phủ (NGO) hoặc doanh nghiệp, như trường hợp của Viện Nghiên cứu giáo dục thế kỷ XXI (21st Century Education Research Institute) hoặc Viện Kinh tế Unirule (Unirule Institute of Economics). Trong những năm gần đây, đặc biệt là từ những năm 2000, nhiều think tanks xã hội mới được thành lập ở Trung Quốc đã tự xem mình là những tổ chức dân sự, trong số đó có Trung tâm Trung Quốc & Toàn cầu hóa (The Center for China & Globalization, 2008) và Viện Charhar (Charhar Institute, 2009), cũng như các think tanks trong lĩnh vực quản lý môi trường như Civic Exchange Hong Kong (2000) và Viện Môi trường toàn cầu (The Global Environmental Institute-GEI - 2004) ở Bắc Kinh. Trong môi trường chính trị Trung Quốc, phần lớn các tổ chức think tanks xã hội đều vận hành và thực hiện các hoạt động của họ trên cơ sở sự hợp tác với Đảng, Nhà nước và cơ quan chính phủ thay vì sử dụng cách tiếp cận đối đầu.

Nếu think tanks ở các quốc gia khác chú trọng đến sự hình thành chính sách thì các học giả của các think tanks Trung Quốc thường hướng đến năm mục tiêu chính bao gồm: (1) cung cấp phân tích và tư vấn cho các nhà hoạch định chính sách; (2) giáo dục công chúng; (3) thu thập thông tin và đề xuất chiến lược; (4) bồi dưỡng nhân tài; và (5) thúc đẩy giao lưu quốc tế [55tr.28]. Đây là điểm khác biệt giữa think tanks Trung Quốc so với các think tanks ở các nước khác. Sự đóng góp của think tanks Trung Quốc thường được thực hiện thông qua các kênh tham khảo nội bộ, như thông qua các báo cáo đệ trình lên các nhà hoạch định chính sách, chẳng hạn, với khoảng 200 nghiên cứu viên có trình độ cao, hàng năm Trung tâm Phát triển và Nghiên cứu (DRC) của Hội đồng Nhà nước đã đệ trình các báo cáo lên các nhà hoạch định chính sách về Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Hội đồng Nhà nước; sự tương tác của các nhà lãnh đạo Trung Quốc với các báo cáo

đó, mà cụ thể là "tần suất các nhà lãnh đạo chính trị bình luận về các báo cáo của nhóm nghiên cứu gần như đã trở thành thước đo quan trọng nhất để đánh giá hiệu suất của nhóm nghiên cứu" [Trích theo 55tr.28].

Khi nền kinh tế Trung Quốc chiếm vị trí ngày càng quan trọng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu trong thập kỷ qua, số lượng người nước ngoài tham gia Diễn đàn Phát triển Trung Quốc đã tăng cao. Diễn đàn Phát triển Trung Quốc và các hội nghị quốc tế thường niên quan trọng khác, chẳng hạn như Diễn đàn Bắc Ngao Châu Á và Hội nghị Internet Thế giới tại Wuzhen, mang đến những cơ hội có ý nghĩa cho nhiều bên liên quan ở Trung Quốc và nước ngoài, trong đó có đại diện của các nhóm nghiên cứu, tham gia vào các cuộc thảo luận chính sách, tiếp cận những người ra quyết định và trao đổi ý tưởng và quan điểm.

Một kênh khác đáng chú ý là thông qua phương tiện truyền thông, hầu hết các think tanks ở Trung Quốc đều tận dụng tối đa các phương tiện truyền thông mới - WeChat, Sina Weibo, Toutiao, v.v. để truyền bá nghiên cứu của họ nhằm tìm kiếm ảnh hưởng xã hội, cùng nhau thúc đẩy quá trình ra quyết định dân chủ và khoa học, đồng thời thúc đẩy năng lực quản lý và hệ thống quản trị quốc gia, đặc biệt là các think tanks phi chính phủ, được cho là ở vị trí cận biên về khoảng cách với các nhà hoạch định chính sách, do vậy, thông qua phương tiện truyền thông là biện pháp hữu hiệu để các think tanks thu hút sự chú ý của các nhà hoạch định chính sách một cách gián tiếp, để tác động đến chính sách công.

3.3.4. Ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị Trung Quốc

3.3.4.1. Ảnh hưởng của tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị đến đời sống chính trị Trung Quốc

Giới tinh hoa kỹ trị trong chính quyền Trung Quốc là nhóm quan chức cấp cao có nền tảng chính về khoa học, kỹ thuật, kinh tế hoặc các lĩnh vực chuyên môn. Họ khác biệt với nhóm lãnh đạo cách mạng trước kia ở chỗ họ dựa vào chuyên môn và khả năng ra quyết định dựa trên phân tích khoa học thay vì tính ý thức hệ tư tưởng. Giới tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị Trung Quốc đóng vai trò quan trọng trong hoạch định và thực thi chính sách và đã có những đóng góp quan trọng, góp phần đưa Trung Quốc trở thành một trong những cường quốc kinh tế và công

nghệ hàng đầu thế giới. Trung Quốc cũng đã chuyển đổi từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, với trọng tâm là công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Hiện nay, Trung Quốc đã vươn lên thành quốc gia dẫn đầu trong nhiều lĩnh vực công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ 5G, và xe điện.

- *Củng cố tính hiệu quả và ổn định của bộ máy lãnh đạo*

Với cách tiếp cận kỹ trị ưu tiên tính toán dài hạn, phân tích dựa trên dữ liệu và quản trị theo dự án, giúp duy trì ổn định chính trị và tăng tính dự đoán của chính sách, trong hơn ba thập kỷ qua, giới tinh hoa kỹ trị đã trở thành lực lượng nòng cốt trong bộ máy lãnh đạo Trung Quốc, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế, công nghệ, năng lượng và quản lý đô thị. Trong Đại hội Đảng lần thứ 14 năm 1992, 5 trong số 7 (71%) ủy viên mới được bầu vào Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị. Giang Trạch Dân, Lý Khắc Cường, Hồ Cẩm Đào và các nhà kỹ trị hàng đầu khác đã củng cố thêm xu hướng này trong những năm 1990 và đầu những năm 2000 với việc Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị tinh hoa do các kỹ sư thống trị từ năm 1992 đến năm 2012. Phong trào này đạt đến đỉnh cao tại Đại hội Đảng lần thứ 15 năm 1997, khi cả bảy thành viên Ban Thường vụ Bộ Chính trị và 18 trong số 24 thành viên Bộ Chính trị đều là chuyên gia kỹ trị. Những nhân vật tiêu biểu bao gồm: Hồ Cẩm Đào – kỹ sư thủy lợi, từng chỉ đạo các dự án quản lý nguồn nước và phòng chống thiên tai trước khi trở thành Chủ tịch nước. Tập Cận Bình – kỹ sư hóa học, định hướng chiến lược “Made in China 2025” và phát triển công nghệ lõi. Lý Khắc Cường – tiến sĩ kinh tế, thúc đẩy chương trình cải cách cơ cấu cung ứng và phát triển kinh tế số. Đinh Tiết Tường được mô tả là người có ảnh hưởng lớn đến thành công hay thất bại của đất nước, giới chuyên gia đã nhận định ông Đinh sẽ có một vai trò lớn trong cơ cấu lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc liên quan đến các quyết sách về khoa học công nghệ khi được đánh giá là một nhà quản lý tài năng có sự khéo léo chính trị, cũng như biết trân trọng chuyên môn kỹ trị, hay Viên Gia Quân, người từng là chỉ huy chương trình tàu vũ trụ Thần Châu, hiện đang là Bí thư Thành ủy Trùng Khánh; Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ Vạn Cương (2007-2018) – người đầu tiên không phải là đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, là người đã đề xuất với Chính phủ

Trung Quốc kế hoạch phát triển loại ô tô chạy bằng năng lượng sạch với mục tiêu tạo sự thay đổi lớn trong ngành công nghiệp ô tô của Trung Quốc.

Sự thăng tiến nhanh chóng về mặt chính trị của một nhóm tinh hoa cụ thể ở bất kỳ quốc gia nào thường gắn liền với những thay đổi đồng thời trong môi trường trong nước và quốc tế. Sự xuất hiện gần đây của các kỹ sư/nhà khoa học trở thành lãnh đạo chính trị trong Đảng-Nhà nước Trung Quốc với nền tảng vững chắc về công nghệ hiện đại cũng không ngoại lệ.

Tổng thể, giới tinh hoa kỹ trị đã góp phần tạo ra một môi trường chính trị – hành chính có tính kỷ luật cao, giảm thiểu tác động tiêu cực của xung đột phe phái, đồng thời củng cố niềm tin của giới đầu tư và công chúng vào sự ổn định của hệ thống lãnh đạo.

- *Định hướng chính sách phát triển kinh tế – công nghệ*

Đằng sau vòng xoáy kỹ trị mới này là tham vọng của Trung Quốc trong việc áp dụng công nghệ quân sự tiên tiến vào lĩnh vực dân sự và tích hợp ngành công nghiệp quân sự vào phát triển kinh tế địa phương. Những công nghệ này thậm chí có thể trở thành nguồn lực chính cho đổi mới công nghệ trong tương lai của Trung Quốc và là động lực hàng đầu cho tăng trưởng kinh tế [74]. Một trong những nhà cung cấp công nghệ quan trọng nhất trong việc kết hợp phát triển quân sự và dân sự là ngành hàng không vũ trụ, với các siêu dự án nổi bật như Chương trình Thám hiểm Mặt Trăng (còn gọi là Chương trình Hằng Nga) và Chương trình Không gian Có người lái (Chương trình Thần Châu).

Nhóm "kỹ trị gia 2.0", bao gồm những nhà khoa học tên lửa - hay chuyên gia AI – có vai trò rất quan trọng khi họ bước vào vị trí trung tâm trong ban lãnh đạo quốc gia bởi điều này có thể củng cố niềm tin của họ vào vai trò thiết yếu của khoa học và công nghệ ứng dụng trong việc quyết định sức mạnh của chế độ và khả năng cạnh tranh kinh tế. Việc bồi dưỡng một đội ngũ lãnh đạo trẻ mới từ các doanh nghiệp nhà nước Trung Quốc, đặc biệt là những chuyên gia công nghiệp và giám đốc điều hành có tư duy toàn cầu, với nền tảng kinh doanh quốc tế vững chắc, cho phép Trung Quốc đa dạng hóa cơ cấu quyền lực, rộng hơn là nhằm thực hiện tốt hơn mục tiêu nâng cao vị thế kinh tế của Trung Quốc trên trường quốc tế.

Một điểm đáng chú ý là giới lãnh đạo kỹ trị của Trung Quốc thường kết hợp năng lực quản trị hành chính với hiểu biết sâu về khoa học – công nghệ. Hầu hết nhóm "kỹ trị gia 2.0" đều có bằng sau đại học, và nhiều người có bằng tiến sĩ. Nhiều người cũng đã học tập hoặc làm việc ở nước ngoài. Điều này giúp họ nắm bắt nhanh các xu thế công nghệ mới và tích hợp chúng vào chính sách quốc gia.

Giới tinh hoa kỹ trị trong chính quyền Trung Quốc không chỉ thực hiện vai trò quản lý kỹ thuật, mà còn đóng vai trò hoạch định chiến lược phát triển kinh tế dựa trên công nghệ và đổi mới sáng tạo như một trụ cột tăng trưởng quốc gia. Với nền tảng chuyên môn sâu về khoa học tự nhiên, kỹ thuật và kinh tế, họ định hình tư duy “công nghiệp hóa thế hệ mới” – kết hợp giữa sản xuất truyền thống với các công nghệ nền tảng như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (big data), Internet vạn vật (IoT) và tự động hóa tiên tiến.

Trong các chiến lược then chốt như “Made in China 2025”, Kế hoạch 5 năm lần thứ 14 (2021–2025) và Chiến lược AI Quốc gia, giới tinh hoa kỹ trị là lực lượng thiết kế kiến trúc chính sách và giám sát thực thi. Điển hình là việc xác định các “ngành công nghệ ưu tiên” gồm bán dẫn, năng lượng tái tạo, phương tiện năng lượng mới (NEV), công nghệ sinh học và thiết bị y tế cao cấp – những lĩnh vực được coi là “mắt xích chiến lược” để giảm phụ thuộc vào nhập khẩu và nâng cao năng lực tự chủ công nghệ. Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ Vương Chí Cường (sinh 1961, tiến sĩ kỹ thuật hàng không) trực tiếp điều phối các quỹ R&D quốc gia.

Ngoài ra, giới tinh hoa kỹ trị Trung Quốc còn chủ trương kết hợp chiến lược công nghiệp với chính sách an ninh quốc gia, tạo ra các “ngành công nghệ chiến lược” (strategic emerging industries) nhằm giảm phụ thuộc vào nhập khẩu công nghệ cao. Trong lĩnh vực sản xuất chip bán dẫn, Bộ Công nghiệp và Công nghệ Thông tin đã đưa ra lộ trình tự chủ công nghệ đến năm 2030, giảm thiểu tác động của các lệnh cấm vận công nghệ từ Mỹ và đồng minh.

Kết quả là, trong vòng hai thập kỷ qua, Trung Quốc đã chuyển từ vị thế “công xưởng thế giới” dựa trên lao động giá rẻ sang một nền kinh tế ngày càng dựa vào đổi mới sáng tạo. Theo Chỉ số Đổi mới sáng tạo Toàn cầu (GII) năm 2025 của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO), Trung Quốc đã vươn lên top 10 nền kinh

tế sáng tạo nhất thế giới, lần đầu tiên lọt vào nhóm này, và đứng ở vị trí thứ 10, vượt xa vị trí thứ 29 vào năm 2013, phản ánh rõ tác động của đường lối lãnh đạo mang tính kỹ trị của Trung Quốc.[2, tr.4]

- *Ảnh hưởng đến cấu trúc quyền lực và cơ chế ra quyết định*

Sự trỗi dậy và duy trì vị thế của giới tinh hoa kỹ trị trong chính quyền Trung Quốc đã tạo ra những biến đổi đáng kể trong cấu trúc quyền lực và cách thức vận hành bộ máy lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ). Kể từ thời Giang Trạch Dân – bản thân ông là một kỹ sư điện – “liên minh kỹ trị” đã dần thay thế ưu thế của tầng lớp lãnh đạo xuất thân từ quân đội hoặc công tác tuyên huấn. Sự dịch chuyển này không chỉ thay đổi nhân sự ở các vị trí then chốt, mà còn định hình lại triết lý quản trị quốc gia, hướng các quyết sách chiến lược vào tính khả thi kỹ thuật, tính hiệu quả quản trị và kết quả đo lường được, thay vì dựa thuần túy vào khẩu hiệu chính trị hoặc huy động quần chúng như trong giai đoạn Mao Trạch Đông.

Trong bối cảnh di sản phong kiến lâu đời của Trung Quốc, kỹ trị là một cách tốt hơn để đối mặt với các vấn đề xã hội so với chính trị độc tài tách biệt khỏi chuyên môn kỹ thuật. chế độ kỹ trị nâng cao vị thế của giới trí thức, sau khoảng thời gian từ năm 1949 đến năm 1978, giới trí thức Trung Quốc bị áp bức, các hoạt động chính trị và việc ra quyết định chính trị phi lý trí diễn ra phổ biến. Do vậy, với việc áp dụng kỹ trị, các hoạt động hành chính đương đại của Trung Quốc cần được khoa học hóa và hợp lý hóa. Mặc dù khoa học hóa và hợp lý hóa có thể đi quá xa và tạo ra những vấn đề riêng, nhưng sự thiếu vắng chúng ở bất kỳ quốc gia nào cũng sẽ dẫn đến những vấn đề ngày càng trầm trọng hơn, trong đó có Trung Quốc.

Giới tinh hoa kỹ trị có xu hướng ưu tiên phân tích dữ liệu, khoa học và thực nghiệm trong quá trình ra quyết định, thay vì chỉ dựa vào hệ tư tưởng. Điều này giúp Trung Quốc áp dụng chủ nghĩa thực dụng trong nhiều chính sách kinh tế và công nghệ. Các nhà lãnh đạo kỹ trị chú trọng vào quản trị hiệu quả, đẩy mạnh các chính sách phát triển hạ tầng, công nghệ và tài chính, thay vì chỉ tập trung vào đấu tranh giai cấp như trong thời Mao Trạch Đông. Sự thành công của Trung Quốc trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa quân đội và phát triển đô thị phản ánh vai trò của giới tinh hoa kỹ trị.

Sự hiện diện của giới tinh hoa kỹ trị đã giúp Trung Quốc duy trì một chu trình hoạch định và triển khai chính sách mang tính “liên tục – tích lũy”, hạn chế thay đổi đột ngột khi có sự chuyển giao quyền lực. Ví dụ, các chiến lược lớn như “Phát triển miền Tây” (2000), “Trỗi dậy hòa bình” (2003), “Sáng kiến Vành đai và Con đường” (2013) và “Made in China 2025” (2015) đều được thiết kế và triển khai với tầm nhìn dài hạn, dựa trên các bản quy hoạch kỹ thuật chi tiết, có lộ trình và mục tiêu định lượng rõ ràng.

Tuy nhiên, với ảnh hưởng mạnh mẽ của giới tinh hoa kỹ trị cũng đặt ra những hệ quả chính trị. Trước hết, quyền lực trong Đảng Cộng sản Trung Quốc ngày càng tập trung vào các nhóm chuyên gia kỹ thuật được tin cậy, khiến các kênh phản biện chính trị – xã hội bên ngoài giới tinh hoa kỹ trị bị thu hẹp. Thứ hai, do xuất phát từ tư duy kỹ thuật, nhóm này có xu hướng ưu tiên hiệu quả kinh tế – công nghệ dẫn đến nguy cơ gia tăng tính kỹ trị – chuyên chế (technocratic authoritarianism). Cuối cùng, sự phụ thuộc vào chuyên môn kỹ thuật có thể khiến quá trình ra quyết định trở nên “khép kín trong giới tinh hoa”, làm giảm tính linh hoạt trước các biến động xã hội hoặc yêu cầu cải cách chính trị sâu rộng.

Vai trò của giới tinh hoa kỹ trị trong bộ máy lãnh đạo đã làm thay đổi sâu sắc mối quan hệ quyền lực giữa ba trụ cột chính trị trọng yếu ở Trung Quốc: Đảng Cộng sản, Nhà nước hành pháp và Quân đội.

Trước đây, trong thời kỳ đầu và giữa thế kỷ XX, Quân đội Nhân dân Giải phóng (PLA) giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong việc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng cũng như trực tiếp tham gia vào chính quyền và các cơ quan kinh tế. Tuy nhiên, quá trình kỹ trị hóa đã làm giảm vai trò chính trị của Quân đội trong các quyết sách kinh tế và phát triển công nghệ, khi các nhà lãnh đạo xuất thân kỹ thuật dần chiếm lĩnh các vị trí then chốt trong bộ máy hành chính và hoạch định chiến lược phát triển quốc gia.

Đảng Cộng sản Trung Quốc, dưới sự lãnh đạo của các nhà kỹ trị, đã củng cố được quyền kiểm soát chặt chẽ hơn đối với cả Nhà nước và Quân đội thông qua cơ chế “đảng lãnh đạo mọi mặt”. Các lãnh đạo kỹ trị hiện đại không chỉ là chuyên gia trong lĩnh vực của họ mà còn đồng thời là đảng viên trung thành, qua đó đảm bảo

các chính sách kỹ thuật – kinh tế được triển khai nghiêm ngặt theo đường lối của Đảng. Sự gắn bó này giúp giảm thiểu các mâu thuẫn nội bộ và tránh sự phân mảnh quyền lực, tăng cường khả năng điều phối thống nhất trong các lĩnh vực then chốt như an ninh quốc gia, công nghiệp quốc phòng và chuyển đổi số.

Mặt khác, sự tập trung quyền lực vào giới tinh hoa kỹ trị cũng khiến Nhà nước hành pháp trở nên hiệu quả hơn nhưng đồng thời có thể làm gia tăng rủi ro “quyền lực kỹ thuật” (technocratic power) thiếu sự giám sát đủ sâu rộng từ các cơ quan dân cử hay xã hội dân sự. Trong bối cảnh chính trị Trung Quốc, việc kiểm soát chặt chẽ này được coi là cần thiết để duy trì ổn định chính trị, nhưng cũng đặt ra câu hỏi về khả năng thích ứng với những thách thức đa chiều của xã hội hiện đại như đòi hỏi về minh bạch, tham vấn công khai và phản biện xã hội.

Về phía Quân đội, mặc dù vai trò chính trị trực tiếp giảm, PLA vẫn được đầu tư mạnh mẽ về công nghệ, với sự tham gia sâu của các kỹ trị trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển vũ khí hiện đại, chiến tranh mạng và trí tuệ nhân tạo. Sự phối hợp giữa giới kỹ trị trong Đảng và Quân đội tạo nên một mô hình lãnh đạo hiện đại, vừa duy trì tính kỷ luật quân sự vừa ứng dụng khoa học công nghệ cao trong quốc phòng, đảm bảo vai trò then chốt của PLA trong cơ cấu quyền lực toàn diện.

Tổng kết lại, sự thống trị của giới tinh hoa kỹ trị đã tạo ra một cấu trúc quyền lực tập trung, hiệu quả nhưng cũng phức tạp, với sự liên kết chặt chẽ giữa Đảng, Nhà nước và Quân đội dựa trên nền tảng chuyên môn sâu và sự đồng thuận kỹ thuật cao. Đây là một đặc trưng quan trọng của hệ thống chính trị Trung Quốc trong thế kỷ 21, góp phần giải thích khả năng duy trì ổn định chính trị và tốc độ phát triển kinh tế – công nghệ vượt bậc của nước này, đồng thời làm nổi bật những thách thức liên quan đến tính linh hoạt chính trị và sự tham gia của các tầng lớp xã hội khác ngoài giới kỹ trị.

3.3.4.2. Ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị bên ngoài hệ thống chính trị

Tinh hoa kỹ trị trong các viện nghiên cứu và trường đại học Trung Quốc bao gồm các học giả, nhà khoa học, chuyên gia chính sách, những người đóng vai trò quan trọng trong việc cố vấn, hoạch định và điều chỉnh chính sách quốc gia.

Nhóm này có nền tảng học vấn cao, thường tốt nghiệp từ các đại học hàng đầu như Đại học Thanh Hoa, Đại học Bắc Kinh, MIT, Stanford... với chuyên môn sâu

rộng trong khoa học, công nghệ, kinh tế, chính trị học và quản trị công. Họ thường được chính phủ tuyển dụng làm cố vấn chính sách hoặc tham gia các hội đồng tư vấn cấp cao, gắn bó chặt chẽ với hệ thống Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) và các cơ quan chính quyền trung ương.

- *Định hình chính sách và cung cấp tư vấn chiến lược*

Ở Trung Quốc, giới tinh hoa kỹ trị đóng vai trò nổi bật trong các viện nghiên cứu chiến lược và think tank bán chính thức, vốn vừa là “bộ não” tư vấn, vừa là kênh truyền tải ý tưởng chiến lược tới tầng lãnh đạo cao nhất. Các cơ quan như Development Research Center of the State Council (DRC), Chinese Academy of Social Sciences (CASS), hay China Institutes of Contemporary International Relations (CICIR) quy tụ hàng nghìn chuyên gia có nền tảng vững chắc về kinh tế, công nghệ và an ninh năng lượng.

Những chuyên gia này thường xuyên đóng vai trò cầu nối giữa nghiên cứu và hoạch định chính sách. Mặc dù không trực tiếp nắm quyền hành pháp, họ tham gia vào quá trình xây dựng dự thảo chiến lược, báo cáo chính sách cho Trung ương Đảng và Quốc vụ viện. Ví dụ, China Center for International Economic Exchanges (CCIEE) – do Trần Đức Minh (Zeng Peiyan), cựu Phó Thủ tướng, sáng lập – đã cung cấp nhiều khuyến nghị then chốt cho Kế hoạch 5 năm lần thứ 13 và 14, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghiệp 4.0, tái cấu trúc nền kinh tế và hội nhập công nghệ số.

Ảnh hưởng của giới tinh hoa kỹ trị này còn thể hiện ở việc hình thành “ngôn ngữ chính sách” mang tính kỹ thuật cao, giúp định hướng ưu tiên phát triển công nghệ, năng lượng tái tạo và trí tuệ nhân tạo trong các nghị quyết của Đảng. Chẳng hạn, thuật ngữ như “đổi mới tự cường” hay “kinh tế số chất lượng cao” lần đầu tiên xuất hiện đậm nét trong các văn kiện Đại hội XIX (2017) là kết quả của quá trình vận động chính sách từ nhóm chuyên gia của CASS và DRC.

- *Định hướng phát triển kinh tế – công nghệ*

Giới tinh hoa kỹ trị tại Trung Quốc đóng vai trò nòng cốt trong việc xác lập ưu tiên phát triển kinh tế gắn liền với công nghệ cao, đặc biệt trong các lĩnh vực được coi là trụ cột của chiến lược “Made in China 2025” và “China Standards 2035”.

Nhóm này thường bao gồm các kỹ sư, nhà khoa học, và chuyên gia kinh tế được đào tạo ở nước ngoài, nhiều người từng làm việc tại các tập đoàn công nghệ lớn trước khi tham gia vào các viện nghiên cứu nhà nước.

Các chuyên gia từ Viện Khoa học và Công nghệ Công nghiệp Trung Quốc (CIIT) và Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc (CAS) đã trực tiếp tư vấn cho Bộ Công nghiệp và Công nghệ Thông tin (MIIT) trong quá trình xây dựng lộ trình công nghiệp bán dẫn và chính sách hỗ trợ xe điện. Theo báo cáo của MIIT (2023), các đề xuất này góp phần đưa Trung Quốc trở thành quốc gia dẫn đầu thế giới về sản xuất pin lithium-ion, với thị phần toàn cầu đạt 60% trong năm 2022.

Giới tinh hoa kỹ trị trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo – bao gồm nhóm nghiên cứu của Tsinghua University Institute for AI Industry Research (AIR) – đã xây dựng khung “Next Generation AI Development Plan” (2017), được Quốc vụ viện phê duyệt, nhằm đưa Trung Quốc trở thành trung tâm đổi mới AI hàng đầu vào năm 2030. Báo cáo của Stanford AI Index (2024) ghi nhận Trung Quốc hiện chiếm 23% số công bố khoa học AI toàn cầu, vượt xa mức 15% của năm 2015.

Ngoài ra, mô hình hợp tác công – tư trong lĩnh vực công nghệ cao, được dẫn dắt bởi các kỹ trị gia trong các tập đoàn như Huawei, Baidu, CATL, đã trở thành một “cơ chế đồng sáng tạo” (co-creation mechanism) giữa nhà nước và doanh nghiệp..

Chính nhờ sự kết nối chặt chẽ này mà các ưu tiên công nghệ trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 14 (2021–2025) – như mạng 5G, năng lượng tái tạo, robot công nghiệp – được triển khai với tốc độ nhanh, đồng thời duy trì mục tiêu kép: vừa nâng cao năng lực tự chủ chiến lược, vừa bảo đảm tăng trưởng kinh tế bền vững.

- *Nâng cao vị thế và ảnh hưởng quốc tế*

Giới tinh hoa kỹ trị Trung Quốc không chỉ đóng vai trò trong hoạch định và triển khai chính sách trong nước, mà còn góp phần quan trọng vào chiến lược nâng cao ảnh hưởng quốc tế của Bắc Kinh. Họ là lực lượng chủ chốt trong việc dịch chuyển tư duy phát triển từ “đi theo” sang “dẫn dắt” trong các lĩnh vực công nghệ, tiêu chuẩn quốc tế, và hạ tầng toàn cầu.

Trước hết, trong ngoại giao khoa học – công nghệ (science & technology diplomacy), các nhà khoa học và kỹ sư hàng đầu của Trung Quốc thường giữ vai trò

trưởng đoàn hoặc cố vấn cao cấp trong các cuộc đàm phán đa phương, như Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO), Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU) hay Diễn đàn Quản trị Internet Toàn cầu (IGF). Theo báo cáo của ISO (2023), Trung Quốc hiện đứng thứ hai thế giới về số lượng tiêu chuẩn quốc tế do mình chủ trì, chỉ sau Đức, và phần lớn các sáng kiến này đến từ các nhóm nghiên cứu kỹ trị của Huawei, State Grid và Tập đoàn CRRC.

Thứ hai, giới tinh hoa kỹ trị là “kiến trúc sư” của các dự án chiến lược trong Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI), đặc biệt trong trụ cột Kết nối số (Digital Silk Road). Chẳng hạn, nhóm kỹ sư từ China Railway Design Corporation và China Communications Construction Company đã xuất khẩu mô hình đường sắt cao tốc sang Indonesia và Lào, vừa là giải pháp kỹ thuật, vừa là công cụ ngoại giao kinh tế.

Thứ ba, sự tham gia của kỹ trị gia trong các dự án nghiên cứu và hợp tác quốc tế đã tạo ra một “mạng lưới ảnh hưởng mềm” (soft power network) của Trung Quốc. Việc hàng trăm nhà khoa học Trung Quốc giữ vị trí biên tập viên, thành viên hội đồng trong các tạp chí quốc tế hoặc viện nghiên cứu chiến lược giúp Bắc Kinh gia tăng tiếng nói trong thiết lập các chuẩn mực toàn cầu. Ví dụ, Tsinghua University và Peking University đều có các trung tâm hợp tác chiến lược với Liên minh châu Âu, đóng vai trò cung cấp dữ liệu, dự báo công nghệ và tham mưu chính sách.

Cuối cùng, giới tinh hoa kỹ trị đóng góp vào chiến lược “ngoại giao tiêu chuẩn”, tức là xuất khẩu mô hình công nghệ kèm tiêu chuẩn vận hành sang các quốc gia đối tác. Việc áp dụng chuẩn 5G của Huawei tại hơn 50 quốc gia không chỉ là thành công kinh tế, mà còn củng cố ảnh hưởng công nghệ của Trung Quốc ở cấp độ toàn cầu. Nhờ vào vai trò của giới tinh hoa kỹ trị, chiến lược nâng cao vị thế quốc tế của Trung Quốc trở nên bài bản hơn, dựa trên năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, thay vì chỉ thuần túy dựa vào công cụ ngoại giao truyền thống.

Kết luận chương 3

Chương 3 đã làm rõ về hiện diện, vai trò cùng phương thức vận hành của giới tinh hoa kỹ trị trong đời sống chính trị của ba quốc gia tiêu biểu tại Đông Á: Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc. Mặc dù có những khác biệt về thể chế chính trị và tiến trình lịch sử, kết quả nghiên cứu trong chương này đã cho phép rút ra những hệ luận khoa học quan trọng sau:

Thứ nhất, về mô hình và cấu trúc quyền lực. Nghiên cứu chỉ ra rằng cả ba quốc gia đều thiết lập được một cơ chế "trọng hiền" (meritocracy) chặt chẽ, nơi giới kỹ trị không chỉ là những người thực thi chính sách mà còn là những kiến trúc sư trưởng cho các chiến lược phát triển quốc gia. Nếu như ở Singapore, giới kỹ trị được tích hợp hữu cơ và chiếm ưu thế tuyệt đối trong bộ máy lãnh đạo Đảng - Nhà nước; thì ở Nhật Bản, họ duy trì quyền lực thông qua sự ổn định của đội ngũ công chức cao cấp (bureaucrats) trong mối tương quan với các chính trị gia; và ở Trung Quốc, đó là sự chuyển dịch mạnh mẽ từ các thể hệ lãnh đạo mang tính tư tưởng sang các nhà lãnh đạo có nền tảng học vấn kỹ thuật sâu sắc.

Thứ hai, về phương thức tác động đến chính sách. Giới tinh hoa kỹ trị tại các quốc gia này đã thể hiện năng lực vượt trội trong việc hóa giải các mâu thuẫn giữa yêu cầu tăng trưởng kinh tế và sự ổn định xã hội. Thông qua các công cụ quản trị hiện đại, tư duy hệ thống và khả năng dự báo dài hạn, họ đã kiến tạo nên các "phép màu kinh tế" và duy trì năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa. Tuy nhiên, mức độ độc lập và phạm vi ảnh hưởng của giới kỹ trị ở mỗi quốc gia có sự khác biệt rõ rệt, tùy thuộc vào đặc thù của nền văn hóa chính trị và cơ chế kiểm soát quyền lực của mỗi hệ thống.

Thứ ba, về những đặc tính chung mang tính khu vực. Có thể khẳng định sự trỗi dậy của giới tinh hoa kỹ trị tại Đông Á không chỉ đơn thuần là sự sao chép mô hình phương Tây, mà là một sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tư tưởng quản trị hiện đại với các giá trị Nho giáo truyền thống về vai trò của tầng lớp sĩ phu/trí thức trong việc trị quốc. Đây chính là điểm cốt lõi tạo nên sự bền vững và tính chính danh cho giới kỹ trị tại khu vực này.

Tóm lại, những phân tích thực chứng về Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc trong chương 3 đã minh chứng cho sức mạnh và tầm ảnh hưởng không thể phủ nhận của giới tinh hoa kỹ trị trong việc định hình diện mạo chính trị khu vực. Những bài học thành công cũng như những thách thức mà các quốc gia này đang đối mặt chính là cơ sở thực tiễn vô giá, giúp luận án có thêm căn cứ để soi chiếu, đánh giá và đề xuất các giải pháp cho việc xây dựng và phát triển đội ngũ tinh hoa kỹ trị tại Việt Nam, sẽ được trình bày chi tiết tại chương tiếp theo.

Chương 4

MỘT SỐ NHẬN XÉT, TRIỂN VỌNG, THÁCH THỨC CỦA GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ Ở NHẬT BẢN, SINGAPORE, TRUNG QUỐC VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

4.1. MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ NHẬT BẢN, SINGAPORE VÀ TRUNG QUỐC

4.1.1. Nhật Bản: Kỹ trị trong thể chế dân chủ đa đảng, chú trọng đồng thuận

Giới tinh hoa kỹ trị ở Nhật Bản chủ yếu tập trung trong hệ thống quan liêu (bureaucracy) - đặc biệt là tại METI, và các viện nghiên cứu nhà nước như GRIPS. Đây là những cơ quan được coi là “trung tâm quyền lực kỹ thuật” của Nhật Bản, nơi tập hợp những quan chức và chuyên gia có trình độ học thuật cao, thường tốt nghiệp từ các trường hàng đầu như Đại học Tokyo hoặc Kyoto, và được tuyển chọn qua các kỳ thi công vụ cực kỳ khắt khe.

Khác với Trung Quốc hay Singapore - nơi giới kỹ trị có thể trực tiếp đảm nhiệm vị trí lãnh đạo chính trị tối cao - các nhà kỹ trị Nhật Bản chủ yếu đóng vai trò “kiến trúc sư chính sách” (policy architects) thay vì người cầm quyền trực tiếp. Họ vận dụng chuyên môn kinh tế, kỹ thuật và quản trị để soạn thảo, đánh giá và điều chỉnh chính sách, sau đó trình lên chính phủ và Quốc hội. Các Bộ, đặc biệt là METI, thường là tác giả của những kế hoạch phát triển công nghiệp, cải cách năng lượng, hay chiến lược công nghệ dài hạn của quốc gia.

Hệ thống quan liêu Nhật Bản có tính chuyên nghiệp và ổn định cao, duy trì ảnh hưởng thông qua cơ chế cố vấn liên tục cho các đời thủ tướng, bất kể thay đổi đảng cầm quyền. Mối quan hệ cộng sinh giữa giới kỹ trị và giới chính trị cho phép Nhật Bản duy trì tính liên tục chiến lược trong các chính sách then chốt - từ công nghiệp nặng sau chiến tranh, đến công nghệ cao, và hiện nay là chuyển đổi xanh và số hóa – bất chấp biến động chính trị ngắn hạn.

Ảnh hưởng này mang tính gián tiếp nhưng bền vững. Họ ít xuất hiện trên truyền thông như những nhân vật quyền lực, nhưng thực chất là người định hình “bản thiết kế” cho quỹ đạo phát triển kinh tế - công nghệ của Nhật Bản trong nhiều thập kỷ.

Mô hình Nhật Bản ưu tiên sự đồng thuận, minh bạch và tham vấn đa chiều trong quá trình ra quyết định. Giới kỹ trị có ảnh hưởng quan trọng trong việc thúc đẩy đổi mới công nghệ và duy trì ổn định kinh tế, nhưng quyền lực chính trị không tập trung như Singapore hay Trung Quốc. Tính chất dân chủ và đa đảng khiến cho quá trình ra quyết định có thể chậm hơn, nhưng đảm bảo tính bền vững và cân bằng xã hội cao hơn. Mô hình này khó triển khai nhanh chóng các dự án quy mô lớn hoặc điều chỉnh chính sách đột ngột như ở các quốc gia kỹ trị tập trung.

4.1.2. Singapore - mô hình kỹ trị tập trung, hiệu quả và minh bạch

Singapore là điển hình thành công của mô hình kỹ trị trong quản trị nhà nước hiện đại. Giới tinh hoa kỹ trị ở Singapore gần như hòa nhập hoàn toàn với tầng lớp lãnh đạo chính trị, đặc biệt trong Đảng Hành động Nhân dân (PAP) - lực lượng cầm quyền liên tục từ năm 1959. Từ thời Thủ tướng Lý Quang Diệu, chính phủ đã chủ trương “săn đầu người” (talent scouting) để tuyển chọn những cá nhân có thành tích xuất sắc vượt trội trong khoa học, kinh tế, quản lý công, và quân đội vào các vị trí then chốt của nhà nước. Quy trình này thường bắt đầu từ các học bổng chính phủ như President’s Scholarship hoặc Public Service Commission Scholarship, đưa các ứng viên tiềm năng đi đào tạo ở các đại học hàng đầu thế giới trước khi bố trí vào những bộ ngành chiến lược.

Khác với Nhật Bản - nơi giới kỹ trị chủ yếu tồn tại trong bộ máy quan liêu, hay Trung Quốc - nơi họ chiếm ưu thế trong nhiều lĩnh vực nhưng vẫn vận hành dưới cấu trúc đảng lãnh đạo tập trung, ở Singapore giới kỹ trị và giới chính trị hầu như là một. Các bộ trưởng và lãnh đạo cao cấp thường có nền tảng chuyên môn sâu, từ kỹ thuật, kinh tế học, đến khoa học tự nhiên, và áp dụng triệt để phương pháp quản trị dựa trên dữ liệu, phân tích định lượng và hoạch định dài hạn.

Ảnh hưởng của họ mang tính trực tiếp và tập trung cao độ, thể hiện rõ qua khả năng điều phối nguồn lực nhanh chóng, cải cách thể chế kịp thời và triển khai các dự án quốc gia - từ xây dựng hạ tầng giao thông, nhà ở xã hội, đến chuyển đổi số và phát triển kinh tế tri thức. Mô hình này tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa kỹ trị và quyền lực chính trị, giúp Singapore duy trì hiệu quả vượt trội của bộ máy hành chính - kinh tế, phản ứng nhanh trước các thách thức toàn cầu (như khủng hoảng tài

chính 1997, dịch SARS 2003, hay COVID-19), đồng thời tận dụng tối đa cơ hội từ xu hướng toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ.

Mô hình này nổi bật bởi mức độ minh bạch và trách nhiệm giải trình cao giúp tạo dựng lòng tin xã hội và nhà đầu tư. Hệ thống đãi ngộ cạnh tranh thu hút nhân tài hàng đầu, giảm thiểu tham nhũng và gia tăng hiệu quả quản trị. Sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà nước, khu vực tư nhân và học thuật tạo ra sức mạnh tổng hợp trong phát triển kinh tế - công nghệ và quản lý xã hội. Tuy nhiên, mô hình này cũng đặt ra thách thức về khả năng tiếp nhận các tiếng nói đa chiều trong xã hội và duy trì sự cân bằng giữa kỷ trị và yếu tố dân chủ.

4.1.3. Trung Quốc: Liên minh kỷ trị – chính trị, tập trung quyền lực

Trung Quốc là ví dụ điển hình của mô hình kỷ trị kết hợp chặt chẽ với quyền lực Đảng Cộng sản. Giới tinh hoa kỷ trị chiếm ưu thế trong các vị trí lãnh đạo chủ chốt và đóng vai trò quyết định trong hoạch định chiến lược phát triển kinh tế, công nghệ và quốc phòng. Mức độ tập trung quyền lực cao giúp ra quyết định nhanh chóng, quy mô lớn và có sức lan tỏa mạnh mẽ.

Giới tinh hoa kỷ trị ở Trung Quốc từng chiếm ưu thế tuyệt đối trong cơ cấu lãnh đạo Đảng và Nhà nước, đặc biệt từ thời Giang Trạch Dân đến Hồ Cẩm Đào (1990s–2012). Trong giai đoạn này, một tỷ lệ lớn Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Thường vụ xuất thân từ các ngành kỹ thuật, khoa học tự nhiên và kinh tế, tiêu biểu như Hồ Cẩm Đào (kỹ sư thủy lợi), Ôn Gia Bảo (kỹ sư địa chất), hay Chu Tiểu Xuyên (kinh tế học). Nền tảng kỷ trị này định hình phong cách lãnh đạo ưu tiên tính toán dài hạn, phân tích dựa trên dữ liệu, và quản trị theo dự án.

Họ trực tiếp tham gia vào các quyết định chiến lược, đặc biệt trong những lĩnh vực đòi hỏi tính khả thi kỹ thuật cao như công nghiệp nặng, hạ tầng quốc gia, năng lượng, và công nghệ cao. Dấu ấn của họ thể hiện rõ trong các kế hoạch 5 năm và những chương trình trọng điểm như “Made in China 2025”, chiến lược AI quốc gia, kế hoạch phát triển hạ tầng 5G hay chuyển đổi sang năng lượng sạch. Nhiều dự án quy mô lớn, từ mạng lưới đường sắt cao tốc đến ngành công nghiệp bán dẫn, được thiết kế và giám sát bởi các nhóm lãnh đạo kỷ trị có chuyên môn sâu.

Tuy nhiên, từ khi Tập Cận Bình lên nắm quyền, vai trò của giới kỹ trị tuy vẫn quan trọng trong triển khai chính sách và quản lý kinh tế – công nghệ, nhưng đã gắn chặt hơn với ưu tiên chính trị và ý thức hệ. Việc ra quyết định chiến lược không còn chỉ dựa trên phân tích kỹ thuật thuần túy, mà phải phản ánh mục tiêu củng cố quyền lực trung ương và duy trì ổn định chính trị – xã hội. Điều này tạo nên sự kết hợp giữa kỹ trị và kiểm soát chính trị tập trung, trong đó giới kỹ trị vừa là công cụ triển khai các mục tiêu chính trị, vừa đóng vai trò chuyên gia hoạch định các dự án công nghiệp – công nghệ mũi nhọn, nhưng hoạt động trong khuôn khổ ưu tiên của Đảng.

Mô hình này tạo ra khả năng điều phối hiệu quả các chương trình phát triển quốc gia quy mô lớn như “Made in China 2025”, xây dựng hạ tầng kỹ thuật số 5G. Sự kết hợp giữa kỹ trị và chính trị Đảng làm tăng tính khả thi kỹ thuật của chính sách, đồng thời duy trì sự ổn định chính trị. Tuy nhiên, sự tập trung quyền lực cao cũng làm giảm tính minh bạch, tạo ra nguy cơ thiếu trách nhiệm giải trình và hạn chế không gian cho tiếng nói xã hội đa dạng. Cách tiếp cận này có thể gặp khó khăn khi đối mặt với các vấn đề xã hội phức tạp đòi hỏi sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp dân cư.

4.1.4. So sánh giới tinh hoa kỹ trị ở Trung Quốc, Singapore và Nhật Bản

Tiêu chí	Trung Quốc	Singapore	Nhật Bản
Vị trí trong hệ thống quyền lực	Đóng vai trò quan trọng, chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc	Hòa nhập gần như hoàn toàn với giới lãnh đạo chính trị, đặc biệt trong PAP. Không có ranh giới rõ giữa kỹ trị và chính trị gia.	Chủ yếu nằm trong hệ thống quan liêu chuyên nghiệp (Bộ Tài chính, METI), ít nắm vị trí lãnh đạo chính trị cao nhất nhưng duy trì ảnh hưởng qua tư vấn.
Phong cách và mức độ	Thiên về quản lý dự án, triển khai kế hoạch 5 năm, ưu tiên công	Tập trung vào hoạch định dài hạn, quản trị dựa trên dữ liệu, phản	Ảnh hưởng gián tiếp nhưng bền vững; đảm bảo tính liên tục

ảnh hưởng đến chính sách	ng nghiệp, hạ tầng và công nghệ mũi nhọn. Ảnh hưởng trực tiếp, nhưng phải phù hợp mục tiêu chính trị trung ương.	ứng nhanh trước biến động. Ảnh hưởng trực tiếp và tập trung cao.	của chính sách kinh tế – công nghệ bắt chấp thay đổi chính phủ.
Quan hệ với yếu tố chính trị – ý thức hệ	Giai đoạn trước: tương đối độc lập trong phân tích kỹ thuật. Giai đoạn hiện nay: gắn chặt với ưu tiên ý thức hệ và kiểm soát quyền lực.	Gắn kết chặt chẽ với mục tiêu chính trị của PAP, nhưng thiên về thực dụng hơn là ý thức hệ cứng nhắc.	Tương đối tách biệt khỏi chính trị đảng phái; đặt nặng yếu tố chuyên môn và lợi ích quốc gia dài hạn hơn là tranh chấp ý thức hệ.

Nếu xét trên các lĩnh vực, có thể thấy:

Trong cấu trúc quyền lực và cơ chế ra quyết định: Ở Singapore, giới tinh hoa kỹ trị nắm giữ hầu hết các vị trí chủ chốt trong bộ máy nhà nước, từ Thủ tướng đến lãnh đạo các cơ quan trọng yếu như MAS (Monetary Authority of Singapore - Cơ quan Tiền tệ Singapore), EDB (Economic Development Board - Ủy ban Phát triển Kinh tế Singapore), A*STAR (Agency for Science, Technology and Research - Cơ quan Khoa học, Công nghệ và Nghiên cứu). Cơ chế tuyển chọn dựa trên năng lực và thành tích khoa học – kỹ thuật bảo đảm ra quyết định dựa trên bằng chứng, dữ liệu và phân tích sâu sắc. Quyền lực tập trung nhưng vận hành minh bạch, hiệu quả. Ở Trung Quốc, tinh hoa kỹ trị là nhóm lãnh đạo chủ đạo trong Đảng Cộng sản, đặc biệt từ thời Giang Trạch Dân, thay thế dần các thế hệ quân nhân và tuyên huấn. Họ chiếm tỷ lệ lớn trong Bộ Chính trị, tạo ra liên minh kỹ trị – chính trị nhằm tối ưu hóa khả năng quản trị nhà nước trong bối cảnh cải cách kinh tế và hiện đại hóa. Cơ chế ra quyết định còn mang đặc thù Đảng – Nhà nước với vai trò trung ương hóa cao, kết hợp giữa kỹ trị và chính trị Đảng. ở Nhật Bản, tinh hoa kỹ trị thường chiếm vị trí quan trọng trong các bộ ngành kỹ thuật và kinh tế, nhưng trong hệ thống chính trị dân chủ đa đảng, họ phải vận động chính trị cao hơn. Vai trò kỹ trị nổi bật trong

các cơ quan hành pháp, tài chính và nghiên cứu, nhưng không chiếm ưu thế tuyệt đối trong toàn bộ hệ thống quyền lực.

Trong hoạch định và thực thi chính sách kinh tế - công nghệ: Tinh hoa kỹ trị Singapore định hướng mạnh mẽ qua các chiến lược dài hạn như Smart Nation, Green Plan 2030. Họ kết hợp chặt chẽ với khu vực tư nhân và học thuật, sử dụng dữ liệu lớn, mô hình dự báo và đánh giá rủi ro đa tầng, tạo ra chính sách ổn định, hiệu quả, linh hoạt. Trong khi đó, giới tinh hoa kỹ trị Trung Quốc trong chính quyền điều phối các chương trình quốc gia như “Made in China 2025”, kế hoạch 5 năm, chiến lược AI. Tỷ lệ chi tiêu cho R&D liên tục tăng, tập trung vào công nghệ cao, năng lượng sạch, hạ tầng số. Quyết sách thường đi kèm với ưu tiên phát triển công nghiệp và an ninh quốc gia. Còn ở Nhật Bản, họ chủ yếu tập trung vào đổi mới công nghệ, quản lý tài chính và ổn định kinh tế. Các chương trình cải cách kinh tế như Abenomics thể hiện sự phối hợp giữa kỹ trị và chính trị. Nhật có truyền thống lâu dài trong hợp tác công tư, đầu tư nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ cao.

Trong quản lý khủng hoảng và điều phối chính sách: Giới tinh hoa kỹ trị Singapore dẫn dắt lực lượng đa bộ trong quản lý khủng hoảng, đặc biệt trong COVID-19 và an ninh năng lượng. Phương pháp ra quyết định dựa trên mô hình khoa học và phân tích dữ liệu chi tiết, giúp giảm thiểu tác động xã hội và duy trì ổn định. Tinh hoa kỹ trị trong chính quyền Trung Quốc xử lý khủng hoảng bằng cách phối hợp khoa học và chính trị mạnh mẽ, như trong đại dịch COVID-19. Họ áp dụng các biện pháp quyết liệt dựa trên mô hình dịch tễ và dữ liệu y tế công cộng. Hệ thống ra quyết định tập trung, có thể gây tranh cãi về quyền tự do nhưng đạt hiệu quả kiểm soát cao. Giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản phối hợp với chính trị dân chủ để đối phó với các thách thức như thảm họa thiên nhiên và khủng hoảng kinh tế. Quy trình ra quyết định có tính đồng thuận cao, chú trọng minh bạch và tham vấn đa chiều, nhưng thường chậm hơn so với Singapore và Trung Quốc.

Ảnh hưởng ngoài bộ máy chính quyền: Ở Singapore, mạng lưới kỹ trị rộng lớn trong khu vực tư nhân, viện nghiên cứu và tổ chức xã hội dân sự hỗ trợ tư vấn chính sách, xây dựng đồng thuận xã hội, và nâng cao vị thế quốc tế. Vai trò cầu nối giữa nhà nước và xã hội rất rõ nét. Ở Trung Quốc, tinh hoa kỹ trị trong các think tank

bán chính thức, viện nghiên cứu đóng vai trò tư vấn chiến lược cho Đảng và nhà nước. Họ tạo ra ngôn ngữ chính sách kỹ thuật hóa cao, giúp Đảng định hướng ưu tiên phát triển kinh tế và công nghệ. Ở Nhật Bản, tinh hoa kỹ trị trong các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp tham gia mạnh mẽ vào tư vấn chính sách, đổi mới công nghệ và ngoại giao kinh tế. Họ cũng tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế và mạng lưới học thuật.

Tiêu chí	Singapore	Trung Quốc	Nhật Bản
Mức độ tập trung quyền lực	Rất cao, kỹ trị nắm giữ vị trí chủ chốt	Rất cao, liên minh kỹ trị – chính trị chi phối	Trung bình, quyền lực chia sẻ với giới tinh hoa chính trị
Quy trình ra quyết định	Khoa học, dự báo dài hạn, minh bạch, trách nhiệm	Tập trung, nhanh, ưu tiên tính khả thi kỹ thuật	Đồng thuận, minh bạch, tham vấn đa chiều
Ảnh hưởng trong hoạch định kinh tế – công nghệ	Chi phối, phối hợp nhà nước – tư nhân, đổi mới liên tục	Chi phối, đầu tư quy mô lớn, chiến lược quốc gia	Tư vấn mạnh, đổi mới nhưng không chi phối tuyệt đối
Quản lý khủng hoảng	Nhanh, dựa trên dữ liệu, phân tích rủi ro đa tầng	Quyết liệt, tập trung, có kiểm soát chính trị cao	Tham vấn rộng rãi, quy trình chặt chẽ nhưng chậm
Ảnh hưởng xã hội và đối ngoại	Mạng lưới kỹ trị rộng khắp, “đại sứ không chính thức”	Think tank Đảng, chính trị hóa cao	Mạng lưới học thuật, doanh nghiệp tham gia đa dạng
Thách thức chính	Cân bằng dân chủ – kỹ trị, tiếp nhận tiếng nói xã hội	Thiếu minh bạch, trách nhiệm giải trình thấp	Tốc độ đổi mới chậm, khó ra quyết định nhanh

Như vậy, Singapore thể hiện mô hình kỹ trị hiện đại điển hình, với sự tập trung quyền lực cao nhưng minh bạch và có trách nhiệm, đem lại hiệu quả và sự ổn định lâu dài. Đây là mô hình thích hợp với quốc gia nhỏ, thiên về hiệu quả quản trị

và phát triển bền vững. Trung Quốc vận hành mô hình kỹ trị trong khung quyền lực tập trung của Đảng, tạo ra sức mạnh lớn trong hoạch định chiến lược và thực thi chính sách nhanh chóng, nhưng đi kèm rủi ro về minh bạch và quyền tự do xã hội. Mô hình này phù hợp với cường quốc đang phát triển cần thay đổi nhanh và lớn. Nhật Bản giữ mô hình kỹ trị trong thể chế dân chủ, chú trọng đồng thuận và tính bền vững xã hội, tuy nhiên quá trình ra quyết định có thể chậm và khó triển khai nhanh các chính sách đột phá. Đây là mô hình phù hợp với quốc gia phát triển, có hệ thống chính trị phức tạp và đa chiều.

Lịch sử chính trị, cấu trúc thể chế và văn hóa chính trị của từng nước đã “định dạng” vị thế, kênh ảnh hưởng và phong cách của giới tinh hoa kỹ trị ở ba quốc gia, tạo nên ba mô hình khác biệt: quan liêu-kỹ trị (Nhật), kỹ trị-chính trị hợp nhất (Singapore), Kỹ trị gắn kết quyền lực Đảng (Trung Quốc).

4.2. BỐI CẢNH MỚI VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ

4.2.1. Bối cảnh mới và ảnh hưởng đến giới tinh hoa kỹ trị

- *Xu hướng dân túy và phản ứng chống giới tinh hoa*

Dân túy (populism) là một hiện tượng chính trị ngày càng phổ biến trong thế kỷ XXI, đặc biệt sau các cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội và chính trị mang tính toàn cầu. Một đặc trưng nổi bật của chủ nghĩa dân túy là diễn ngôn chống giới tinh hoa (anti-elitism), trong đó các tầng lớp lãnh đạo chính trị, kinh tế và trí thức bị nhìn nhận như những nhóm đặc quyền, xa rời lợi ích và đời sống của quần chúng. Xu hướng này thể hiện qua sự nổi lên của nhiều lãnh đạo và phong trào dân túy ở Mỹ, châu Âu và Mỹ Latinh, với cả hai khuynh hướng cánh hữu và cánh tả.

Sự gia tăng của chủ nghĩa dân túy ở nhiều quốc gia kéo theo sự hoài nghi đối với giới tinh hoa nói chung, bao gồm cả giới tinh hoa kỹ trị. Trong một số trường hợp, các thiết chế quản trị dựa trên chuyên môn và bằng chứng bị suy yếu, nhường chỗ cho những quyết sách mang tính đại chúng, thiên về cảm xúc và ngắn hạn. Động lực xã hội của xu hướng này gắn chặt với bất bình đẳng kinh tế gia tăng và những hệ quả phân hóa của toàn cầu hóa, đặc biệt sau khủng hoảng tài chính năm 2008, khi nhiều tầng lớp lao động và trung lưu chịu tổn thất trong khi một bộ phận tinh hoa kinh tế vẫn duy trì lợi thế.

Cùng với đó, sự suy giảm niềm tin vào các thiết chế dân chủ truyền thống ở một số quốc gia làm gia tăng cảm nhận về khủng hoảng đại diện. Quốc hội, tư pháp và truyền thông dòng chính bị chỉ trích là thiếu khả năng phản ánh đầy đủ lợi ích xã hội, góp phần củng cố các diễn ngôn dân túy chống tinh hoa. Những lo ngại về mất chủ quyền kinh tế và văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, vai trò của các tập đoàn đa quốc gia và thể chế siêu quốc gia cũng được các phong trào dân túy khai thác như một nguồn huy động chính trị.

Sự phát triển của công nghệ số và mạng xã hội tạo điều kiện cho chủ nghĩa dân túy lan tỏa nhanh chóng, khi các nền tảng truyền thông mới khuếch đại thông điệp giản lược, cảm tính và đối kháng, qua đó làm suy giảm vị thế của tri thức chuyên môn và khoa học trong đời sống chính trị. Trong bối cảnh này, giới tinh hoa kỹ trị thường trở thành đối tượng phê phán trực tiếp, đặc biệt khi các quyết định chính sách dựa trên chuyên môn bị xem là thiếu minh bạch hoặc khó tiếp cận đối với công chúng.

Nhìn tổng thể, xu hướng dân túy và phản ứng chống giới tinh hoa đặt ra những thách thức đáng kể đối với quản trị và nền dân chủ hiện đại. Vấn đề đặt ra không chỉ là kiểm soát các hệ quả cực đoan của dân túy, mà còn là tìm kiếm sự cân bằng giữa quản trị dựa trên chuyên môn và yêu cầu về đại diện, tham gia và tính chính danh xã hội trong bối cảnh chính trị đương đại.

- *Cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc và nhu cầu về kỹ trị*

Trong thế kỷ XXI, cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, đặc biệt giữa Mỹ, Trung Quốc, Nga, EU và một số trung cường (middle powers) như Ấn Độ và Nhật Bản, ngày càng phức tạp. Cạnh tranh này không chỉ diễn ra trên lĩnh vực quân sự, mà còn bao trùm các lĩnh vực công nghệ, kinh tế, không gian mạng, năng lượng, và cả quản trị toàn cầu. Trước bối cảnh đó, nhu cầu về giới tinh hoa kỹ trị trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Trong môi trường cạnh tranh chiến lược, năng lực điều hành nhà nước không thể chỉ dựa vào các yếu tố ý thức hệ hay chính trị truyền thống, mà còn phải dựa vào các quyết định chính sách dựa trên khoa học, công nghệ, và chuyên môn sâu. Mỹ và Trung Quốc đang trong giai đoạn cạnh tranh mang tính cấu trúc, liên quan

đến hệ thống kinh tế, chính trị, công nghệ và quân sự. Sự cạnh tranh quyết liệt diễn ra trong lĩnh vực công nghệ và đổi mới, chuỗi cung ứng và thương mại, quân sự và an ninh, ... Mỹ và Trung Quốc đang cạnh tranh trong các lĩnh vực như AI, bán dẫn, điện toán lượng tử, vũ trụ và sinh học tổng hợp. Việc Trung Quốc đẩy mạnh chiến lược “Made in China 2025” cho thấy họ muốn giảm sự phụ thuộc vào công nghệ phương Tây, trong khi Mỹ tìm cách hạn chế sự phát triển của Trung Quốc thông qua các biện pháp kiểm soát xuất khẩu. Cả hai cường quốc đều cố gắng định hình lại chuỗi cung ứng toàn cầu để giảm phụ thuộc lẫn nhau. Mỹ thúc đẩy “Friend-shoring” và Trung Quốc theo đuổi “dual circulation” (tuần hoàn kép). Mỹ tăng cường AUKUS, Quad và các thỏa thuận quân sự để kiềm chế Trung Quốc ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trung Quốc mở rộng sức mạnh quân sự thông qua hiện đại hóa quân đội và mở rộng ảnh hưởng ở Biển Đông. Kết quả là Mỹ và Trung Quốc buộc phải phát triển một đội ngũ chuyên gia kỹ trị có khả năng hoạch định chính sách dựa trên khoa học, dữ liệu và công nghệ để duy trì lợi thế chiến lược.

Cùng lúc, Nga sử dụng năng lượng như một công cụ chính trị, đồng thời đầu tư mạnh vào công nghệ quân sự (tên lửa siêu thanh, vũ khí hạt nhân), tăng cường sử dụng công nghệ mạng để gây ảnh hưởng lên các nền dân chủ phương Tây. Liên minh châu Âu (EU) và Nhật Bản thích ứng với cạnh tranh chiến lược theo những cách khác nhau và đang tăng cường sự tham gia của giới tinh hoa kỹ trị để đưa ra các chính sách điều chỉnh nhằm duy trì vị thế trong hệ thống quốc tế.

- *Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0*

Cách mạng công nghiệp 4.0, với các đột phá trong trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây, Internet vạn vật (IoT), công nghệ sinh học và tự động hóa, đang tác động sâu rộng đến đời sống chính trị, kinh tế và xã hội. Trong bối cảnh đó, giới tinh hoa kỹ trị – gồm các chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực công nghệ, khoa học, kinh tế và quản lý – ngày càng tham gia trực tiếp vào quá trình hoạch định chính sách và quản trị nhà nước. Sự mở rộng vai trò của nhóm này vừa là hệ quả của sự gia tăng độ phức tạp trong quản trị hiện đại, vừa phản ánh nhu cầu nâng cao năng lực điều hành các hệ thống kinh tế – xã hội dựa trên tri thức và dữ liệu, đồng thời cũng đặt ra những vấn đề liên quan đến dân chủ, quản trị và bất bình đẳng tri thức.

Trong kỷ nguyên số, các quyết định chính sách ngày càng phụ thuộc vào phân tích dữ liệu, mô hình dự báo và phương pháp quản trị dựa trên khoa học, vượt ra ngoài khuôn khổ kinh nghiệm chính trị truyền thống. Nhiều lĩnh vực chính sách, từ kinh tế, tài chính đến an ninh và quản lý khủng hoảng, dựa ngày càng nhiều vào các công cụ kỹ thuật như AI, dữ liệu lớn và các hệ thống số, làm gia tăng sự phụ thuộc của giới lãnh đạo chính trị vào đội ngũ chuyên gia và cố vấn kỹ trị.

Cách mạng công nghiệp 4.0 cũng làm nổi lên một số lĩnh vực mang tính chiến lược, trong đó vai trò của giới tinh hoa kỹ trị trở nên rõ nét, như quản trị dữ liệu, an ninh mạng, chủ quyền số, chính sách công nghệ cao và sinh học tiên tiến. AI và công nghệ số không chỉ tác động đến sản xuất và dịch vụ, mà còn ảnh hưởng đến quản lý thông tin, giám sát xã hội và hoạch định chính sách công. Đồng thời, cạnh tranh công nghệ giữa các cường quốc, đặc biệt trong các lĩnh vực như AI, bán dẫn và công nghệ 5G, làm gia tăng nhu cầu về đội ngũ kỹ trị có khả năng kết nối chuyên môn kỹ thuật với hoạch định chính sách đối ngoại và an ninh quốc gia. Bên cạnh khu vực công, sự mở rộng ảnh hưởng của các tập đoàn công nghệ lớn cũng góp phần hình thành các nhóm tinh hoa kỹ trị ngoài nhà nước, tác động ngày càng rõ đến quá trình xây dựng và thực thi chính sách công.

4.2.2. Sự phát triển của giới tinh hoa kỹ trị trong bối cảnh mới

- *Chuyển dịch từ kỹ trị truyền thống sang kỹ trị công nghệ*

Trong thế kỷ XX, quyền lực quốc gia chủ yếu dựa trên kinh tế, tài chính và quân sự. Những nhà kỹ trị có chuyên môn về kinh tế và quản trị công giữ vai trò chính yếu trong hoạch định chính sách. Tuy nhiên, CMCN 4.0 đã làm thay đổi trật tự quyền lực, đưa công nghệ lên vị trí trung tâm của chính trị và kinh tế toàn cầu, trở thành một yếu tố quyền lực cốt lõi. Trước đây, quyền lực kinh tế chủ yếu nằm trong tay ngân hàng, tập đoàn công nghiệp, và các tổ chức tài chính toàn cầu. Ngày nay, các công ty công nghệ đang kiểm soát dữ liệu, thuật toán và nền tảng giao tiếp, cho phép họ gây ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế và chính trị toàn cầu.

Trong thế kỷ trước, giới tinh hoa kỹ trị truyền thống đóng vai trò quan trọng trong quản trị nhà nước, hoạch định chính sách và điều hành nền kinh tế với thành phần chủ yếu bao gồm các quan chức cấp cao, chuyên gia kinh tế, nhà hoạch định

chính sách. Họ thường là những chuyên gia có nền tảng vững chắc về kinh tế, tài chính, hành chính công, luật học và kỹ thuật hạ tầng, hoạt động trong các thể chế chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế như IMF, Ngân hàng Thế giới (WB), WTO. Tuy nhiên, hiện nay, giới kỹ trị mở rộng sang các lĩnh vực khoa học – công nghệ, dữ liệu lớn, an ninh mạng và quản trị nền tảng số. Nhóm tinh hoa kỹ trị công nghệ (technological technocratic elites) – những cá nhân có kiến thức chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), blockchain, an ninh mạng, công nghệ sinh học, và khoa học vật liệu ngày càng được nâng tầm quyền lực. Sự thay đổi này không chỉ tác động đến cơ cấu quyền lực trong các chính phủ mà còn định hình lại cách vận hành của nền kinh tế và xã hội hiện đại.

Đặc điểm	Tinh hoa kỹ trị truyền thống	Tinh hoa kỹ trị công nghệ
Lĩnh vực chuyên môn	Xuất thân chủ yếu từ kinh tế học, tài chính, quản trị công, luật học, khoa học chính trị; tập trung vào kiến thức thể chế và quản lý vĩ mô.	Xuất thân từ các ngành công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (big data), an ninh mạng, blockchain, công nghệ sinh học; am hiểu sâu hệ thống kỹ thuật và hạ tầng số.
Vai trò trong chính sách	Điều hành nền kinh tế vĩ mô, hoạch định chính sách công, duy trì ổn định tài chính – xã hội; tập trung vào khung pháp lý và điều tiết thị trường.	Định hình xu hướng phát triển công nghệ quốc gia, kiểm soát hạ tầng dữ liệu, giám sát không gian mạng, thiết kế hệ thống AI; có khả năng tác động trực tiếp đến quyền riêng tư, an ninh và quyền lực thông tin.
Mô hình quản trị	Quản trị dựa trên luật pháp, kinh tế vĩ mô, nguyên tắc thị trường; ra quyết định dựa trên dữ liệu kinh tế – xã hội định lượng và cân nhắc chính trị.	Quản trị dựa trên dữ liệu thời gian thực, thuật toán và hệ thống tự động hóa; ưu tiên tối ưu hiệu quả và tốc độ hơn là quy trình chính trị truyền thống, tiềm ẩn rủi ro “quyền lực thuật toán”.

Ảnh hưởng toàn cầu	Tham gia và ảnh hưởng thông qua các thể chế kinh tế – tài chính quốc tế truyền thống như IMF, WB, WTO; tác động chủ yếu qua chính sách kinh tế.	Kết nối và hợp tác với các tập đoàn công nghệ toàn cầu (Google, Microsoft, Meta, Tencent, Huawei, Alibaba...); ảnh hưởng trực tiếp đến dòng chảy dữ liệu, chuẩn công nghệ và tiêu chuẩn an ninh mạng toàn cầu.
Quan hệ với chính trị gia	Thường giữ vai trò cố vấn, nhà hoạch định chính sách trong bộ máy nhà nước hoặc tổ chức quốc tế; quyền lực phụ thuộc vào thể chế chính trị hiện hành.	Có thể tác động trực tiếp đến chính trị thông qua công nghệ, kiểm soát hạ tầng thông tin, nền tảng mạng xã hội, hệ thống AI; quyền lực đôi khi vượt ra ngoài khuôn khổ giám sát chính trị truyền thống.

Trong bối cảnh đó, các chính phủ không còn phụ thuộc hoàn toàn vào các cố vấn kinh tế truyền thống mà phải hợp tác chặt chẽ với chuyên gia công nghệ, kỹ sư AI, và chuyên gia an ninh mạng. Chính trị thuật toán đang dần thay thế chính trị truyền thống khi các quyết định quan trọng ngày càng dựa vào phân tích dữ liệu và AI.

- *Mối quan hệ mới giữa kỹ trị và chính trị*

Mối quan hệ giữa kỹ trị và chính trị đã trải qua những thay đổi quan trọng trong lịch sử. Trong thế kỷ XX, kỹ trị đóng vai trò hỗ trợ chính trị, cung cấp các giải pháp dựa trên chuyên môn cho việc quản lý nhà nước, nhưng vẫn chịu sự kiểm soát của các thể chế chính trị. Tuy nhiên, với sự trỗi dậy của Cách mạng Công nghiệp 4.0, sự gia tăng của dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), và toàn cầu hóa, mối quan hệ này đang thay đổi sâu sắc. Kỹ trị không còn chỉ là công cụ của chính trị mà đang dần tạo ra một không gian quyền lực mới, nơi các chuyên gia công nghệ và dữ liệu có thể tác động trực tiếp đến quyết định chính trị, thậm chí làm lu mờ vai trò của các chính trị gia truyền thống.

Trong mô hình truyền thống, kỹ trị và chính trị có sự phân công vai trò tương đối rõ ràng: Chính trị gia đại diện cho ý chí của dân chúng, đưa ra quyết định dựa trên lợi ích chính trị, xã hội; giới kỹ trị đóng vai trò cố vấn, thực hiện các chính sách dựa trên chuyên môn khoa học, kinh tế, hành chính công. Ở nhiều quốc gia, các nhà

kinh tế học được bổ nhiệm làm bộ trưởng tài chính, các kỹ sư hạ tầng đóng vai trò trong quy hoạch đô thị, nhưng họ vẫn chịu sự giám sát của hệ thống chính trị và các quy trình dân chủ. Tuy nhiên, sự trỗi dậy của các tập đoàn công nghệ, dữ liệu lớn và AI đang phá vỡ cấu trúc này. Các chính trị gia ngày càng phụ thuộc vào giới tinh hoa công nghệ, trong khi giới kỹ trị công nghệ có khả năng tác động trực tiếp đến chính trị mà không cần thông qua các kênh dân chủ truyền thống.

4.2.3 Thách thức đối với giới tinh hoa kỹ trị trong thời đại mới

Mâu thuẫn giữa kỹ trị và dân chủ

Một trong những thách thức căn bản nhất đối với giới tinh hoa kỹ trị trong bối cảnh đương đại là mâu thuẫn ngày càng rõ nét giữa logic kỹ trị và nguyên tắc dân chủ. Kỹ trị nhấn mạnh quản trị dựa trên tri thức chuyên môn, dữ liệu và bằng chứng khoa học, trong khi dân chủ đặt trọng tâm vào sự tham gia của công dân, tính đại diện và trách nhiệm giải trình chính trị. Sự khác biệt này tạo ra căng thẳng nội tại trong các hệ thống chính trị hiện đại, đặc biệt khi phải đối mặt với những vấn đề có độ phức tạp cao như biến đổi khí hậu, dịch bệnh toàn cầu, trí tuệ nhân tạo hay ổn định tài chính quốc tế.

Mâu thuẫn này thể hiện rõ trong quá trình ra quyết định chính sách công, nơi xuất hiện sự đối lập giữa quyết định dựa trên chuyên môn và ý chí của số đông. Trong nhiều trường hợp, các chính phủ buộc phải dựa vào giới chuyên gia để thiết kế và triển khai chính sách, song điều đó không phải lúc nào cũng phản ánh đầy đủ nguyện vọng xã hội. Đại dịch COVID-19 là một ví dụ điển hình: các quyết định phong tỏa, hạn chế đi lại dựa trên khuyến nghị khoa học đã làm gia tăng hiệu quả kiểm soát dịch bệnh, nhưng đồng thời cũng vấp phải sự phản đối do ảnh hưởng đến tự do cá nhân và sinh kế của người dân.

Bên cạnh đó, việc trao quyền ngày càng lớn cho các thiết chế kỹ trị tương đối độc lập như ngân hàng trung ương, ủy ban khoa học hay các tổ chức tài chính quốc tế đã làm dấy lên lo ngại về “thâm hụt dân chủ”. Khi các quyết định có tác động sâu rộng đến đời sống xã hội không còn chịu sự giám sát trực tiếp của cử tri, niềm tin vào thể chế dân chủ có xu hướng suy giảm. Khoảng cách ngày càng lớn giữa giới

ting hoa kỹ trị và quần chúng xã hội đã trở thành một trong những nguyên nhân thúc đẩy sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân túy tại nhiều quốc gia phương Tây.

Do đó, thách thức không nằm ở việc lựa chọn giữa kỹ trị hay dân chủ, mà ở khả năng thiết kế một cơ chế kết hợp hài hòa: trong đó, giới tinh hoa kỹ trị đóng vai trò định hướng, cung cấp tri thức và giải pháp chính sách, nhưng vẫn chịu sự giám sát, phản biện và tham gia thực chất của công chúng.

Cạnh tranh quyền lực với giới chính trị gia truyền thống

Song song với mâu thuẫn kỹ trị – dân chủ là cuộc cạnh tranh quyền lực ngày càng gay gắt giữa giới tinh hoa kỹ trị và các chính trị gia truyền thống. Trong khi chính trị gia được trao quyền thông qua bầu cử và đại diện cho các lợi ích xã hội đa dạng, thì giới tinh hoa kỹ trị lại sở hữu quyền lực dựa trên tri thức chuyên môn và năng lực quản trị kỹ thuật. Sự khác biệt về nguồn gốc tính chính danh và phương thức điều hành đã tạo ra xung đột trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách.

Trong nhiều lĩnh vực then chốt như tài chính, môi trường, công nghệ hay y tế công cộng, vai trò của giới tinh hoa kỹ trị ngày càng lấn át các quyết định mang tính chính trị truyền thống. Điều này làm gia tăng cảm nhận về “khoảng cách dân chủ”, khi người dân cho rằng các chính sách quan trọng được quyết định bởi các chuyên gia ít chịu trách nhiệm chính trị. Ngược lại, dưới áp lực dân túy, một số chính trị gia tìm cách làm suy yếu vai trò của giới kỹ trị, gạt bỏ các phân tích khoa học để theo đuổi các mục tiêu ngắn hạn nhằm đáp ứng kỳ vọng cử tri.

Xung đột này đặc biệt rõ nét trong quản trị kinh tế và công nghệ. Trong khi giới tinh hoa kinh tế thường ủng hộ toàn cầu hóa và tự do thương mại, nhiều chính trị gia lại chịu áp lực bảo hộ từ cử tri trong nước. Tương tự, trong lĩnh vực công nghệ cao, các chính trị gia mong muốn tăng cường kiểm soát các tập đoàn công nghệ lớn nhằm bảo vệ an ninh dữ liệu và trật tự xã hội, trong khi giới kỹ trị công nghệ lại lo ngại các quy định quá chặt chẽ sẽ kìm hãm đổi mới sáng tạo.

Cuộc cạnh tranh giữa hai lực lượng này không chỉ là tranh chấp quyền lực thuần túy, mà phản ánh sự biến đổi sâu sắc trong mô hình quản trị quốc gia, nơi ranh giới giữa chính trị và kỹ thuật ngày càng trở nên mờ nhạt.

Sự chi phối của các tập đoàn công nghệ và trật tự quyền lực mới

Một thách thức mang tính cấu trúc khác đối với giới tinh hoa kỹ trị trong thời đại mới là sự trỗi dậy và chi phối ngày càng mạnh mẽ của các tập đoàn công nghệ lớn. Big Tech không chỉ định hình nền kinh tế số, mà còn góp phần kiến tạo một tầng lớp tinh hoa kỹ trị mới với ảnh hưởng sâu rộng đến chính sách công và quản trị xã hội.

Thông qua việc tập trung nguồn lực tài chính, dữ liệu và công nghệ, các tập đoàn công nghệ đã xây dựng một hệ sinh thái nuôi dưỡng giới chuyên gia trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, an ninh mạng và công nghệ sinh học số. Nhiều chuyên gia trong số này không chỉ hoạt động trong khu vực tư nhân, mà còn tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình hoạch định chính sách, qua đó làm gia tăng ảnh hưởng của logic kỹ trị trong quản trị nhà nước.

Sự phát triển của các mô hình ra quyết định dựa trên thuật toán và dữ liệu lớn đã thúc đẩy xu hướng “quản trị bằng thuật toán”, trong đó vai trò của các chính trị gia truyền thống bị thu hẹp tương đối. Điều này làm xuất hiện một dạng quyền lực mới, nơi các tập đoàn công nghệ và giới kỹ trị giữ vị trí trung tâm trong việc kiểm soát thông tin, dữ liệu và các hạ tầng số then chốt của xã hội.

Tuy nhiên, chính sự gia tăng quyền lực này cũng làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa Big Tech và các nhà nước quốc gia. Trong khi chính phủ tìm cách siết chặt kiểm soát pháp lý đối với các tập đoàn công nghệ nhằm bảo vệ chủ quyền dữ liệu và lợi ích công cộng, thì giới tinh hoa kỹ trị trong các tập đoàn này thường ủng hộ mô hình tự quản và phản đối sự can thiệp chính trị. Cuộc đối đầu này cho thấy sự tái cấu trúc của trật tự quyền lực đương đại, trong đó quyền lực không còn tập trung độc quyền trong tay nhà nước, mà được phân tán giữa các thiết chế chính trị, giới tinh hoa kỹ trị và các tập đoàn công nghệ toàn cầu.

4.3. TRIỂN VỌNG VÀ THÁCH THỨC CỦA GIỚI TINH HOA KỸ TRỊ Ở NHẬT BẢN, SINGAPORE VÀ TRUNG QUỐC

4.3.1. Triển vọng và thách thức đối với giới tinh hoa kỹ trị ở Nhật Bản

- *Triển vọng của giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản*

Trong những năm tới, giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản vẫn có nhiều cơ hội để duy trì và củng cố ảnh hưởng, nhờ vào ba yếu tố nền tảng: truyền thống quan liêu

chuyên nghiệp, nhu cầu ổn định chính sách trong môi trường biến động, và tầm quan trọng của các lĩnh vực đòi hỏi chuyên môn sâu như công nghiệp công nghệ cao, năng lượng và an ninh mạng.

Thứ nhất, nền tảng chuyên môn và uy tín lâu dài của bộ máy quan liêu Nhật Bản giúp giới kỹ trị tiếp tục đóng vai trò then chốt trong hoạch định và triển khai chính sách. Những lĩnh vực như chuyển đổi số, cải cách năng lượng, ứng phó biến đổi khí hậu, và điều chỉnh quan hệ thương mại – đầu tư quốc tế đòi hỏi năng lực phân tích và thiết kế giải pháp mà giới chính trị gia khó có thể đảm nhận độc lập.

Thứ hai, yêu cầu về ổn định và tính liên tục trong chiến lược phát triển vẫn khiến chính phủ Nhật Bản phụ thuộc vào kiến thức và kinh nghiệm của giới kỹ trị. Trong bối cảnh dân số già hóa, áp lực duy trì sức cạnh tranh toàn cầu, và thách thức từ các khủng hoảng an ninh khu vực, những quyết sách đòi hỏi tầm nhìn dài hạn và tính kỹ thuật cao sẽ tiếp tục đặt giới kỹ trị vào trung tâm.

Thứ ba, cơ hội mở rộng ảnh hưởng thông qua hợp tác đa lĩnh vực đang gia tăng. Việc kết nối với khu vực tư nhân, viện nghiên cứu quốc tế và các mạng lưới chuyên gia toàn cầu không chỉ giúp giới kỹ trị cập nhật nhanh công nghệ mới mà còn mở rộng khả năng ảnh hưởng ra ngoài khuôn khổ hành chính truyền thống.

Tuy vẫn phải đối diện với áp lực thích ứng nhanh và cạnh tranh tri thức từ bên ngoài, giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản vẫn có triển vọng giữ vai trò “bộ não chiến lược” của quốc gia, nếu họ kết hợp được thế mạnh truyền thống với khả năng đổi mới và hợp tác xuyên biên giới.

Giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản đang đứng trước một giai đoạn chuyển đổi quan trọng với nhiều triển vọng nhưng cũng không ít thách thức. Họ có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hiện đại hóa nền kinh tế, định hình chính sách đối ngoại và thúc đẩy sự đổi mới trong lĩnh vực công nghệ, năng lượng. Tuy nhiên, họ cũng phải đối mặt với những hạn chế từ hệ thống quan liêu, dân số già hóa, xung đột địa chính trị và áp lực chính trị nội bộ. Để vượt qua những thách thức này, Nhật Bản cần một môi trường chính sách linh hoạt hơn, tăng cường phối hợp giữa chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức học thuật nhằm tạo điều kiện cho giới tinh hoa kỹ trị phát huy vai trò dẫn dắt trong quá trình hoạch định chính sách. Nếu thành công, họ sẽ góp

phần đưa Nhật Bản trở thành một quốc gia có nền kinh tế sáng tạo, bền vững và có vị thế vững chắc trên trường quốc tế.

- *Thách thức đặt ra đối với giới tinh hoa kỹ trị ở Nhật Bản*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và những biến động phức tạp của thế kỷ 21, giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản vẫn giữ một vai trò không thể phủ nhận trong việc thiết kế và triển khai chính sách quốc gia. Họ là những công chức cao cấp, được tuyển chọn kỹ lưỡng và đào tạo bài bản, trở thành trụ cột tri thức và chuyên môn của bộ máy nhà nước. Đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế vĩ mô, công nghiệp chiến lược, an ninh năng lượng, và chuyển đổi số, sự ổn định và liên tục của chính sách quốc gia phần lớn được bảo đảm nhờ vào đội ngũ này. Truyền thống chuyên nghiệp của bộ máy quan liêu Nhật Bản, vốn được hình thành từ thời Minh Trị, cho phép họ trở thành nguồn cung cấp tri thức, phân tích và các giải pháp kỹ thuật cốt lõi cho nội các, bất kể sự thay đổi chính phủ.

Tuy nhiên, vị thế "kiến trúc sư" chính sách độc lập của giới kỹ trị đang đối mặt với những giới hạn và thách thức rõ rệt, buộc họ phải thích ứng để duy trì ảnh hưởng.

Giới hạn về quyền lực chính trị: Các cuộc cải cách chính trị diễn ra từ những năm 1990, đặc biệt là dưới thời Thủ tướng Hashimoto Ryutaro, đã làm giảm đáng kể quyền lực độc lập của các bộ và quan chức cao cấp. Mục tiêu của các cải cách này là tập trung quyền lực vào tay Thủ tướng và Văn phòng Nội các (Cabinet Office), giúp quá trình ra quyết định nhanh chóng và hiệu quả hơn. Theo nghiên cứu của giáo sư Robert Pekkanen từ Đại học Washington, sự thay đổi này đã chuyển vai trò của giới kỹ trị từ vị trí "kiến trúc sư" sang "người thực thi" các quyết sách do thủ tướng và đội ngũ chính trị hoạch định. Điều này tạo ra một cơ chế ra quyết sách tập trung hơn, nơi các yếu tố chính trị đóng vai trò chi phối, trong khi giới kỹ trị chủ yếu cung cấp dữ liệu và phương án kỹ thuật để hiện thực hóa các mục tiêu đã đề ra.

Áp lực phản ứng nhanh trước biến động: Môi trường quốc tế hiện nay, với sự cạnh tranh công nghệ quyết liệt giữa Mỹ và Trung Quốc, hay những biến động địa chính trị phức tạp, đòi hỏi các quốc gia phải có khả năng ra quyết sách nhanh

chóng. Điều này tạo ra sức ép lớn lên phong cách làm việc truyền thống của bộ máy quan liêu Nhật Bản, vốn nổi tiếng với sự thận trọng, nghiên cứu kỹ lưỡng và tìm kiếm sự đồng thuận (*nemawashi*). Tốc độ của các cuộc cách mạng công nghiệp mới như AI, công nghệ sinh học, và công nghệ lượng tử đòi hỏi những phản ứng chính sách kịp thời, không thể chờ đợi các quy trình phức tạp và kéo dài của bộ máy truyền thống. Theo một phân tích của *The Japan Times*, sự chậm chạp trong việc đưa ra các chính sách liên quan đến chuyển đổi số đã cho thấy rõ những hạn chế này.

Cạnh tranh từ khu vực tư nhân và chuyên gia ngoài nhà nước: Một thách thức khác đối với giới kỹ trị là sự nổi lên của các chuyên gia và tổ chức tư vấn bên ngoài bộ máy nhà nước. Các tập đoàn công nghệ lớn, viện nghiên cứu độc lập (*think tanks*) và các tổ chức tư vấn quốc tế như McKinsey hay Boston Consulting Group ngày càng tham gia sâu vào quá trình hoạch định chính sách. Họ mang đến những góc nhìn mới, công nghệ tiên tiến và tốc độ phân tích nhanh, tạo ra sức ép cạnh tranh tri thức trực tiếp với các bộ, ngành. Trong bối cảnh này, các chính trị gia và văn phòng nội các có xu hướng tìm kiếm lời khuyên từ nhiều nguồn khác nhau, không chỉ dựa vào bộ máy quan liêu truyền thống.

Như vậy, trong những năm tới, giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản vẫn sẽ nắm giữ một vai trò then chốt về mặt kỹ thuật và chuyên môn, đặc biệt trong việc duy trì sự ổn định và liên tục của các chính sách quốc gia. Tuy nhiên, họ buộc phải thích ứng với những thay đổi cơ bản trong cơ chế quản trị. Giới tinh hoa kỹ trị Nhật Bản sẽ không còn là những "kiến trúc sư" độc quyền, mà sẽ trở thành một phần quan trọng trong một hệ sinh thái hoạch định chính sách phức tạp, năng động và đa chiều hơn.

4.3.2. Triển vọng và thách thức đối với giới tinh hoa kỹ trị ở Singapore

- *Triển vọng của giới tinh hoa kỹ trị ở Singapore*

Trong những năm tới, giới tinh hoa kỹ trị Singapore gần như chắc chắn sẽ tiếp tục duy trì vai trò trụ cột tuyệt đối trong hoạch định và điều hành chính sách quốc gia. Sự gắn kết chặt chẽ giữa Đảng Hành động Nhân dân (PAP) và đội ngũ kỹ trị không chỉ bảo đảm tính ổn định thể chế mà còn duy trì tính liên tục và kỷ luật trong chiến lược phát triển. Đây là nền tảng để Singapore tiếp tục khai thác lợi thế

cạnh tranh trong các lĩnh vực mũi nhọn như chuyển đổi số toàn diện, phát triển kinh tế xanh, y tế thông minh, an ninh năng lượng và quản trị đô thị bền vững – những lĩnh vực mang tính sống còn trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt.

Giới kỹ trị Singapore nổi bật ở khả năng nắm bắt sớm xu hướng toàn cầu và tích hợp chúng vào chính sách nội địa thông qua mô hình “chính phủ thông minh”, kết hợp dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và phân tích dự báo để nâng cao hiệu quả điều hành. Nhờ vậy, họ không chỉ củng cố vị thế Singapore như một trung tâm tài chính – công nghệ hàng đầu châu Á, mà còn mở rộng ảnh hưởng ra ngoài phạm vi quốc gia bằng cách xuất khẩu mô hình quản trị, tiêu chuẩn công nghệ và giải pháp hạ tầng số cho các quốc gia đang phát triển. Điều này gia tăng sức mạnh mềm và củng cố thương hiệu “Singapore – biểu tượng của quản trị hiệu quả”.

Thế hệ lãnh đạo kỹ trị mới – đa phần được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng ở Mỹ, Anh, Úc và có trải nghiệm làm việc ở cả khu vực công lẫn tư – sẽ tạo ra sự chuyển giao thế hệ êm mượt, bảo đảm không xảy ra “khoảng trống lãnh đạo” khi các nhân vật chủ chốt hiện tại rời nhiệm sở. Họ mang lại năng lượng mới, cách tiếp cận đa chiều và khả năng phối hợp chặt chẽ hơn với khu vực doanh nghiệp toàn cầu.

Tuy nhiên, triển vọng bền vững vẫn phụ thuộc vào khả năng cân bằng giữa hiệu quả kỹ trị và nhu cầu tham gia của xã hội dân sự. Trong một xã hội có trình độ dân trí cao và môi trường thông tin mở như Singapore, yêu cầu minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham vấn cộng đồng ngày càng mạnh mẽ. Nếu đội ngũ kỹ trị biết mở rộng kênh tham vấn, tích hợp trí thức ngoài nhà nước và tăng tính linh hoạt trong điều hành, Singapore sẽ tiếp tục giữ vững vị thế là hình mẫu toàn cầu về quản trị hiệu quả, linh hoạt và định hướng tương lai, ngay cả trong môi trường quốc tế nhiều biến động.

- *Thách thức đặt ra đối với giới tinh hoa kỹ trị ở Singapore*

Trong tương lai gần, giới tinh hoa kỹ trị ở Singapore nhiều khả năng vẫn duy trì vị thế trung tâm trong cấu trúc quyền lực quốc gia, nhờ vào mối gắn kết chặt chẽ giữa giới chuyên môn và giới lãnh đạo chính trị, đặc biệt trong khuôn khổ Đảng Hành động Nhân dân (PAP). Mô hình “chính trị hợp nhất với kỹ trị” đã trở thành đặc trưng

của hệ thống Singapore, trong đó các lãnh đạo vừa có nền tảng khoa học – kỹ thuật hoặc quản lý công, vừa trực tiếp giữ các vị trí hoạch định và thực thi chính sách.

Giới tinh hoa kỹ trị ở Singapore tiếp tục đóng vai trò đầu tàu trong việc hoạch định và điều phối các chiến lược phát triển quốc gia, đặc biệt ở những lĩnh vực đòi hỏi tầm nhìn dài hạn và năng lực chuyên môn sâu như kinh tế vĩ mô, chuyển đổi số, quản trị đô thị thông minh, an ninh năng lượng, và quản lý khủng hoảng y tế – môi trường. Sự kết hợp giữa năng lực chuyên môn và quyền lực chính trị trực tiếp giúp họ không chỉ đưa ra các định hướng chiến lược mà còn đảm bảo khả năng triển khai nhanh chóng, đồng bộ từ trung ương tới địa phương. Điều này tạo nên tính nhất quán và hiệu quả cao trong thực thi chính sách, yếu tố mà nhiều quốc gia khác khó đạt được. Mức độ tin tưởng của công chúng đối với năng lực và tính hiệu quả của bộ máy nhà nước vẫn duy trì ở mức cao, nhờ vào thành tích ổn định tăng trưởng kinh tế, kiểm soát tốt tội phạm, giữ vững an ninh xã hội, và quản lý minh bạch. Sự tin tưởng này không chỉ củng cố quyền lực chính trị của giới kỹ trị trong nội bộ PAP, mà còn giảm thiểu rủi ro phản đối chính sách từ xã hội dân sự.

Thành công nổi bật của Singapore trong quản lý dịch bệnh COVID-19, phát triển cơ sở hạ tầng đẳng cấp thế giới (như cảng biển, sân bay, hệ thống giao thông công cộng), cùng khả năng thu hút và giữ chân các tập đoàn đa quốc gia, đã nâng tầm ảnh hưởng của chế độ kỹ trị Singapore trên trường quốc tế. Hình ảnh Singapore như một “nhà nước thành phố” hiệu quả và đáng tin cậy không chỉ mang lại lợi ích về kinh tế – ngoại giao, mà còn tạo ra vốn chính trị giúp giới tinh hoa kỹ trị duy trì vị thế chiến lược trong dài hạn.

Mặc dù giữ vị trí gần như tuyệt đối trong hệ thống chính trị – hành chính, giới tinh hoa kỹ trị Singapore cũng đang đối mặt với một số giới hạn tiềm ẩn.

Thứ nhất, sự tập trung quyền lực quá mức vào một nhóm lãnh đạo kỹ trị tinh hoa có thể làm giảm tính đa dạng quan điểm trong quá trình hoạch định chính sách. Trong bối cảnh môi trường toàn cầu biến động nhanh, đặc biệt là với những thách thức phi truyền thống như biến đổi khí hậu, cạnh tranh công nghệ Mỹ – Trung, hay khủng hoảng chuỗi cung ứng, thiếu đi góc nhìn từ các nhóm xã hội rộng rãi có thể dẫn đến nguy cơ thiếu linh hoạt về chiến lược.

Thứ hai, mô hình kỹ trị của Singapore phụ thuộc nặng vào uy tín và thành tích của đội ngũ hiện tại. Bất kỳ thất bại chính sách nghiêm trọng nào, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như y tế, an ninh mạng hay an sinh xã hội, đều có thể làm suy giảm lòng tin công chúng – vốn là nền tảng duy trì quyền lực của chế độ kỹ trị.

Thứ ba, áp lực thích ứng với công nghệ mới và xu hướng toàn cầu đòi hỏi giới kỹ trị phải liên tục nâng cấp năng lực chuyên môn. Tuy nhiên, quy trình tuyển chọn và đào tạo khắt khe có thể khiến bộ máy khó bổ sung nhanh nhân lực từ các ngành công nghệ mới nổi, tạo ra khoảng trống tri thức tạm thời.

Cuối cùng, dù mô hình kỹ trị – chính trị hợp nhất của Singapore tạo ra hiệu quả quản trị cao, nhưng nó cũng tiềm ẩn rủi ro “đồng thuận cưỡng bức”, nơi các quyết định ít bị kiểm tra – phản biện từ bên ngoài. Điều này có thể hạn chế khả năng điều chỉnh chính sách khi bối cảnh thay đổi nhanh, và trong dài hạn, đặt ra câu hỏi về mức độ bền vững của hệ thống nếu không mở rộng kênh tham vấn xã hội.

4.3.3. Triển vọng và thách thức đối với giới tinh hoa kỹ trị ở Trung Quốc

- *Triển vọng của giới tinh hoa kỹ trị Trung Quốc*

Trong những năm tới, giới tinh hoa kỹ trị Trung Quốc được dự báo sẽ tiếp tục đóng vai trò trụ cột trong quá trình thực hiện các mục tiêu chiến lược quốc gia, đặc biệt trong công nghệ cao, công nghiệp quốc phòng, an ninh năng lượng và hạ tầng thông minh. Các sáng kiến lớn như “Made in China 2025”, “Chiến lược AI quốc gia”, và chuyển đổi sang nền kinh tế xanh – tuần hoàn sẽ tạo ra nhu cầu cao về đội ngũ cán bộ có chuyên môn sâu và khả năng quản lý dự án quy mô lớn.

Dưới sự lãnh đạo tập trung của Đảng, giới kỹ trị có triển vọng phát huy tối đa thế mạnh trong việc chuyển hóa tầm nhìn chính trị thành kế hoạch khả thi, đồng thời triển khai các dự án với tốc độ nhanh và quy mô lớn. Cấu trúc thể chế hiện tại cho phép họ tiếp cận trực tiếp nguồn lực quốc gia, từ vốn đầu tư công, nhân lực chất lượng cao đến hạ tầng nghiên cứu – phát triển (R&D) trọng điểm.

Một điểm mạnh khác là sự hội nhập giữa giới kỹ trị nhà nước và khu vực công nghệ tư nhân chiến lược. Chính quyền đang thúc đẩy hợp tác chặt chẽ giữa các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu (Huawei, Tencent, BYD, CATL...) và các cơ quan hoạch định chính sách, giúp giới kỹ trị duy trì ảnh hưởng trong toàn bộ hệ sinh thái công nghệ quốc gia.

Ngoài ra, xu hướng quân sự – dân sự kết hợp sẽ mở rộng phạm vi hoạt động của giới kỹ trị sang cả lĩnh vực quốc phòng tiên tiến, tạo vị thế đặc biệt so với các quốc gia có mô hình quản trị tách biệt giữa dân sự và quân sự. Về dài hạn, nếu Trung Quốc duy trì được tốc độ đổi mới công nghệ và khả năng chống chịu trước áp lực từ cạnh tranh chiến lược với Mỹ và các nước phương Tây, giới tinh hoa kỹ trị sẽ không chỉ giữ vai trò “đầu tàu” trong nước mà còn trở thành lực lượng chủ chốt đưa Trung Quốc trở thành cường quốc công nghệ toàn cầu. Giới tinh hoa kỹ trị Trung Quốc đang ở một thời điểm đầy thách thức nhưng cũng có nhiều cơ hội. Họ có vai trò quan trọng trong chiến lược tự lực công nghệ, tái cơ cấu kinh tế và điều chỉnh chính sách đối ngoại. Tuy nhiên, sự tập trung quyền lực vào Đảng, áp lực từ nền kinh tế giảm tốc và cạnh tranh địa chính trị với phương Tây đang đặt ra nhiều rào cản cho nhóm này. Để duy trì và phát huy vai trò của giới kỹ trị, Trung Quốc cần cân bằng giữa chính trị và khoa học, tạo không gian linh hoạt hơn cho các chuyên gia đóng góp ý kiến mà không bị ràng buộc quá chặt vào tư tưởng chính trị. Nếu làm được điều này, giới tinh hoa kỹ trị có thể giúp Trung Quốc đạt được các mục tiêu chiến lược dài hạn mà nước này đặt ra.

- *Thách thức đặt ra đối với giới tinh hoa kỹ trị ở Trung Quốc*

Trong giai đoạn sắp tới, giới tinh hoa kỹ trị vẫn là một trụ cột không thể thiếu trong cấu trúc quyền lực và vận hành chính sách của Trung Quốc, song họ cũng đứng trước những thách thức trong triển khai các chiến lược quan trọng. Họ giữ vai trò trung tâm trong việc triển khai các chiến lược trọng yếu như phát triển công nghệ cao, thúc đẩy công nghiệp quốc phòng, bảo đảm an ninh năng lượng và xây dựng các dự án hạ tầng quy mô lớn. Với nền tảng chuyên môn sâu về kỹ thuật, khoa học và quản lý, giới kỹ trị tiếp tục là lực lượng thực thi then chốt để hiện thực hóa các mục tiêu dài hạn như “Hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa” hay “Tự cường công nghệ”, được nhấn mạnh trong các Kế hoạch 5 năm gần đây.

Điểm nổi bật của Trung Quốc là sự kết hợp chặt chẽ giữa kỹ trị và quyền lực chính trị tập trung. Kể từ sau Đại hội XIX của Đảng Cộng sản Trung Quốc (2017), đội ngũ kỹ trị cấp cao thường xuất thân từ các lĩnh vực công nghệ chiến lược như

hàng không vũ trụ, trí tuệ nhân tạo, năng lượng hạt nhân và kỹ thuật quân sự. Hội nghị toàn thể lần thứ 5 của Đảng Cộng sản Trung Quốc vào tháng 10/2020 đã thông qua các đề xuất về việc xây dựng Kế hoạch 5 năm lần thứ 14 (FYP) của Trung Quốc (2021-2025) và tầm nhìn phát triển đến năm 2035. Trong đó, tập trung mạnh vào đổi mới công nghệ bản địa và các năng lực trong nước khác “Trung Quốc đặt mục tiêu khắc phục các khâu yếu kém, nhất là công nghệ bán dẫn, công nghệ phần mềm, đồng thời nhấn mạnh, các bộ phận quan trọng của chuỗi giá trị phải nằm tại Trung Quốc. Trong 5 năm tới, nước này xác định sẽ đầu tư mạnh cho các lĩnh vực đất hiếm, vật liệu đặc biệt, robot, phương tiện năng lượng mới, phát minh y học, các ứng dụng công nghiệp từ hệ thống định vị vệ tinh toàn cầu Bắc Đẩu...” [25], theo đó, Trung Quốc xác định sáng tạo và tự lực tự cường về khoa học công nghệ là nhóm giải pháp được đặt lên hàng đầu. Cả FYP lần thứ 14 và Tầm nhìn 2035 đều cần thiết để Trung Quốc tránh "bẫy thu nhập trung bình", một giai đoạn phát triển mà một quốc gia đang phát triển đạt được một mức thu nhập nhất định nhưng sau đó trì trệ và thất bại khi không hoàn thành công nghiệp hóa và hiện đại hóa vì không thể tiến triển từ sản xuất chi phí thấp lên các ngành công nghiệp công nghệ cao. Đại hội XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 10-2022) cũng đã đề ra chiến lược xây dựng Trung Quốc trở thành “cường quốc khoa học - công nghệ” vào năm 2035, điều này giúp bảo đảm rằng năng lực chuyên môn gắn trực tiếp với các ưu tiên an ninh quốc gia, đồng thời củng cố tốc độ triển khai chính sách – một lợi thế lớn so với các mô hình quản trị phân quyền.

Tuy nhiên, vị thế này cũng đi kèm với giới hạn rõ rệt. Không gian tự chủ của giới tinh hoa kỹ trị bị thu hẹp do sự ưu tiên tuyệt đối của yếu tố chính trị – ý thức hệ. Tất cả các quyết sách lớn phải phù hợp với định hướng của Ban Thường vụ Bộ Chính trị và cá nhân Tổng Bí thư. Điều này giúp tránh xung đột chiến lược nhưng đồng thời có thể làm giảm khả năng thử nghiệm chính sách hoặc đưa ra các khuyến nghị đi ngược quan điểm chính trị hiện hành. So với thời kỳ Giang Trạch Dân – Hồ Cẩm Đào, khi tỷ lệ lãnh đạo xuất thân kỹ thuật cao và quyền tự chủ chuyên môn rộng hơn, hiện nay giới kỹ trị đã dịch chuyển sang mô hình “chuyên môn phục vụ quyền lực chính trị tối cao”.

Ngoài ra, sự phụ thuộc vào bộ máy kỹ trị nhà nước cũng đối mặt với thách thức cạnh tranh từ khu vực tư nhân công nghệ, vốn đang là nơi hội tụ nhân tài công nghệ hàng đầu và đổi mới nhanh hơn. Nếu không duy trì được mối liên kết hiệu quả với các nguồn lực ngoài nhà nước, giới tinh hoa kỹ trị Trung Quốc có nguy cơ mất lợi thế sáng tạo, chỉ còn đóng vai trò điều phối và quản lý hơn là dẫn dắt đổi mới. Việc thăng chức cho các nhà kỹ trị phục vụ cho mục tiêu dài hạn của Trung Quốc đã thúc đẩy đổi mới sáng tạo để hỗ trợ phát triển công nghệ đang trở nên nổi bật trong chương trình nghị sự của Trung Quốc. Căng thẳng giữa các nhà kỹ trị có đào tạo về khoa học và công nghệ và các quan chức có trình độ khoa học xã hội và nhân văn có thể leo thang do sự khác biệt về tư duy và phong cách quản lý của họ.

4.4. MỘT SỐ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

4.4.1. Bối cảnh mới và nhu cầu phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật, có năng lực quản trị ở Việt Nam

Bối cảnh mới

Bối cảnh quốc tế và trong nước giai đoạn hiện nay đang chứng kiến những biến đổi mang tính cấu trúc, làm thay đổi sâu sắc logic vận hành của nhà nước và phương thức quản trị quốc gia. Những chuyển dịch này không chỉ đặt ra yêu cầu cải cách thể chế, mà còn trực tiếp làm xuất hiện nhu cầu cấp thiết về một đội ngũ cán bộ có sự kết hợp giữa bản lĩnh chính trị vững vàng và năng lực chuyên môn, phân tích, điều hành hiện đại.

Trước hết, sự chuyển dịch của cấu trúc quyền lực trong kỷ nguyên số đang làm thay đổi nền tảng của quản trị nhà nước. Nếu trong mô hình truyền thống, quyền lực chủ yếu dựa trên thẩm quyền hành chính và hệ thống mệnh lệnh – thứ bậc, thì trong bối cảnh mới, quyền lực ngày càng gắn với năng lực xử lý thông tin, phân tích dữ liệu và thiết kế chính sách dựa trên bằng chứng. Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các nền tảng số khiến quản trị quốc gia trở thành một quá trình mang tính kỹ thuật cao, đòi hỏi khả năng dự báo, mô hình hóa và tối ưu hóa chính sách. Trong bối cảnh đó, đội ngũ cán bộ nếu chỉ dựa vào kinh nghiệm hành chính sẽ không còn đủ năng lực đáp ứng yêu cầu điều hành, mà cần được trang bị tư duy dựa trên dữ liệu, bằng chứng và phương pháp khoa học.

Thứ hai, môi trường quốc tế đang chuyển sang trạng thái “bất định, khó lường” với mức độ cạnh tranh quyền lực ngày càng gay gắt. Cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, đặc biệt là giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, không chỉ diễn ra trong lĩnh vực quân sự mà mở rộng sang công nghệ, thương mại, chuỗi cung ứng và tiêu chuẩn toàn cầu. Các xu hướng như tái cấu trúc chuỗi cung ứng, “friend-shoring”, “near-shoring” hay tách rời công nghệ (decoupling) đang làm gia tăng tính bất ổn của môi trường phát triển. Điều này buộc các quốc gia, trong đó có Việt Nam, phải thường xuyên điều chỉnh chính sách trước những biến động nhanh chóng và khó lường của tình hình thế giới. Do đó, đội ngũ cán bộ cần có năng lực phân tích chính sách theo kịch bản, đánh giá rủi ro và ra quyết định trong điều kiện bất định – những năng lực cốt lõi của một hệ thống cán bộ mang tính kỹ trị.

Thứ ba, yêu cầu chuyển đổi mô hình phát triển của Việt Nam đang tạo áp lực trực tiếp lên chất lượng đội ngũ cán bộ. Quá trình chuyển từ mô hình tăng trưởng dựa vào lao động giá rẻ và khai thác tài nguyên sang mô hình dựa trên đổi mới sáng tạo, năng suất và kinh tế tri thức đòi hỏi nhà nước phải đóng vai trò kiến tạo phát triển ở trình độ cao hơn. Việc triển khai các chiến lược lớn như chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn hay tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu đều yêu cầu năng lực thiết kế chính sách phức hợp, liên ngành và dài hạn. Trong bối cảnh đó, cán bộ không chỉ là người thực thi chính sách, mà phải trở thành “kỹ sư chính sách” – có khả năng thiết kế, điều chỉnh và tối ưu hóa các công cụ phát triển.

Thứ tư, áp lực cải cách thể chế và nâng cao hiệu quả quản trị công đang chuyển đổi tiêu chuẩn đánh giá cán bộ. Quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền, tinh gọn bộ máy và tăng cường kiểm soát quyền lực đòi hỏi quản trị nhà nước phải chuyển từ “quản lý theo quy trình” sang “quản trị theo kết quả”. Chính sách công ngày càng phải được lượng hóa, đo lường và đánh giá dựa trên hiệu quả thực tế. Điều này làm thay đổi căn bản yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ: từ chỗ nhấn mạnh kinh nghiệm và tuân thủ quy trình sang nhấn mạnh năng lực phân tích, thực thi và tạo ra kết quả cụ thể.

Thứ năm, biến đổi xã hội trong điều kiện số hóa đang làm gia tăng áp lực từ phía người dân và xã hội đối với bộ máy nhà nước. Sự phát triển của internet và

mạng xã hội đã hình thành một không gian công cộng mới, nơi thông tin được lan truyền nhanh chóng và khả năng giám sát xã hội ngày càng mạnh mẽ. Theo cách tiếp cận của Jürgen Habermas, không gian công cộng hiện đại không còn bị giới hạn trong các thiết chế truyền thống mà đã mở rộng sang môi trường số, làm thay đổi quan hệ giữa nhà nước và công dân. Trong bối cảnh đó, cán bộ không chỉ cần năng lực quản lý mà còn phải có khả năng truyền thông chính sách, tương tác với xã hội và xử lý các vấn đề phát sinh trong môi trường truyền thông số – những năng lực mang tính kỹ trị rõ rệt.

Tổng hợp các yếu tố trên cho thấy, bối cảnh mới đang tạo ra một sự chuyển dịch mang tính hệ thống: từ mô hình nhà nước hành chính sang mô hình nhà nước kiến tạo, từ quản lý dựa trên kinh nghiệm sang quản trị dựa trên tri thức và dữ liệu. Trong chuyển dịch đó, nhu cầu phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và có năng lực quản trị ở Việt Nam không chỉ là yêu cầu cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, mà là điều kiện mang tính nền tảng để nâng cao năng lực nhà nước, bảo đảm hiệu quả quản trị và duy trì tự chủ chiến lược trong một thế giới ngày càng phức tạp và cạnh tranh.

Nhu cầu phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và có năng lực quản trị ở Việt Nam

Mục tiêu mà Đảng ta đề ra là “đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hoá tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, là một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc” [4], quá trình đổi mới toàn diện đất nước và hội nhập quốc tế sâu rộng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, khoa học, hiệu lực và hiệu quả. Chuyển đổi số quốc gia, vì vậy, không chỉ là một quá trình kỹ thuật – công nghệ, mà là một nội dung quan trọng của đổi mới mô hình phát triển, đổi mới phương thức quản trị nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Theo đó, Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh: “xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của hệ thống chính trị, nhất là cán bộ cấp chiến lược và cấp cơ sở thật sự tiêu biểu, có tư duy, năng lực quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước” [4]

Nhận thức rõ yêu cầu đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn phát triển hiện nay. Theo đó, nhu cầu hình thành và phát triển đội ngũ cán bộ có chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị nhà nước trở nên ngày càng rõ nét.

Nếu trong cách hiểu cổ điển của khoa học chính trị phương Tây, “kỹ trị” thường được gắn với vai trò chi phối của giới chuyên gia trong quá trình ra quyết định, thì trong điều kiện Việt Nam, việc phát triển đội ngũ cán bộ có chuyên môn khoa học kỹ thuật và có năng lực quản trị được xác định như một sự bổ sung về năng lực trong khuôn khổ bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. Nói cách khác, họ không phải là “chuyên gia phi chính trị”, mà là chủ thể chính trị có năng lực chuyên môn và quản trị hiện đại, họ là những cán bộ thế hệ mới, với sự hội tụ ba yếu tố: vững về chính trị – sâu về chuyên môn – hiện đại về quản trị. Đây không chỉ là sự bổ sung về kỹ năng, mà là sự nâng cấp về chất của đội ngũ cán bộ, nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi từ nhà nước quản lý sang nhà nước kiến tạo phát triển trong kỷ nguyên số và toàn cầu hóa phức tạp hiện nay. Nhu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ có chuyên môn khoa học kỹ thuật và có năng lực quản trị ở Việt Nam không chỉ xuất phát từ xu hướng chung của quản trị hiện đại, mà còn bắt nguồn từ những áp lực mang tính cấu trúc của quá trình phát triển. Có thể khái quát bốn nguyên nhân chủ yếu sau:

(1) Độ phức tạp của chính sách tăng mạnh: Trong giai đoạn hiện nay, chính sách công không còn là những quyết định mang tính đơn tuyến, mà ngày càng trở thành các bài toán liên ngành, đa biến và có độ bất định cao. Các lĩnh vực then chốt như công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), chuyển đổi năng lượng hay kinh tế số đều đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa công nghệ, kinh tế, pháp lý và địa chính trị. Một chính sách phát triển ngành bán dẫn không chỉ là vấn đề công nghiệp, mà còn liên quan đến: Chuỗi cung ứng toàn cầu, Kiểm soát công nghệ và an ninh quốc gia, Chính sách đầu tư, nhân lực và tiêu chuẩn quốc tế. Do đó, độ phức tạp gia tăng của chính sách chính là yếu tố trực tiếp làm nổi bật vai trò của đội ngũ cán bộ có năng lực phân tích, thiết kế và điều hành chính sách ở trình độ cao.

(2) Khoảng cách giữa chính sách và thực thi: Một vấn đề mang tính “điểm nghẽn” trong quản trị ở Việt Nam là độ vênh giữa hoạch định chính sách và triển khai thực tế. Trên thực tế, không ít chính sách: đúng về định hướng, phù hợp về chủ trương nhưng lại: chậm đi vào cuộc sống, bị “tắc” ở cấp thực thi, không đạt được hiệu quả như kỳ vọng. Nguyên nhân cốt lõi của hiện tượng này không chỉ nằm ở thể chế hay nguồn lực, mà còn là thiếu đội ngũ cán bộ có khả năng cụ thể hóa mục tiêu thành chương trình hành động; thiết kế quy trình triển khai khả thi, điều phối các chủ thể liên quan, theo dõi và điều chỉnh chính sách trong quá trình thực hiện.

(3) Cạnh tranh quốc gia chuyển sang cạnh tranh năng lực quản trị: Trong bối cảnh toàn cầu hóa mới, cạnh tranh giữa các quốc gia không còn chủ yếu dựa vào tài nguyên hay vốn, mà ngày càng phụ thuộc vào chất lượng thể chế, hiệu quả bộ máy nhà nước, năng lực hoạch định và thực thi chính sách. Những quốc gia thành công trong phát triển đều cho thấy một điểm chung: sở hữu đội ngũ cán bộ có trình độ kỹ trị cao, có khả năng phản ứng nhanh với biến động và tối ưu hóa nguồn lực quốc gia. Điều này phù hợp với logic về “tính duy lý” và tính chuyên nghiệp của bộ máy mà Max Weber đã chỉ ra: hiệu quả của nhà nước hiện đại phụ thuộc quyết định vào năng lực chuyên môn và tổ chức của đội ngũ công chức. Trong điều kiện Việt Nam đang hội nhập sâu vào kinh tế thế giới, việc thiếu một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu và năng lực quản trị sẽ làm suy giảm khả năng nắm bắt cơ hội từ chuỗi giá trị toàn cầu cũng như ứng phó với các cú sốc bên ngoài và bảo đảm tự chủ chiến lược.

(4) Rủi ro “hành chính hóa” thay vì “quản trị hóa”: bộ máy nhà nước rơi vào trạng thái hành chính hóa là khi bộ máy bộc lộ các hạn chế: nặng về thủ tục; gia tăng chi phí hành chính, giảm hiệu quả; thiếu sáng tạo, không thích ứng với các vấn đề mới; phản ứng chậm, không theo kịp tốc độ biến động của môi trường. Trong khi đó, yêu cầu của bối cảnh hiện nay là chuyển sang “quản trị hóa”, tức là: linh hoạt, thích ứng, dựa trên kết quả; có khả năng điều phối đa tác nhân. Nếu không có đội ngũ cán bộ đáp ứng các yêu cầu của hoạt động quản trị làm “hạt nhân” cho quá trình chuyển đổi này, cải cách thể chế sẽ khó đạt được hiệu quả thực chất.

Bốn yếu tố trên cho thấy, nhu cầu phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật, có năng lực quản trị ở Việt Nam không phải là một lựa chọn mang tính cải tiến, mà là đòi hỏi mang tính tất yếu của quá trình nâng cao năng lực quản trị quốc gia hiện nay. Trong điều kiện chính sách ngày càng phức tạp, cạnh tranh quốc tế gia tăng và áp lực hiệu quả quản trị ngày càng lớn, đội ngũ cán bộ này chính là yếu tố quyết định để thu hẹp khoảng cách giữa chủ trương và thực tiễn, nâng cao năng lực nhà nước và bảo đảm phát triển bền vững trong dài hạn.

Việc phát triển đội ngũ này phải đặt trong khuôn khổ nguyên tắc: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, bảo đảm sự thống nhất giữa tính khoa học, tính hiệu quả và tính nhân dân trong quản trị quốc gia.

Theo đó, việc phát triển đội ngũ này cần được định hướng:

Thứ nhất, xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị phải đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đội ngũ cán bộ này ở Việt Nam không thể phát triển như một lực lượng trung lập về chính trị hay đứng ngoài hệ thống chính trị, mà phải gắn bó chặt chẽ với đường lối, quan điểm của Đảng. Đây là nguyên tắc nền tảng bảo đảm cán bộ phục vụ lợi ích của nhân dân và mục tiêu xã hội chủ nghĩa, đồng thời, cần xác định không có hình mẫu giới tinh hoa kỹ trị phù hợp với tất cả các quốc gia, tránh xu hướng “kỹ trị thuần túy” hoặc “chuyên gia trị” xa rời chính trị và quần chúng và tính đến yếu tố đặc thù quốc gia trong xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị ở Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, phát triển đội ngũ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị cần kết hợp hài hòa giữa phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ với năng lực chuyên môn, tư duy khoa học và khả năng ứng dụng công nghệ hiện đại. Văn kiện Đại hội XIII yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ có “tư duy đổi mới, tầm nhìn chiến lược, năng lực làm việc trong môi trường số”, coi đây là điều kiện then chốt để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia.

Thứ ba, hình thành và phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị gắn với đổi mới thể chế và phương thức quản trị nhà nước. Đội ngũ cán bộ này chỉ có thể phát huy vai trò khi được đặt trong một

môi trường thể chế phù hợp, minh bạch và khuyến khích đổi mới sáng tạo. Do đó, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật về chuyển đổi số, dữ liệu, chính quyền số và đô thị thông minh; đổi mới quy trình ra quyết định theo hướng dựa trên dữ liệu, bằng chứng khoa học, đồng thời bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân. Đây là sự kết hợp biện chứng giữa quản trị khoa học và dân chủ xã hội chủ nghĩa, phù hợp với bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thứ tư, phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị phải gắn với yêu cầu phục vụ nhân dân và bảo đảm công bằng xã hội. Khác với mô hình kỹ trị trong xã hội tư bản chủ nghĩa, nơi hiệu quả kinh tế thường được đặt lên hàng đầu, đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị ở Việt Nam phải lấy con người và sự phát triển toàn diện của con người làm trung tâm. Điều này phù hợp với quan điểm xuyên suốt của Đảng: “phát triển vì con người, do con người và lấy con người làm mục tiêu của phát triển”.

Thứ năm, kết hợp hài hòa giữa đào tạo trong nước và thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị đòi hỏi chiến lược dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài trong các lĩnh vực khoa học – công nghệ, quản trị công, kinh tế số và đô thị thông minh. Đồng thời, cần có cơ chế thu hút trí thức Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia giỏi tham gia vào khu vực công, nhưng phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và lợi ích quốc gia – dân tộc.

Tóm lại, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị ở Việt Nam hiện nay là yêu cầu khách quan của quá trình đổi mới quản trị nhà nước, chuyển đổi số và phát triển bền vững đất nước. Đây không phải là sự sao chép mô hình kỹ trị phương Tây, mà là quá trình vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, nhằm nâng cao năng lực quản trị quốc gia, củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng và thực hiện mục tiêu phát triển vì nhân dân, vì chủ nghĩa xã hội.

4.4.2. Một số gợi mở cho Việt Nam từ kinh nghiệm của Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc

Thứ nhất, phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị gắn với ưu tiên chiến lược quốc gia

Kinh nghiệm của Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc cho thấy, giới tinh hoa kỹ trị chỉ phát huy vai trò khi được đặt trong mối liên kết chặt chẽ với các mục tiêu phát triển dài hạn của quốc gia. Ở các mô hình này, kỹ trị không tồn tại như một nhóm chuyên gia thuần túy, mà là bộ phận trực tiếp tham gia thiết kế và triển khai các chiến lược lớn về công nghiệp, khoa học – công nghệ, an ninh và quản trị xã hội.

Tại Nhật Bản, bộ máy quan liêu kỹ trị từng đóng vai trò trung tâm trong chiến lược công nghiệp hóa và hiện đại hóa sau chiến tranh, nhưng sự gắn kết này suy yếu khi bối cảnh phát triển thay đổi và cải cách thể chế diễn ra chậm. Singapore duy trì được sự kết nối tương đối bền vững giữa giới kỹ trị và chiến lược quốc gia thông qua cơ chế tuyển chọn, đào tạo và luân chuyển lãnh đạo. Trung Quốc, trong khi đó, lồng ghép kỹ trị vào các chiến lược quốc gia quy mô lớn, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao và hạ tầng.

Việt Nam đang đứng trước thời điểm lịch sử mới, kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”. Việt Nam đặt trọng tâm vào khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là những động lực quan trọng cho các mục tiêu phát triển năm 2030 và 2045 của Việt Nam. Nhận thức được cơ hội để Việt Nam thoát khỏi “bẫy thu nhập trung bình” chỉ còn tồn tại trong vòng 10 đến 15 năm nữa, Đảng và Nhà nước ta luôn nhấn mạnh vai trò của tiến bộ khoa học và công nghệ trong việc đạt được tăng trưởng bền vững và cải thiện mức sống của người dân. Sự chú trọng vào các công nghệ tiên tiến, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), phản ánh mong muốn của Việt Nam trong việc tận dụng đổi mới sáng tạo như một phương tiện để thúc đẩy phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Theo đó, đối với Việt Nam, gợi mở đặt ra là cần xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị không chỉ mạnh về chuyên môn, mà còn được định vị rõ trong việc thực hiện các ưu tiên chiến lược như chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Ở Trung Quốc, số lượng và chuyên môn của tinh hoa kỹ trị trong cơ quan lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc thay đổi theo mục tiêu chiến lược phát triển đất nước theo từng giai đoạn. Đối với Việt Nam, việc cụ thể hóa chiến lược phát triển là cần thiết để tránh những khoảng trống trong sắp xếp đội ngũ cán bộ, tạo tính liên tục trong quá trình hiện thực hóa các mục tiêu quốc gia.

Thứ hai, thiết kế mối quan hệ hỗ trợ giữa quyền lực chính trị và năng lực kỹ trị

Trong các mô hình được khảo sát, quyền lực chính trị và giới tinh hoa kỹ trị không tồn tại trong quan hệ đối lập, mà được tổ chức theo các hình thức hỗ trợ lẫn nhau, với mức độ khác nhau về phân công và kiểm soát.

Singapore cho thấy xu hướng hòa nhập cao giữa lãnh đạo chính trị và kỹ trị, khi nhiều nhà lãnh đạo xuất thân từ đội ngũ chuyên gia quản lý và hoạch định chính sách. Trung Quốc nhấn mạnh sự lãnh đạo chính trị tập trung, trong đó kỹ trị đóng vai trò tham mưu và thực thi trong khuôn khổ định hướng thống nhất. Nhật Bản lại thể hiện mô hình phân tách tương đối, với giới quan liêu kỹ trị có mức độ tự chủ nhất định trong hoạch định chính sách.

Từ những mô hình này, Việt Nam có thể rút ra gợi mở về việc tổ chức mối quan hệ giữa quyền lực chính trị và kỹ trị theo hướng bổ trợ, tránh hai khuynh hướng cực đoan: hoặc để kỹ trị lấn át vai trò định hướng chính trị, hoặc làm suy giảm tính chuyên môn của quá trình ra quyết định. Cân bằng này có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh chính sách ngày càng phức tạp và đòi hỏi tri thức chuyên sâu.

Bên cạnh đó, cần có sự cân bằng giữa tập trung quyền lực và tự chủ chuyên môn. Một đặc điểm chung của các thể chế châu Á được khảo sát là mức độ tập trung quyền lực tương đối cao, song cách thức phân bổ không gian tự chủ cho giới tinh hoa kỹ trị có sự khác biệt đáng kể.

Trung Quốc ưu tiên tập trung quyền lực chính trị để bảo đảm khả năng triển khai nhanh các quyết sách chiến lược, trong khi giới kỹ trị hoạt động trong khuôn khổ kiểm soát chặt chẽ. Singapore cho phép mức độ tự chủ cao hơn trong quản lý và hoạch định chính sách, nhưng vẫn duy trì kỷ luật chính trị nghiêm ngặt. Nhật Bản từng trao nhiều quyền cho bộ máy quan liêu, song điều này cũng dẫn đến nguy cơ bảo thủ và chậm thích ứng.

Đối với Việt Nam, gọi mở ở đây là cần xác lập ranh giới hợp lý giữa chỉ đạo tập trung và không gian sáng tạo chuyên môn. Việc thiếu tự chủ có thể làm giảm động lực đổi mới của cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị, trong khi tự chủ quá mức lại tiềm ẩn rủi ro lệch pha với mục tiêu chính trị chung.

Thứ ba, mở rộng hệ sinh thái tri thức

Trong bối cảnh kinh tế tri thức và toàn cầu hóa, giới tinh hoa kỹ trị không còn chỉ giới hạn trong khu vực công, mà mở rộng sang khu vực tư nhân, viện nghiên cứu, trường đại học và mạng lưới chuyên gia xuyên quốc gia.

Nhật Bản và Singapore đều chịu áp lực cạnh tranh nhân lực chất lượng cao từ khu vực tư và quốc tế. Trung Quốc chủ động xây dựng các mạng lưới chuyên gia ngoài nhà nước, đồng thời kiểm soát định hướng chính trị của tri thức. Những kinh nghiệm này cho thấy, khả năng tiếp cận và tích hợp tri thức ngoài khu vực công là yếu tố ngày càng quan trọng đối với hiệu quả quản trị.

Đối với Việt Nam, việc mở rộng hệ sinh thái tri thức có thể giúp bổ sung nguồn lực chuyên môn, giảm tình trạng khép kín trong bộ máy hành chính và tăng khả năng tiếp nhận tri thức mới. Tuy nhiên, điều này cũng đòi hỏi cơ chế phối hợp và kiểm soát phù hợp để bảo đảm sự thống nhất trong hoạch định chính sách.

Theo đó, đối với các think tank, cần tạo môi trường nghiên cứu, thảo luận chính sách, đồng thời có sự định hướng mục tiêu của các chính sách và nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước đối với think tank, với mục đích là không để các think tank bị lợi dụng để phục vụ các mục đích kinh tế - chính trị của các nhóm lợi ích trong nước hay các thế lực nước ngoài; coi sự tham gia của think tank là một khâu không thể thiếu trong quá trình hoạch định và đánh giá chính sách công

Thứ tư, phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị với chiến lược trọng dụng nhân tài, nhưng đồng thời phải có sự đảm bảo về sự gắn bó giữa đội ngũ cán bộ với quần chúng nhân dân

Singapore là quốc gia nổi bật với quản trị kỹ trị dựa trên chế độ nhân tài. Mô hình chính trị trọng dụng nhân tài được thực hành ở Singapore đảm bảo một chính phủ trong sạch và hiệu quả. Nhưng trường hợp của Singapore cũng cho thấy rằng giới tinh hoa kỹ trị của nước này không miễn nhiễm với sự cám dỗ của lòng tự tôn

thái quá và nhận thức sai lệch về thực tế. Điều này có thể trở thành điểm yếu của hệ thống trọng dụng nhân tài Singapore, là theo thời gian, giới tinh hoa trở nên khép kín và coi thường người dân mà họ lãnh đạo. Theo đó, sẽ khó có thể đảm bảo rằng chính phủ sẽ nhạy bén và đáp ứng được nhu cầu và mối quan tâm của người dân. Bên cạnh đó, chủ nghĩa trọng dụng nhân tài cực đoan và cạnh tranh khốc liệt có thể dẫn đến một xã hội kẻ thắng cuộc chiếm đoạt tất cả, nơi những người chiến thắng coi thường những người khác.

Ngoài ra, quan điểm rằng chính phủ "nên trả bất cứ giá nào cần thiết để tập hợp được đội ngũ tốt nhất cho Singapore" đã làm thay đổi bản chất cơ bản của mối quan hệ giữa chính phủ và người dân, làm suy yếu niềm tin vào các quan niệm truyền thống về danh dự và sự hy sinh, hạn chế uy tín đạo đức của chính phủ, hạn chế khả năng kêu gọi hoặc truyền cảm hứng cho người dân vượt lên trên lợi ích cá nhân hẹp hòi, vật chất của chính phủ.

Việt Nam là quốc gia có truyền thống trọng dụng nhân tài. Trong quá trình phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị, Việt Nam cần có sự kế thừa kinh nghiệm trong lịch sử, với tinh thần “hiền tài là nguyên khí quốc gia”, có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, tìm kiếm người tài, đặc biệt là những trí thức người Việt Nam ở nước ngoài, tạo cơ chế, môi trường để họ phát huy năng lực của bản thân đồng thời khơi dậy niềm tự hào dân tộc, mong muốn cống hiến cho sự phát triển của đất nước và vì lợi ích của nhân dân.

Thứ năm, gắn trách nhiệm của đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị với phát huy dân chủ và giải quyết các vấn đề an sinh xã hội

Khi đề cập đến kỹ trị, mối quan hệ giữa kỹ trị và dân chủ vẫn là một vấn đề được đặt ra đối với các nhà nước nhằm hướng đến sự hài hòa giữa mô hình dân chủ của một quốc gia với hình thức quản trị kỹ trị. Trên thực tế, khi có sự nhấn mạnh đến kỹ trị ở Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc thì đồng thời với đó là nguy cơ thâm hụt dân chủ ở các quốc gia này. Chủ nghĩa kỹ trị là kẻ thù của dân chủ chỉ khi nó mù quáng trước sự tồn tại của xung đột và bỏ qua tác động của các quyết định kỹ trị đến các nhóm khác nhau trong xã hội. Ẩn mình sau bức màn khách quan, cần thiết và trung lập, chính trị kỹ trị có thể góp phần tạo nên một cách tiếp cận phi tự

do trong quản trị, cũng giống như sự đáp ứng mù quáng trước những đa số dân chúng nhất thời. Chính trị kỹ trị cũng có thể gây bất ổn cho các hệ thống dân chủ khi các kết quả chính trị không đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng dưới sự giám sát của chủ nghĩa kỹ trị. Nếu điều này xảy ra và hệ thống chính trị không đủ linh hoạt để cho phép định hướng lại các kết quả chính trị, thì áp lực đặt lên hệ thống thông qua việc gia tăng nhu cầu và giảm sự ủng hộ sẽ gây bất ổn.

Bởi vậy khi phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị ở Việt Nam cần đảm bảo sự hài hòa giữa các quyết sách kỹ trị với những vấn đề an sinh xã hội và sự tham gia của người dân; cần cân bằng nhu cầu về chuyên môn, hiệu quả và trách nhiệm trong quản trị với những yêu cầu mà công dân đặt ra; cần có các kỹ năng và chuyên môn cần thiết để tạo ra những kết quả thúc đẩy phúc lợi xã hội.

Thứ sáu, củng cố tính chính danh của cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị thông qua hiệu quả và trách nhiệm giải trình

Ở cả ba trường hợp nghiên cứu, mức độ chấp nhận của xã hội đối với giới tinh hoa kỹ trị gắn chặt với kết quả quản trị và khả năng giải trình trước công chúng.

Singapore duy trì tính chính danh của giới kỹ trị chủ yếu dựa trên hiệu quả kinh tế – xã hội. Nhật Bản chứng kiến sự suy giảm vai trò kỹ trị khi hiệu quả chính sách giảm và niềm tin xã hội bị xói mòn. Trung Quốc củng cố tính chính danh thông qua kết quả phát triển, nhưng trong khuôn khổ kiểm soát chính trị chặt chẽ.

Đối với Việt Nam, gợi mở quan trọng là cần tăng cường cơ chế đánh giá, minh bạch hóa và trách nhiệm giải trình của đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị. Trong điều kiện xã hội ngày càng đa dạng và yêu cầu dân chủ gia tăng, hiệu quả quản trị cần đi kèm với khả năng giải thích chính sách và chịu trách nhiệm trước xã hội. Bên cạnh đó, cần nêu cao trách nhiệm người đứng đầu và “bổ trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp ủy các cấp. Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”, theo tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Kết luận chương 4

Qua việc phân tích diện mạo và dự báo xu hướng phát triển của giới tinh hoa kỹ trị tại Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc, luận án đã làm rõ những quy luật vận động chủ yếu của nhóm xã hội này trong cấu trúc quyền lực hiện đại. Nghiên cứu cho thấy tinh hoa kỹ trị không tồn tại như một mô hình cứng nhắc, mà liên tục điều chỉnh để thích ứng với bối cảnh kinh tế – xã hội, trình độ phát triển và yêu cầu quản trị của từng quốc gia. Dù khác biệt về hình thức biểu hiện, giới tinh hoa kỹ trị vẫn giữ vai trò trung tâm trong việc bảo đảm năng lực điều hành, ổn định thể chế và khả năng ứng phó của nhà nước trước các thách thức toàn cầu.

Kết quả nghiên cứu đồng thời khẳng định rằng hiệu quả của tinh hoa kỹ trị phụ thuộc chặt chẽ vào môi trường thể chế mà trong đó họ vận hành. Cơ chế tuyển chọn dựa trên năng lực, nền pháp trị minh bạch và hệ thống kiểm soát quyền lực hiệu quả là những điều kiện tiên quyết để hạn chế xu hướng “độc tài tri thức” và bảo đảm sự cân bằng giữa hiệu quả chuyên môn và tính chính danh chính trị. Đây chính là bài học cốt lõi rút ra từ các mô hình Đông Á.

Trên cơ sở so sánh và đối chiếu, luận án đưa ra những gợi mở có ý nghĩa cho Việt Nam trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật và năng lực quản trị: đổi mới tư duy về công tác cán bộ theo hướng trọng dụng chuyên gia, hoàn thiện khung pháp lý thu hút và sử dụng nhân tài, đồng thời hiện đại hóa hệ thống quản trị để những cán bộ kỹ trị tham gia thực chất vào quá trình hoạch định chính sách.

Tóm lại, tinh hoa kỹ trị không phải là một hiện tượng nhất thời, mà là một thành tố tất yếu của quản trị quốc gia hiện đại. Việc nhận diện đúng và phát huy hợp lý vai trò của lực lượng này là điều kiện quan trọng để nâng cao năng lực quản trị, hướng tới phát triển bền vững trong bối cảnh thế kỷ XXI, đồng thời mở ra những hướng nghiên cứu tiếp theo về tinh hoa và quyền lực trong xã hội đương đại.

KẾT LUẬN

Luận án tiếp cận vấn đề tinh hoa kỹ trị từ góc độ khoa học chính trị, đặt trong mối quan hệ biện chứng giữa biến đổi của lực lượng sản xuất, phương thức quản trị nhà nước và sự vận động của quyền lực chính trị trong bối cảnh hiện đại. Luận án đã làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn cốt lõi liên quan đến sự hình thành, phát triển, vai trò cũng như những thách thức của giới tinh hoa kỹ trị trong hệ thống chính trị đương đại, từ đó rút ra những gợi mở có ý nghĩa đối với Việt Nam trong tiến trình đổi mới quản trị quốc gia.

Thứ nhất, luận án đã góp phần làm rõ khung lý luận về tinh hoa kỹ trị trong khoa học chính trị hiện đại. Thông qua việc hệ thống hóa và phân tích các tiếp cận lý thuyết về tinh hoa, kỹ trị và quyền lực chính trị, luận án khẳng định rằng tinh hoa kỹ trị không chỉ là một nhóm chuyên gia có tri thức kỹ thuật, mà là một bộ phận đặc thù của cấu trúc quyền lực, gắn liền với sự phát triển của nhà nước hiện đại và quá trình chuyên môn hóa quản trị. Trên lập trường duy vật lịch sử, sự xuất hiện và mở rộng vai trò của tinh hoa kỹ trị là kết quả tất yếu của sự phát triển khoa học – công nghệ, của nền kinh tế tri thức và của sự phức tạp ngày càng gia tăng trong quản lý xã hội. Tuy nhiên, tinh hoa kỹ trị không tồn tại như một lực lượng trung lập, mà luôn chịu sự quy định bởi quan hệ giai cấp, thể chế chính trị và định hướng phát triển của mỗi quốc gia.

Thứ hai, luận án đã phân tích sâu sắc quá trình hình thành và phát triển của giới tinh hoa kỹ trị trong các mô hình chính trị tiêu biểu, qua đó làm rõ tính đa dạng và đặc thù của hiện tượng kỹ trị. Thông qua nghiên cứu các trường hợp Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc, luận án chỉ ra rằng tinh hoa kỹ trị không phải là sản phẩm đồng nhất, mà được định hình bởi bối cảnh lịch sử, văn hóa chính trị, mô hình phát triển và cấu trúc quyền lực của từng quốc gia. Ở Nhật Bản, tinh hoa kỹ trị phát triển gắn với nhà nước phát triển và chuyển hóa từ “kỹ trị tăng trưởng” sang “kỹ trị chiến lược”. Ở Singapore, kỹ trị trở thành trụ cột của mô hình quản trị dựa trên năng lực và hiệu quả, nhưng luôn đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của quyền lực chính trị. Ở Trung Quốc, kỹ trị gắn với chiến lược hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, trải qua các

giai đoạn thăng trầm và chuyển đổi trong mối quan hệ phức tạp với yếu tố ý thức hệ và tập trung quyền lực. Những phân tích này cho thấy tinh hoa kỹ trị vừa có khả năng thúc đẩy phát triển, vừa tiềm ẩn những mặt trái nếu thiếu cơ chế kiểm soát quyền lực và gắn kết với xã hội.

Thứ ba, luận án đã chỉ ra những thách thức mang tính cấu trúc đối với giới tinh hoa kỹ trị trong bối cảnh đương đại. Các mâu thuẫn giữa kỹ trị và dân chủ, giữa chuyên môn và tính chính danh, giữa hiệu quả quản trị và sự tham gia của quần chúng được phân tích như những căng thẳng nội tại của quản trị hiện đại. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh quyền lực giữa giới tinh hoa kỹ trị với giới chính trị gia truyền thống, cũng như sự chi phối ngày càng mạnh của các tập đoàn công nghệ và xu hướng “quản trị bằng thuật toán”, đã làm biến đổi sâu sắc cấu trúc quyền lực và đặt ra những vấn đề mới về trách nhiệm giải trình, công bằng xã hội và chủ quyền quốc gia. Những thách thức này cho thấy kỹ trị không thể được xem là giải pháp toàn năng, mà cần được đặt trong khuôn khổ thể chế và giá trị chính trị phù hợp.

Thứ tư, trên cơ sở phân tích thực tiễn Việt Nam, luận án khẳng định nhu cầu khách quan phải hình thành và phát triển đội ngũ cán bộ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật, có năng lực quản trị trong tiến trình đổi mới quản trị nhà nước và chuyển đổi số quốc gia. Quá trình đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và quản trị đô thị thông minh ở Việt Nam đã và đang đặt ra yêu cầu cao đối với năng lực chuyên môn, tư duy quản trị hiện đại và khả năng ứng dụng khoa học – công nghệ của đội ngũ cán bộ, công chức. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật, có năng lực quản trị ở Việt Nam không thể phát triển theo mô hình kỹ trị thuần túy hay “chuyên gia trị” phi chính trị, mà phải được định hình như một bộ phận hữu cơ của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và sự giám sát của nhân dân.

Thứ năm, luận án đã đề xuất định hướng xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng. Đội ngũ cán bộ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật, có năng lực quản trị ở Việt Nam phải là lực lượng

“vừa hồng, vừa chuyên”, kết hợp chặt chẽ giữa bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ và năng lực chuyên môn; giữa tư duy khoa học, quản trị hiện đại với mục tiêu phục vụ nhân dân và phát triển bền vững. Việc phát triển lực lượng này cần gắn với đổi mới thể chế, kiểm soát quyền lực, tăng cường trách nhiệm giải trình và bảo đảm dân chủ xã hội chủ nghĩa, tránh nguy cơ hình thành một tầng lớp kỹ trị xa rời quần chúng hoặc chi phối quá mức quá trình ra quyết định chính trị.

Tổng thể, luận án cho thấy tinh hoa kỹ trị là một hiện tượng tất yếu trong quản trị nhà nước hiện đại, nhưng không phải là một mô hình trung tính hay phổ quát. Giá trị và vai trò của tinh hoa kỹ trị phụ thuộc vào cách thức tổ chức quyền lực, định hướng phát triển và hệ giá trị chính trị của mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam, xây dựng đội ngũ cán bộ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật, có năng lực quản trị không phải là sự sao chép mô hình nước ngoài, mà là quá trình lựa chọn có phê phán, vận dụng sáng tạo và đặt trong khuôn khổ mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đây vừa là yêu cầu lý luận, vừa là nhiệm vụ thực tiễn cấp thiết nhằm nâng cao năng lực quản trị quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và bao trùm trong bối cảnh thế giới biến động nhanh chóng và khó lường.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đặng Thùy Vân (2025), Chế độ kỹ trị ở Trung Quốc, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, Chuyên đề số 1-2025
2. Đặng Thùy Vân (2025), Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức khoa học công nghệ trong thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, *Tạp chí Quản lý Nhà nước online*, ngày 27/5/2025
3. Đặng Thùy Vân (2025), The Formation and Characteristics of the Technocratic Regime in Singapore, *International Journal of Management and Commerce Innovations ISSN 2348-7585 (Online) Vol. 13, Issue 1, pp: (1-5)*
4. Đặng Thùy Vân, Bùi Việt Hương (2025), Giới tinh hoa kỹ trị trong quản trị toàn cầu hiện nay, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số 571 (tháng 9/2025)
5. Đặng Thùy Vân, Bùi Việt Hương (2026), “Sự phát triển của giới kỹ trị trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và bài học từ Singapore”, *Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận chính trị - Những vấn đề lý luận*, Số tháng 1/2026.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TIẾNG VIỆT

1. Ban Nội chính trung ương, "Minh bạch tài chính giúp Singapore đứng đầu bảng xếp hạng cạnh tranh toàn cầu, tại trang <https://noichinh.vn/tin-quoc-te/202406/minh-bach-tai-chinh-giup-singapore-dung-dau-bang-xep-hang-canhh-tranh-toan-cau-313946/>, truy cập ngày 25/8/2024".
2. Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Thông tin thống kê (2025), *Bản tin chiến lược phát triển, chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII): Việt Nam giữ vững vị trí 44/139*, tại trang <https://www.vista.gov.vn/vi/news/khoa-hoc-ky-thuat-va-cong-nghe/chi-so-doi-moi-sang-tao-toan-cau-gii-2025-viet-nam-giu-vung-vi-tri-44-139-11925.html>, truy cập ngày 9/8/2026
3. Lý Quang Diệu (2002), *Hồi ký*, Nxb.CTQG, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Hà Đăng (12/2024), *Tinh hoa cách mạng Việt Nam* Nxb.CTQG, Hà Nội.
6. Bùi Việt Hương (tháng 12-2022), "Kỹ trị và vận dụng kỹ trị trong mở rộng dân chủ ở Việt Nam", *Tạp chí Lý luận chính trị*. 538.
7. Nhị Lê (2021), "Đổi mới quan hệ giữa chính trị và kỹ trị, tại trang <https://daibieunhandan.vn/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-dang/Bai-3-doi-moi-moi-quan-he-giua-chinh-tri-va-ky-tri-i262070/>, [truy cập ngày 03/9/2025].".
8. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 45, Nxb. CTQG, Hà Nội.
9. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 1, Nxb.CTQG, Hà Nội.
10. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 40, Nxb. CTQG, Hà Nội.
11. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 42, Nxb. CTQG, Hà Nội.
12. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 36, Nxb.CTQG, Hà Nội.
13. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, Nxb.CTQG, Hà Nội.
14. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 8, Nxb. CTQG, Hà Nội.
15. C. Mac, và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 17, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

16. C. Mac, và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. C. Mac, và Ph.Ăngghen (2006), *Tuyển tập*, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Tạp chí điện tử Petro Times, "<https://nangluongquocite.petrotimes.vn/nang-luong-sach-se-thong-tri-tai-nhat-ban-vao-nam-2040-722160.html>, truy cập ngày 3/9/2025".
19. Tập đoàn Điện lực Việt Nam, "Singapore lần đầu công bố kế hoạch cắt giảm khí thải đến năm 2030, tại trang <https://www.evn.com.vn/d/vi-VN/news/Singapore-lan-dau-cong-bo-ke-hoach-cat-giam-khi-thai-den-nam-2030-60-2020-501179>, truy cập ngày 3/2/2025".
20. Trần Văn Thọ (2022), *Kinh tế Nhật Bản giai đoạn phát triển thần kỳ 1955 – 1973*, NXB Đà Nẵng.
21. Thông tấn xã Việt Nam, " https://www.vietnamplus.vn/singapore-tiep-tuc-dan-dau-the-gioi-ve-chinh-phu-hieu-qua-post948659.vnp#google_vignette, truy cập ngày 17/5/2024".
22. Thông tấn xã Việt Nam, "Singapore giành lại vị trí nền kinh tế cạnh tranh nhất thế giới, tại trang: <https://www.vietnamplus.vn/singapore-gianh-lai-vi-tri-nen-kinh-te-canhh-tranh-nhat-the-gioi-post1118290.vnp>, truy cập ngày 9/8/2026".
23. Đoàn Trường Thụ (2022), *Think Tanks trong đời sống chính trị Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và những gợi ý đối với Việt Nam*, Nxb. CTQGST.
24. Nguyễn Văn Vĩnh (2020), *"Đổi mới chính trị đồng bộ, phù hợp với đổi mới kinh tế ở nước ta hiện nay: Thực trạng, quan điểm và định hướng chính sách"*, Đề tài mã số KX.04.02/16-20,, Viện Chính trị học, Học viện CTQGHCM, Hà Nội.
25. Thời báo VTV, "Trung Quốc thay đổi mạnh chiến lược phát triển kinh tế 5 năm, tại trang <https://vtv.vn/the-gioi/trung-quoc-thay-doi-manhh-chien-luoc-phat-trien-kinh-te-5-nam-2021030714122288.htm>, truy cập ngày 9/8/2026".

26. Nguyễn Xuân Xanh (2021), "Cuộc hóa rồng và giới tinh hoa kỹ trị", <http://vns.edu.vn/index.php/vi/nghien-cuu/lich-su-xa-hoi-viet-nam/2123-cua-c-ha-a-ra-ng-va-gia-i-tinh-hoa-ka-tra>, truy cập ngày 03/9/2025.
27. Aberbach, Joel D, et al. (1990), "Comparing Japanese and American administrative elites", *British Journal of Political Science*. 20(4), pp. 461-488.
28. Akin, William E (1977), *Technocracy and the American dream: the technocrat movement, 1900-1941*, Univ of California Press.
29. Andjelković, Branka (2003), *Thinking the Unthinkable: From Thought to Policy: The Role of Think Tanks in Shaping Government Strategy: Experiences from Central and Eastern Europe*, United Nations Development Programme.
30. Armytage, Walter Harry Green (2013), *The rise of the technocrats: A social history*, Routledge.
31. Barr, Michael D (2006), "Beyond technocracy: the culture of elite governance in Lee Hsien Loong's Singapore", *Asian Studies Review*. 30(1), pp. 1-18.
32. Bertsou, Eri and Caramani, Daniele (2020), *The technocratic challenge to democracy*, Routledge London.
33. Bo, Zhiyue (2007), *China's elite politics: political transition and power balancing*, Vol. 8, World Scientific.
34. Borgognone, Giovanni (2020), "Technocracy in America: state, governance and expertise in american political thought".
35. Brint, Steven (1990), Rethinking the policy influence of experts: From general characterizations to analysis of variation, *Sociological Forum*, Springer, pp. 361-385.
36. Copleston, Frederick (2003), *History of philosophy volume 1: Greece and Rome*, Vol. 1, A&C Black.
37. Cotta, Pedro Tavares de Almeida, et al. (2018), *Technocratic ministers and political leadership in European democracies*, Springer.

38. Chee, Chan Heng (1976), "The role of parliamentary politicians in Singapore", *Legislative studies quarterly*.
39. Chen, Gang (2023), *Political Implications of China's Technocracy in the Reform Era*, Springer.
40. Cheng, Li and White, Lynn (1998), "The Fifteenth Central Committee of the Chinese Communist Party: full-fledged technocratic leadership with partial control by Jiang Zemin", *Asian Survey*. 38(3), pp. 231-264.
41. "China Daily. 2008. Science and Technology are Primary Productive Forces in 1988, 30 October 2008 tại trang http://www.chinadaily.com.cn/bizchina/2008-10/30/content_7169055.htm. 21 May 2019."
42. Dargent, Eduardo (2015), *Technocracy and democracy in Latin America*, Cambridge University Press.
43. Dogan, Mattei and Higley, John (1998), *Elites, crises, and the origins of regimes*, Bloomsbury Publishing PLC.
44. Esmark, Anders (2020), *The new technocracy*, Policy Press.
45. Friedman, Jeffrey (2019), *Power without knowledge: a critique of technocracy*, Oxford University Press.
46. Habermas, Jürgen (2015), *The lure of technocracy*, John Wiley & Sons.
47. Izumo, Akiko (2024), "Politics and Administration in Japan", *Public Administration in Japan*. 2024.
48. Johansson, Håkan and Meeuwisse, Anna (2024), *Civil society elites: Exploring the composition, reproduction, integration, and contestation of civil society actors at the top*, Springer Nature.
49. Johnson, Chalmers (1975), "Japan: who governs? An essay on official bureaucracy", *Journal of Japanese Studies*. 2(1), pp. 1-28.
50. Journal, The Wall Street ((2022)), "China's Xi Stacks Government with Science and Tech Experts Amid Rivalry with U.S", *tại trang* <https://www.wsj.com/articles/chinas-xi-stacksgovernment-with-science-and->

tech-experts-amid-rivalry-with-u-s-11668772682. [Truy cập ngày 27/1/2023].

51. Keller, Suzanne (2017), *Beyond the ruling class: strategic elites in modern society*, Routledge.
52. Kellner, Hansfried and Heuberger, Frank W (1992), *Hidden technocrats: the new class and new capitalism*, Transaction Publishers.
53. Koh, Byung Chul (1989), *Japan's administrative elite*, Univ of California Press.
54. Khanna, Parag (2017), *Technocracy in America: rise of the info-state*, CreateSpace.
55. Li, Cheng (2017), "The Power of Ideas and Ideas of Power: Chinese Think-Tanks in Search of Prominence", *The Power of Ideas: The Rising Influence of Thinkers and Think Tanks in China*.
56. Loong, Lee Hsien, Gungwu, Wang, and Andaya, Leonard Y (2018), *ISEAS at 50: Understanding Southeast Asia past and present*, ISEAS-Yusof Ishak Institute.
57. López, Matias (2013), "Elite theory", *Sociopedia. isa*. 1.
58. Mangset, Marte, et al. (2019), "Elites and people: Challenges to democracy", *Comparative Social Research*. 34.
59. Mauzy, Diane K and Milne, Robert Stephen (2002), *Singapore politics under the People's Action Party*, Routledge.
60. McGann, James G (2018), "Think Tanks, Foreign Policy, and Emerging Powers", *Think Tanks, Foreign Policy and the Emerging Powers*, Springer, pp. 17-59.
61. McGann, James G (2019), *Think tanks: The new knowledge and policy brokers in Asia*, Brookings Institution Press.
62. McGann, James G (2021), *The future of think tanks and policy advice around the world*, Springer.
63. Michels, Robert (1966), *Political Parties* The Free Press, New York.

64. Milne, R Stephen (1982), "Technocrats and Politics in the ASEAN Countries", *Pacific Affairs*. 55(3), pp. 403-429.
65. Milner Jr, Murray (2015), *Elites: A general model*, John Wiley & Sons.
66. Mimura, Janis Anne (2002), *Technocratic visions of empire: The reform bureaucrats in wartime Japan*, University of California, Berkeley.
67. Mizuno, Hiromi (2020), *Science for the empire: Scientific nationalism in modern Japan*, Stanford University Press.
68. Mosca, G. (1939), *The Ruling Class*, McGraw-Hill book Company, Incorporated.
69. Muramatsu, Michio and Naschold, Frieder (1997), *State and administration in Japan and Germany: a comparative perspective on continuity and change*, Vol. 75, Walter de Gruyter.
70. Pareto, Vilfredo (1935), *The mind and society*, Vol. 1, Harcourt, Brace and company Publisher.
71. Quah, Jon ST (1984), "The public policy-making process in Singapore", *Asian Journal of Public Administration*. 6(2), pp. 108-126.
72. Sasaki, Masamichi (2007), *Elites: New comparative perspectives*, Vol. 107, Brill.
73. Shaw, Victor N (2020), *From autocracy to democracy to technocracy: an evolution of human polity*, Cambridge Scholars Publishing.
74. Shih, Lea (2021), The Technocrats are Back: Aerospace Experts in China's New Leadership, *Merics*, 3 November 2017, Editor^Editors.
75. Shimizu, Yuichiro (2019), "The origins of the modern Japanese bureaucracy".
76. Smith, James A (1993), *The Idea brokers: Think tanks and the rise of the new policy elite*, Simon and Schuster.
77. Smyth, William Henry (1921), *Technocracy: First, Second and Third Series; Social Universals, tai trang*
<https://archive.org/details/technocracyfirst00smyt/page/8/mode/2up>, WH Smyth.

78. Stone, Diane, Denham, Andrew, and Garnett, Mark (1998), *Think tanks across nations: A comparative approach*, Manchester University Press.
79. Urbinati, Nadia (2014), *Democracy disfigured*, Harvard University Press.
80. Van Gunten, Tod S (2015), "Cohesion, consensus, and conflict: Technocratic elites and financial crisis in Mexico and Argentina", *International journal of comparative sociology*. 56(5), pp. 366-390.
81. Vicuña, Manuel (2010), "In the Name of Reason: Technocrats and Politics in Chile", *Historia (Santiago)*. 43(1), pp. 298-300.
82. Wolin, Sheldon S (2016), "Politics and Vision: Continuity and Innovation in Western Political Thought-Expanded Edition".
83. Wood, Patrick M (2016), *Technocracy rising: the Trojan horse of global transformation*, Coherent Publishing.
84. Zang, Xiaowei (1993), "The Fourteenth Central Committee of the CCP: technocracy or political technocracy?", *Asian Survey*. 33(8).
85. Zhu, Xufeng (2012), *The rise of think tanks in China*, Routledge.
86. Transparency International, "Corruption Perceptions Index, tại trang: <https://www.transparency.org/en/countries/singapore>, truy cập ngày 9/8/2026".
87. UNDP *Human development report 2025 overview*.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Nền tảng giáo dục và vai trò của một số thành viên trong nội các Singapore

Nhân vật	Chức vụ tiêu biểu	Nền tảng kỹ trị
Lý Quang Diệu (Lee Kuan Yew)	Thủ tướng Singapore (1959–1990)	Luật, chính trị; sáng lập mô hình lãnh đạo kỹ trị dựa trên tuyển chọn tinh hoa
Goh Keng Swee	Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Quốc phòng, Tài chính	Kinh tế học; kiến trúc sư của chính sách công nghiệp hóa và quốc phòng
Tony Tan Keng Yam	Phó Thủ tướng, Tổng thống Singapore	Khoa học, toán học, ngân hàng; quản lý kinh tế và giáo dục
Goh Chok Tong	Thủ tướng (1990–2004)	Kinh tế học; từng là lãnh đạo Temasek Holdings
Tharman Shanmugaratnam	Tổng thống (2023–), Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Tài chính	Kinh tế học tại LSE, Harvard; quản trị kinh tế vĩ mô
Lee Hsien Loong	Thủ tướng (2004–)	Toán học, khoa học máy tính, kinh tế; lãnh đạo thế hệ kỹ trị 3G & 4G
Ng Eng Hen	Bộ trưởng Quốc phòng	Y khoa, nghiên cứu khoa học; áp dụng tư duy khoa học trong quốc phòng
Chan Chun Sing	Bộ trưởng Giáo dục, cựu Bộ trưởng Công thương	Quân sự, chiến lược; tốt nghiệp Học viện Quân sự Hoa Kỳ (West Point)
Lawrence Wong	Thủ tướng (2024–), Bộ trưởng Tài chính	Kinh tế, chính sách công tại Wisconsin, Harvard; trưởng nhóm lãnh đạo 4G
Gan Kim Yong	Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng	ngành Kỹ thuật tại Đại học Cambridge

	Bộ Thương mại và Công nghiệp (2025-)	
Josephine TEO	Bộ trưởng Bộ Phát triển Kỹ thuật số và Thông tin (2025-)	Thạc sĩ Khoa học Kinh tế tại Trường Kinh tế London, lãnh đạo các nỗ lực của Chính phủ Singapore trong phát triển kỹ thuật số, truyền thông và tương tác công chúng, chiến lược Quốc gia thông minh và an ninh mạng.
CHEE Hong Tat	Bộ trưởng Bộ Phát triển Quốc gia (2025-)	Cử nhân Khoa học (Danh dự Cao nhất) chuyên ngành Kỹ thuật Điện và Khoa học Máy tính, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Adelaide
Jeffrey SIOW	Quyền Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (2025-)	Học viện Công nghệ Massachusetts, Cử nhân Kinh tế & Chính phủ và bằng Cử nhân Khoa học về Nghiên cứu Đô thị & Khu vực của Đại học Cornell

Phụ lục 2: Một số think tank tiêu biểu của Singapore

STT	Tên tổ chức	Vai trò
1	Singapore Institute of International Affairs (SIIA) (Singapore) (Viện Quan hệ quốc tế Singapore)	Tổ chức tư vấn độc lập, phi lợi nhuận, tập trung vào việc thúc đẩy đối thoại và phân tích chính sách.
2	Institute of Southeast Asian Studies (ISEAS) (Viện Nghiên cứu Đông Nam Á)	Trung tâm nghiên cứu hàng đầu chuyên nghiên cứu các xu hướng và diễn biến về chính trị xã hội, an ninh và kinh tế ở Đông Nam Á và môi trường kinh tế và địa chiến lược rộng lớn của khu vực
3	Centre on Asia and Globalization (CAG) (Trung tâm Châu Á và Toàn cầu hóa)	Trung tâm chuyên thực hiện nghiên cứu chuyên sâu về các diễn biến ở Châu Á - Thái Bình Dương và các khu vực khác. Sứ mệnh của CAG là tiến hành các nghiên cứu nghiêm túc và có tác động mạnh mẽ về Châu Á và thế giới nhằm thúc đẩy hòa bình và thịnh vượng toàn cầu.
4	Asia Competitiveness Institute (ACI) (Viện Năng lực Cạnh tranh Châu Á)	Được thành lập vào tháng 8 năm 2006 với tư cách là một trung tâm nghiên cứu tại Trường Chính sách Công Lý Quang Diệu (LKYSPP), Đại học Quốc gia Singapore (NUS). Viện nhằm mục đích xây dựng mạng lưới lãnh đạo trí tuệ và hiểu biết để phát triển năng lực cạnh tranh và tăng trưởng bền vững ở Châu Á.

5	Institute of Defence and Strategic Studies (IDSS) (Viện Nghiên cứu Quốc phòng và Chiến lược)	Được thành lập như một viện nghiên cứu độc lập trực thuộc Đại học Công nghệ Nanyang (NTU) vào năm 1996 nhằm mục đích nghiên cứu các diễn biến địa chính trị ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc hơn cũng như mối quan tâm đến các vấn đề chiến lược và quốc phòng tại Singapore và khu vực.
6	East Asian Institute (EAI) (Viện Đông Á)	Thúc đẩy nghiên cứu theo hướng học thuật và chính sách về sự phát triển của Đông Á, đặc biệt là sự phát triển chính trị, kinh tế và xã hội của Trung Quốc đương đại (bao gồm Hồng Kông và Đài Loan), cũng như mối quan hệ kinh tế ngày càng tăng của Trung Quốc với khu vực và thế giới nói chung, bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc và ASEAN.
6	Institute of Policy Studies (IPS): (Viện Nghiên cứu Chính sách)	Được thành lập năm 1988 với tư cách là một viện nghiên cứu độc lập, chuyên nghiên cứu và đề xuất các ý tưởng chính sách công tại Singapore. IPS trở thành một trung tâm nghiên cứu độc lập của Trường Chính sách Công Lý Quang Diệu thuộc Đại học Quốc gia Singapore vào năm 2008, với vai trò phân tích chính sách công, xây dựng cầu nối giữa các nhà lãnh đạo và đông đảo công chúng.

Phụ lục 3: Một số think tank tiêu biểu của Nhật Bản

STT	Tên tổ chức	Vai trò
1	Japan Institute of International Affairs (JIIA): (Viện Quan hệ Quốc tế Nhật Bản)	Được thành lập năm 1959, là một viện nghiên cứu chính sách tư nhân, phi đảng phái, tập trung vào các vấn đề đối ngoại và an ninh. Bên cạnh các dự án nghiên cứu đa dạng, viện còn thúc đẩy đối thoại và hợp tác nghiên cứu với các tổ chức và chuyên gia khác trong và ngoài nước, nghiên cứu chính sách đối ngoại của Nhật Bản và đưa ra các đề xuất cho chính phủ, đồng thời phổ biến thông tin về quan hệ quốc tế đến công chúng.
2	National Institute for Defense Studies (NIDS): (Viện Nghiên cứu Quốc phòng Quốc gia)	Chuyên nghiên cứu chiến lược liên quan đến chính sách. Viện hoạt động như một cơ sở giáo dục cấp đại học chiến tranh dành cho sĩ quan cao cấp của Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản (SDF), các quan chức dân sự của Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản (JDA) và các nhánh khác của chính phủ. Ngoài ra, NIDS còn là trung tâm nghiên cứu lịch sử quân sự duy nhất của quốc gia.
3	Research Institute of Economy, Trade and Industry (RIETI) (Viện Nghiên cứu Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp)	Là một viện nghiên cứu chính sách được thành lập năm 2001. Sứ mệnh của viện là tiến hành nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm, tối đa hóa sự hợp tác với các bên tham gia hoạch định chính sách, và đưa ra các đề xuất chính sách dựa trên

		bằng chứng thu được từ các hoạt động nghiên cứu này. Viện được đánh giá cao cả ở Nhật Bản và nước ngoài về hoạt động của mình.
4	National Institute for Research Advancement (NIRA) (Viện Nghiên cứu Phát triển Quốc gia)	Là một tổ chức nghiên cứu chuyên sâu của Nhật Bản, tập trung vào nghiên cứu và phân tích chính sách. NIRA cung cấp những hiểu biết sâu sắc và khuyến nghị về các vấn đề xã hội, kinh tế và chính trị, nhằm tác động đến việc hoạch định chính sách thông qua các nghiên cứu chuyên sâu

Phụ lục 4: Danh sách một số nhà kỹ trị tiêu biểu của Trung Quốc

STT	Tên	Chức vụ / Vai trò	Mô tả và Vai trò nổi bật
1	Tập Cận Bình	Tổng Bí thư Đảng, Chủ tịch nước	Xuất thân kỹ sư hóa học; lãnh đạo theo tư duy kỹ trị, thúc đẩy phát triển công nghệ quốc gia.
2	Hồ Cẩm Đào	Cựu Chủ tịch nước	Kỹ sư thủy lợi; thúc đẩy hạ tầng, đô thị hóa, công nghiệp hóa.
3	Ôn Gia Bảo	Cựu Thủ tướng	Kỹ sư địa chất; lãnh đạo cải cách kinh tế, đổi mới sáng tạo.
4	Vương Chí Cường	Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ	Tiến sĩ kỹ thuật hàng không; quản lý R&D quốc gia, định hướng công nghệ cao như AI, năng lượng tái tạo.
5	Chung Nam Sơn	Chuyên gia dịch tễ học	Lãnh đạo ứng phó dịch COVID-19; tư vấn chính sách y tế dựa trên khoa học.
6	Lý Khắc Cường	Cựu Thủ tướng	Tiến sĩ kinh tế; thúc đẩy cải cách kinh tế, ổn định vĩ mô dựa trên phân tích kỹ thuật.

Phụ lục 5: Một số think tank tiêu biểu của Trung Quốc

STT	Tên tổ chức	Vai trò
1	Development Research Center of the State Council (DRC) (Trung tâm nghiên cứu phát triển của Quốc vụ viện)	Nghiên cứu chính sách kinh tế – xã hội, công nghệ, đóng góp các bản dự thảo chính sách
2	Chinese Academy of Social Sciences (CASS) (Viện nghiên cứu khoa học xã hội)	Cung cấp phân tích kỹ thuật chính sách xã hội, kinh tế cho Đảng và Nhà nước
3	China Institutes of Contemporary International Relations (CICIR) (Viện Quan hệ quốc tế đương đại Trung Quốc)	Nghiên cứu chiến lược, an ninh quốc phòng, công nghệ quân sự.
4	China Center for International Economic Exchanges (CCIEE) (Trung tâm giao lưu kinh tế quốc tế Trung Quốc)	Tư vấn phát triển công nghiệp 4.0, cải cách kinh tế.
5	National Development and Reform Commission (NDRC) (Ủy ban cải cách và phát triển quốc gia)	Xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp, năng lượng, hạ tầng số.